CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN



Tập 1 ĐÁNH VÀ ĐÀM



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

Mã số: $\frac{9(V)2}{CTQG-2012}$

CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC
TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

ĐÁNH VÀ ĐÀM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012

Chỉ đạo công bố:

TS. VŨ THỊ MINH HƯƠNG

Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

Chỉ đạo biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI

Giám đốc Trung tâm Lưu trữ quốc gia II

Ban biên soạn:

TS. NGUYỄN XUÂN HOÀI (Chủ biên)

TS. PHẠM THỊ HUỆ

CN. HÀ KIM PHƯƠNG

Cố vấn khoa học:

PGS. TS. HÀ MINH HỒNG

ĐẠI TÁ PGS. TS. HỒ SƠN ĐÀI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Với mưu đồ bá chủ toàn cầu, ngay sau khi thế chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ năm 1954, nhanh chóng xây dựng một chính quyền bù nhìn tay sai và thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Đổ ồ ạt nhân lực, vật lực và thực hiện những chiến lược tân kỳ nhưng nước Mỹ ngày càng sa lầy vào cuộc chiến. Liên tiếp hứng chịu thất bại nặng nề trên chiến trường, chính quyền Johnson buộc phải ngồi vào bàn đàm phán tại Paris.

Việc buộc Mỹ - ngụy ký kết Hiệp định Paris năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là kết quả của tiến trình đấu tranh gay go và phức tạp trên cả hai lĩnh vực ngoại giao và quân sự. Trên bàn đàm phán, phía Mỹ liên tục sử dụng thủ đoạn trì hoãn; trên chiến trường, chúng ra sức giành dân cướp đất, đẩy mạnh "Việt Nam hóa chiến tranh" và ném bom đánh phá miền Bắc. Kết hợp đánh và đàm, chúng ta luôn kiên định lập trường buộc Mỹ và chư hầu phải rút quân khỏi Việt Nam và tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam đối với các vấn đề nội bộ của mình. Với thắng lợi của trận "Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972, quân và dân ta đã ra một đòn quyết định, buộc Mỹ phải đàm phán một cách thực chất và ký kết Hiệp định.

Hiệp định Paris được ký kết nhưng trên thực tế Mỹ - ngụy luôn tìm cách trốn tránh và phá bỏ điều khoản đã cam kết. Nước Mỹ vẫn tiếp tục tài trợ cho quân đội ngụy, tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam và dung dưỡng chính

quyền Nguyễn Văn Thiệu chà đạp Hiệp định. Vì vậy, nhân dân Việt Nam phải tiếp tục cuộc kháng chiến chống xâm lược, đập tan những trở lực trong quá trình thi hành Hiệp định và hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước với chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975.

Nhân kỷ niệm 40 năm ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973 – 27-1-2013), Trung tâm Lưu trữ quốc gia II – Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn***, gồm hai tập, Tập 1: Đánh và đàm; Tập 2: Ký kết và thực thi. Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở nghiên cứu, tuyển chọn và hệ thống hóa các tài liệu lưu trữ của ngụy quyền Sài Gòn về quá trình đàm phán, ký kết và thực thi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Gắn với mỗi chủ đề, các tác giả đã dẫn nối, chú giải để giúp người đọc nhìn nhận khách quan, toàn diện hơn về diễn tiến của quá trình này.

Có thể nói việc biên soạn công trình này là công việc đầy khó khăn và phức tạp; đồng thời đúng như nhận định của các tác giả, nhiều tài liệu chỉ phản ánh quan điểm của đối phương, đặc biệt là các tài liệu tuyên truyền, nên cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Xuất bản cuốn sách này, Nhà xuất bản và các tác giả mong muốn cung cấp cho độc giả một tài liệu tham khảo ở một chiều tiếp cận khác để có cách nhìn toàn diện hơn, qua đó nhận thức rõ hơn về ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Paris 1973.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2012
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA – SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, do đất nước không bị tàn phá, lại kiếm được nhiều lợi nhuận trong buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh, nước Mỹ trở nên giàu có. Để củng cố vị thế bá chủ, ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc, giới cầm quyền Mỹ triển khai chính sách đối ngoại hiếu chiến và chiến lược quân sự toàn cầu, nhằm thiết lập cơ cấu kiểm soát phần còn lại của thế giới, sao cho, mọi diễn biến đều tuân theo khả năng đáp ứng các mục tiêu và lợi ích của Mỹ. Với Việt Nam, Mỹ muốn thôn tính phần lãnh thổ phía Nam, "kéo dài biên giới Hoa Kỳ đến vĩ tuyến 17", biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, làm bàn đạp tiến công miền Bắc – tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á.

Nhưng diễn biến của lịch sử thì không đi theo hướng ấy. Liên tiếp thất bại trong hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, nhất là trong cuộc Tổng công kích vào các đô thị trong Tết Mậu Thân 1968 của Quân Giải phóng, lại bị áp lực từ cao trào phản đối chiến tranh của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ, Washington buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với Hà Nội hầu tìm một lối về trong danh dự.

Và thế là Hội nghị Paris được nhóm họp, bắt đầu từ cuộc nói chuyện chính thức giữa hai bên vào ngày 13-5-1968. Hai bên rồi bốn bên, đàm phán rồi tiến công quân sự, diễn biến cuộc hòa đàm gay go, phức tạp và trải qua nhiều bước, ở đó sự tiến triển của mỗi bước tùy thuộc vào tình hình chính trị của từng bên và cục diện chiến trường

ở Việt Nam. Kéo dài 4 năm và hơn 8 tháng với 202 phiên họp chung và 24 cuộc tiếp xúc bí mật, Hội nghị Paris kết thúc bằng một hiệp định quy định Mỹ đơn phương rút quân ra khỏi cuộc chiến tranh và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của người Việt Nam.

Bản chất của Hiệp định Paris là vấn đề Mỹ rút ra khỏi lãnh thổ miền Nam Việt Nam, nơi mà hơn hai mươi năm trước họ tìm cách đặt chân đến và cố duy trì sự thống trị bằng mọi giá. Vậy, do đâu Mỹ chịu ngồi vào bàn thương lượng, đôi co và đặt bút ký vào Hiệp định, và các nội dung của Hiệp định đã được Mỹ cùng chính quyền Sài Gòn thực hiện như thế nào là những câu hỏi cần được luận giải một cách thuyết phục, có chứng cớ. Mười năm sau ngày miền Nam giải phóng, Giáo sư sử học Mỹ Gabriel Kolko viết: *"Chiến tranh Việt Nam là một sự kiện chính trị được tranh luận nhiều nhất trong đời sống trưởng thành của mỗi một người Mỹ từ tuổi 35 trở lên"*.

Thì đây, các tác giả cuốn sách này đã đưa ra một bằng cớ nữa, từ phía chính quyền Sài Gòn, bằng việc trích lục và bình dẫn một cách khoa học các tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II (thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước), góp vào cuộc tranh luận của mỗi công dân Mỹ, và góp vào nhận thức của mỗi chúng ta về Hiệp định Paris, quá trình xây dựng nên và thực hiện Hiệp định ấy, bắt đầu từ giữa năm 1968 cho đến đầu mùa mưa 1975.

Tháng 12 năm 2012

Đại tá, PGS, TS. Hồ Sơn Đài

LỜI NÓI ĐẦU

"... Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ hai mươi bốn giờ, ngày hai mươi bảy tháng giêng năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba. Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ... Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam ...". Đó là một trong các điều khoản mà chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ đã ký kết với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong bản Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-1-1973 (Hiệp định Paris năm 1973 về Việt Nam).

Đối với Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, việc buộc phải ký kết Hiệp định Paris năm 1973 là một thất bại lớn, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng trong chiến lược quân sự, chính trị, ngoại giao đối với miền Nam Việt Nam.

Với quân dân Việt Nam, đây là một thắng lợi to lớn, thắng lợi của một quá trình lâu dài đấu tranh của trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris, cũng như trên chiến trường từ năm 1968-1972.

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày ký kết Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, được sự chỉ đạo của Cục Văn

thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II tổ chức biên soạn bộ sách: ***Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*** gồm hai tập: Tập 1 "Đánh và đàm (1968-1972)" và Tập 2 "Ký kết và thực thi". Trong Tập 1 "Đánh và đàm (1968-1972)", Ban biên soạn giới thiệu đến độc giả, các nhà nghiên cứu hàng nghìn trang tài liệu của các cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn, các cơ quan của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam về quá trình đàm phán ở Paris từ năm 1968 đến năm 1972.

Cuốn sách được biên soạn chủ yếu từ nguồn tài liệu lưu trữ, là những báo cáo, tường trình, sắc lệnh, nghị định,... của các cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn trước năm 1975. Do đó, có thể có những sự kiện chưa thật sự chính xác, nhất là những tài liệu có tính chất tuyên truyền của phía đối phương. Tuy nhiên, qua cuốn sách này, độc giả và các nhà nghiên cứu có thể tiếp cận với nguồn sử liệu gốc, có cơ sở để so sánh, đối chiếu, làm sáng rõ hơn nhiều vấn đề, đặc biệt hiểu rõ hơn âm mưu của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn trong cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Đây là cuốn sách lần đầu tiên công bố những tài liệu gốc của chính quyền Sài Gòn liên quan đến quá trình đàm phán tại Paris về Việt Nam giai đoạn 1968-1972.

Trong quá trình biên soạn, Ban biên soạn luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, lãnh đạo Bộ Nội vụ; các nhà khoa học và đồng nghiệp. Nhân đây xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất tới quý vị.

Mặc dù rất cẩn trọng và cố gắng, nhưng cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc, cho lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

NHÓM BIÊN SOẠN

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BV	Bắc Việt
CS	Cộng sản
CSBV	Cộng sản Bắc Việt
MACV	Military Assistance Command, Vietnam
QLVNCH	Quân lực Việt Nam Cộng hòa
VC	Việt cộng
VNCH	Việt Nam Cộng hòa
ĐIICH	phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa (1967-1975)
PTTg	phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975)
QKVH	phông Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa
TTLTII	Trung tâm Lưu trữ quốc gia II
BT	Biên tập chú dẫn

Phần một
TIẾN TRÌNH ĐI ĐẾN BÀN ĐÀM PHÁN TẠI PARIS

---

1. Chiến tranh và "tín hiệu" hòa đàm

Từ nửa cuối năm 1964, những thất bại liên tiếp của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa trên chiến trường miền Nam đặt chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Hoa Kỳ trước nguy cơ thất bại.

Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ McNamara nhận định *"tình hình chính trị và quân sự* (của chế độ Sài Gòn) *ở Nam Việt Nam xấu đi nhanh chóng... Nam Việt Nam dường như đang trên bờ vực của sự sụp đổ hoàn toàn"*[1]. Tướng Westmoreland tin rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa không thể chống đỡ được và chính quyền Sài Gòn sắp sụp đổ[2] . Trong điện gửi Tổng thống Johnson ngày 6-1-1965, Đại sứ Hoa Kỳ ở miền Nam đánh giá: *"Chúng ta* (tức Hoa Kỳ) *hiện đang trên con đường thất bại"*, nếu *"không có hành động tích cực nào vào lúc này có nghĩa là chấp nhận sự thất bại trong một tương lai rất gần"*.

Cứu nguy chính quyền Sài Gòn, Johnson – Tổng thống Hoa Kỳ quyết định đưa quân viễn chinh Hoa Kỳ vào tham chiến tại chiến trường miền Nam và tiến hành chiến tranh leo thang ra miền Bắc

---

1. Robert S. McNamara: *Nhìn lại quá khứ: Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 175.

2. Xem Westmoreland: *Tường trình của một quân nhân*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.

Việt Nam. Ngày 4-8-1964, Hoa Kỳ tạo dựng sự kiện Hải quân Việt Nam tấn công khu trục USS Maddox và USS Turner Joy của Hải quân Hoa Kỳ trong Vịnh Bắc bộ, tạo cớ cho Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết Đông Nam Á (Nghị quyết Vịnh Bắc bộ) cho phép Tổng thống Johnson quyền hỗ trợ bất kỳ quốc gia Đông Nam Á nào bị đe dọa bởi nguy cơ cộng sản. Trong thông điệp đầu năm 1965, Tổng thống Johnson chính thức tuyên bố đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam Việt Nam với lý do *"vì nước bạn* (ám chỉ chính quyền Sài Gòn – BT) *yêu cầu, vì phải giữ cam kết 10 năm trước đây, vì an ninh của bản thân nước Mỹ và hòa bình châu Á"*.

Thực hiện quyết định của Johnson, quân viễn chinh Hoa Kỳ ồ ạt vào miền Nam Việt Nam. Trong hai năm 1966 và 1967, bình quân mỗi năm có 155.000 binh sĩ được đưa vào miền Nam, tương đương với gần 13.000 quân/tháng. Vào thời điểm ngày 1-1-1966, số binh sĩ Hoa Kỳ có mặt tại miền Nam Việt Nam là 181.000 quân[1], đến tháng 12-1967 là 497.498 quân[2], cùng với 60.276 quân các nước đồng minh của Hoa Kỳ[3] nâng tổng số quân đội nước ngoài tham chiến ở miền Nam Việt Nam lên 557.774 quân[4].

Trong hai năm 1966-1967, ngân sách Hoa Kỳ chi hàng tỷ đô la viện trợ và hàng trăm triệu tấn vũ khí, phương tiện chiến tranh

1. Đoàn Thêm, *Việc từng ngày* (1966-1967), Sài Gòn, 1968, ký hiệu vn.3590.

2. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

3. Các nước đồng minh của Hoa Kỳ gồm: Đại Hàn (Hàn Quốc): 48.839 quân; Úc Đại Lợi (Australia): 6.597 quân; Thái Lan: 2.242 quân; Phi Luật Tân (Philippine): 2.021 quân; Tân Tây Lan (New Zealand): 534 quân; Trung Hoa Quốc gia (Tưởng Giới Thạch): 30 quân; Tây Ban Nha: 13 quân;

4. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd.*

hiện đại, nhằm tăng quân số cũng như nâng cao tiềm lực quân sự cho chính quyền Sài Gòn. Cuối năm 1967, tổng quân số quân đội Sài Gòn là 634.475 quân[1], tăng gần 200.000 quân so với năm 1966. Đến thời điểm ngày 31-3-1968, quân số quân đội Sài Gòn là 781.074 quân, gồm: 344.017 chủ lực quân, 147.966 địa phương quân, 147.746 nghĩa quân, 37.539 dân sự chiến đấu, 68.242 cảnh sát và 35.564 cán bộ xây dựng nông thôn. Đưa tổng số lực lượng liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa lên 1.375.747 quân, nâng tỷ lệ tương quan lực lượng giữa liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa với Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường miền Nam Việt Nam là 4-1[2].

Với đà tăng quân, năm 1965, Tổng Tham mưu trưởng quân viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam đề ra chiến lược quân sự "tìm diệt" (Search/Seek and destroy), cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại hòng tiêu diệt lực lượng chính quy Quân Giải phóng. Kết hợp cùng chiến lược "bình định", tấn công, chiếm giữ các vị trí, căn cứ của Quân Giải phóng, từ nửa cuối năm 1965, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa liên tục tổ chức hàng loạt các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn, nhỏ vào vùng nông thôn và căn cứ của Quân Giải phóng.

Phối hợp với hoạt động "tìm diệt", Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ra sức bình định bằng các cuộc hành quân càn quét, để sau đó là gom dân lập ấp. Trong năm 1966, chính quyền Sài Gòn đã lập gần 4.500 ấp chiến lược với số dân theo báo cáo là hơn 6,6 triệu người.

1. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết hoạt động (mật) số 03/TTM/TTHQ/HQ tháng 3-1968 của Trung tâm hành quân, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16201, PTTg, TTLTII.

Tổng kết chương trình lập ấp chiến lược năm 1966 của chính quyền Sài Gòn [1]

Vùng chiến thuật	Hoàn thành trong năm 1966				Hoàn thành từ trước đến cuối năm 1966	
	Xây dựng		Củng cố			
	ấp	dân	ấp	dân	ấp	dân
V1CT	34	46.533	36	63.968	481	619.166
V2CT	143	170.961	241	207.677	963	1.114.782
V3CT	123	120.724	215	280.473	1015	1.944.294
V4CT	190	206.680	260	358.855	1973	3.006.272
Miền Nam	490	544.898	752	910.973	4432	6.684.514

Bằng chiến lược "tìm diệt" và "bình định", Westmoreland tin tưởng sẽ hoàn thành bình định miền Nam Việt Nam vào cuối năm 1966. Nhưng kết thúc mùa khô 1965-1966, chiến lược "tìm diệt" và "bình định" của Hoa Kỳ đã không phát huy được hiệu quả.

Ngày 30-3-1966, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Cabot Lodge gửi báo cáo về Washington cho biết: Cuộc tấn công đã không làm hao tổn được Việt cộng, không tìm diệt được một đơn vị chính quy lớn nào của Việt cộng, không ngăn được du kích phát triển. Mỹ vẫn bị động, quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh chóng[2].

Những ngày tháng sau đó, tình hình miền Nam càng thêm nóng bỏng với những thắng lợi liên tiếp của Quân Giải phóng ở Núi Thành, Ba Gia, Bình Giã.... Trước tình hình đó, để trấn an dư luận,

1. Phiếu gởi số 3301 XD/32 ngày 11-4-1967, báo cáo tiến triển lập ấp từ trước đến cuối năm 1966 và chương trình lập ấp năm 1967 của Tổng bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 773, PTTg, TTLTII.

2. Xem Hà Minh Hồng: *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại* (1858-1975), Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.204.

ở Washington, chính quyền Hoa Kỳ quyết định triển khai mặt trận mới trên lĩnh vực ngoại giao. Tháng 1-1967, Tổng thống Johnson tuyên bố: "*Hoa Kỳ sẵn sàng đi bất cứ nơi nào vào bất cứ lúc nào để gặp gỡ miền Bắc bàn định hòa bình*"[1]. Ngày 27-1-1967, Dean Rusk, Ngoại trưởng Hoa Kỳ chính thức công bố lập trường 14 điểm, cụ thể hóa tuyên bố của Tổng thống Johnson. Nội dung chính của bản tuyên bố gồm:

"1. Các Hiệp ước Genève 1954 và 1962 là căn bản hòa bình hợp lý cho nền hòa bình của toàn thể vùng Đông Nam Á.

2. Hoa Kỳ sẽ hân hoan đón nhận một hội nghị tại Đông Nam Á hay tại bất cứ nơi nào. Hoa Kỳ sẵn sàng thương nghị dựa trên những quy định của Hiệp ước Genève 1954 và 1962, và Hoa Kỳ sẽ ủng hộ cho việc tái triệu tập một hội nghị Genève, hay một hội nghị Á châu, hay bất cứ một hội nghị nào có thể chấp nhận được.

3. Hoa Kỳ sẽ hân hoan đón nhận các cuộc thương nghị không có những điều kiện tiên quyết nào như đề nghị của 17 quốc gia không liên kết đã gởi đến Ngoại trưởng Dean Rusk ngày 1-4-1965.

4. Hoa Kỳ sẽ chấp nhận các "cuộc thảo luận về điều kiện" như lời Tổng thống Hoa Kỳ L.B. Johnson đưa ra ngày 7-4-1965 (nếu đối phương không đến được bàn hội nghị, thì Hoa Kỳ thực hiện các cuộc thảo luận trực tiếp hoặc gián tiếp qua một quốc gia trung gian nào đấy).

5. Một hành động ngưng các hoạt động chiến tranh sẽ là vấn đề đầu tiên của hội nghị, hoặc cũng có thể đấy là đề tài thảo luận tiên quyết.

6. Lập trường 4 điểm của Hà Nội sẽ được thảo luận tới cùng một lúc với các đề nghị khác có thể có.

---

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

7. Hoa Kỳ không hề muốn có những căn cứ tại Đông Nam Á. Hoa Kỳ đã sửa soạn để biến các căn cứ ấy thành những căn cứ sử dụng cho các vấn đề hòa bình đem lại cho các dân tộc tại những nơi có các căn cứ ấy.

8. Sau khi hòa bình đã được bảo đảm, Hoa Kỳ không muốn lưu giữ quân đội của mình tại miền Nam Việt Nam.

9. Hoa Kỳ ủng hộ các cuộc tuyển cử tự do tại Nam Việt Nam để người miền Nam Việt Nam thành lập một chính phủ theo với các điều lựa chọn của họ.

10. Vấn đề tái thống nhất phải do chính nhân dân Việt Nam quyết định với những ý muốn riêng của họ.

11. Nếu như các dân tộc Đông Nam Á muốn, thì Đông Nam Á sẽ trở thành vùng các quốc gia không liên kết. Hoa Kỳ không hề tìm cách đặt một chính sách nào buộc miền Nam Việt Nam phải nhận chịu. Hoa Kỳ ủng hộ chính sách trung lập của Ai Lao (Lào – BT) *và Cambodge* (Campuchia – BT).

12. Hoa Kỳ muốn được sử dụng các tài nguyên của mình vào các mục tiêu hòa bình, xây dựng kinh tế cho vùng Đông Nam Á, chứ không muốn sử dụng các tài nguyên ấy vào các mục tiêu chiến tranh. Bắc Việt có thể tham dự các nỗ lực xây dựng địa phương ấy. Với nỗ lực này, Hoa Kỳ đã chuẩn bị sẵn một tỷ Mỹ kim (USD – BT) *để chi dụng.*

13. Tổng thống Hoa Kỳ có tuyên bố rằng: "Việt cộng có thể có đại diện mà không gặp phải khó khăn gì và được quyền nêu quan điểm...

14. Hoa Kỳ đã từng công khai và riêng biệt tuyên bố rằng: "Hoa Kỳ sẽ ngưng ném bom Bắc Việt, coi đây là một bước tiến đến hòa bình, miễn là đối phương tỏ ra có dấu hiệu đáp ứng để cho cuộc ngưng ném bom được trở thành sự thật"[1].

---

1. Lập trường 14 điểm của Hoa Kỳ do Ngoại trưởng Dean Rusk công bố ngày 27-1-1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

Ngày 29-9-1967, tại San Antonio, Tổng thống Johnson cố công thu hút sự chú ý của dư luận thế giới với tuyên bố đầy mâu thuẫn giữa "thiện chí" và "răn đe":

"1. Hoa Kỳ muốn ngưng oanh kích và pháo kích vào Bắc Việt ngay lập tức và kết quả sẽ đưa đến các cuộc thảo luận xây dựng.

...

3. Sẵn sàng gởi Ngoại trưởng Dean Rusk và một vị đại diện tin cậy tới bất cứ nơi nào để hội đàm mật với một phát ngôn viên Hà Nội.

4. Cảnh cáo Hà Nội rằng chiến tranh sẽ tiếp diễn cho đến khi Hà Nội thỏa thuận thương thuyết. Hà Nội sẽ sai lầm nêu tin là Hoa Kỳ sẽ từ bỏ chiến cuộc.

...

6. Hà Nội sẽ ý thức là họ không thể thắng được và nên từ bỏ cuộc giao tranh để tiến tới việc kiến tạo xứ sở.

7. Cuộc chiến tranh còn gian nan, Việt Nam (chỉ chính quyền Sài Gòn - BT) *và Hoa Kỳ đã tổn thất nặng nề.*

Những người duy trì hòa bình thật sự trên thế giới không phải là những người muốn chúng ta rút lui khỏi chiến trường Việt Nam. Cũng không phải là những người cho rằng chúng ta đang tìm lối thoát nhanh nhất. Dù các hậu quả có thế nào đi nữa thì vào giờ này, những người (binh lính Hoa Kỳ - BT) *ở vùng phi quân sự* (Việt Nam) *đang chịu trận trước địch quân* (Quân Giải phóng - BT)*"*[1].

Kèm theo tuyên bố là công thức San Antonio, mà ngoài các ngôn từ ngoại giao như: Hoa Kỳ luôn luôn giúp đỡ các dân tộc tự do chống lại xâm lăng ngoại bang; nguyên tắc dân tộc tự quyết phải được tôn

---

1. Tuyên bố của Tổng thống Jonhson tại San Antonio ngày 29-9-1967, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

trọng, lên án việc xứ này giết xứ kia, dân tộc này giết dân tộc khác;... dễ dàng nhận thấy chính sách nhất quán là tất cả những gì Hoa Kỳ đã làm chỉ vì một mục đích: *nền an ninh của quốc gia Hoa Kỳ và của cả thế giới nữa*[1].

Ngày 28-1-1967, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh khẳng định lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: "*Nếu Hoa Kỳ thành thật mong muốn có cuộc hòa đàm, họ phải trước hết chấm dứt vô điều kiện các cuộc oanh tạc và các hành vi gây chiến chống miền Bắc*"[2].

Trái ngược với các tín hiệu "*hòa đàm*" được phát đi tại chiến trường Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa huy động tối đa tiềm lực quân sự vào chiến lược "tìm diệt" và "bình định".

Ba tháng đầu năm 1967, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa đã tổ chức tổng cộng 884 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên, bao gồm 30 cuộc hành quân hỗn hợp, 738 cuộc do quân đội Sài Gòn thực hiện, 146 cuộc của quân viễn chinh Hoa Kỳ và chư hầu[3]. Trong đó có các cuộc hành quân quan trọng, đánh thẳng vào các căn cứ của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực Quân Giải phóng, như:

Hành quân Cedar Falls diễn ra từ ngày 8-1 đến ngày 16-1-1967 với sự tham dự của 16.000 lính Hoa Kỳ và 14.000 lính Sài Gòn, đánh vào khu vực "Tam giác sắt".

---

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, *Tlđd*.

3. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

Hành quân Junction City - cuộc hành quân lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam, huy động hơn 45.000 quân Hoa Kỳ và quân đội Sài Gòn, cùng 300 máy bay lên thẳng do tướng Hoa Kỳ Jonathan Seaman, Tư lệnh Dã chiến II trực tiếp chỉ huy, kéo dài từ ngày 22 tháng 2 đến ngày 15 tháng 4 năm 1967, đánh vào Chiến khu C của Quân Giải phóng.

Không chỉ bộ binh, lực lượng không quân, hải quân cũng được huy động tối đa. Theo báo cáo của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Sài Gòn, trong 3 tháng đầu năm 1967, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa đã thực hiện 151.044 phi xuất (trong đó phi xuất hành quân là 30.231) và 37.851 hải xuất[1]. Riêng máy bay B52 đã thực hiện 225 phi vụ với 1.743 phi xuất. Thực hiện oanh tạc và tuần thám miền Bắc là 5.759 lần với 14.582 phi xuất[2].

Ba tháng tiếp theo, từ tháng 4 đến tháng 6-1967, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiếp tục các hành động quân sự với vai trò ngày càng tăng của quân viễn chinh Hoa Kỳ. Trong 817 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên, có 153 cuộc do quân đội Hoa Kỳ và các nước đồng minh của Hoa Kỳ thực hiện, cùng 56 cuộc hành quân hỗn hợp của liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa[3], chiếm 25,6% tổng số cuộc hành quân so với 19,9% của 3 tháng trước đó.

Từ tháng 4 đến tháng 6-1967, lực lượng không quân của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn thực hiện 176.970 phi xuất (tăng 25% so với 3

1. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

2. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

3. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

tháng đầu năm), trong đó có 61.360 phi xuất hành quân, chiếm 34,6%. Tổng số phi vụ B52 là 290 với 1.878 phi xuất, thực hiện oanh tạc và tuần thám miền Bắc 9.144 lần gồm 22.213 phi xuất. Hải quân Sài Gòn thực hiện 22.912 hải xuất. Hải quân Hoa Kỳ thực hiện 14.254 hải xuất[1].

Bước vào Đông – Xuân 1967-1968, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa tiếp tục chiến dịch "tìm diệt", tập trung mọi cố gắng quân sự thọc sâu vào căn cứ Quân Giải phóng và khai thông các trục lộ trọng yếu. Trong tháng 11-1967, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tổ chức 341 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên, bằng 41,7% tổng số cuộc hành quân của 3 tháng: 4, 5 và 6-1967, trọng tâm nhằm vào khu vực Dakto – Kontum, vùng Tam giác sắt, quốc lộ 1, quốc lộ 20 và công lộ 4[2]. Tháng 12-1967, trọng tâm hoạt động của liên quân Hoa Kỳ và các đồng minh hướng đến khu vực giới tuyến (vĩ tuyến 17 – BT), vùng duyên hải Trung phần, dọc quốc lộ 1, liên ranh Nam – Tín, Bắc cao nguyên, Chiến khu C, với 345 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên[3].

Hỗ trợ lực lượng trên bộ, trong 2 tháng 11 và 12-1967, lực lượng không quân của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn thực hiện 121.792 phi xuất. Riêng B52 thực hiện 157 phi vụ với 1.164 phi xuất. Thực hiện oanh tạc miền Bắc Việt Nam 6.195 vụ. Tổng kết năm 1967, không quân Hoa Kỳ và chư hầu đã thực hiện 175.830 phi xuất; không quân Việt Nam Cộng hòa thực hiện 116.598 phi xuất; hoạt động B52 đã thực hiện 7.760 phi xuất. Hải quân Hoa Kỳ thực hiện 45.116

---

1. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

2. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

3. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

giang xuất và 24.466 hải xuất; hải quân Việt Nam Cộng hòa thực hiện 42.052 giang xuất và tuần duyên, tăng 7% so với năm 1966[1].

Nhằm đẩy Quân Giải phóng khỏi các khu căn cứ trong vùng rừng núi, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn gia tăng thực hiện chương trình khai quang bằng chất độc hóa học, tập trung khai quang và liên tục mở các cuộc hành quân đánh phá các Chiến khu C, Chiến khu D, Mật khu Bời Lời, Hố Bò của Quân Giải phóng. Theo báo cáo lập ấp chiến lược năm 1966-1967 của Tổng bộ Xây dựng chính quyền Sài Gòn :

"Công tác khai quang bằng hóa chất các loại gia tăng đã tiến triển như sau:

Loại R phá hủy mùa màng đã thực hiện được 84.346 mẫu.

Loại 20T khai quang trục lộ và thủy lộ giao thông thực hiện được 5.382km.

Loại 20P khai quang đồn bót và căn cứ quân sự thực hiện được 263 căn cứ.

Ngoài ra, đã ủi quang được 724km hai bên trục lộ, đặc biệt là quốc lộ 1, quốc lộ 13, 14, 19 và 18.900 mẫu rừng trong các mật khu Tam giác sắt Hố Bò, Bời Lời"[2].

Hoạt động bình định của chính quyền Sài Gòn cũng theo đó ngày càng tăng. Báo cáo của Tổng bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa cho thấy, trong năm 1967, chính quyền Sài Gòn đã lập, tái lập hơn 1.000 ấp chiến lược.

---

1. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

2. Phiếu gởi số 3301 XD/32 ngày 11-4-1967, báo cáo tiến triển lập ấp từ trước đến cuối năm 1966 và chương trình lập ấp năm 1967 của Tổng bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 773, PTTg, TTLTII.

Tổng kết chương trình lập ấp chiến lược năm 1967 của chính quyền Sài Gòn [1]

Vùng	Ấp đời mới		Ấp bình định		Ấp củng cố	
	ấp	dân	ấp	dân	ấp	dân
V1CT	118	183.010	25	28.399	104	129.819
V2CT	175	250.796	120	81.111	98	87.392
V3CT	114	166.975	36	31.012	65	71.505
V4CT	160	197.078	34	41.688	54	85.688
Miền Nam	567	797.859	215	182.210	321	374.404

Hoạt động yểm trợ bình định nông thôn "*trong năm 1967, quân đội VNCH đã sử dụng 53 tiểu đoàn chủ lực, 177 đại đội địa phương quân và 594 trung đội nghĩa quân trực tiếp yểm trợ xây dựng nông thôn, trợ giúp 552 đoàn cán bộ xây dựng nông thôn hoạt động trong các khu vực chiến dịch.*

Tính tới cuối năm 1967, tổng số (ấp chiến lược) *đã hoàn thành và đang thực hiện là 5.434 ấp, so với năm 1966, tăng 1.002 ấp (9%).*

Dân số kiểm soát tính đến cuối năm 1967 là 10.401.698 người, so với năm 1966 tăng 9% và năm 1965 tăng 15%"[2].

Song kết thúc năm 1967, các mục tiêu cơ bản của chiến lược "tìm diệt" và "bình định" của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đặt ra đều không đạt được. Không những không tiêu diệt được chủ lực quân và

---

1. Phiếu gởi số 3301 XD/32 ngày 11-4-1967, báo cáo tiến triển lập ấp từ trước đến cuối năm 1966 và chương trình lập ấp năm 1967 của Tổng Bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 773, PTTg, TTLTII.

2. Phiếu gởi số 3301 XD/32 ngày 11-4-1967, báo cáo tiến triển lập ấp từ trước đến cuối năm 1966 và chương trình lập ấp năm 1967 của Tổng Bộ Xây dựng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 773, PTTg, TTLTII.

cơ quan đầu não của Quân Giải phóng, mà liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa ngày càng sa lầy và bị tổn thất nặng nề. Trong 3 tháng đầu năm 1967, con số thương vong của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa là 25.202 quân, cùng 2.118 súng các loại bị mất[1]. Ba tháng tiếp theo, con số thương vong tăng thêm 18,19% (29.786 quân) và 1.819 súng các loại bị tổn thất[2]. Vào những tháng cuối năm 1967, sự gia tăng hoạt động quân sự của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn càng tỷ lệ thuận với sự thương vong của binh lính. Tháng 11-1967, số cuộc hành quân của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tăng lên bằng 41,7% so với 3 tháng: 4, 5 và 6-1967, số thương vong cũng tương ứng khi lên tới 33,3% (gồm 2.024 tử thương, 7.892 bị thương và mất tích)[3]. Đến tháng 12-1967, số thương vong tăng thêm gần 3% so với tháng 11 và bằng 34,2% so với 3 tháng: 4,5,6-1967 (với 2.015 tử thương, 8.177 bị thương và mất tích)[4].

Nếu tổn thất nhân mạng làm cho dư luận Hoa Kỳ sôi sục, thì tổn thất về phi cơ khiến giới quân sự Hoa Kỳ phải đau đầu. Bởi nó cho thấy vũ khí hiện đại cùng chiến lược chiến tranh tân kỳ của Hoa Kỳ đã không thể thắng được chiến tranh du kích. Chỉ tính 6 tháng đầu

---

1. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhất tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

2. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhị tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

3. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2554/TTM/TTHQ/HQ tháng 11-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

4. Tổng kết hoạt động hành quân (mật) số 2555/TTM/TTHQ/HQ tháng 12-1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15829, PTTg, TTLTII.

năm 1967, tại chiến trường miền Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tổn thất 772 phi cơ các loại[1], bình quân tổn thất 128 chiếc/tháng.

Tại Hoa Kỳ, những tổn thất nặng nề về nhân lực, vật lực vào một cuộc chiến tranh mà thắng lợi ngày càng xa vời, khiến dư luận công phẫn, đòi chính quyền thực hiện đàm phán, chấm dứt can thiệp vào Việt Nam. Để đánh lạc hướng và xoa dịu dư luận, chính quyền Johnson không ngừng rêu rao luận điệu Hoa Kỳ sẵn sàng đàm phán ở bất cứ nơi nào, bất cứ khi nào và đổ lỗi cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chịu hòa đàm.

Ngày 27-12-1967, phản bác những luận điệu xuyên tạc của chính quyền Mỹ, Bộ trưởng Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: "*Chúng ta sẽ mở cuộc đàm phán khi Mỹ chứng minh thực sự ngưng không điều kiện việc ném bom miền Bắc cùng mọi hành vi chiến tranh khác chống miền Bắc*"[2]. Ngày 30-12-1967, trong buổi tiếp phái đoàn Mông Cổ, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh tiếp tục khẳng định lập trường trên.

Ngày 25-1-1968, tân Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Clark Clifford tuyên bố trước Uỷ ban Ngoại giao Thượng viện, tỏ rõ lập trường của Hoa Kỳ: "*Tôi tin tưởng rằng trong trường hợp có cuộc ngưng oanh tạc, miền Bắc sẽ lợi dụng để tiếp tế điều hòa Nam Việt Nam về người, vũ khí, lương thực. Tôi cũng tin rằng về phía chúng ta, ta sẽ vẫn gìn giữ và tiếp tế các lực lượng của chúng ta khi mà cuộc ngưng oanh tạc này chưa hẳn là một cuộc đình chiến toàn diện*"[3]. Sau phát biểu này, quân

---

1. Báo cáo tổng kết hoạt động hành quân (mật) đệ nhị tam cá nguyệt năm 1967 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 15828, PTTg, TTLTII.

2. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

3. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, *Tlđd*.

viễn chinh Hoa Kỳ tiếp tục được đưa sang chiến trường Việt Nam. Đến ngày 31-3-1968, lực lượng quân viễn chinh Hoa Kỳ và chư hầu ở miền Nam Việt Nam lên tới 594.673 quân (tăng 36.899 quân so với năm 1967)[1], cho thấy rõ quyết tâm tìm kiếm thắng lợi trong cuộc chiến tranh bằng sức mạnh quân sự của chính quyền Johnson.

2. Cuộc "tấn công Tết" và các nhân tố dẫn đến đàm phán

Thắng lợi của cuộc đọ sức trực tiếp trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 đã khẳng định sức mạnh của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam hoàn toàn có thể đánh thắng quân Mỹ xâm lược. Từ thực tiễn chiến trường, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng tiến công và nổi dậy, đánh thẳng vào trung tâm đầu não của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ở các đô thị trên toàn miền Nam. Thực hiện quyết tâm chiến lược, đúng vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân 1968, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đồng loạt tiến công quân Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ở hầu khắp các thành thị của miền Nam Việt Nam.

Ngày 29-1-1968 (đêm 30 Tết âm lịch), Quân Giải phóng bất ngờ mở cuộc tổng công kích, đột nhập 7/21 tỉnh lỵ, thị xã tại Vùng I Chiến thuật, Vùng II Chiến thuật.

Tại Vùng II Chiến thuật, Quân Giải phóng đồng loạt tấn công 5 thị xã: Nha Trang (0 giờ 35 phút), Darlac (1 giờ 30 phút), Kontum (2 giờ), Quy Nhơn (4 giờ 10 phút), Pleiku (4 giờ 40 phút).

---

1. Bản tổng kết hoạt động (mật) số 03/TTM/TTHQ/HQ tháng 3-1968 của Trung tâm hành quân, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16201, PTTg, TTLTII.

Tại Huế tình hình trở nên đặc biệt nghiêm trọng. Từ ngày 31-1 đến ngày 2-2-1968, Quân Giải phóng đã tự do hành động và đi lại trong các khu phố trong 3 ngày liền, từ mùng 2 đến mùng 4 Tết, không bị một phản ứng cụ thể nào của phía quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa. Khi Huế bị đánh, Hoa Kỳ không có một lực lượng nào ở trong thành phố, ngoài Bộ chỉ huy MACV ở ngay sát Bộ chỉ huy tiểu khu Thừa Thiên. Đến chiều mùng 3 Tết mới có một đại đội Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đầu tiên đến tăng cường cho Bộ chỉ huy MACV. Tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm Thị trưởng Huế vắng mặt. Người ta nghĩ ông ta bị Quân Giải phóng bắt giết nhưng sự thực ông ta đã trốn thoát, có lúc phải giả làm một bệnh nhân nằm trong bệnh viện. Mãi đến mùng 5 Tết, quân đội Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa mới bắt đầu có những cuộc phản công thực sự[1].

Đồng thời, Quân Giải phóng đột kích vào chi khu Hội An, pháo kích vào thị xã Quảng Trị, phi trường Đà Nẵng, phi trường Non Nước cách nam Đà Nẵng 4 km và pháo kích tấn công nhiều đồn bót lẻ tẻ trên toàn miền Nam.

Qua ngày 30-1-1968 (mùng 1 Tết âm lịch), 24 giờ sau các cuộc tấn công vào các tỉnh lỵ cao nguyên và miền Trung, Quân Giải phóng mở 8 cuộc tấn công khác vào các tỉnh lỵ và thị xã trong đó có Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định; có 4 thành phố: Huế, Quảng Trị, Quảng Tín và Quảng Ngãi thuộc Vùng I Chiến thuật; thành phố Phan Thiết thuộc Vùng II Chiến thuật và 2 thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long thuộc Vùng IV Chiến thuật.

Đêm mùng 3 Tết, Quân Giải phóng lại đánh vào 8 tỉnh lỵ khác gồm: Kiến Hòa, Định Tường, Gò Công, Kiến Giang, Vĩnh Bình thuộc

---

1. Phạm Văn Sơn – Trưởng khối Quân sử, P5 Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Cuộc Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa của VC Mậu Thân 1968, Việt Nam Cộng hòa – 8/1968, Ký hiệu tư liệu vv 2638, TTLTII.

Vùng IV Chiến thuật; Bình Dương, Biên Hòa thuộc Vùng III Chiến thuật; Tuyên Đức thuộc Vùng II Chiến thuật.

Ngày mùng 4 Tết, Quân Giải phóng còn mở một cuộc tấn công nhỏ vào thị xã Kiến Tường và một cuộc tấn công khác vào các đơn vị trú phòng tại Long Khánh.

Ngày mùng 5 và 6 Tết, Quân Giải phóng mở những cuộc tấn công muộn vào tỉnh lỵ Gò Công, Bộ Tư lệnh Biệt khu 44.

Ngày 7-2-1968, Quân Giải phóng lần đầu tiên sử dụng thiết giáp xuất phát từ biên giới Lào, vượt quốc lộ 9 tấn công căn cứ Làng Vei tại Khe Sanh khiến trại này bị thất thủ hồi 18 giờ 40.

Tại mặt trận Sài Gòn – Gia Định – Chợ Lớn, cuộc chiến diễn ra giằng co quyết liệt. Từ ngày 31-1-1968 (mùng 2 Tết âm lịch), Quân Giải phóng mở cuộc tiến công quy mô lớn vào Biệt khu thủ đô của chính quyền Sài Gòn. Lực lượng gồm 15 tiểu đoàn với quân số 6.000 người do Ban chỉ huy Tiền phương Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trực tiếp chỉ huy.

Một tiểu đoàn của Trung đoàn 271 Sư đoàn CT 9 (Công trường 9 – BT) tăng cường Tiểu đoàn 56 Trung đoàn 80 Pháo tấn công Trung tâm huấn luyện Quang Trung.

Tiểu đoàn 267, Tiểu đoàn 269 phối hợp với thành phần Trung đoàn 271 đánh vào phi trường Tân Sơn Nhất.

Hai tiểu đoàn của Trung đoàn 273 Sư đoàn CT 9 và thành phần của Tiểu đoàn 2 cơ giới R[1] Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tấn công chi khu Thủ Đức.

Tiểu đoàn 1 Củ Chi được tăng cường một tiểu đoàn của Trung đoàn 101 Sư đoàn CT 7 và thành phần của Tiểu đoàn 2 cơ giới R

1. R: mật danh của Trung ương Cục miền Nam.

Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đánh chiếm khu căn cứ tiếp vận Gò Vấp.

Tiểu đoàn 2 Gò Môn phối hợp với Đặc công JI/F100 đánh chiếm cổng số 4 Bộ Tổng tham mưu.

Tiểu đoàn 3 Dĩ An phụ trách khu vực Hàng Xanh và quốc lộ 1 Sài Gòn – Thủ Đức.

Tiểu đoàn 4 Thủ Đức phụ trách vùng xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa.

Tiểu đoàn 5 Nhà Bè phụ trách vùng cầu Nhị Thiên Đường.

Tiểu đoàn 6 Bình Tân tiến vào hướng Phú Thọ – Bà Hạt và tiến đánh mục tiêu chính là Trung tâm cải huấn Chí Hoà.

Tiểu đoàn 508 Long An tăng cường đánh chiếm vùng Bình Tây.

Trong nội thành, các đơn vị đặc công thuộc F100 tiến công các cơ sở của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, như: Đài phát thanh, cổng số 5 Bộ Tổng Tham mưu, Dinh Độc Lập, Bộ Tư lệnh Hải quân, Toà Đại sứ Hoa Kỳ.

Sau 7 ngày chiến đấu giằng co, ngày 9-2-1968, Quân Giải phóng tiếp tục cho tăng cường Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 101 Sư đoàn CT 7 (Công trường 7 – BT) từ Củ Chi xuống mở đợt tấn công vào kho đạn 531 tại Gò Vấp[1].

Cuộc tổng tiến công vào dịp Tết Mậu Thân của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã làm cho dư luận Hoa Kỳ, cũng như thế giới bừng tỉnh. Tuy nhiên, chính quyền Johnson và chính quyền Thiệu vẫn tin rằng, đó chỉ như là một chiến dịch quân sự nhất thời, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn có thể làm chủ tình thế. Vì vậy, ngay trong thời điểm chiến cuộc diễn ra nóng bỏng, Hoa

1. Phiếu chuyển (kín – thượng khẩn) số 00377/TTM/2/KTB ngày 17-2-1968 về tổng kết tình hình trong cuộc tổng tấn công của VC tại Biệt khu thủ đô, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16175, PTTg, TTLTII.

Kỳ và chính quyền Sài Gòn thực thi những biện pháp vãn hồi an ninh trật tự và giải tỏa áp lực của Quân Giải phóng tại vùng nội đô, mà bỏ qua giải pháp hòa đàm đang trong quá trình hình thành.

Ngày 2-2-1968, trong khi chiến sự đang diễn ra nóng bỏng trên toàn miền Nam, Ủy ban Quốc phòng Thượng viện chính quyền Sài Gòn họp phiên khẩn cấp để đi đến quyết định, yêu cầu chính quyền Thiệu:

1. Thi hành và áp dụng triệt để lệnh thiết quân luật 24/24 giờ;

2. Vãn hồi gấp rút an ninh và trật tự tại các thành phố trong toàn quốc và đặc biệt tại vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định;

3. Thành lập gấp rút một Ủy ban hỗn hợp an ninh quốc phòng giữa lập pháp và hành pháp để cấp thời đối phó với tình thế, nhất là tại Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định[1].

10 giờ ngày 3-2-1968, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập hội nghị khẩn cấp thứ hai tại Dinh Độc Lập, thành phần gồm có: Phó Tổng thống, Thủ tướng, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn cùng một số tổng trưởng. Hội nghị thống nhất quyết định cho ra đời Trung tâm điều hành phối hợp cấp trung ương do Phó Tổng thống trực tiếp chỉ huy[2], nhằm vãn hồi lại trật tự.

Ngày 9-2-1968, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập lưỡng viện Quốc hội để yêu cầu lập pháp cho hành pháp được rộng quyền hơn và chấp thuận sớm ngân sách năm 1968[3]. Được sự chấp thuận của

1. Báo cáo cuộc họp của Ủy ban Quốc phòng thượng viện ngày 2-2-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

2. Tình hình an ninh, quân sự tại Sài Gòn năm 1968, Hồ sơ 555, ĐIICH, TTLTII.

3. Bản tổng kết số 004667/TCSQG/S1/A/K ngày 9-2-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 3 đến ngày 9-2-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

Quốc hội, từ ngày 10 đến ngày 16-2-1968, Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa phiên họp đặc biệt của Hội đồng Tổng trưởng và ban hành những chỉ thị cần thiết có liên quan đến vấn đề an ninh, quốc phòng, phòng vệ dân sự. Kết quả, sau cuộc họp, Bộ Quốc phòng chính quyền Sài Gòn ra thông cáo gọi tái ngũ sớm những cựu quân nhân từ 33 tuổi trở xuống và kêu gọi các cựu quân nhân trên tuổi này hăng hái tình nguyện tái ngũ[1].

Trong khi đó, ở Washington, Tổng thống Johnson vẫn rất cứng rắn, lên tiếng cảnh cáo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định lập trường của Hoa Kỳ là sẵn sàng làm tất cả những gì có thể để bảo vệ chính quyền Thiệu và khẳng định không ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam. Johnson cũng yêu cầu các tham mưu trưởng liên quân đồng ký tên vào bản tuyên bố xác nhận là tiền đồn Khe Sanh (Quảng Trị) có thể được phòng thủ một cách có kết quả và không muốn Khe Sanh là một Điện Biên Phủ[2].

Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa cũng được lệnh ngưng mọi cuộc hành quân "tìm diệt và bình định" để tập trung toàn bộ lực lượng giải tỏa áp lực của Quân Giải phóng.

Nhưng mọi nỗ lực của liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa vẫn không ngăn được bước tiến công của Quân Giải phóng. Trước thái độ ngoan cố của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, từ ngày 10-2-1968, Quân Giải phóng tiếp tục đẩy mạnh quy mô các cuộc tấn công vào các đô thị miền Nam.

---

1. Bản tổng kết số 004985/TCSQG/S1/A/K ngày 16-2-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 10 đến ngày 16-2-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết số 004667/TCSQG/S1/A/K ngày 9-2-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 3 đến ngày 9-2-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

Tại mặt trận Sài Gòn - Gia Định, Quân Giải phóng tăng cường Trung đoàn 271 và Trung đoàn 272 của Sư đoàn CT 9 từ vùng Mật khu Hố Bò di chuyển xuống cho các đơn vị đang chiến đấu tại Sài Gòn. Tuy nhiên, lực lượng trên đã gặp phải sự phản công quyết liệt của quân Hoa Kỳ trên đường di chuyển tại vùng Tân Phú Trung và vùng đông bắc Hóc Môn. Do thiếu lực lượng nên đến ngày 15-2-1968, hầu hết các đơn vị Quân Giải phóng đã tạm rút khỏi Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Riêng tại khu vực phía bắc, Tiểu đoàn 1 Củ Chi, Tiểu đoàn 2 Gò Môn và Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 101 Sư đoàn CT 7 rút về vùng An Phú Đông. Đồng thời, Trung đoàn 273 Sư đoàn CT 9 cũng đã rút về vùng ven sông Sài Gòn tức khu vực Nam Lái Thiêu[1].

Tại các mặt trận khác, Quân Giải phóng vẫn tiếp tục duy trì áp lực mạnh vào các căn cứ, cơ sở của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Từ ngày 13-2-1968, Quân Giải phóng hai lần phục kích tấn công Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ trên quốc lộ 9. Tấn công chi khu Hương Hóa tại Quảng Trị, Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 12 Không kỵ Hoa Kỳ; chi khu Duy Xuyên tại Quảng Nam; chi khu Nghĩa Hành tại Quảng Ngãi; Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 41 tại Bình Định; chi khu Lạc Thiện tại Darlac; Bộ Chỉ huy Lữ đoàn 3 Sư đoàn 25 Bộ binh Hoa Kỳ tại Tây Ninh; tiểu khu Hậu Nghĩa; chi khu Tân Uyên tại Biên Hòa; Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng hòa tại Định Tường; pháo kích các phi trường Quảng Trị, Đà Nẵng, An Khê, Holloway; các cơ sở quân sự của Hoa Kỳ cạnh Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tại Pleiku; đột nhập các thị xã Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột, Quy Nhơn, Khánh Hòa, Phước Tuy, Biên Hòa, Mỹ Tho, Kiến Hòa, Vĩnh Long,

1. Phiếu chuyển (kín - thượng khẩn) số 00377/TTM/2/KTB ngày 17-2-1968 tổng kết tình hình trong cuộc tổng tấn công của VC tại Biệt khu thủ đô Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16175, PTTg, TTLTII.

Vĩnh Bình, Cần Thơ, Kiên Giang, Châu Đốc, Kiến Tường, Ba Xuyên, Bạc Liêu và An Xuyên[1].

Đêm 17 rạng ngày 18-2-1968, Quân Giải phóng đồng loạt gia tăng hình thức tấn công bằng hoả lực, đặc biệt là tại Vùng III Chiến thuật và Vùng IV Chiến thuật nhằm vào 7 phi trường (Kontum, Phú Lợi, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, Trà Nóc, Sóc Trăng); 4 tỉnh lỵ (Ba Xuyên, Kiến Phong, Vĩnh Long, An Giang) và các đơn vị như Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 25 Bộ binh Việt Nam Cộng hòa, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 25 Hoa Kỳ, trường Thủ Đức, trường Công binh và Nha Cảnh sát Đô thành. Quân Giải phóng còn tấn công và tái đột nhập đợt hai vào 5 tỉnh lỵ Bình Thuận, Phước Long, Định Tường, Kiến Hòa, Châu Đốc. Tại vùng Khe Sanh, Quân Giải phóng tạo áp lực trở lại bằng cách sử dụng thiết giáp phối hợp với bộ binh tấn công chiếm trại dân sự chiến đấu Làng Vei dưới sự yểm trợ của pháo binh từ bên đất Lào bắn sang, đồng thời tiếp tục pháo kích dữ dội vào các vị trí đóng quân của Hoa Kỳ và đồng minh[2].

Từ ngày 20-2 đến ngày 28-2-1968, tình hình miền Nam Việt Nam đối với Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn vẫn rất khẩn trương. Quân Giải phóng tiếp tục uy hiếp các đô thị và thị xã quan trọng bằng các cuộc pháo kích.

Tại Vùng I Chiến thuật, sau khi quân Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã giải tỏa áp lực ở thành phố Huế, kể cả khu Gia Hội, Quân Giải phóng tập trung pháo kích mạnh vào căn cứ Khe Sanh, phi trường Đông Hà.

1. Bản tổng kết (mật) số 01/TTM/TTHQ/HQ về hoạt động tháng 1-1968 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16201, PTTg, TTLTII.

2. Bản tóm lược tình hình quân sự từ ngày 30-1 đến ngày 21-2-1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16105, PTTg, TTLTII.

Tại Vùng II Chiến thuật, ngoài hoạt động tấn công vào các đồn bót, Quân Giải phóng tiếp tục pháo kích vào các thành phố, nhất là tại Kontum và phi trường Ban Mê Thuột.

Tại Vùng III Chiến thuật, Quân Giải phóng duy trì khả năng pháo kích nhiều nơi nhất là 2 phi trường: Tân Sơn Nhất và Biên Hòa. Chiến xa Quân Giải phóng lần đầu tiên tham chiến tại vùng gần Tây Ninh, khiến cho quân đội Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn càng thêm hoang mang.

Tại Vùng IV Chiến thuật, Quân Giải phóng hoạt động mạnh tại các tỉnh Định Tường, Kiến Hòa, Phong Dinh và Ba Xuyên dưới hình thức pháo kích các phi trường và chủ trương đột nhập các tỉnh lỵ[1].

Tổng kết cuộc tổng tiến công từ ngày 30-1 đến ngày 30-2-1968, Quân Giải phóng đã cùng một lúc tấn công 8 trong số 12 thị trấn tại Vùng I Chiến thuật, 13 trong số 16 thị trấn tại Vùng IV Chiến thuật và Đô thành Sài Gòn - Gia Định. Lực lượng Quân Giải phóng tại các 4 vùng chiến thuật lần lượt bị đẩy lùi. Riêng tại Huế, Quân Giải phóng đã cố thủ trong Thành nội 24 ngày. Mặc dù bị đẩy lui khỏi các thị xã nhưng các đơn vị Quân Giải phóng vẫn luân phiên bám sát để uy hiếp các khu vực phụ cận, nhất là vùng ven đô.

Tại Vùng I Chiến thuật và Vùng II Chiến thuật, Quân Giải phóng tăng cường quân số và gia tăng tiếp vận cho chiến trường Trị Thiên và Bắc Cao nguyên (Kontum, Daklak). Tại Vùng III Chiến thuật và Vùng IV Chiến thuật, Quân Giải phóng gia tăng quấy rối và phá hoại giao thông[2].

---

1. Bản tổng hợp tình hình quân sự từ ngày 20-2 đến ngày 28-2-1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16105, PTTg, TTLTII.

2. Bản tóm lược hoạt động trong đệ nhất tam cá nguyệt năm 1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16105, PTTg, TTLTII.

Bất ngờ và lúng túng với cao điểm thứ hai trong cuộc tổng tấn công của Quân Giải phóng, chính quyền Thiệu không biết làm gì hơn ngoài việc ban bố lệnh tổng động viên, triệu tập những phiên họp, cùng thái độ trông chờ vào sức mạnh của Hoa Kỳ.

Trong thời gian từ ngày 10 đến ngày 19-2-1968, thời điểm cao điểm thứ hai cuộc tổng tiến công của Quân Giải phóng đang diễn ra với quy mô và cường độ lớn, các hoạt động đối phó của chính quyền Sài Gòn chỉ bao gồm: Nguyễn Văn Thiệu ra thông điệp và triệu tập họp Hội đồng Nội các khẩn cấp; Quốc hội họp kiến nghị Tổng thống ban bố lệnh tổng động viên[1]; Thượng nghị viện họp phiên đặc biệt kiến nghị 5 quyết định về tình hình nghiêm trọng hiện thời gửi hành pháp.

Ở nửa kia của Tây bán cầu, Tổng thống Johnson quyết định củng cố tinh thần "đồng minh" bằng hành động thiết thực, tiếp tục gửi sang miền Nam Việt Nam 10.500 quân. Trong buổi lễ tiễn đưa binh sĩ, ông không quên khẳng định: *"Mỹ sẽ chiến đấu đến cùng tại Việt Nam để thực hiện lời hứa của chúng tôi đối với quốc gia bạn"*[2]. Bất chấp thực tế, tại chiến trường miền Nam Việt Nam, trong hai cao điểm của cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân, Quân Giải phóng đã dùng bộ binh tấn công vào 28 tỉnh lỵ trên tổng số 44 tỉnh lỵ và tấn công bằng pháo kích, tập kích hầu hết các tỉnh lỵ còn lại[3]. Không tính tổn thất trong 5 ngày Tết Mậu Thân, những ngày liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng

---

1. Bản tổng kết số 004985/TCSQG/S1/A/K ngày 16-2-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 10 đến ngày 16-2-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết số 005096/TCSQG/S1/A/K ngày 23-2-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 17 đến ngày 23-2-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

3. Phạm Văn Sơn – Trưởng khối Quân sử, P5 Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Cuộc Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa của VC Mậu Thân 1968, Việt Nam Cộng hòa – 8/1968, Ký hiệu tư liệu vv 2638, TTLTII.

hòa bị thiệt hại nặng nề nhất, thì từ ngày 3-2 đến ngày 8-3-1968, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa đã tổn thất gần 12.000 quân, cùng 1.015 súng các loại. Cụ thể, quân đội Sài Gòn 5.903 quân: 1.433 tử thương, 4.110 bị thương, 360 mất tích; quân viễn chinh Hoa Kỳ và chư hầu 5.860 quân: 948 tử thương, 4.782 bị thương, 130 mất tích[1]. Và chưa có dấu hiệu nào trên chiến trường cho thấy cuộc tổng tiến công của Quân Giải phóng chấm dứt. Ngược lại, tin tình báo cho biết, Quân Giải phóng đang tăng cường lực lượng và cơ sở, nhằm mở một cuộc tấn công mới vào tháng tới[2].

Đến thời điểm, tháng 3-1968, cả Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn phải thừa nhận:

Cuộc chiến tại miền Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới rất quan trọng ngay từ những ngày cuối tháng Giêng và đầu tháng 2 năm 1968 với một kế hoạch "Tổng công kích" và "Tổng khởi nghĩa". Kế hoạch trên được cộng sản thực hiện một cách bất ngờ trong thời gian hưu chiến nhân dịp Tết Mậu Thân với một nhịp độ đồng loạt và toàn diện nhằm đột nhập 7/23 thị trấn, tỉnh lỵ tại Vùng I Chiến thuật và Vùng II Chiến thuật trong đêm 29 rạng 30-1-1968; 13/29 thị trấn, tỉnh lỵ tại Vùng III Chiến thuật và Vùng IV Chiến thuật, 4/5 tỉnh còn lại tại vùng Vùng I Chiến thuật trong đêm 30 rạng 31-1-1968.

Tại Thủ đô và vùng phụ cận, tình hình an ninh hết sức nguy ngập. Kể từ đợt tấn công lần thứ nhứt vào dịp Tết Mậu Thân tới đợt tấn công thứ hai cho đến nay, cộng sản chỉ có tiến thêm vào Thủ đô và mỗi ngày một bành trướng cơ sở trong dân chúng.

---

1. Bản tổng kết hoạt động hành quân từ ngày 3-2 đến ngày 8-3-1968 của Trung tâm hành quân Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16105, PTTg, TTLTII.

2. Bản tóm lược hoạt động trong đệ nhất tam cá nguyệt năm 1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16105, PTTg, TTLTII.

Áp lực của cộng sản với Thủ đô và vùng phụ cận không phải chỉ nặng về quân sự mà chính là kinh tế và chánh trị. Tình hình bất ổn và không thể kiểm soát hữu hiệu tại nhiều khu vực trong Thủ đô và vùng phụ cận, hiện tại đã khiến cho sanh hoạt thêm đắt đỏ và dân chúng ngày một thêm hoang mang mất tin tưởng.

Hiện nay, có thể phân tích tình hình an ninh ở Thủ đô và vùng phụ cận như sau:

1) Vùng bất an.

2) Vùng xôi đỗ:

3) Vùng an toàn.

So sánh tỷ lệ ba vùng ấy thì vùng xôi đỗ chiếm phần lớn nhứt và vùng hoàn toàn bất an mỗi ngày một lớn[1].

Tại Hoa Kỳ, cuộc chiến ở Việt Nam đã thực sự biến thành cuộc chiến trong lòng nước Mỹ. Chiến tranhViệt Nam đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các chính khách Hoa Kỳ. Khi Tổng thống Johnson tuyên bố cương quyết bảo vệ chính quyền Thiệu, 18 nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ Mỹ cũng họp báo đưa ra một kế hoạch mà họ cho rằng có thể đem lại hòa bình cho Việt Nam. Trong một bản tuyên bố chung, số nghị sĩ trên đề nghị Tổng thống Johnson đàm phán với Quân Giải phóng để cố gắng đi đến một giải pháp[2].

Trên trường quốc tế, vị thế của nước Mỹ cũng bị ảnh hưởng sâu sắc. Làn sóng phản đối chiến tranh, yêu cầu Mỹ phải sớm đi đến đàm phán để đem lại hòa bình ở Việt Nam ngày càng mạnh mẽ. Đặc biệt, thông điệp của Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant vào đầu tháng

1. Bản tổng kết hoạt động tháng 3-1968 của Trung tâm hành quân, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16201, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết số 005661/TCSQG/S1/A/K ngày 1-3-1968 về tình hình hàng tuần từ ngày 24-2 đến ngày 1-3-1968 của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16360, PTTg, TTLTII.

3-1968, cho rằng một cuộc ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam vô điều kiện sẽ đưa đến cuộc thương thuyết ngay, đã giáng một đòn mạnh vào chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam.

Không còn giải pháp nào khác, để xoa dịu dư luận, chính quyền Johnson buộc phải chọn giải pháp đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 30-3-1968, Bunker – Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn gặp Nguyễn Văn Thiệu, thông báo nội dung chính bài diễn văn Tổng thống Johnson sẽ đọc trước nhân dân Hoa Kỳ vào ngày 31-3-1968. Về khả năng Hoa Kỳ tăng quân ở miền Nam Việt Nam, Bunker cho biết: *"không đồng ý gửi quân Mỹ sang Việt Nam một cách tập thể nhưng sẽ chỉ gửi từng toán, vài ngàn người thôi"*[1].

Tối ngày 31-3-1968 (giờ Hoa Kỳ), Tổng thống Johnson chính thức phát biểu trên hệ thống truyền thông Hoa Kỳ, tuyên bố đơn phương ngưng oanh tạc 90% lãnh thổ miền Bắc Việt Nam và quyết định không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai. Tuy nhiên, ngoài những luận điệu nhằm xoa dịu dư luận, diễn văn của Tổng thống Johnson tiếp tục khẳng định chính sách theo đuổi chiến tranh của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam. Ông ta đặc biệt nhấn mạnh đến *"việc trang bị tối tân cho quân lực VNCH và tăng thêm quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam"*; và sẽ chỉ rút quân Hoa Kỳ về nước khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có hành động tương ứng, tức đưa cuộc chiến tranh trở về thời điểm ký kết Hiệp định Genève năm 1954 – hiệp định bị chính Hoa Kỳ và chính quyền Ngô Đình Diệm phủ nhận, để tổ chức cuộc bầu cử riêng rẽ, thiết lập cái gọi là Việt Nam Cộng hòa năm 1955.

Sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ ngay lập tức vấp phải sự phản đối kịch liệt của Nguyễn Văn Thiệu – Tổng thống chính quyền Sài Gòn. Thậm chí, một ngày sau tuyên bố của Tổng thống Johnson, ngày

---

1. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

1-4-1968, Nguyễn Văn Thiệu dự định tỏ rõ lập trường phản đối sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ bằng một bài tuyên bố trên hệ thống truyền thông. Nhưng ngay sau đó, Nguyễn Văn Thiệu buộc phải bãi bỏ theo lời khuyên của các cố vấn. Vẫn không kìm nén được sự tức tối nên sau đó, trước sự hiện diện của Đại sứ Bunker tại sân Tao Đàn, trước *"Sư đoàn sinh viên"*, Nguyễn Văn Thiệu ứng khẩu một bài văn có ý đả kích các chính khách Hoa Kỳ chủ hòa – thực chất là nhằm vào chính sách của Tổng thống Johnson, đã chống lại việc tăng quân Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam[1]. Cũng trong bài diễn văn này, Nguyễn Văn Thiệu tỏ rõ thái độ cương quyết chống lại một chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, bất chất sự phản đối của "đồng minh", ngày 31-3-1968, Tổng thống Johnson tuyên bố đơn phương quyết định đình chỉ 30 ngày mọi cuộc ném bom hoặc bắn phá lãnh thổ miền Bắc kể từ vĩ tuyến thứ 20 trở ra. Đồng thời, chỉ định Averell Harriman và Liewellyn Thompson làm đại diện cho chính quyền Hoa Kỳ để gặp gỡ phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Và để "củng cố" lại tinh thần "đồng minh" ở phương Đông, Tổng thống Johnson triệu tập Nguyễn Văn Thiệu, bằng lời mời thăm viếng Hoa Kỳ theo đúng nghi lễ ngoại giao nhưng đặc biệt nhấn mạnh về thời gian cuộc thăm viếng *"càng sớm càng tốt"*[2].

Trong khi đó, thái độ phản đối của chính quyền Sài Gòn đã khiến dư luận đặt câu hỏi về vai trò của Hoa Kỳ đối với cuộc chiến tranh Việt Nam. Người ta nhận thấy giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã không có sự thỏa thuận trong vấn đề tìm kiếm giải pháp cho cuộc chiến mà vai trò chính phải là chính quyền Sài Gòn; và người ta cũng thấy rõ ràng vai trò chỉ huy cuộc chiến của chính quyền Hoa Kỳ, trái ngược hoàn toàn với mỹ từ "đồng minh" mà Hoa Kỳ và chính quyền

1. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.
2. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

Sài Gòn vẫn thể hiện trước dư luận. Để xóa bỏ dư luận đó, ngày 2-4-1968, Nguyễn Văn Thiệu tổ chức họp báo "minh định" lập trường của chính quyền Sài Gòn, Thiệu tuyên bố:

- *"Không chống lại cuộc hạn chế oanh tạc, vì thiện chí hòa bình.*

- *VNCH và miền Bắc là hai vai chính trong một cuộc hòa đàm.*

- *VNCH sẽ không bao giờ chịu nói chuyện với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.*

- *Sẽ tăng quân số Việt Nam thêm 135.000 trong năm 1968"*[1].

Đồng thời, Nguyễn Văn Thiệu tỏ rõ thái độ hiếu chiến khi nhấn mạnh *"lập trường của VNCH là không bao giờ thỏa hiệp với cộng sản dưới bất cứ hình thức nào. Chính phủ Mỹ, chính sách Mỹ có thể thay đổi, nhưng lập trường của VNCH không bao giờ thay đổi... ngay tức khắc, không đợi đến mùa thu, chỉ trong một vài tuần nữa VNCH sẽ tổng động viên để chiến đấu"*[2].

Ngay sau đó, các cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn lập tức ra tuyên cáo ủng hộ chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Ngày 3-4-1968, Thượng nghị viện chính quyền Sài Gòn ra tuyên cáo với các nội dung: "*Việc ngưng oanh tạc Bắc Việt là sự bày tỏ tối đa và cuối cùng thiện chí hòa bình của VNCH và đồng minh...; sẵn sàng hỗ trợ công cuộc động viên toàn lực quốc gia để đối phó với tình thế; yêu cầu Tổng thống VNCH áp dụng mọi biện pháp thích ứng, nhằm phát huy sự đoàn kết quốc gia, cải thiện guồng máy lãnh đạo, tạo vận hội mới cho xứ sở*"[3].

---

1. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

2. Tuyên bố của Nguyễn Văn Thiệu ngày 2-4-1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

3. Tuyên cáo ngày 3-4-1968 của Thượng nghị viện Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

Tiếp đó, ngày 4-4-1968, Nội các Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ra thông cáo: *"hoan nghênh mọi sáng kiến nhằm sớm kết thúc chiến tranh trong công bằng và tự do... đồng ý về việc ngưng bắn một phần Bắc Việt như là bước đầu tiến tới thương thuyết; Chính phủ VNCH đang tham khảo ý kiến của Chính phủ Hoa Kỳ và các đồng minh khác về những cuộc tiếp xúc sẽ được thực hiện với nhà cầm quyền Bắc Việt nhằm mục đích thăm dò khả năng hòa đàm trong tương lai; các chính phủ đồng minh đã đồng thỏa thuận sẽ thường xuyên tham khảo ý kiến lẫn nhau về bất cứ những điểm quan trọng nào hoặc những quyết định gì liên quan đến các cuộc tiếp xúc thăm dò này"*[1].

Tuy nhiên, sự *"tham khảo ý kiến lẫn nhau"* giữa các đồng minh như tuyên bố của Nội các chính quyền Sài Gòn đã không diễn ra. Ngày 5-4-1968, Hoa Kỳ triệu tập Hội nghị quân sự tại Honolulu bàn về cuộc chiến ở Việt Nam. Thành phần tham dự có Tổng thống Johnson, một số quan chức Hoa Kỳ và Tổng thống Park Chung Hy của Đại Hàn, nhưng không có đại diện nào của chính quyền Sài Gòn tham dự. Ngày 7-4-1968, Đại sứ Hoa Kỳ tại Nhật Bản Alexis Johnson cũng được lệnh triệu kiến Thủ tướng Nhật Sato để thảo luận vấn đề đàm phán về Việt Nam. Sự kiện này khiến không chỉ dư luận mà ngay các nhân vật cao cấp trong bộ máy chính quyền Sài Gòn cũng nghi ngờ Hoa Kỳ đã "bỏ rơi" miền Nam Việt Nam. Để giải đáp nghi ngờ, Đại sứ chính quyền Sài Gòn tại Nhật được lệnh tiếp xúc với Alexis Johnson. Cuộc tiếp xúc làm cho chính giới Sài Gòn phần nào yên tâm, khi Đại sứ Hoa Kỳ tại Nhật Bản khẳng định:

"Việc chấp nhận hòa đàm cũng như ngưng oanh tạc chỉ tới một mức nào, không thể xem là một sự thối lui nhục nhã cho danh dự Hoa Kỳ và phương hại đến chủ quyền của VNCH. Ông vừa tiếp chuyện ông Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, được biết rằng quân lực Mỹ, đồng minh

---

1. Thông cáo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ngày 4-4-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

và VNCH đang nắm giữ thế chủ động khắp nơi và cuộc tấn công Tết vừa rồi của cộng sản đã tạo nên một tinh thần chiến đấu mới tại miền Nam Việt Nam... bao nhiêu thế thuận tiện ấy rất có lợi cho cuộc đàm phán. Vì vậy, chúng ta có thể nói chuyện trên cương vị của kẻ thắng chứ không phải của kẻ bại.

Về địa điểm gặp gỡ, ông Alexis Johnson cho rằng nếu dùng Tokyo thì thật là đắc lợi nhưng không chắc miền Bắc chấp thuận. Nếu dùng Nam Vang, Vientiane thì gặp nhiều thiếu thốn về tiện nghi, nhất là ở Nam Vang lại không có sứ quán ta. Ông Đại sứ Mỹ cũng có nghĩ đến Rangoon nhưng ông Đại sứ Việt Nam (Chính quyền Sài Gòn - BT) *góp ý kiến rằng đây là kinh đô của U. Thant mà thái độ* (của U. Thant - BT) *đối với VNCH thường rất bất lợi*"[1].

Trong khi nội bộ liên minh Johnson - Thiệu còn đang lục đục, thì ngày 3-4-1968, đài Hà Nội phát đi tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về đề nghị của Hoa Kỳ. Tuyên bố khẳng định rõ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa *"sẵn sàng chỉ định đại diện để gặp gỡ đại diện Hoa Kỳ thảo luận về việc chấm dứt vô điều kiện ném bom cùng các hành vi chiến tranh chống miền Bắc, hầu có thể mở đầu cho các cuộc đàm phán hòa bình"*. Tuyên bố cũng vạch trần hành động lợi dụng đàm phán làm giải pháp xoa dịu dư luận của chính quyền Johnson. Đồng thời cho rằng, nếu Hoa Kỳ thật sự có thiện chí đàm phán thì phải chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom oanh tạc miền Bắc.

Ngày 6-4-1968, để chứng tỏ "thiện chí" của Hoa Kỳ, Washington đưa ra đề nghị chọn địa điểm mở Hội nghị đàm phán về hòa bình ở Việt Nam tại Genève Thụy Sĩ - nơi diễn ra hội nghị đình chỉ chiến

1. Công văn mật số 172-PT/AU/M ngày 22-4-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về cuộc hội đàm giữa Đại sứ Hoa Kỳ và Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản liên quan đến vấn đề hòa đàm tại Việt Nam, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

sự giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1954. Tuy nhiên, thực chất "thiện chí" của Hoa Kỳ là một đòn ngoại giao nhằm vào Hà Nội. Vì, Hoa Kỳ biết chắc chắn, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không bao giờ chấp nhận một địa điểm – nơi đã ký kết hiệp định mà chính Hoa Kỳ đã lợi dụng nó để tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đúng như dự định của Hoa Kỳ, ngay sau đó, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố không chấp nhận Genève và đưa ra đề nghị địa điểm đàm phán tại Phnôm Pênh – Vương quốc Campuchia, hoặc một địa điểm khác có tính chất trung lập và thuận tiện cho cả hai bên[1]. Nhưng âm mưu trì hoãn cuộc đàm phán cho đến khi đạt được những kết quả nhất định về mặt quân sự trên chiến trường miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã bác bỏ mọi đề nghị của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của các nước có thiện chí giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Đồng thời, đưa ra danh sách các địa điểm mà ở đó Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa thiết lập được cơ sở ngoại giao, nhằm đặt đối phương vào thế yếu trong đàm phán nếu chấp thuận. Ngược lại, Hoa Kỳ hoàn toàn có thể trì hoãn được cuộc đàm phán mà tránh được sự phản đối của dư luận.

Ngày 10-4-1968, Hoa Kỳ tuyên bố bác bỏ địa điểm Nam Vang (Phnôm Pênh) và đề nghị Vientiane. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối và đề nghị Varsovie, hoặc "một thành phố ở Á châu". Đồng thời tuyên bố rõ ràng lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong đàm phán với Hoa Kỳ là chỉ họp bàn về vấn đề ngưng hẳn các cuộc oanh tạc cùng các hành vi chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng như đối với đề nghị trước của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hoa Kỳ bác bỏ và đưa ra điều kiện phi lý, buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải có hành động đáp ứng tương xứng với việc hạn chế ném bom miền

1. Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

Bắc của Hoa Kỳ, mới xúc tiến đàm phán. Những ngày sau đó, Hoa Kỳ tiếp tục đưa ra danh sách nhiều quốc gia khác làm nơi đàm phán. Ngày 12-4-1968, Hoa Kỳ đề nghị chọn Thụy Sĩ, Nam Dương, Ấn, Birmanie; ngày 18-4-1968, đưa thêm danh sách 10 nước nhưng cố ý không chọn Paris – nơi được được Ngoại trưởng Pháp gợi ý theo đề nghị của Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant[1].

Trong khi, tại miền Nam, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa được huy động đến mức tối đa vào các cuộc hành quân "quét – giữ". Riêng hai tháng 3 và 4 năm 1968, liên quân này đã thực hiện tổng cộng 1.398 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên gần bằng 50% tổng số cuộc hành quân của năm 1967. Cụ thể:

Trong tháng 3-1968, lực lượng lục quân Mỹ – Việt Nam Cộng hòa thực hiện 756 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên với quân số bình quân là 222 tiểu đoàn mỗi ngày, nhằm đẩy chủ lực Quân Giải phóng ra xa các thị trấn và duy trì thế chủ động bảo vệ các trục lộ huyết mạch. Trong đó có các cuộc hành quân quan trọng, như: Lam Sơn 187 tại bắc Quảng Trị, Lam Sơn 192, Napoleon Saline tại đông bắc Đông Hà, Wallowa Wheeler tại Nam Tín, Quyết Thắng tại Biệt khu thủ đô và vùng ven đô, Harrisburg tại Biên Hòa.

Tháng 4-1968, lực lượng lục quân Mỹ – Việt Nam Cộng hòa thực hiện 642 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn trở lên nhằm giành thế chủ động và triệt hạ các căn cứ hậu cần của Quân Giải phóng và hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn. Với nhiều cuộc hành quân quan trọng, như: Pegasus/Lam Sơn 207 tại Khe Sanh, Lam Sơn 212 tại đông nam Gio Linh, Muscatine tại Quảng Ngãi và Trương Công Định tại Kiên Giang, Chiến đấu 8 tại Phú Yên; Kentucky, Scotland 2, Lancaster 2 tại vùng giới tuyến.

---

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

Hai tháng 3 và 4 năm 1968, hoạt động của hải quân và không quân cũng được đẩy lên đến mức tối đa với 138.400 phi xuất, đạt trên 47% tổng số phi xuất của năm 1967, và 6.101 phi vụ oanh tạc miền Bắc Việt Nam, cùng 39.396 hải xuất[1].

Nhưng mọi nỗ lực của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa không đạt được kết quả như mong muốn. Các hoạt động quân sự này không những không làm giảm áp lực của Quân Giải phóng, ngược lại, từ giữa tháng 4-1968, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam gấp rút củng cố lực lượng, chuẩn bị thực hiện cuộc tổng tiến công đợt 2 của năm 1968. Song song với mặt trận quân sự, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, kêu gọi sự ủng hộ của quốc tế nhằm buộc Hoa Kỳ phải đi đến đàm phán chính thức.

Trung tuần tháng 4-1968, nỗ lực ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm thay đổi căn bản tiến trình đi đến bàn đàm phán. Dưới sự trung gian và có mặt của Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant, cuộc tiếp xúc giữa ông Mai Văn Bộ, đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc Goldberg, đại diện Chính phủ Hoa Kỳ, bước đầu đi đến thống nhất với việc hai bên chấp nhận chọn Paris – Thủ đô nước Pháp, làm địa điểm cho cuộc đàm phán về Việt Nam[2]. Ngay sau đó, tin Paris được chọn làm nơi hòa đàm nhanh chóng đăng tải trên các tờ báo quốc tế, như New York Times, Journal d'Extrême-Orient,... và được dư luận yêu chuộng hòa bình thế giới đón nhận nồng nhiệt.

Ngày 19-4-1968, phát ngôn viên của Tổng Thư ký Liên hợp quốc cũng cho biết: vấn đề chọn lựa địa điểm hòa đàm đã được đề cập đến trong cuộc hội kiến giữa hai ông U. Thant, Goldberg và Paris là

1. Bản tổng kết hoạt động số 0939/QP/NC/2/K tháng 3 năm 1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16104, PTTg, TTLTII.

2. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ– Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII.

một trong những địa điểm đã được ông U. Thant đề nghị làm nơi hòa đàm[1]. Tại Sài Gòn, ngày 20-4-1968, chính quyền Thiệu được Tòa Quan sát viên chính quyền Sài Gòn tại Liên hợp quốc thông báo chi tiết về sự kiện trên. Nhưng vẫn còn nghi ngờ – vì chính quyền Sài Gòn không được Hoa Kỳ thảo luận về vấn đề trên, Tòa Quan sát viên chính quyền Sài Gòn tại Liên hợp quốc được lệnh liên lạc với phái đoàn Hoa Kỳ để xác nhận.

Tuy nhiên, với thái độ trì hoãn, phát ngôn viên của chính quyền Hoa Kỳ, cũng như phái đoàn Hoa Kỳ đã phủ nhận hoàn toàn các thông tin trên. Ngược lại, chính quyền Johnson đính chính cuộc hội kiến giữa Đại sứ Goldberg và Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant để bàn về vấn đề Nam Phi; đồng thời cho rằng, trong thời điểm này, Liên hợp quốc không dính dáng gì đến vấn đề Việt Nam.

Về phía chính quyền Sài Gòn, trong thời điểm cuộc hòa đàm về Việt Nam đã cận kề, nhằm tránh tình huống bị "gạt" ra ngoài, chính quyền Sài Gòn vẫn đang loay hoay, cố khẳng định trước dư luận và Hoa Kỳ vai trò của Việt Nam Cộng hòa trong vấn đề thương thuyết về Việt Nam. Ngày 10-4-1968, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: "*Khi những cuộc nói chuyện thăm dò đi đến hòa đàm thật sự, VNCH đương nhiên phải giữ vai trò chánh trong cuộc thương thuyết*"[2]. Cùng ngày, trong diễn văn khai mạc phiên họp lưỡng viện, Chủ tịch Thượng nghị viện chính quyền Sài Gòn cũng cố gắng khẳng định: "*Trong giai đoạn có sự tiếp xúc để thăm dò khả năng hòa đàm, các chánh phủ đồng minh sẽ thường xuyên tham khảo ý kiến lẫn nhau về bất cứ những điểm quan*

---

1. Công văn (mật – khẩn) số 169/MC-LHQ/M ngày 20-4-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về địa điểm hòa đàm; Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), hồ sơ 16366: Công văn (mật – khẩn) số 169/MC-LHQ/M ngày 20-4-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về địa điểm hòa đàm, Hồ sơ 16366, PTTg, TTLTII.

2. Thông điệp của Nguyễn Văn Thiệu ngày 10-4-1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

trọng nào hoặc những quyết định gì liên quan đến các cuộc tiếp xúc thăm dò nói trên... Bất cứ quyết định nào liên quan đến vận mệnh của VNCH không có sự chấp nhận của chánh quyền và Quốc hội VNCH sẽ đương nhiên bị coi như vô giá trị"[1].

Trước thái độ trì hoãn của Hoa Kỳ, đầu tháng 5-1968, Quân Giải phóng quyết định mở cuộc tổng tiến công đợt hai năm 1968, tiếp tục đánh vào các đô thị ở miền Nam Việt Nam. Trên mặt trận ngoại giao, 19 giờ 45 phút, ngày 3-5-1968, Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát đi tuyên bố về vấn đề hội đàm; trong đó, cực lực lên án thái độ không nghiêm chỉnh của Hoa Kỳ; đồng thời ấn định rõ ngày giờ và địa điểm cho phiên họp đầu tiên, khai mạc hội nghị đàm phán hòa bình về Việt Nam.

---

1. Diễn văn khai mạc phiên họp lưỡng viện quốc hội của Chủ tịch Thượng nghị viện Việt Nam Cộng hòa ngày 10-4-1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

Tuyên bố của Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề đàm phán với Hoa Kỳ ngày 3-5-1968[1]

BẢN TIN ĐẶC BIỆT - NGÀY THỨ HAI 6-5-68 TRANG 1
(Phổ biến hạn chế - đọc xong xin hủy ngay)

NEWS FROM GIẢI PHÓNG, HÀNỘI RADIO BROADCSST
TIN TỨC THEO HAI ĐÀI PHÁT THANH GIẢI PHÓNG
VÀ HÀ NỘI

TUYÊN BỐ CỦA BẮC VIỆT CHỌN BALÊ LÀM NƠI
TIẾP XÚC VỚI MỸ.

HÀ NỘI 5-5 - Ngày hôm 3-5-68, bộ ngoại giao nước VNDCCH đã ra tuyên bố về vấn đề cấp bậc, địa điểm, thời gian của cuộc nói chuyện chính thức giữa VNDCCH và Mỹ, toàn văn bản tuyên bố như sau :

" Mọi người đều biết, để giải quyết đúng đắn vấn đề Việt Nam lập trường trước sau như một của nhân dân Việt Nam là 4 điểm của chính Phủ nước VNDCCH và cương lĩnh chính trị của MTDTGPMNVN, ngày 31-3-68, tổng thống Mỹ Johnson đã tuyên bố về việc ném bom hạn chế miền bắc Việt Nam, và một lần nữa ngỏ ý muốn nói chuyện với VNDCCH, ngày 3-4-68, chính phủ nước VNDCCH đã ra tuyên bố tỏ lập trường và thái độ của mình về việc đó, và nói rõ sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với đại diện Mỹ. Nhưng cho đến nay, do thái độ không nghiêm chỉnh của chính phủ Mỹ cuộc tiếp xúc đưa đến nói chuyện giữa hai bên vẫn chưa bắt đầu được, từ chỗ tuyên bố sẵn sàng đi bất cứ đâu nói chuyện với HaNội tổng thống Mỹ đã đưa ra hết điều kiện nọ khác cho việc chọn địa điểm để từ chối Phnompenh và Varsovie do phía VNDCCH nêu ra, phía Mỹ còn đưa ra nhiều địa điểm mâu thuẫn với chính những điều kiện của họ, gần đây phía Mỹ lại đưa ra một vấn đề nói là, hai bên cần thảo luận riêng về địa điểm và thời gian và như vậy phải chọn thêm địa điểm cho cuộc thảo luận riêng, để tỏ thiện chí chính phủ nước VNDCCH đã chỉ thị Đại sứ mình tại Varsovie sẵn sàng thảo luận với đại sứ Mỹ về địa điểm và thời gian cuộc nói chuyện, nhưng phía Mỹ cũng từ chối.

Trong khi đó Mỹ vẫn cho máy bay tàu chiến tăng cường đánh phá một bộ phận quan trọng lãnh thổ nước VNDCCH, và tiếp tục những hành động chiến tranh khác ở miền Bắc Việt Nam đồng thời vẫn ra sức mạnh chiến tranh xâm lược Miền Nam Việt Nam, gây thêm nhiều tội ác mới hết sức man rợ đối với nhân dân Việt Nam, từ ngày chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã tuyên bố nói trên, đến nay đã được một tháng, lẽ ra đã phải có tiếp xúc sơ bộ đưa đến cuộc nói chuyện giữa hai bên nhưng chính phủ Mỹ cố tình trì hoãn.

t.đ (PHỔ BIẾN HẠN CHẾ - ĐỌC XONG XIN HỦY NGAY)…/

1. Hồ sơ 865, ĐIICH, TTLTII.

BẢN TIN ĐẶC BIỆT - NGÀY THỨ HAI 6-5-68 TRANG 2
(Phổ biến hạn chế - đọc xong xin hủy ngay)

TUYÊN BỐ ..... (II)

Trước tình hình như vậy chính phủ nước VNDCCH cho rằng, cần phải đi ngay tới cuộc nói chuyện giữa HaNội và Hoa Thịnh Đốn, chính phủ nước VNDCCH quyết định cử bộ trưởng Xuân Thủy, làm đại diện của mình nói chuyện chánh thức với đại diện của chính phủ Mỹ, xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước VNDCCH, và sau đó nói chuyện về những vấn đề khác liên quan đến hai bên.

Chính phủ nước VNDCCH hoan nghênh việc chính phủ Pháp sẵn sàng để Paris làm địa điểm nói chuyện giữa VNDCCH và Mỹ như ngoại trưởng Pháp Couvs Le Murville đã tuyên bố ngày 18-4-68, chính phủ nước VNDCCH cho rằng, Paris cũng như Phnom Penh và Varsovie, là địa điểm thích hợp cho cuộc nói chuyện chánh thức giữa hai bên, cuộc nói chuyện chánh thức này sẽ bắt đầu ngày 10-5-1968, hoặc vài ngày sau đó.

Chính phủ Mỹ phải đáp ứng thái độ thiện chí của chính phủ VNDCCH và phải chấm dứt mọi thủ đoạn trì hoãn để cuộc nói chuyện chánh thức sớm bắt đầu.

Dư Luận tiến bộ Mỹ và dư luận thế giới cương quyết đòi chính phủ Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác, trên toàn bộ lãnh thổ nước VNDCCH, phải chấm dứt xâm lược Việt Nam.

Mỹ cứ ngoan cố theo đuổi chiến tranh xâm lược, thì nhân dân Việt Nam, càng đoàn kết chặt chẽ quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, vì độc lập tự do của tổ quốc, vì hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới, Ngày 3 tháng 5 năm 1968.

Tuyên bố nêu rõ:

"Ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Johnson đã tuyên bố về việc ném bom hạn chế miền miền Bắc Việt Nam và một lần nữa ngỏ ý muốn nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 3-4-1968, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra tuyên bố tỏ lập trường và thái độ của mình về việc đó và nói rõ sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với đại diện Mỹ.

Nhưng cho đến nay, do thái độ không nghiêm chỉnh của Chính phủ Mỹ, cuộc tiếp xúc đưa đến nói chuyện giữa hai bên vẫn chưa bắt đầu được. Từ chỗ tuyên bố sẵn sàng đi bất cứ đâu để nói chuyện với Hà Nội, Tổng thống Mỹ đã đưa ra hết điều kiện này đến điều kiện khác cho việc chọn địa điểm đã từ chối Phnôm Pênh và Varsovie do phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra. Phía Mỹ còn đưa ra nhiều địa điểm mâu thuẫn với chính những điều kiện của họ. Gần đây, phía Mỹ lại nêu một vấn đề mới là hai bên cần thảo luận riêng về địa điểm và thời gian tiếp xúc và như vậy phải chọn thêm địa điểm cho cuộc thảo luận riêng. Để tỏ thiện chí, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chỉ thị cho Đại sứ của mình tại Varsovie sẵn sàng thảo luận với Đại sứ Mỹ về địa điểm và thời gian cuộc nói chuyện nhưng phía Mỹ cũng từ chối.

Từ ngày Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố nói trên, đến nay đã được 1 tháng lẽ ra phải có tiếp xúc sơ bộ đưa đến cuộc nói chuyện giữa hai bên nhưng Chính phủ Mỹ đã cố tình trì hoãn. Trước tình hình như vậy, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho rằng cần phải đi ngay đến cuộc nói chuyện chánh thức giữa Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn (Hoa Kỳ). Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm đại diện của mình nói chuyện chánh thức với đại diện Chính phủ Mỹ, xác định với phía Mỹ việc chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sau đó nói chuyện về những vấn đề khác liên quan đến hai bên.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoan nghinh việc chính phủ Pháp sẵn sàng để Paris làm địa điểm nói chuyện giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ như Ngoại trưởng Pháp Couve de Murville đã công bố ngày 18-4-1968. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho rằng Paris cũng như Phnom Penh và Varsovie là địa điểm thích hợp cho cuộc nói chuyện chính thức giữa hai bên. Cuộc nói chuyện chánh thức này sẽ bắt đầu ngày 10-5-1968 hoặc vài ngày sau đó. Chính phủ Mỹ phải đáp ứng thái độ thiện chí của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phải chấm dứt mọi thủ đoạn trì hoãn để cuộc nói chuyện chánh thức sớm bắt đầu"[1].

Bất ngờ trước tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, không còn lý do trì hoãn, ngày 3-5-1968 (giờ Hoa Kỳ), Tổng thống Johnson tuyên bố chấp nhận các đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về cuộc đàm phán ở Paris:

"1 giờ sáng hôm nay, tôi được thông báo, Hà Nội đã sẵn sàng cho cuộc đàm phán ở Paris vào ngày 10 tháng 5 hoặc một vài ngày sau đó. Như quý vị biết, chúng tôi đã thống nhất chọn Pháp, nơi mà các bên tham gia có sự bàn luận công bằng, không thiên vị, làm nơi đàm phán.

Sau khi bàn bạc với các vị bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quốc phòng, Đại sứ Goldberg và Ball, ông Harriman và ông Vance, tôi đã gửi thông báo tới Hà Nội, đồng ý cuộc đàm phán vào ngày 10 tháng 5 và Paris là nơi được Hoa Kỳ chấp nhận.

Chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận với đồng minh của chúng ta, mà đại diện của họ hiện đang có mặt tại thủ đô của Pháp.

---

1. Tài liệu của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, Bản kiểm thính tin đài Hà Nội ngày 3-5-1968 lúc 19 giờ 15 đến 20 giờ về tuyên bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề hội đàm giữa Bắc Việt và Hoa Kỳ, Hồ sơ 865, ĐIICH, TTLTII.

Chúng ta hy vọng, cuộc đàm phán này là một động thái quan trọng đi đến giải quyết vấn đề hòa bình ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, tôi phải nhấn mạnh rằng, đây chỉ là bước đi đầu tiên, sẽ còn rất nhiều rủi ro và những ngày tháng khó khăn ở phía trước. Tôi chắc chắn, mỗi bên sẽ đưa ra những quan điểm riêng trong cuộc đàm phán.

Còn quan điểm của tôi đã được đưa ra trong bài phát biểu với nhân dân Hoa Kỳ trên truyền hình vào ngày 31 tháng 3.

Tôi không cho rằng nó là hữu ích khi trình bày những quan điểm cá nhân, hay đưa ra những đề xuất hoặc lập trường chi tiết trước cuộc đàm phán. Vì vậy, tôi biết quý vị hiểu rằng tôi sẽ không thảo luận xa hơn nữa trong cuộc họp báo này"[1].

---

1. Nguyên văn tiếng Anh:

I was informed about 1 o'clock this morning that Hanoi was prepared to meet in Paris on May 10, or several days the reafter. As all of you know, we have sought a place for these conversations in which all of the parties would receive fair and impartial treatment. France is a country where all parties should expect such treatment.

After conferring with the Secretaries of State and Defense, Ambassadors Goldberg and Ball, Mr. Harriman and Mr. Vance, I have sent a message informing Hanoi that the date of May 10 and the site of Paris are acceptable to the United States.

We will continue in close consulation at all stages with our allies, all of whom I would remind you now have representation in the French capital.

We hope this agreement a mutual and a serious movement by all parties toward peace in Southeast Asia. I must, however, sound a cautionary note. This is only the very first step. There are many, many hazards and difficult days ahead. I assume that each side will present its viewpoint in these contacts.

My point of view was presented in my television statement to the American people on March 31.

I have never felt it was useful for public officials to confuse delicate negotiations by detailing personal views or suggestions or elaborating positions in advance. I know that all of you, therefore, will understand that I shall not discuss this question further at this conference. (Text of president's statement at his news conference, May 3, 1968, Hồ sơ 865, ĐIICH, TTLTII).

Cũng như lần trước, bị bất ngờ và có phần bất mãn trước tuyên bố của Tổng thống Johnson, nhưng phải "ngậm bồ hòn làm ngọt", ngày 4-5-1968, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn ra thông cáo, cố gắng chứng tỏ cho dư luận thấy mọi quyết định của Hoa Kỳ đã có sự tham khảo ý kiến của chính quyền Sài Gòn. Nhưng toàn văn thông cáo lại ngầm ý nhắc nhở Hoa Kỳ phải thảo luận trước với chính quyền Sài Gòn khi đưa ra quyết định:

"Qua bản Thông cáo của Bộ Ngoại giao VNCH ngày 4-4-1968, VNCH đã tỏ ý đồng tình về việc ngừng oanh tạc một phần miền Bắc như là bước đầu tiên tới thương thuyết.

Từ hôm ấy, Chính phủ VNCH và các đồng minh Hoa Kỳ, Đại Hàn, Thái Lan, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan và Phi Luật Tân vẫn tiếp tục tham khảo ý kiến lẫn nhau và cùng theo dõi sự diễn tiến của các cuộc trao đổi quan điểm giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và miền Bắc.

VNCH và sáu quốc gia đồng minh của VNCH đều đồng ý là chỉ nên chọn một nơi gặp gỡ nào đáp ứng với các tiêu chuẩn thuận lý, về phương diện chính trị, về phương diện liên lạc truyền tin.

Ngày hôm qua, theo đúng các tiêu chuẩn ấy, Chính phủ Hoa Kỳ đã thỏa thuận với miền Bắc để gặp gỡ nhau tại Paris và ngày dự định gặp gỡ sẽ là 10-5-1968. Chính phủ VNCH không thấy gì trở ngại về việc thủ đô Pháp được lựa chọn. Tuy nhiên, Chính phủ VNCH mong ước là Chính phủ Pháp sẽ theo đúng truyền thống một quốc gia được giao phó vai trò trung gian và sẽ có một thái độ hoàn toàn vô tư đối với hai bên.

Bộ Ngoại giao đã chỉ thị cho ông Ngô Tấn Cảnh, Tổng lãnh sự VNCH tại Pháp, đặc biệt theo dõi tình hình và phúc trình về Chính phủ.

Chính phủ VNCH sẽ luôn luôn có những cuộc tham khảo ý kiến thường xuyên và đầy đủ với các chính phủ đồng minh, để nói rõ quan điểm"[1].

Đằng sau thông cáo này, lo sợ Hoa Kỳ "bán đứng đồng minh", chính quyền Thiệu tung bộ máy ngoại giao và tình báo vào xem xét lại toàn bộ chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Kết quả, chính quyền Thiệu có được bản báo cáo chi tiết về lập trường của các bên tham gia đàm phán, chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam trong hiện tại và tương lai, cùng các phương án đối phó trong từng trường hợp. Nội dung bản báo cáo cũng tỏ rõ sự nghi ngờ của chính quyền Sài Gòn đối với chính sách của Hoa Kỳ. Ngày 4-5-1968, Phủ Đặc ủy trung ương tình báo mật trình lên Nguyễn Văn Thiệu:

"Việc Hà Nội có thể thảo luận cả những vấn đề khác đáng được ta quan tâm. Thật vậy, nếu miền Bắc chịu bàn bạc với Mỹ "những vấn đề khác" gọi là có liên quan đến hai bên, thì rất có thể họ sẽ cố gắng hòa đàm song phương và riêng rẽ với Mỹ – không có sự tham dự của VNCH – về cả những vấn đề trực tiếp liên quan đến chính VNCH và Mặt trận Giải phóng. Thâm ý của họ là dùng Mỹ để gạt hẳn vai trò VNCH trong cuộc thương nghị cũng như trong mọi vấn đề Việt Nam.

Để chuẩn bị cho cuộc hòa đàm này, thiểm phủ thiết nghĩ VNCH cần xúc tiến gấp, liên tục và tích cực một kế hoạch chính trị, ngoại giao và quân sự nhằm tạo một ưu thế cho vai trò VNCH trong vấn đề Việt Nam.

Về mặt chính trị, VNCH cần thi hành ngay và trong dài hạn một kế hoạch tâm lý chiến đối nội và đối địch vừa nhằm củng cố tinh thần, hàng ngũ quốc gia, đồng thời hạ uy thế của miền Bắc và MTGP (Mặt

---

1. Thông cáo báo chí ngày 4-5-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 835, ĐIICH, TTLTII.

trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam – BT). Kế hoạch này rất cần thiết để phản công chiến dịch dân vận, binh vận và chính vận do VC phát động từ hơn tháng nay dưới danh nghĩa của Mặt trận Liên minh dân tộc dân chủ hòa bình.

Về mặt ngoại giao, kế hoạch của VNCH là đồng minh vận, chủ yếu là đối với Hoa Kỳ nhằm tranh thủ Mỹ không nhượng bộ bổ túc hay quá vội vàng với miền Bắc, đồng thời dành cho VNCH một vai trò chính yếu trong cuộc hội đàm về Việt Nam. Ngoài ra, đối tượng đồng minh vận của VNCH phải nhằm các quốc gia tham chiến khác như Đại Hàn, Thái, Phi, Úc, Tân Tây Lan hậu thuẫn quyết liệt cho lập trường Việt Nam từ giai đoạn này. Bên cạnh đó, rất có thể Paris cũng là nơi cần tranh thủ để tránh mọi phản ứng bất lợi về phía Pháp, cũng như về phía cộng sản tại Pháp có thể ảnh hưởng đến không khí hòa đàm.

Về mặt quân sự, việc Hà Nội chọn trung tuần tháng 5 làm thời điểm hội nghị có thể nằm trong khuôn khổ một chiến dịch quân sự Xuân – Hè, trong đó có ngày 19-5 đang được lưu ý. Trong một tháng qua, có thể miền Bắc đã chuẩn bị khá đầy đủ cho VC miền Nam về quân số và vũ khí. Do đó, về phía VNCH cần đặt nỗ lực liên tục trong việc duy trì ưu thế quân sự sẵn có để phá vỡ mọi âm mưu quân sự lớn của VC chắc chắn sẽ xảy ra để giành lợi thế thương thuyết. Có thể tiên liệu rằng thời gian đánh mạnh của địch nếu không xảy ra vào khoảng 19-5 thì cũng sẽ xảy ra vào tháng 6 hay 20-7-1968.

Sau bài diễn văn của Tổng thống Johnson ngày 31-3-1968 về vấn đề ngưng oanh tạc và hòa đàm, có thể lo ngại Hoa Kỳ xí lẻ trong vấn đề tiếp xúc với miền Bắc và ngay cả việc xây dựng một lập trường hòa đàm với miền Bắc và nhất là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Vì:

Hoa Kỳ đã không tham khảo trước ý kiến của Việt Nam và đồng minh.

Hoa Kỳ không muốn mở một hội nghị thượng đỉnh trước khi có tiếp xúc sơ bộ như thế nào?

Do đó vấn đề đặt ra là:

1. Lập trường hòa đàm đích thực của Hoa Kỳ như thế nào?

2. Làm thế nào để theo dõi chính sách hòa đàm của Hoa Kỳ?

3. Các phương thế có thể ảnh hưởng phần nào đến các quan điểm hòa bình của Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ.

Nhận định về lập trường hòa đàm của Mỹ:

+ Nhận định chung thời thấy tại Hoa Kỳ không còn ai muốn chủ trương đánh mạnh hoài mà đều nghĩ cuộc chiến tranh này phải giải quyết bằng hòa đàm. Nhưng hòa đàm như thế nào? Lập trường của đại đa số dân chúng Hoa Kỳ đều muốn phải có một cuộc dàn xếp tại bàn hội nghị trong đó cả hai bên sẽ phải nhượng bộ hỗ tương và sau đó người Việt Nam sẽ tự do quyết định hình thức chính quyền của họ (cuộc thăm dò công luận 1967: 70%).

Một số giả thiết về lập trường của Chánh phủ Johnson:

+ Đối với miền Bắc: Mỹ muốn ký một thỏa hiệp ngừng bắn và quay trở về Hiệp định Genève 1954 (sẽ có hai nước Việt Nam). Miền Bắc không được quyền xâm lấn Nam Việt nhưng để bù lại có thể được bồi thường chiến tranh và viện trợ kinh tế. Lập trường này lại vừa mới được Phó đại sứ Berger nhắc lại và xác nhận với một nhân vật của Tổng liên đoàn Lao công....

+ Đối với miền Nam Việt Nam: không thể thực hiện lập trường trên vì còn vướng một thực thể chính trị là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam không thể nào vứt bỏ được vì không thể ép buộc được ai theo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phải kéo ra Bắc. Do đó, vấn đề người Việt Nam ở miền Nam Việt Nam phải giải quyết thu xếp với nhau. Theo quan điểm của Mỹ thì phải tìm một công thức: những người này có thể hội nhập vào cộng đồng quốc gia.

+ Mỹ hiện đã nhận thấy chính sách chiêu hồi không đủ để sớm đem lại hòa bình. Do đó đi tới kết luận, vấn đề phải được giải quyết theo công thức tuyển cử tự do theo đó những người Việt Nam trong vùng kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ được sử dụng mỗi người một lá phiếu để cùng toàn thể những cử tri Việt Nam khác định đoạt tương lai miền Nam. Họ bầu cử và ứng cử với tính cách cá nhân hay tính cách một chính đảng hợp pháp thì chưa rõ vì tùy thuộc vào cuộc hòa đàm. Xin trích dẫn để chứng minh. Trong bài diễn văn ngày 31-3-1968, sau khi đã nói một đoạn về miền Bắc, Johnson nói riêng về miền Nam Việt Nam như sau: "There may come a time when South Vietnamese - on both sides - are able to work out a way to settle their differences by free political choice rather than by war.... Peace can be based on the Geneva Agreement of 1954, under political conditions that permit the South Vietnamese - all the south Vietnamese - to chart their course free of any outside domination or interference"[1]. Chính Humphrey cũng đã nói hôm 7-12-1967: "Some non-communist clements of the Quan Giai phong might be brought into a coalition in the future"[2]. Dean Rusk gần đây cũng nhắc lại 14 điểm hòa bình của Mỹ tuyên cáo ngày 7-1-1968, theo đó Mỹ ủng hộ tuyển cử tự do tại Nam Việt Nam để cho nhân dân Nam Việt Nam có một chính phủ theo ý lựa chọn.

Vấn đề được đặt ra là Mỹ mong muốn tổ chức cuộc tuyển cử tự do đó trong điều kiện nào?

---

1. Lược dịch: *Có thể đến một thời gian khi miền Nam Việt Nam - cả hai bên - có thể thực hiện giải pháp để giải quyết sự khác biệt bằng sự lựa chọn chính trị tự do hơn là chiến tranh .... Hòa bình có thể được dựa trên Hiệp định Giơnevơ năm 1954, trong điều kiện chính trị cho phép miền Nam Việt Nam - tất cả các bên, thực hiện lịch trình đến tự do không có sự can thiệp và thống trị của bên ngoài* (Do các tác giả chỉ tập trung vào những nội dung quan trọng nên phần lược dịch trong cả bộ sách này chỉ có ý nghĩa tham khảo - BT).

2. Lược dịch: *Những thành phần không cộng sản của Quân Giải phóng có thể đưa vào một sự liên hiệp trong tương lai.*

a. Theo sự tiết lộ của ông R. Coate: Hoa Kỳ sẽ tìm cách làm sao cho tuyển cử tự do thực sự: Liên hợp quốc sẽ làm cảnh sát vừa canh phòng biên giới Nam Việt Nam, vừa giám sát cuộc ngưng bắn.

b. Nhưng Hoa Kỳ không thể để mất miền Nam Việt Nam vì một sự chiến thắng chính trị của cộng sản qua cuộc bầu cử. Do đó, Hoa Kỳ hy vọng là những người Việt Nam thuộc phe quốc gia và chính phủ hiện tại sẽ nỗ lực cải tổ chính quyền và tổ chức căn bản quần chúng ra sao để có thể thắng được những người cộng sản trong MTGP, trong cuộc chiến đấu chính trị sắp tới. Do đó trong diễn văn 31-3-1968, Johnson đã yêu cầu chính phủ Việt Nam nỗ lực: tăng quân số; tăng thuế; chọn người giỏi để đảm nhận các chức vụ dân sự + quân sự; bài trừ tham nhũng; tăng cường tình đoàn kết trong chính phủ; kêu gọi tất cả các tập thể có tinh thần quốc gia tham gia vào các nỗ lực của toàn thể dân tộc.

c. Hoa Kỳ đều nghĩ người Việt Nam phải cố gắng hơn nữa nếu không chịu đi tìm một ưu thế chính trị sau này trên bàn hội nghị hay khi tuyển cử. Chúng tôi nhận thấy người Mỹ thực tình muốn trút bớt gánh nặng cho người Việt Nam và muốn người Việt Nam hãy tổ chức nhân dân để có thể đua tranh chính trị với MTGP. Sau đây là các bằng chứng:

+ Một nhân viên khối chính trị Tòa Đại sứ Mỹ nói: "Chính phủ và Quốc hội ngồi không yên vì họ lo bị Mỹ bỏ rơi, đôi khi cũng cần cho họ lo như vậy thì họ mới làm việc tốt được".

+ Giáo sư Herman Kahn, cố vấn của Johnson nói: "Người Việt Nam phải làm cái phần của họ trong khế ước song phương Mỹ - Việt, nếu họ không làm thì ta có thể nói ta không có nghĩa vụ gì với họ".

+ Phó đại sứ Berger khuyến khích Tổng liên đoàn Lao công tổ chức thành một thứ đảng Lao động (hiện đang xúc tiến bắt đầu bằng việc lập đoàn Thanh niên Lao động).

+ Ngoài ra còn tiếp xúc với các tôn giáo nhất là Công giáo.

Trong trường kỳ: Nam Việt Nam và miền Bắc Việt Nam có thể được giúp đỡ trong công việc xây dựng lại kinh tế. Việc thống nhất quốc gia có thể do một cuộc tuyển cử định đoạt và Hoa Kỳ có nói là sẽ tôn trọng kết quả cuộc bầu phiếu dù kết quả đó thế nào. Gần đây Dean Rusk có nhắc lại như vậy. Đối với toàn thể Đông Nam Á thì Johnson nói: "Overtime, a wider framework of peace and security in Southeast Asia may become possible"[1]. Chữ wider framework of peace and security trong các tài liệu của Hoa Kỳ thường ám chỉ một miền đất chung có quốc tế bảo đảm.

Vấn đề theo dõi chính sách hòa đàm của Mỹ:

+ Trước những hành vi đơn phương đáng ngờ của Hoa Kỳ mà chính các đồng minh khác của Việt Nam đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ hơn cả Việt Nam, chính phủ Việt Nam phải nghĩ tới một kế hoạch để theo dõi.

+ Quy tắc thứ nhất: luôn luôn đòi Hoa Kỳ phải thông báo cho biết mọi sự tiến triển của cuộc hòa đàm, vì chính J. (Tổng thống Johnson – BT) *đã nhắc lại điểm này trong thông cáo chung J-P C Hy* (thông cáo chung của Tổng thống Johnson và Tổng thống Đại Hàn Park Chung Hy tại Hội nghị quân sự Honolunu – BT).

+ Quy tắc thứ hai: có thể gọi là chánh sách bắt bí (blackmail) mà các tiểu nhược quốc có thể áp dụng đối với các cường quốc có những liên hệ không thể dứt bỏ ngay với các tiểu quốc đó.

+ Tiểu quốc sẽ tuyên bố chánh sách của mình theo một đường lối nào đó để cho Hoa Kỳ phải khuyến dụ và vỗ về mình theo quan điểm của Hoa Kỳ. Có hai cách "bắt bí" để tìm hiểu lập trường của Hoa Kỳ:

---

1. Lược dịch: *Ngoài ra, khuôn khổ cho nền hòa bình và an ninh ở Đông Nam Á có thể trở thành hiện thực.*

Ở cấp bậc thượng đỉnh: Tổng thống có thể thông tri cho Hoa Kỳ và đồng minh một chánh sách hòa đàm của chính phủ Việt Nam (Chính quyền Sài Gòn) *nhấn mạnh đến chủ quyền Việt Nam, đòi hỏi các đồng minh chiến đấu ở Việt Nam* (quân đội Hoa Kỳ và các nước ngoài khác thuộc phe Hoa Kỳ) *là để giúp cho dân tộc Việt Nam* (Chính quyền Sài Gòn) *có thể sử dụng quyền tự quyết của mình để định đoạt số phận, cho nên mọi hành động hòa đàm và mọi đề nghị hòa đàm chỉ có thể được dân tộc Việt Nam chấp nhận, nếu có tham khảo ý kiến của VNCH trước. Một khi đã công bố như vậy, Hoa Kỳ sẽ phải tìm cách trao đổi quan điểm và khuyến dụ VNCH trước, nếu không muốn bị hớ về ngoại giao vì sự phản kháng của VNCH.*

Ở cấp bậc dưới: nhân viên thừa hành cao cấp tuyên bố những điểm ngược hẳn với chính sách mà Việt Nam ngờ là Hoa Kỳ đang định theo đuổi, để dử cho Hoa Kỳ phải hỏi lại chính phủ Việt Nam, như vậy là ta đã tìm được sự thực.

+ Quy tắc thứ ba: kế hoạch dò dẫm bắt mạch chính sách hòa đàm qua cuộc tiếp xúc với rất nhiều người đã tham dự vào việc định chính sách của Hoa Kỳ để rồi đối chiếu, lấy điều người này nói bổ túc cho điều người khác nói và do đó tìm ra sự thật.

a. Liên lạc chặt chẽ với các đồng minh Á châu: Đại Hàn, Thái Lan, Phi đang hết sức e ngại sự đào ngũ của Hoa Kỳ. Do đó có cùng một quyền và sẽ sốt sắng trao đổi tin tức tình báo.

b. Về phía Mỹ: cần gặp hai loại người:

Những người tham dự vào việc định chính sách, tức là những người ở bên hành pháp Mỹ:

+ Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn: Landsdale; Archer Calhoun – chief of political section.

+ Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ: Việt Nam Desk officer J. Burke; Michael Forresstal – a former Việt Nam Task force Director; L. Thompson – Departerment under secretary for Political Affairs; A. Harriman.

+ Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ: Joint chief of Staff; các giáo sư đại học cố vấn đã ảnh hưởng hay tham dự vào việc định chính sách VNCH: Wesley Fishel; Henry Kissinger; Roger Hilsman; Milton Sachs; Doughlas Pike; Herman Kahm.

+ Những người chống chính sách J.: Các nhân vật trong Ủy ban Ngoại giao Thượng viện Mỹ; chủ bút các tờ New York Times và News Week.

Để làm cuộc thăm dò này trên đất Mỹ, ngoài phái đoàn chính thức phải có thêm một số người phụ tá được cử đi trước với tính cách học giả, luật gia, chuyên viên, nhà báo, giáo sư đại học. Những người không chính thức này mới làm việc đắc lực trong công cuộc dò xét vì nếu để phái đoàn chính thức có thể các viên chức Hoa Kỳ sẽ làm lơ và xa lánh. Những người này phải chưa lộ diện trên chính trường Việt Nam nhưng phải có đủ khả năng Anh ngữ và hiểu biết các kỹ thuật ngoại giao"[1].

Mặc dù bất mãn, nhưng không thể thay đổi được "sự đã rồi", ngày 6-5-1968, chính quyền Sài Gòn buộc phải cử phái đoàn liên lạc theo dõi cuộc tiếp xúc sơ bộ giữa Hoa Kỳ và miền Bắc. Thông cáo báo chí của Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn nêu rõ thành phần và nhiệm vụ của phái đoàn là: "*để theo dõi các cuộc tiếp xúc sơ bộ giữa chính phủ Hoa Kỳ và miền Bắc, Chính phủ VNCH quyết định gửi một phái đoàn liên lạc (Mission de Liaison; Liaison Mission) sang Paris, và ông Bùi Diễm, Đại sứ Việt Nam tại Washington, đã được chỉ định làm Trưởng phái đoàn liên lạc.*

---

1. Phiếu trình (mật – hỏa tốc) số 810/PTUTB:R/M ngày 4-5-1968 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa về việc Bắc Việt và Mỹ cùng chấp thuận Paris làm nơi họp, Hồ sơ 16366, PTTg, TTLTII.

Ngoài ra, một số nhân vật cũng sẽ có mặt tại Paris cùng một lúc với phái đoàn"[1].

Cùng ngày, Bùi Diễm – Trưởng phái đoàn liên lạc Việt Nam Cộng hòa, từ Sài Gòn bay sang Washington để kịp tới Paris vào đúng ngày 10-5-1968 – ngày khai mạc Hội nghị Paris về Việt Nam.

Chuẩn bị cho phiên họp khai mạc, ngày 8-5-1968, danh sách thành viên hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ tham dự cuộc đàm phán sơ bộ về Việt Nam tại Paris được chính thức công bố.

Phái đoàn Hoa Kỳ, gồm:

- Đại sứ Averell Harriman;
- Cyrus Roberts Vance;
- Philip Habib, phụ tá Thứ trưởng về Đông Nam Á và Thái Bình Dương sự vụ;
- Trung tướng Andrew Goodpaster, Tư lệnh phó các lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam;
- William Jorddan, nhân viên trong Ủy ban An ninh Quốc gia tại Nhà Trắng, phát ngôn viên của phái đoàn Hoa Kỳ;
- Daniel Davidson, phụ tá đặc biệt của Đại sứ Harriman.

Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gồm:

- Xuân Thủy – Trưởng phái đoàn;
- Hà Văn Lâu – Phụ tá Trưởng phái đoàn;
- Nguyễn Minh Vỹ – Phụ tá Trưởng phái đoàn;

1. Công văn (tối mật – hỏa tốc) số 174/VP/TM của Tổng trưởng Ngoại giao ngày 6-5-1968 về việc cử phái đoàn liên lạc theo dõi cuộc tiếp xúc sơ bộ giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt, Hồ sơ 16367, PTTg, TTLTII.

- Nguyễn Thành Lê – Phát ngôn viên của phái đoàn;
- Phan Hiền;
- Nguyễn Đôn Tú – chuyên viên;
- Phan Văn Nam – chuyên viên;
- Nguyễn Việt – chuyên viên;
- Trần Quang Cơ – chuyên viên;
- Trần Hoan – chuyên viên;
- Trịnh Ngọc Thái – chuyên viên;
- Phạm Lâm;
- Đặng San;
- Nguyên Trang Thắng;
- Nguyễn Xuân Cảnh;
- Vũ Thị Đạt;
- Nguyễn Nguyên Sinh;
- Bùi Văn Nhan;

Danh sách nhân viên tùy tùng:

- Nguyễn Đình Phương;
- Trần Trang Trọng;
- Nguyễn Văn Hiền;;
- Bùi Văn Tiến;
- Nguyễn Minh Nhật;
- Nguyễn Túc;
- Nguyễn Văn Tho;
- Lê Việt Bắc;

- Trịnh Ninh Giang;
- Nguyễn Văn Sơn;
- Đỗ Văn Huyền;
- Nguyễn Văn Diên;
- Dương Xuân Tư;
- Nguyễn Hữu Thông;
- Vũ Ngọc Đối;
- Vũ Đình Ứng;
- Nguyễn Xuân Cầu;
- Lê Thấn;
- Dương Thị Duyên;
- Cao Trung[1].

Ngày 10-5-1968, theo đúng lịch trình công bố, phiên họp đầu tiên của cuộc đàm phán về chiến tranh Việt Nam giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tổ chức tại Paris. Tại phiên họp, vấn đề thủ tục cho cuộc đàm phán được hai bên thống nhất, gồm: xét quốc tịch các nhân viên trong hai phái đoàn; ngôn ngữ sử dụng trong đàm phán (tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Pháp được dùng làm chuyển ngữ); đồng thời, hai bên cũng thống nhất ấn định thành phần và thời gian cho phiên họp kế tiếp.

Ngày 13-5-1968, phiên họp chính thức thứ nhất của cuộc đàm phán hai bên về Việt Nam diễn ra tại hội trường các Hội nghị quốc tế tại đại lộ Kléber, Paris Pháp. Ngay tại phiên họp chính thức đầu tiên, quan điểm của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong đàm

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống về danh sách phái đoàn Bắc Việt dự hội đàm sơ bộ tại Paris, Hồ sơ 866, ĐIICH, TTLTII.

phán đã được tuyên bố rõ ràng. Đó là yêu cầu: Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam; ngưng lập tức các cuộc oanh tạc miền Bắc và các hành vi quân sự chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một cách vô điều kiện. Đồng thời, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đưa ra lập trường nhất quán (cũng là lập trường xuyên suốt) trong giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam, là dựa trên lập trường 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (công bố ngày 8-4-1965) và Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trước đó, ngày 12-5-1968, qua thư của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam cũng tỏ rõ lập trường đối với việc giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam.

Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố lập trường 4 điểm ngày 8-4-1968[1]

4 điểm của Bắc-Việt do PHẠM-VĂN-ĐỒNG
đọc ngày 8-4-1965



1. Xác nhận những quyền dân-tộc căn-bản của nhân-dân Việt-Nam: Hòa-bình, Độc-lập, Chủ-quyền, thống-nhất và tòan-vẹn lãnh-thổ. Theo đúng Hiệp-nghị Genève, Chánh-Phủ Mỹ phải rút quân-đội, nhân-viên quân-sự và các loại vũ-khí Mỹ ra khỏi miền Nam VN, triệt-phá những căn-cứ quân-sự Mỹ ở miền Nam, xóa bỏ liên-minh quân-sự với miền Nam. Chánh-Phủ Mỹ phải đình-chỉ chánh-sách can-thiệp và xâm-lược đối với miền Nam. Theo đúng Hiệp-nghị Genève, Chánh Phủ Mỹ phải đình-chỉ những hành-động chiến-tranh đối với miền Bắc, hòan-tòan chấm dứt mọi hoạt-động xâm-phạm lãnh-thổ và chủ-quyền của nước VNDCCH.

2. Trong lúc chờ đợi thực-hiện hòa-bình thống-nhứt nước Việt-Nam, trong lúc nước Việt-Nam còn tạm-thời bị chia làm 2 miền thì phải triệt-để tôn-trọng những điều-

..../.

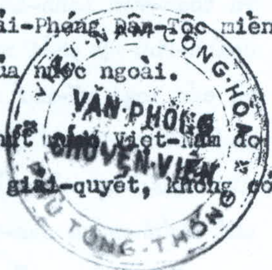
1. Hồ sơ 964, ĐIICH, TTLTII.

\- 2 -

khỏan quân-sự của Hiệp-nghị Genève 1954 về Việt-Nam như: 2 miền đều không có liên-minh quân-sự với nước ngoài, không có căn-cứ quân-sự, quân-đội và nhân-viên quân-sự của nước ngoài trên đất mình.

3. Công việc miền Nam do nhân-dân miền Nam tự giải-quyết, theo cương-lĩnh của Mặt Trận Giải-Phóng Dân-Tộc miền Nam VN, không có sự can-thiệp của nước ngoài.

4. Việc thực-hiện hòa-bình thống-nhất nước Việt-Nam do nhân-dân Việt-Nam ở hai miền tự giải-quyết, không có sự can-thiệp của nước ngoài.



Thư của Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ gửi Hồ Chủ tịch ngày 12-5-1968[1]

BỨC THƯ CỦA UBTƯ/MTDTGPMNVN
KÍNH GỞI HỒ CHỦ-TỊCH.



12-5-1968

Thưa Hồ Chủ-tịch kính mến,

Giữa lúc toàn quân toàn dân MN trên khắp các chiến-trường đang thừa thắng xốc tới, liên-tục tấn công và nổi dậy, đánh được những thắng-lợi mới hết sức to lớn và chuẩn-bị mừng thọ Hồ Chủ-tịch, thì thơ của Hồ chủ-tịch, từ trái tim cả nước đã truyền đến khắp miền Nam làm cho mọi người đều xúc-động và nức lòng phấn-khởi, tăng thêm nghị-lực và niềm tin...

Trên khắp các đường phố ở Saigon, Gia-định, Huế Đà-nẵng cũng như vùng đồng bằng rộng mênh-mông của Nam Bộ và núi rừng trùng-điệp của Tây-nguyên, toàn-thể đồng-bào miền Nam và các lực-lượng võ-trang yêu-nước không phân-biệt già trẻ, gái trai, kinh, thượng bộ đội chủ-lực, bộ đội địa-phương, dân-quân du-kích, đã lắng nghe từng lời nồng-nàn và sâu-sắc trong thơ của Hồ chủ-tịch, theo đó là một niềm cổ võ và khích-lệ lớn-lao sự biểu-dương và sự duy-tân của tổ-quốc là ánh-sáng chói-ngời của chân-lý.

Thưa Hồ chủ-tịch kính mến,

Đã hơn 13 năm nay, đế-quốc Mỹ tiến-hành một cuộc chiến-tranh xâm-lược cực kỳ dã-man và tàn-bạo ở MNVN, kế-tục và phát-huy truyền-thống cực-kỳ bất-khuất dân-tộc. Nhân-dân MNVN đã đứng lên chiến-đấu đánh bại mọi âm-mưu và kế-hoạch xâm-lược của đế-quốc Mỹ, đánh hết thắng-lợi này đến thắng lợi khác, từ đầu Xuân đến nay đồng-bào, chiến-sĩ và cán-bộ MN liên-tục tấn-công và nổi dậy đồng-loạt giáng cho Mỹ ngụy những đòn sấm-sét, đánh được những

1. Hồ sơ 857, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

thắng-lợi to lớn hết sức và toàn-diện. Những thắng-lợi đó đã mở ra một cục-diện mới hết sức thuận lợi cho nhân-dân MNVN, tạođiều-kiện để CM giải-phóng MN tiến lên mạnh-mẽ vững-chắc đi đến thắng lợi hoàn-toàn. Những thắng-lợi hết sức to lớn và toàn-diện của quân-dân MNVN đã dành được là thắng-lợi của đường lối chánh-trị, đường-lối quân-sự hoàn-toàn đúng-đắn và sáng-tạo của CM Việt-Nam, thắng-lợi của CM đoàn-kết và tinh-thần tr nh-đấu bất-khuất của 14 triệu nhân-dân MN đã thề "thà hy-sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất-định không chịu làm nô-lệ". Những thắng-lợi đó gắn liền với sự giúp-đỡ hết lòng hết sức hỗ-trợ phấn-hởi của 17 triệu đồng-bào MB gắn liền với sự chăm lo săn-sóc từng ngày từng giờ. Sự động-viên cổ-vỏ hết sức quý báu của Hồ chủ-tịch, lãnh-đạo vĩ-đại của dân-tộc đã suốt đời hy-sinh phấn-đấu cho sự-nghiệp giải-phóng cho dân-tộc.

Hiện nay tuy bị thua nặng và lâm vào tình-thế khó-khăn và nguy-khốn, đế-quốc Mỹ còn ngoan-cố và xảo-quyệt, vì vậy toàn-dânvà toàn-quân MN quyết đoàn-kết chặt-chẽ hơn nữa, luôn-luôn nêu cao cảnh-giác và tinh-thần quyết-chiến quyết-thắng ra sức phát-huy no đủ, sửa-chữa khuyết-điểm vượt qua mọi gian-khổ hy-sinh, đánh liên-tục, đánh đều khắp, đánh những thắng-lợi mới to lớn hơn nữa.

Trong những giờ phút hết sức sôi-nổi và oanh-liệt này của sự-nghiệp giải-phóng dân-tộc, MN xin hứa với Hồ chủ-tịch và 17 triệu đồng-bào ruột thịt MB rằng :

Chừng nào mà đế-quốc Mỹ chưa chấm-dứt chiến-tranh xâm-lược MNVN, để nhân-dân MNVN tự quyết-định lấy vận-mạng của mình thì nhân-dânNVN và các lực-lượng võ-trang yêu nước của mình đoàn-kết triệu người như một nắm chắc tay súng và quyết-tâm chiến-đấu đến cùng. Có như vậy mới xứng-đáng với lời khen của Hồ chủ-tịch không có gì quý hơn độc-lập tự-do, không có sức mạnh bạo-tàn nào không có thế-lực phản-động nào, không có thủ-đoạn xảo-quyệt nào có thể lay-chuyển được ý-chí quyết chiến-quyết thắng và ngăn-cản được nhân-dân NVN Tiến lên để thắng-lợi cuối cùng.

- 3 -

Cả MN quyết tiến lên liên-tục tấn-công và nổi dậy, và tiến công đánh bọn giặc Mỹ xâm-lược, đập tan ngụy-quyền và ngụy quân đánh lấy thắng-lợi hoàn-toàn. Cả MN quyết tiến lên hoàn-thành một cách đầy-đủ nhiệm-vụ trọng-đại của dân-tộc và nghĩa-vụ quốc-tế vẻ-vang thái-bình. MNVN nhất-định được giải-phóng, MB một lòng, toàn dân ta quyết-định thắng đế-quốc Mỹ. Tổ-quốc VN nhất định được thống-nhất.

Kính chúc Hồ Chủ-tịch mạnh khoẻ và sống lâu.

MNVN, ngày 12 tháng 5 năm 1968
UBTƯ/PTDTGPMNVN
Chủ-Tịch Chủ-Tịch-Đoàn
Luật-sư NGUYỄN-HỮU-THỌ

(Đài GP. 14.5.1968)



Toàn văn thư nêu rõ:

"Thưa Hồ Chủ tịch kính mến!

Giữa lúc toàn quân toàn dân miền Nam trên khắp các chiến trường đang thừa thắng xốc tới, liên tục tấn công và nổi dậy, giành được những thắng lợi mới hết sức to lớn và chuẩn bị mừng thọ Hồ Chủ tịch, thì thơ của Hồ Chủ tịch, từ trái tim cả nước đã truyền đến khắp miền Nam làm cho mọi người đều xúc động và nức lòng phấn khởi, tăng thêm nghị lực và niềm tin...

Trên khắp các đường phố ở Sài Gòn, Gia Định, Huế, Đà Nẵng cũng như vùng đồng bằng rộng mênh mông của Nam Bộ và núi rừng trùng điệp của Tây Nguyên, toàn thể đồng bào miền Nam và các lực lượng võ trang yêu nước không phân biệt già trẻ, gái trai, kinh, thượng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, đã lắng nghe từng lời nồng nàn và sâu sắc trong thơ của Hồ Chủ tịch, theo đó là một niềm cổ vũ và khích lệ lớn lao, sự biểu dương và sự duy tân của Tổ quốc là ánh sáng chói ngời của chân lý.

Thưa Hồ Chủ tịch kính mến!

Đã hơn 13 năm nay, đế quốc Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược cực kỳ dã man và tàn bạo ở miền Nam Việt Nam, kế tục và phát huy truyền thống cực kỳ bất khuất dân tộc, nhân dân miền Nam Việt Nam đã đứng lên chiến đấu đánh bại mọi âm mưu và kế hoạch xâm lược của đế quốc Mỹ, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ đầu Xuân đến nay, đồng bào, chiến sĩ và cán bộ miền Nam liên tục tấn công và nổi dậy đồng loạt giáng cho Mỹ – ngụy những đòn sấm sét, giành được những thắng lợi to lớn hết sức và toàn diện. Những thắng lợi đó đã mở ra một cục diện mới hết sức thuận lợi cho nhân dân miền Nam Việt Nam, tạo điều kiện để cách mạng giải phóng miền Nam tiến lên mạnh mẽ, vững chắc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Những thắng lợi hết sức to lớn và toàn diện của quân dân miền Nam Việt Nam đã giành được là thắng lợi của đường lối chánh trị, đường lối quân sự hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo của cách mạng Việt Nam, thắng lợi của cách mạng đoàn kết và tinh thần tranh đấu bất khuất của 14 triệu nhân dân

miền Nam đã thề "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Những thắng lợi đó gắn liền với sự giúp đỡ hết lòng hết sức hỗ trợ của 17 triệu đồng bào miền Bắc, gắn liền với sự chăm lo săn sóc từng ngày từng giờ, sự động viên cổ võ hết sức quý báu của Hồ Chủ tịch, lãnh đạo vĩ đại của dân tộc đã suốt đời hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng cho dân tộc.

Hiện nay, tuy bị thua nặng và lâm vào tình thế khó khăn và nguy khốn, đế quốc Mỹ còn ngoan cố và xảo quyệt, vì vậy toàn dân và toàn quân miền Nam quyết đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, luôn luôn nêu cao cảnh giác và tinh thần quyết chiến quyết thắng, ra sức phát huy no đủ, sửa chữa khuyết điểm, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, đánh liên tục, đánh đều khắp, giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

Trong những giờ phút hết sức sôi nổi và oanh liệt này của sự nghiệp giải phóng dân tộc, miền Nam xin hứa với Hồ Chủ tịch và 17 triệu đồng bào ruột thịt miền Bắc rằng:

Chừng nào đế quốc Mỹ chưa chấm dứt chiến tranh xâm lược miền Nam, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định lấy vận mạng của mình thì nhân dân miền Nam và các lực lượng võ trang yêu nước của mình đoàn kết triệu người như một, nắm chắc tay súng và quyết tâm chiến đấu đến cùng. Có như vậy mới xứng đáng với lời khen của Hồ Chủ tịch, không có gì quý hơn độc lập tự do, không có sức mạnh bạo tàn nào, không có thế lực phản động nào, không có thủ đoạn xảo quyệt nào có thể lay chuyển được ý chí quyết chiến, quyết thắng và ngăn cản được nhân dân Nam Việt Nam tiến lên để thắng lợi cuối cùng.

Cả miền Nam quyết tiến lên, liên tục tấn công và nổi dậy và tiến công đánh bọn giặc Mỹ xâm lược, đập tan ngụy quyền và ngụy quân, giành lấy thắng lợi hoàn toàn. Cả miền Nam quyết tiến lên hoàn thành một cách đầy đủ nhiệm vụ trọng đại của dân tộc và nghĩa vụ quốc tế vẻ vang thái bình. Miền Nam Việt Nam nhất định được giải phóng, miền

Bắc một lòng, toàn dân ta quyết định thắng đế quốc Mỹ. Tổ quốc Việt Nam nhất định được thống nhất"[1].

Phía Hoa Kỳ không đi vào giải quyết các vấn đề giữa hai bên như đã tuyên bố là trước hết giải quyết vấn đề về chấm dứt chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rồi mới đề cập đến các vấn đề khác liên quan. Hoa Kỳ đưa ra quan điểm nhằm thực hiện mưu đồ đưa cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Hoa Kỳ trở về thời điểm xuất phát năm 1954, với các đòi hỏi phi lý: Tôn trọng trong vùng phi quân sự theo Hiệp định Genève 1954; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đáp ứng xuống thang; miền Nam tự do chọn lựa chính thể của họ theo phương thức "*one man one vote*" (một người một phiếu bầu); tôn trọng trung lập Lào (Genève 62); tôn trọng trung lập Campuchia; Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng triệt thoát tất cả lực lượng.

Cùng luận điệu, ngày 15-5-1968, Phái bộ liên lạc của chính quyền Sài Gòn tại Paris phát đi bản "tuyên ngôn" với lập trường cơ bản: nêu lên tính hợp pháp của cái gọi là Việt Nam Cộng hòa – chính thể được thiết lập trên sự phủ nhận và phá hoại Hiệp định Genève về Việt Nam năm 1954; và đòi hỏi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954.

Tuy nhiên, mục đích chính yếu trong bản tuyên ngôn của chính quyền Sài Gòn không phải ở việc nêu lên lập trường đối với cuộc đàm phán về Việt Nam. Mục tiêu chính của bản tuyên ngôn hướng tới khẳng định trước dư luận vai trò của chính quyền Sài Gòn trong cuộc đàm phán mà họ đã bị gạt sang một bên; và nhắc nhở Hoa Kỳ phải có sự thảo luận với chính quyền Sài Gòn trước khi đưa ra bất kỳ quyết định gì liên quan đến Việt Nam. Ngay trong phần mở đầu của bản tuyên ngôn, chính quyền Sài Gòn đã nêu rõ: "... *Chính phủ*

1. Thư của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ – Chủ tịch Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 12-5-1968, Hồ sơ 857, ĐIICH, TTLTII.

VNCH với sự đồng ý hoàn toàn của các nước đồng minh, đã chấp thuận sáng kiến của đồng minh Hoa Kỳ là nước đang mở một cuộc hội đàm sơ bộ với nhà cầm quyền Bắc Việt trong mục đích tìm kiếm hòa bình. Tuy nhiên, cuộc hội đàm này không thể nào để cập sâu rộng đến vấn đề Việt Nam mà không có sự tham dự của VNCH, là nước sẽ đảm nhiệm vai trò chính yếu và quyết định khi bắt đầu những cuộc thương thuyết liên quan đến tương lai của VNCH"[1]. Tại điều 3 của bản tuyên ngôn, chính quyền Sài Gòn tỏ ra quyết liệt, thậm chí mang tính đe dọa khi nhắc nhở Hoa Kỳ rằng: *"Mọi sự dàn xếp có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến tương lai của nhân dân miền Nam Việt Nam phải được sự thỏa thuận trước và rõ rệt của những đại diện hợp pháp của họ, tức là Chính phủ VNCH. Mọi giải pháp không tôn trọng nguyên tắc căn bản này, chẳng những không đưa đến nền hòa bình mong muốn mà chỉ làm cho cuộc xung đột hiện nay trầm trọng thêm"*[2].

Trước những đòi hỏi vô lý của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, ngày 14-5-1968, trong bài phát biểu tại Trường đại học Alberta (Canada), Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant tỏ rõ lập trường ủng hộ quan điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ thực hiện một cuộc ngưng oanh tạc toàn diện vô điều kiện miền Bắc – vấn đề mà ông cho là bước đầu tiên hệ trọng để tiến tới hòa đàm[3].

Như vậy, trải qua tiến trình dài, từ tháng 1-1967, khi những "tín hiệu" hòa đàm được chính Tổng thống Johnson phát đi, đến thời điểm Hoa Kỳ bị Quân Giải phóng đánh một đòn "choáng váng" trong

1. Tuyên ngôn của Phái bộ liên lạc Việt Nam Cộng hòa tại Paris ngày 15-5-1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

2. Tuyên ngôn của Phái bộ liên lạc Việt Nam Cộng hòa tại Paris ngày 15-5-1968, *Tlđd.*

3. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

dịp Tết Mậu Thân 1968, buộc phải ngồi vào đàm phán, Hội nghị Paris về Việt Nam mới chính thức được khai mạc.



Diễn tiến của quá trình đi đến khai mạc Hội nghị Paris về Việt Nam cho thấy, chính quyền Hoa Kỳ đến với cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam thực tế không xuất phát từ mong muốn lập lại hòa bình cho nhân dân Việt Nam. Hoa Kỳ đổ quân, vũ khí và tiền bạc vào một cuộc chiến tranh không có lối thoát, khiến Hoa Kỳ bị chia rẽ sâu sắc. Dư luận Hoa Kỳ không ngừng kêu gọi chính phủ phải rút quân về nước, chấm dứt can thiệp vào Việt Nam. Do đó, chính quyền Johnson đẩy mạnh cuộc chiến trên mặt trận ngoại giao – tạo ra thứ "bánh vẽ" nhằm hướng dư luận Hoa Kỳ và thế giới xa rời diễn biến nóng bỏng trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Song cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam Việt Nam trong dịp Tết Mậu Thân 1968 và những ngày sau đó đã làm nhân dân yêu chuộng hòa bình tại Hoa Kỳ và thế giới bừng tỉnh, khiến Hoa Kỳ rơi vào sự chia rẽ sâu sắc nhất trong lịch sử. Những tổn thất nặng nề về nhân lực, vật lực của Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh mà thắng lợi ngày càng xa vời khiến dư luận Hoa Kỳ công phẫn, đòi chính phủ thực hiện đàm phán, chấm dứt can thiệp vào Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ không còn giải pháp nào khác hơn là buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris.

Tuy nhiên, ngay từ phiên họp chính thức đầu tiên ngày 13-5-1968, chính quyền Johnson không đi vào giải quyết các vấn đề cơ bản mà đưa ra những đòi hỏi phi lý nhằm kéo dài cuộc đàm phán. Đồng thời, tại chiến trường miền Nam Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa ra sức thực hiện các cuộc hành quân "quét giữ" giải tỏa áp lực của Quân Giải phóng tại các đô thị, tiến tới đẩy lui và tiêu diệt chủ lực quân của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, âm mưu dùng thắng lợi quân sự làm sức ép trong đàm phán.

Phần hai

HOA KỲ LEO THANG CHIẾN TRANH – ĐÀM PHÁN TRÊN THẾ MẠNH

---

1. Chiến cuộc Hè – Thu năm 1968 và vòng đàm phán hai bên về Việt Nam

Bước vào tháng 5-1968, cục diện chiến tranh Việt Nam có sự diễn biến phức tạp. Trên mặt trận chính trị, ngoại giao, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã đạt nhiều thắng lợi to lớn. Cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân Việt Nam đón nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, trong đó có cả đông đảo các tầng lớp nhân dân tiến bộ Hoa Kỳ. Ngược lại, Hoa Kỳ ngày càng bị cô lập trên trường quốc tế. Phong trào phản đối chiến tranh, chống can thiệp Mỹ trong nước nổ ra rầm rộ ở khắp nơi. Đặc biệt phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ đã khiến Hoa Kỳ rơi vào tình trạng bị chia rẽ sâu sắc. Trong lĩnh vực ngoại giao, ngày 10-5-1968, Hoa Kỳ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris.

Tuy nhiên, trên mặt trận quân sự, chiến cuộc ở miền Nam Việt Nam lại diễn ra sự giằng co ác liệt. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa tiến hành chiến dịch "quét và giữ" với quy mô và cường độ lớn gây ra những khó khăn không nhỏ cho Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Các cơ sở cách mạng ở vùng đô thị bị bóc gỡ, triệt phá. Tại địa

bàn nông thôn, cơ sở hậu cần và địa bàn đứng chân của Quân Giải phóng bị uy hiếp mạnh.

Từ thực tế chiến trường, đầu tháng 5-1968, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam quyết định mở đợt 2 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường và tạo cú hích cho bàn đàm phán hòa bình về Việt Nam.

Đêm 4 rạng 5-5, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam mở màn đợt 2 Tổng tiến công bằng cuộc *"Tổng pháo kích"* vào các tỉnh ly, thị xã, chi khu, phi trường,... ở tổng cộng 127 địa điểm trên toàn miền Nam Việt Nam, *"đặc biệt tấn công tỉnh ly Hậu Nghĩa và tái đột nhập Thủ đô Sài Gòn - Gia Định"*[1]. Ở chiến trường miền Trung - Tây Nguyên, Quân Giải phóng mở cuộc tấn công quy mô vào Đông Hà và Huế. Đồng thời, điều động Sư đoàn 325C từ Khe Sanh xuống phía tây Dakto để tăng cường cho mặt trận B3 uy hiếp Kontum.

Đối với Sài Gòn - Gia Định, chiến trường chính của cuộc tổng tiến công đợt 2, Quân Giải phóng thực hiện một số kế hoạch táo bạo bằng cách sử dụng 23 tiểu đoàn tấn công Sài Gòn và vùng phụ cận; đồng thời đưa lực lượng đặc công và cơ sở cách mạng trong nội thị đánh phá mạnh tại các Chi khu 5, 6, 7 và 8. Không thực hiện phân tán lực lượng như cuộc tổng tấn công đợt 1, Quân Giải phóng tập trung đánh vào một số mục tiêu có giới hạn với hoả lực mạnh nhằm thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn.

Phía tây Sài Gòn được coi là chiến trường *Điểm*, Quân Giải phóng sử dụng lực lượng lớn gồm Sư đoàn CT9, Trung đoàn 1 Phân khu 2 và một tiểu đoàn của Trung đoàn 88, đánh mạnh vào các mục tiêu Trung tâm cải huấn Chí Hòa, Bộ Tư lệnh Biệt khu thủ đô, phi trường Tân Sơn Nhất.

---

1. Bản tổng kết hoạt động tháng 6-1968 của Trung tâm hành quân, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16202, PTTg, TTLTII.

Theo báo cáo của Võ phòng, Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn cho thấy:

Tại chiến trường *Diện 1*, phía đông bắc Sài Gòn, với lực lượng gồm Trung đoàn Đồng Nai, Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 274, Tiểu đoàn 3 Dĩ An, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, Quân Giải phóng đánh vào các mục tiêu cầu Bình Lợi, cầu Xa Lộ, khu vực Hàng Xanh, khu vực cầu Thị Nghè và cầu Phan Thanh Giản.

Chiến trường *Diện 2*, phía nam Sài Gòn, lực lượng Quân Giải phóng gồm Tiểu đoàn Phú Lợi 2, Tiểu đoàn 508, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè, Tiểu đoàn 265 tiến công các mục tiêu khu vực cầu Nhị Thiên Đường, khu vực Khánh Hội, trại gia binh cầu chữ Y.

Trong khi đó, ở phía bắc Sài Gòn, Quân Giải phóng triển khai mũi thọc sâu đánh vào Biệt khu thủ đô chính quyền Sài Gòn và chạm súng với liên quân Mỹ - Sài Gòn tại các khu vực vành đai ngoài ở Long An, Bình Dương, Hậu Nghĩa[1].

Sau khi kết thúc cao điểm đầu của đợt 2 cuộc Tổng tiến công, cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 1968, Quân Giải phóng thực hiện cao điểm hai đánh vào trung tâm Sài Gòn - Gia Định. Tuy nhiên, do không còn yếu tố bí mật, bất ngờ, cao điểm hai của đợt 2 cuộc tổng tiến công không đạt được hiệu quả cao và gặp phải sự phản công mạnh của liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa. Nhất là từ cuối tháng 6-1968, chính quyền Thiệu đẩy mạnh chính sách chiến tranh với việc ban hành lệnh tổng động viên (ngày 19-6-1968); thực hiện kế hoạch "Tam thắng" (ngày 25-6-1968) giải tỏa Sài Gòn - Gia Định; tổ chức chiến dịch Phụng Hoàng (ngày 1-7-1968), huy động mọi nguồn lực, tập trung đánh mạnh vào cơ sở hậu cần và địa bàn đứng chân của Quân Giải phóng ở vùng nông thôn. Đẩy mạnh chính

1. Phiếu trình số 170/P.Th.T/VoP/2 ngày 18-5-1968 của Võ phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa về hoạt động VC, Hồ sơ 16175, PTTg, TTLTII.

sách chiến tranh, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn không chỉ hướng tới mục tiêu giành thế chủ động trên chiến trường mà còn âm mưu dùng sức ép quân sự, tạo thế mạnh trong đàm phán. Tuy nhiên, dù chiếm ưu thế hơn hẳn về người và phương tiện chiến tranh, nhưng trên chiến trường, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa không đạt được kết quả nào đáng kể. Kết thúc mùa Hè năm 1968, cục diện chiến trường miền Nam vẫn ở thế giằng co ác liệt. Và vì vậy, trên bàn đàm phán tại Paris, phái đoàn Hoa Kỳ tiếp tục lảng tránh đi vào thảo luận thực chất vấn đề.

Mặc dù, ngay trong tuyên bố ngày 3-5-1968 – tuyên bố đã được Tổng thống Johnson chấp nhận để đi đến bàn phán tại Paris, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác định rõ lập trường đối với vòng đàm phán hai bên về Việt Nam. Đó là, trước hết phải giải quyết vấn đề tiên quyết – thảo luận việc Hoa Kỳ chấm dứt mọi hành động chiến tranh, chống phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, rồi mới bàn đến các vấn đề khác liên quan đến hai bên. Và ngay từ phiên họp thứ hai của vòng đàm phán hai bên về Việt Nam, ngày 15-5-1968, Bộ trưởng Ngoại giao, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Xuân Thủy tiếp tục khẳng định lập trường nhất quán để tiến tới giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam là:

"1. Trước tiên Chính phủ Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom bắn phá trên toàn lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nhất là từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh).

2. Chính phủ Mỹ phải chấm dứt ngay mọi hành động chiến tranh khác như (thả truyền đơn, thả quà tâm lý, thả biệt kích vào Bắc Việt,...).

3. Chính phủ Mỹ phải thi hành điều kiện trên nhưng không được đặt bất cứ điều kiện gì với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Để tỏ ra mình có thiện chí, Chính phủ Mỹ phải thực hiện những đòi hỏi chính đáng và vô cùng bức thiết nêu trên. Về phần Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa với thiện chí đã cử đại diện tới Ba Lê nói chuyện chính thức và nghiêm chỉnh với đại diện của Mỹ"[1].

Ngược lại, ngay từ những phiên họp đầu tiên, phái đoàn Hoa Kỳ tránh né giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc mà liên tục đưa ra và thay đổi các luận điểm, đề nghị về giải quyết vấn đề chính trị của miền Nam Việt Nam. Tại phiên họp thứ nhất, ngày 13-5-1968, phái đoàn Hoa Kỳ âm mưu đưa cuộc chiến tranh Việt Nam trở về thời điểm năm 1954. Thì tại phiên họp thứ hai, ngày 15-5-1968, Harriman – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, đưa thêm một số giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam, như: *"Để cập tới một miền Nam Việt Nam độc lập và dân chủ; vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam do chính nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết; thống nhất Việt Nam bằng phương pháp ôn hòa và sự lựa chọn tự do của nhân dân hai miền Nam Bắc",...*[2]. Đến phiên họp thứ 9, ngày 19-6-1968, phái đoàn Hoa Kỳ tiếp tục đưa ra luận điệu xuyên tạc Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam:

"1. Hoa Kỳ tin tưởng rằng Hiệp định Genève 1954 có thể dùng làm căn bản vững chắc để tiến tới sự dàn xếp cho vấn đề Việt Nam.

2. Mục đích vùng phi quân sự là ***chia Việt Nam thành hai chính thể khác biệt*** *nhằm giảm các cuộc xung đột giữa hai phe, chứ không làm trở ngại cho việc thống nhất đất nước bằng phương tiện ôn hòa.*

3. Hoa Kỳ tán thành các biện pháp nêu tại Hiệp định Genève 1954, như việc ngưng chiến, tái lập vùng phi quân sự, từ bỏ mọi hành động

1. Bản tóm lược một số quan điểm về hòa bình số 1737 ngày 11-6-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tóm lược một số quan điểm về hòa bình số 1737 ngày 11-6-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

võ lực, sự kiểm soát quốc tế hữu hiệu, và tổng tuyển cử tự do, không bị cưỡng bức hoặc sự can thiệp ngoại giao"[1].

Trước những lời lẽ tráo trở và lập luận phi lý của phái đoàn Hoa Kỳ, tại phiên họp thứ tư, ngày 22-5-1968, Bộ trưởng Xuân Thủy vạch trần tính chất tay sai, bù nhìn cho chủ nghĩa thực dân mới Mỹ của chính quyền Sài Gòn. Đồng thời, ông mạnh mẽ truy vấn phái đoàn Hoa Kỳ về chính các đề nghị của họ, với các câu hỏi trực diện, như "*Liệu Hoa Kỳ có dám công nhận quyền tự quyết của nhân dân miền Nam không?*", và bao giờ Hoa Kỳ chấm dứt hành động chiến tranh chống phá miền Bắc? Bị truy vấn bất ngờ, Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ – Harriman tỏ ra lúng túng, trả lời tránh né. Với câu hỏi thứ nhất, ông ta nói: "*Tổng thống Johnson đã nói rằng, chúng tôi có mặt tại Việt Nam để bảo vệ quyền của nhân dân Nam Việt Nam trên căn bản mỗi người một lá phiếu*"[2]. Câu hỏi thứ hai, ông ta cũng trích lời Tổng thống Johnson trong tuyên bố ngày 31-3-1968: "*ngay chính cuộc oanh tạc hạn chế miền Bắc cũng có thể sớm chấm dứt, nếu sự hạn chế của chúng ta đáp ứng bằng một hạn chế của Hà Nội*"[3].

Do thái độ tránh né của Hoa Kỳ, các phiên họp tiếp theo trở thành "diễn đàn" tranh luận về tính chất của cuộc chiến tranh Việt Nam, về sự xâm lược của Hoa Kỳ và bản chất tay sai của chính quyền Sài Gòn,... mà không có sự tiến triển nào. Tuy nhiên, từ phiên họp thứ sáu, Hội nghị Paris về Việt Nam xuất hiện hiện tượng mới. Trong phiên họp thứ 6, ngày 31-5-1968, Harriman – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, trong lúc họp đã đề nghị với phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng

---

1. Công văn số 363/VP/M ngày 22-6-1968 về cuộc họp thứ lần thứ 9 ngày 19-6-1968 giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 870, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tóm lược một số quan điểm về hòa bình số 1737 ngày 11-6-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 834, ĐIICH, TTLTII.

3. Bản tóm lược một số quan điểm về hòa bình số 1737 ngày 11-6-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

hòa nghỉ giải lao 15 phút. Trong thời gian giải lao, phái đoàn Hoa Kỳ mời phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tới phòng riêng uống trà và *chỉ nói chuyện thời tiết*[1]. Và từ sau phiên họp thứ sáu, hiện tượng ngưng họp để giải lao trở thành lệ. Động thái trên của phái đoàn Hoa Kỳ thể hiện rõ chính sách đàm phán trì hoãn, hòng tìm kiếm những thắng lợi về quân sự làm thay đổi cục diện chiến trường, đi đến kết thúc chiến tranh trên thế mạnh của Hoa Kỳ.

Ngày 26-6-1968, tại phiên họp thứ 10, trong bài phát biểu dài, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Xuân Thủy đã mạnh mẽ chỉ trích thái độ đàm phán không nghiêm chỉnh của Hoa Kỳ. Toàn văn bài phát biểu của ông nêu rõ:

"Trong phiên họp trước, các ngài lại tiếp tục xuyên tạc tinh thần cơ bản của Hiệp nghị Genève, tô điểm cho ngụy quyền Sài Gòn và vẫn không chịu xác định "việc chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Hôm nay, tôi phát biểu ý kiến thêm về vấn đề này.

Mỹ đã xuyên tạc nội dung cơ bản của Hiệp nghị Genève 1954 về Việt Nam nhằm phục vụ cho âm mưu xâm lược của Mỹ:

Sau gần một thế kỷ dưới ách thực dân, nhân dân Việt Nam đã đấu tranh không mệt mỏi để thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc và đã thành công trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Bản Tuyên ngôn độc lập của nhân dân Việt Nam được công bố trước nhân dân thế giới vào ngày 2-9-1945 và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời từ đó. Ngày 6-1-1946, cuộc tổng tuyển cử đã được tiến hành trong cả nước Việt Nam, để bầu ra Quốc hội và tháng 11-1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua bản hiến pháp đầu tiên

1. Phiếu gửi số 330 BNG/VP/M phúc trình hoạt động từ ngày 31-5 đến 5-6 của Phái đoàn liên lạc Việt Nam Cộng hòa tại Paris, Hồ sơ 780, ĐIICH, TTLTII.

trong lịch sử Việt Nam. Nhưng thực dân đã gây chiến tranh xâm lược trở lại. Mặc dù được Mỹ ủng hộ và giúp đỡ, chiến tranh xâm lược đó đã thất bại. Cuộc kháng chiến yêu nước của nhân dân Việt Nam đã đạt được thắng lợi vẻ vang. Chính trong điều kiện lịch sử đó mà Hiệp nghị Genève 1954 về Việt Nam được ký kết.

Điều kiện lịch sử đó đã quyết định tinh thần, nguyên tắc cơ bản và điều khoản chủ yếu của Hiệp nghị Genève về Việt Nam.

Tinh thần quán triệt của Hiệp nghị đó là, chống đế quốc, thực dân và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Trên cơ sở đó đảm bảo hòa bình thực sự, vững chắc và lâu dài ở Việt Nam và Đông Dương.

Nguyên tắc cơ bản của Hiệp nghị Genève là công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cấm nước ngoài không được can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Điều khoản chủ yếu của Hiệp nghị Genève là quân đội xâm lược phải tập kết phía Nam giới tuyến quân sự tạm thời được quy định ở vĩ tuyến 17 để chờ ngày rút khỏi Việt Nam. Giới tuyến quân sự tạm thời bị xóa bỏ, nước Việt Nam sẽ được thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956. Hiệp nghị Genève còn cấm liên minh quân sự với nước ngoài, cấm nước ngoài đưa quân đội, dụng cụ chiến tranh và đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam.

Ai cũng nhớ rằng trong phiên họp cuối cùng của Hội nghị Genève ngày 20-7-1954, đại diện của Mỹ là B. Smith đã long trọng tuyên bố không "xâm phạm đến Hiệp nghị bằng đe dọa dùng vũ lực hoặc bằng cách dùng vũ lực".

Nhưng vốn không thích thú Hiệp nghị Genève mà bắt buộc phải thừa nhận, nên ngay ngày hôm sau (21-7-1954), Tổng thống Mỹ Eisenhower lại tuyên bố rằng "Mỹ không tham gia những quyết định của hội nghị cho nên không bị quyết định đó ràng buộc".

Giờ đây, phía Mỹ lại cho rằng Mỹ vẫn tin tưởng là hòa bình có thể và phải được lập lại trên cơ sở những điều cơ bản của Hiệp định Genève. Như vậy, chẳng qua là Mỹ lại dùng một thủ đoạn mới để tiếp tục phá hoại Hiệp định Genève về Việt Nam và tiếp tục âm mưu xâm lược.

Mỹ đã lảng tránh những nguyên tắc cơ bản và điều khoản chủ yếu có giá trị vĩnh viễn của Hiệp nghị mà chỉ dựa vào những điều khoản quy định biện pháp tạm thời gắn liền với việc ngừng bắn để thực hiện ý đồ đen tối của Mỹ. Về vấn đề này tôi đã vạch rõ trong nhiều lần trước đây và sẽ dành quyền nói trở lại sau này. Hôm nay, tôi chỉ nói đến mấy đều xuyên tạc Hiệp nghị Genève đã nêu ra trong bài phát biểu ngày 19-6-1968 của phía Mỹ.

a) Theo Mỹ thì điều khoản cơ bản thứ nhất của Hiệp nghị Genève là tập kết và chuyển quân.

Nhưng theo đúng Hiệp định Genève thì những điều khoản về tập kết và chuyển quân chỉ là tạm thời và được quy định để thực hiện ngừng bắn và rút quân đội xâm lược ra khỏi Việt Nam. Điều cơ bản là công nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

b) Theo Mỹ thì điều khoản cơ bản thứ hai là việc thành lập khu phi quân sự. Nhưng rõ ràng là khu phi quân sự gắn liền với giới tuyến quân sự tạm thời và có tính chất tạm thời như giới tuyến. Trong khi cho rằng đây là điều khoản cơ bản, ý đồ của Mỹ là nhằm thay đổi tính chất của giới tuyến quân sự tạm thời, biến nó thành biên giới chính trị và lãnh thổ, vĩnh viễn, mặc dù Mỹ cố chối cãi điều đó.

c) Theo Mỹ thì điều khoản cơ bản thứ ba là "hai bên không được dùng vũ lực nữa". Mỹ lấy việc hai bên cùng ngừng bắn, trong thời kỳ 1954-1955 làm thành nguyên tắc, để ngăn cản cuộc đấu tranh giải phóng sáng ngời chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống xâm lược Mỹ và tay sai.

d) Mỹ cho rằng điều cơ bản thứ tư là phải có sự giám sát quốc tế. Nhưng thực ra Mỹ muốn lợi dụng sự giám sát quốc tế để vĩnh viễn thống trị Việt Nam.

e) Mỹ cho rằng việc xác định tương lai chính trị phải do nhân dân Việt Nam và phải có hòa bình thì nhân dân mới có thể tự do biểu thị ý nguyện của mình. Nhưng chính Mỹ đã phá hoại những biện pháp cụ thể để thực hiện hòa bình thống nhất Việt Nam.

Đặc biệt là phía Mỹ đã xuyên tạc Hiệp định Genève để bào chữa cho ngụy quyền Sài Gòn một cách rất gượng gạo và khá trơ trẽn.

Ngụy quyền Sài Gòn chỉ là một công cụ của Mỹ để nô dịch nhân dân miền Nam, phục vụ cho chiến tranh xâm lược của Mỹ phá hoại Hiệp định Genève:

Trong các phiên họp trước, tôi đã nhiều lần vạch trần tính chất bất hợp pháp của chính quyền tay sai do Mỹ dựng lên ở miền Nam Việt Nam nhằm phục vụ chính sách xâm lược và nô dịch của Mỹ. Giờ đây phía Mỹ lại đi ngược lên xa hơn lịch sử cho rằng chính quyền đã "có trước Hiệp nghị Genève" để tìm ra một cơ sở "hợp pháp" cho nó.

Nhưng, mọi người đều biết, ngay trong cuộc chiến tranh Đông Dương trước đây, đi đôi với tăng cường can thiệp về quân sự, Mỹ đã có âm mưu dần dần tạo nên một chính quyền bù nhìn thân Mỹ dưới chiêu bài "độc lập" giả hiệu, theo chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ. Âm mưu của Mỹ là sử dụng chính quyền đó vừa làm công cụ để chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, vừa để cho Mỹ có thể dễ dàng can thiệp sâu vào Việt Nam.

Cho nên bọn bù nhìn đó chẳng những không đại diện cho nhân dân mà còn bị nhân dân chống lại và cuối cùng chúng đã phải "tập kết" theo quân đội thực dân vào miền Nam và theo Hiệp định Genève 1954, nó chỉ có trách nhiệm quản lý hành chính tạm thời trong lúc chờ đợi tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam.

Từ sau khi có Hiệp nghị Genève thì việc Mỹ tạo nên ở miền Nam Việt Nam một quốc gia riêng rẽ bằng các trò hề "trưng cầu dân ý" lập "nước Cộng hòa Việt Nam", ban hành "Hiến ước tạm thời" đồng thời cự tuyệt tổng tuyển cử để thống nhất Việt Nam vào tháng 7 năm 1956 là hoàn toàn trái với Hiệp nghị Genève về Việt Nam. Vì vậy sự tồn tại của cái gọi là "nước Cộng hòa Việt Nam" với các thể chế quốc gia của nó sau tháng 7 năm 1956 lại càng bất hợp pháp.

Mỹ lại còn rêu rao về cái trò hề "bầu cử", "hiến pháp", "thượng hạ nghị viện" của bọn Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ hiện nay. Tôi đã vạch trần những trò bịp này trong các bài phát biểu trước của tôi nhất là trong ngày 12-6-1968. Hôm nay, tôi xin nói thêm một số điểm.

Sau khi Diệm - Nhu chết, trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân và với thủ đoạn "nay dùng mai bỏ" như thay áo, chỉ trong vòng 19 tháng, từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965, qua 13 lần đảo chính và có lúc mệnh danh là "chỉnh lý nội bộ", Mỹ đã thay đổi nhiều kiểu ngụy quyền, nhiều hạng tay sai, mà không tài nào ổn định được ngụy quyền.

Trong lúc đó, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ bị phá sản. Mỹ bắt đầu đưa quân viễn chinh Hoa Kỳ tiến hành "chiến tranh cục bộ" xâm lược miền Nam Việt Nam. Đồng thời, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc Việt Nam. Vì đã tự bóc trần bộ mặt xâm lược thực dân, cho nên Mỹ càng phải cố gắng xây dựng và củng cố ngụy quyền làm chỗ dựa về chánh trị, hòng che dấu bớt tính chất "chiến tranh xâm lược" của Mỹ. Mỹ đã đưa những tên tay sai hung hăng, hiếu chiến nhất, như Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ ra cầm đầu bộ máy ngụy quyền và ngụy quân. Đồng thời, Mỹ đã ruồng bỏ nhiều tay sai khác mà chúng thấy không cần thiết nữa, thậm chí đầy đọa và buộc họ phải sống lưu vong ở nước ngoài.

Từ khi Thiệu - Kỳ lên cầm đầu ngụy quyền, ngụy quân, cuộc đấu tranh của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng

ngày càng tăng cường và thắng lợi, sự lục đục tan rã của ngụy quyền Sài Gòn càng diễn ra liên tục. Trước tình hình ấy, Mỹ phải đề cả một kế hoạch củng cố và ổn định ngụy quyền, cố tạo lại cho nó cái mặt nạ dân chủ và hợp pháp. Trong vòng mấy tháng, Mỹ đã đạo diễn cho bọn tay sai tiến hành nào là "bầu cử quốc hội lập hiến", thảo "hiến pháp", "bầu cử Tổng thống", "thượng nghị viện" và "hạ nghị viện".

Nhưng nhân dân miền Nam tiếp tục thắng lợi, đã bước sang thời kỳ mới, tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt từ tháng 1-1968 đến nay, cho nên những trò hề này kết thúc chưa được 7 tháng thì cái gọi là "chính phủ dân sự" do Nguyễn Văn Lộc làm thủ tướng đã bị phế bỏ. Trần Văn Hương đã bị gạt bỏ năm 1965, lại được Mỹ cho ra lập "chính phủ" bù nhìn. Một cuộc tranh giành quyền hành địa vị đang diễn ra gay gắt giữa Thiệu và Kỳ và giữa bọn bù nhìn khác với nhau.

Nếu Ngô Đình Diệm đã lộ nguyên hình là tên bạo chúa thời Trung cổ, thì bọn Thiệu – Kỳ ngày nay tàn ác cũng không kém. Được đội quân viễn chinh xâm lược Mỹ trên nửa triệu người đứng bên cạnh, chúng đã và đang huy động ngụy quân và lực lượng cảnh sát hàng ngày dùng các loại dụng cụ chiến tranh và vũ khí hiện đại của Mỹ, kể cả máy bay chiến lược, bom napan, chất độc hóa học và hơi độc, giết hại nhân dân miền Nam Việt Nam. Chúng dồn dân, cướp đất, lập những vành đai trắng và những trại tập trung kiểu phát xít, ngụy trang dưới nhiều tên từ "khu trù mật" đến "ấp chiến lược", "ấp tân sinh". Thực hiện chính sách "phá sạch, đốt sạch, giết sạch", chúng đã hủy diệt từng thôn, ấp, có trận giết chết hoặc thiêu sống một lúc hàng mấy trăm người. Chúng đã đem quân đội và cảnh sát đàn áp hết sức khốc liệt nhân dân các thành thị đứng lên chống chế độ độc tài, quân sự, đòi độc lập tự do, đòi dân sinh, dân chủ, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ,.... Chúng đã dựng trường bắn ngay giữa thành phố Sài Gòn để bắn giết những người yêu nước. Gần đây, chúng đã dùng máy bay, đại bác, ném bom, bắn phá, hủy nhiều khu phố đông dân ở các thành phố, nhất là Huế, Sài Gòn làm cho hàng vạn người bị chết, hàng chục vạn người không

nơi ăn chốn ở, chiếu đất, màn trời. Trắng trợn hơn nữa, Thiệu – Kỳ còn ra đạo luật đặt những người cộng sản và trung lập ra ngoài vòng pháp luật để đàn áp, khủng bố những ai chống lại chánh sách làm tay sai cho Mỹ của chúng. Bất kỳ người nào nói đến hòa bình, trung lập, nói đến chống chiến tranh cũng đều bị chúng khủng bố. Nhiều nhà tu và tín đồ các tôn giáo, nhiều sinh viên và trí thức, cả những nhà công thương yêu nước đã bị chúng bắt bớ giam cầm.

Chỉ trong mười mấy năm qua, theo số liệu chưa đầy đủ, Mỹ và tay sai ở miền Nam Việt Nam đã giết chết hơn 170.000 người, làm bị thương và tra tấn đến tàn phế hơn 800.000 người (trong đó có hơn 150.000 là phụ nữ và trẻ em), giam cầm trên 500.000 người trong hơn 1.000 nhà tù, đó là chưa kể chúng giam 5.000.000 người trong 8.000 trại giam trá hình và "ấp chiến lược". Chúng đã hãm hiếp hơn 40.000 phụ nữ, trong đó có nhiều em bé và người tu hành. Chúng đã mổ bụng, moi gan, chôn sống trên 5.000 người.

Mỹ và tay sai còn bóc lột hà khắc công nhân, nông dân và nhân dân lao động, bóp nghẹt và làm phá sản các ngành công thương nghiệp và thủ công nghiệp, đưa nền công, nông nghiệp của miền Nam Việt Nam vào tình trạng đình đốn, hoàn toàn lệ thuộc vào kinh tế, tài chính Mỹ. Về nông nghiệp, miền Nam là nơi xuất cảng lúa. Trước đây, hàng năm vẫn bán ra trên nửa triệu tấn gạo, thì nay phải nhập cảng của Mỹ và các nước chư hầu Mỹ một khối lượng gạo tương tự. Từ cây kim, sợi chỉ đều phải mua của Mỹ. Nạn thất nghiệp càng ngày càng tăng, chẳng những Mỹ, ngụy không giải quyết mà còn lợi dụng để bắt thanh niên đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng và đưa phụ nữ vào con đường sa đọa.

Ngụy quyền Sài Gòn đã đem văn hóa đồi trụy, ngoại lai của Mỹ đầu độc nhân dân miền Nam Việt Nam, làm cho phong hóa suy đồi, luân thường đảo ngược, phong tục, tập quán tốt đẹp lâu đời của nhân dân Việt Nam bị chà đạp, ai thấy cũng căm thù. Trần Ngọc Liễng, Bộ trưởng Thanh niên lúc Nguyễn Cao Kỳ làm thủ tướng đã thú nhận:

"nạn mãi dâm hiện nay đang bành trướng khủng khiếp và số thanh niên phạm pháp lên đến con số 300.000" (UPI 26-8-1966).

Tình trạng tham nhũng, thối nát, tranh ăn trong bọn cầm đầu ngụy quân và ngụy quyền trở thành một căn bệnh không thể nào chữa được. Một báo cáo của tiểu ban về tị nạn trong Thượng nghị viện Mỹ gần đây nhất cũng phải nhận rằng "sự tham nhũng đầy rẫy ở mọi cấp chính quyền Sài Gòn ".

Tóm lại, từ Diệm – Nhu đến Thiệu – Kỳ, ngụy quyền Sài Gòn chẳng những là hoàn toàn bất hợp pháp, trái với Hiệp nghị Genève mà chúng đã "bán đứng miền Nam Việt Nam cho đế quốc Mỹ. Chúng áp bức, bóc lột đồng bào miền Nam một cách vô cùng tàn bạo. Chúng bắt thanh niên miền Nam đi lính cho Mỹ giết hại đồng bào. Chúng còn bày trò xây dựng hiến pháp, bầu cử để mị dân. Chúng chỉ là một bọn Việt gian bán nước, hại dân, một công cụ của đế quốc Mỹ, để nô dịch nhân dân miền Nam, chia cắt lâu dài nước Việt Nam và phục vụ chiến tranh xâm lược của Mỹ" (Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam).

Hàng ngày những hành động man rợ của chúng đã phá hoại sự sống còn của nhân dân và đất nước, động chạm đến nền văn hóa nghìn năm của dân tộc, lương tâm tình cảm con người, không một người Việt Nam yêu nước nào không căm thù nguyền rủa chúng.

Ở miền Nam Việt Nam, người đại diện chân chính của nhân dân là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam:

Đẻ ra trong phong trào yêu nước của nhân dân chống Mỹ và tay sai, lớn lên cùng với sự lớn mạnh của phong trào, Mặt trận ngày càng có cơ sở vững mạnh và ảnh hưởng sâu rộng. Mặt trận bao gồm trên 40 tổ chức yêu nước của các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam phản ánh khối đại đoàn kết toàn dân, chống Mỹ, cứu nước. Mặt trận đã tổ chức, lãnh đạo cuộc kháng chiến ngày càng thắng lợi, giải phóng phần lớn đất đai, dân số, cấp cho

nông dân hai triệu hécta ruộng đất và đã trở thành một chính quyền trên thực tế, một chính quyền dân chủ, bảo vệ nhân dân, phát triển kinh tế và văn hóa, chăm lo đời sống của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Lực lượng vũ trang của Mặt trận đã từ những đơn vị nhỏ tiến lên những sư đoàn, từ trang bị vũ khí thô sơ, tiến lên trang bị vũ khí ngày càng hiện đại, từ chiến đấu lẻ tẻ tiến lên đánh tập trung vận động, giành những thắng lợi ngày càng to lớn.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dân miền Nam Việt Nam không những giành được thắng lợi to lớn ở miền Nam Việt Nam mà cả ở trên trường quốc tế. Ngót 20 nước đã nhận cơ quan đại diện chính thức của Mặt trận đặt tại nước mình. Mặt trận cũng có đại diện chính thức trong nhiều tổ chức quốc tế dân chủ của nhiều từng lớp trên thế giới. Mặt trận đã cử đại biểu tham dự hơn 70 kỳ họp của các hội nghị quốc tế và quốc gia, hơn 80 lần đi thăm hữu nghị nhiều nước ở châu Á, Phi, Mỹ latinh và châu Âu. Nhiều nước, nhiều tổ chức quần chúng sẵn sàng đưa quân tình nguyện sang giúp nhân dân miền Nam Việt Nam, giúp Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Mặt trận tiếp tục vẻ vang truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, là lực lượng chính trị to lớn đảm đương nhiệm vụ lịch sử hiện nay là chiến thắng xâm lược Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam Việt Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần bảo vệ hòa bình Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.

Liên minh các lực lượng, dân chủ và hòa bình Việt Nam vừa được thành lập ở miền Nam Việt Nam do Luật sư Trịnh Đình Thảo đứng đầu tuyên bố kiên quyết chống ngoại xâm, đánh đổ toàn bộ chế độ bù nhìn Thiệu - Kỳ, giành độc lập dân chủ và hòa bình, tỏ ý đoàn kết với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do Luật sư Nguyễn

Hữu Thọ đứng đầu. Rõ ràng là ở miền Nam Việt Nam, mặt trận chống Mỹ và tay sai ngày càng mở rộng.

Cơ sở của sức mạnh, uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là ở đâu? Chính là ở chỗ Mặt trận là tiêu biểu cho những nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị của Mặt trận đã nói rõ: "Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng rãi, xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc" đúng theo quyền dân tộc mà hiệp nghị Genève 1954 đã quy định.

Để thực hiện mục tiêu của mình, khi nói về việc "thực hiện một chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ", Mặt trận đã nêu rõ là:

"Xóa bỏ chế độ thuộc địa trá hình do đế quốc Mỹ đặt ra ở miền Nam Việt Nam: đánh đổ ngụy quyền bù nhìn tay sai Mỹ, không thừa nhận quốc hội bù nhìn do đế quốc Mỹ và tay sai nặn ra; bãi bỏ hiến pháp và mọi luật lệ phản dân tộc, phản dân chủ của đế quốc Mỹ và ngụy quyền".

"Tổ chức tổng tuyển cử tự do, bầu ra quốc hội một cách thật sự dân chủ, theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội đó sẽ là cơ quan nhà nước có quyền lực cao nhất ở miền Nam Việt Nam; nó sẽ xây dựng một hiến pháp dân chủ thể hiện đầy đủ nguyện vọng cơ bản và tha thiết nhất của các tầng lớp nhân dân miền Nam, bảo đảm thiết lập một cơ cấu nhà nước dân chủ rộng rãi và tiến bộ. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm của các đại biểu quốc hội".

"Thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc và dân chủ bao gồm những người tiêu biểu nhất của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái yêu nước và dân chủ, các nhân sĩ yêu nước, các lực lượng đã góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc"....

Chỉ có dựa trên cơ sở đúng đắn của Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam thì ở miền Nam Việt Nam mới có được một quốc hội thực sự do dân bầu ra, có một hiến pháp dân chủ và mới có thể thành lập một chính phủ liên hiệp dân tộc và dân chủ thực sự đại diện cho nhân dân.

Cương lĩnh chính trị của Mặt trận cũng đã có những chính sách cụ thể:

– Xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, cải thiện dân sinh.

– Thi hành chính sách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng.

– Xây dựng văn hóa, giáo dục dân tộc và dân chủ phát triển khoa học và phát triển y tế.

– Đảm bảo quyền lợi và chăm lo đời sống của công nhân, lao động và viên chức.

– Biết ơn các liệt sĩ, chăm sóc thương binh, khen thưởng các chiến sĩ và đồng bào có thành tích trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

– Tổ chức cứu tế xã hội.

– Thực hiện nam nữ bình đẳng, bảo vệ người mẹ và trẻ em.

– Tăng cường đoàn kết các dân tộc; thực hiện bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc.

– Tôn trọng tự do tín ngưỡng, thực hiện đoàn kết và bình đẳng giữa các tôn giáo.

– Hoan nghênh sĩ quan, binh lính ngụy quân và nhân viên công chức ngụy quyền trở về với chính sách; khoan hồng và đối xử nhân đạo với hàng binh và tù binh.

– Bảo vệ quyền lợi kiều bào ở nước ngoài.

– Bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều ở miền Nam Việt Nam.

Về việc thống nhất Tổ quốc, Mặt trận chủ trương:

1. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ tiến hành từng bước bằng phương pháp hòa bình, theo nguyên tắc hai miền cùng nhau thương lượng, không bên nào ép buộc bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài.

2. Trong khi nước nhà chưa thống nhất, nhân dân hai miền luôn luôn cùng nhau chung sức chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, đồng thời ra sức mở rộng trao đổi kinh tế văn hóa với nhau, nhân dân hai miền được tự do gửi thư cho nhau, tự do đi lại và cư trú.

Về đối ngoại, Mặt trận thi hành chính sách ngoại giao hòa bình và trung lập, bảo đảm độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhà và giữ gìn hòa bình thế giới. Mặt trận chủ trương đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội, theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, chung sống hòa bình"...

Nêu lên một số điểm về vị trí, vai trò, cương lĩnh chính trị chung và một số chính sách cụ thể của Mặt trận rõ ràng ai cũng thấy được rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện chân chính cho nhân dân miền Nam, còn cái gọi là "quốc hội", "hiến pháp", "tổng thống", "chính phủ" do Mỹ dựng lên ở miền Nam Việt Nam hiện nay đều là phản động bất hợp pháp và vô giá trị. Chương trình và những hành động của chúng đều là phản dân hại nước.

Chẳng những Mỹ uổng công tô vẽ cho nó mà Mỹ càng tô vẽ, bảo vệ, nó lại càng chứng tỏ nó là con đẻ của Mỹ, để thực hiện chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ và làm chỗ dựa cho Mỹ trong chiến tranh xâm lược.

3. Phải làm gì để cuộc nói chuyện ở Paris tiến triển tốt:

Sự thực đã rõ ràng: trong khi tiến hành chiến tranh cục bộ để xâm lược miền Nam Việt Nam, trong khi tiến hành chiến tranh phá hoại chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mỹ đã phá hoại toàn bộ Hiệp nghị Genève 1954 về Việt Nam, phá hoại nguyên tắc cơ bản và điều khoản chủ yếu của Hiệp nghị, phá hoại độc lập, thống nhất và hòa bình ở Việt Nam, đe dọa an ninh và hòa bình của các dân tộc ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Muốn giải quyết vấn đề Việt Nam cho phù hợp với Hiệp nghị Genève và tình hình thực tế hiện nay không phải là xuyên tạc Hiệp nghị để hòng hợp pháp hóa việc xâm lược miền Nam Việt Nam mà phải thực hiện đúng nguyên tắc cơ bản và điều khoản chủ yếu của Hiệp nghị Genève thể hiện trong lập trường 4 điểm của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước mắt là Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Lúc mới vào hội nghị, phía Mỹ cố lảng tránh vấn đề chủ yếu của cuộc nói chuyện, nhưng trước tình hình ngày càng bất lợi cho Mỹ, trước những lý lẽ của chúng tôi, phía Mỹ lại xoay ra nói Mỹ "sẵn sàng chấm dứt ném bom vào thời gian và hoàn cảnh thích hợp". Nhưng Mỹ lại đòi phải thảo luận những vấn đề có liên quan trước. Trong phiên họp thứ 8, tôi đã kiên quyết bác bỏ luận điểm sai trái đó của phía Mỹ. Tôi đã chỉ rõ là thời gian hiện nay, hoàn cảnh hiện nay là thích hợp cho việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng các phiên họp trước cũng như hôm nay phía Mỹ lại vẫn đánh trống lảng.

Vừa đây Phó Tổng thống Mỹ Humphey đã đưa ra luận điệu về "ngưng bắn".

Phía Mỹ hòng làm lẫn lộn kẻ đi xâm lược và người chống xâm lược, nhằm lừa bịp dư luận thế giới và dư luận Mỹ là Chính phủ Mỹ "có thiện chí". Sự thực là Mỹ đưa ra luận điệu đó để lảng tránh việc chấm

dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác trên toàn bộ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà nhân dân Việt Nam và dư luận thế giới đang đòi hỏi.

Trong khi tung ra những luận điệu bịp bợm, trong đó có đề nghị "ngưng bắn", cùng "xuống thang từng bước",... Mỹ vẫn ra sức tăng cường đánh phá một bộ phận quan trọng lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh, tăng quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, cho máy bay B.52 tàn sát nhân dân miền Nam Việt Nam, đặc biệt là quanh vùng Sài Gòn – Chợ Lớn, xin thêm tiền và tăng thuế để chi tiêu cho cuộc chiến tranh bẩn thỉu xâm lược Việt Nam.

Mỹ tiếp tục tăng cường chiến tranh, nhân dân Việt Nam phải tiếp tục đánh lại. Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, nhưng hòa bình phải trong độc lập tự do. Mỹ tiếp tục xâm lược, Mỹ không thể đòi nhân dân Việt Nam ngừng chống xâm lược được.

Cuộc nói chuyện ở Paris không tiến triển được là do lập trường xâm lược của Mỹ, do thái độ quanh co của Mỹ. Tôi xin nhắc lại và nhấn mạnh muốn cho cuộc nói chuyện tiến triển trước hết Mỹ phải chấm dứt ngay và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau đó bàn những vấn đề khác liên quan đến hai bên"[1].

1. Phát biểu của Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại phiên họp thứ 10 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 26-6-1968, Hồ sơ 856, ĐIICH, TTLTII.

Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1967[1]

770/04

TỐI-MẬT

CƯƠNG LĨNH CHÁNH TRỊ
của
MẶT TRẬN DÂN-TỘC GIẢI - PHÓNG MIỀN - NAM

I.- ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC .-

1.- Trải qua 4 nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt-Nam ta đã từng đoàn kết, chiến đấu chống ngoại xâm để giữ gìn độc lập, tự do.

Từ khi nước ta bị thực dân Pháp xâm chiếm, dân-tộc ta đã chiến đấu không ngừng để tự giải phóng. Năm 1945, nhân dân ta từ Bắc đến Nam vùng lên làm cách mạng tháng 8 thắng lợi giành lấy Chánh-quyền từ tay bọn quân-phiệt Nhật và bè lũ tay sai của chúng, lập nên nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa.

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, toàn dân ta đã chiến đấu anh dũng trong ngót 9 năm, đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đến thắng lợi vĩ đại Điện-Biên-Phủ, đập tan mưu mô xâm lược của thực-dân Pháp và chính sách can thiệp của Đế-Quốc Mỹ.

Độc lập, Chủ-quyền, Thống-nhứt và toàn vẹn lãnh-thổ của nước Việt-Nam đã được Hội - Nghị Genève năm 1954 chính thức công nhận.

Đáng lẽ từ đó đồng bào miền Nam ta cùng đồng bào cả nước sống trong hòa-bình và xây-dựng cuộc đời tự-do, hạnh phúc. Nhưng, Đế Quốc Mỹ phá hoại Hiệp-Định Genève, hất cẳng thực dân Pháp dựng nên ở miền Nam Việt-Nam một chế độ tay sai cực kỳ tàn bạo, mưu biến miền Nam Việt-Nam thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ Quân-sự của chúng, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta tiến lên xâm chiếm cả nước Việt-Nam và đặt ách thống trị của chúng ở khắp Đông-Dương và Đông-Nam Á.

Đế-Quốc Mỹ không từ một thủ đoạn tàn bạo nào để thực hiện mưu mô đen tối của chúng. Thất bại trong chiến tranh đặc biệt chúng chuyển sang chiến tranh Cục Bộ, dùng hơn nửa triệu Quân-Mỹ và Quân chư hầu, với hơn nửa triệu Quân-Ngụy, xâm lược miền Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Chúng còn đẩy mạnh chiến tranh đặc biệt ở Lào và không ngừng khiêu khích nhằm phá hoại nền độc lập và trung-lập của Căm-pu-Chia.

Hàng ngày Đế Quốc Mỹ gây ra biết bao đau thương, tang tóc cho đồng bào cả nước ta ! Chúng dùng các loại dụng cụ chiến tranh và vũ-khí hiện đại, kể cả máy bay chiến lược, bom Na-pan, chất độc hóa học và hơi độc để giết hại đồng-bào ta. Chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân, càn đi quét lại nhiều vùng, thi hành chính sách giết sạch đốt sạch, phá sạch để triệt hạ các làng mạc, thôn,

..../2..

1. Hồ sơ 770, PTTg, TTLTII.

770/7

- 2 -

ấp. Chúng dồn dân, cướp đất, lập những vành đai trắng và những trại tập trung kiểu Phát-Xích mà chúng gọi là ấp chiến lược, khu trù mật, khu tập cư v.v... Đối với miền Bắc, chúng ném bom, bắn phá bừa bãi các phố xá, làng mạc, khu công-nghiệp, vùng đông dân cư, bắn phá cả đê đập, trường học, bệnh viện, nhà thờ, chùa chiền.

Rõ ràng Đế Quốc Mỹ là kẻ xâm lược tàn bạo nhất trong lịch sử, là kẻ phá hoại Hiệp-Định Genève năm 1954, phá hoại hòa-bình và an-ninh của các dân tộc Đông-Dương, Đông-Nam-Á và Thế Giới, là kẻ thù số một của Nhân-dân ta và của loài người.

Mấy năm nay Đế-Quốc Mỹ liên tiếp leo thang chiến tranh, nhưng lại không ngớt rêu rao "hòa-bình thương lượng", hòng lừa bịp nhân dân Mỹ và nhân dân thế-giới.

Bọn ngụy quyền Saigon đã bán đứng miền Nam Việt-Nam cho Đế-quốc Mỹ. Chúng áp bức, bóc lột đồng bào miền Nam ta một cách vô-cùng tàn bạo. Chúng bắt thanh niên miền Nam đi lính cho Mỹ giết hại đồng-bào. Chúng còn bày trò "xây-dựng Hiến-pháp","bầu cử" để mị dân. Chúng chỉ là một bọn Việt-gian bán nước, hại dân, một công cụ của Đế-quốc Mỹ để nô dịch nhân dân miền Nam ta, chia cắt lâu dài nước ta và phục vụ chiến tranh xâm lược của Mỹ.

2. - Giặc Mỹ và tay sai tưởng có thể dùng bạo lực uy-hiếp và dùng thủ đoạn lừa phỉnh nhân dân ta. Nhưng chúng đã lầm to. Nhân dân ta quyết không khuất phục trước bạo lực, quyết không để cho chúng lừa phỉnh!

Phát huy truyềnthống quật cường, bất khuất của dân-tộc, 31 triệu đồng bào ta, từ Nam đến Bắc, đã kiên quyết đứng lên, đoàn kết một lòng, chống Mỹ cứu nước.

Thành tích chiến đấu của MTGPMN

Ở tuyến đầu của Tổ-quốc, 13 năm qua, đồng bào miền Nam ta đã nêu cao tinh thần anh-dũng tuyệt vời. Không phân biệt già trẻ, gái trai, không phân biệt xu hướng chánh-trị và tín ngưỡng tôn giáo, không phân biệt miền núi và đồng bằng, tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều kề vai sát cánh kiên quyết đấu tranh, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ-Quốc.

Từ những năm 1959 - 1960, đồng bào nông thôn miền Nam ta đã liên tiếp "đồng khởi", phá hàng loạt trại tập trung và "Khu Trù Mật" của Đế-quốc Mỹ và ngụy quyền, giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Tiếp đó, quân và dân ta lại xông lên phá hàng ngàn "ấp chiến-lược" giải phóng hàng triệu đồng bào, đánh bại cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Từ năm 1965 đến nay, mặc dù giặc Mỹ đem hàng chục vạn quân viễn chinh trực tiếp xâm lược miền Nam, quân và dân ta vẫn liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn, bẻ gãy luôn hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ, thắng hơn một triệu quân địch (gồm quân Mỹ, quân ngụy và quân chư

.../3....

770/8706

- 3 -

hầu). Vùng giải phóng không ngừng được mở rộng, đến nay đã chiếm bốn phần năm đất đai với hai phần 3 dân số miền Nam. Trong vùng giải phóng, chính-quyền dân tộc và dân chủ đang hình thành và cuộc sống mới đang nảy nở. Bên cạnh những thắng lợi to lớn về quân sự, ta còn giành được nhiều thắng lợi quan trọng về chánh-trị, kinh tế, văn-hóa và ngoại giao.

Trên miền Bắc thân yêu của Tổ-quốc, 17 triệu đồng bào ta đang anh dũng đánh bại chiến tranh phá hoại của đế-quốc Mỹ, giữ vững và đẩy mạnh sản xuất, hết lòng hết sức cổ vũ và giúp đỡ sự nghiệp giải phóng miền Nam, làm tròn nghĩa vụ của hậu phươnglớn đối với tiền tuyến lớn.

Trên thế giới, nhân dân các nước xã-hội chủ nghĩa, các nước dân-tộc chủ nghĩa và nhiều nước khác, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đang nghiêm khắc lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Đế-quốc Mỹ và đồng tình, ủng-hộ giúp đỡ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Sự thật đã chỉ rõ rằng Đế-quốc Mỹ càng ngoan cố tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm 4lược nước ta, thì chúng càng thua đau và càng bị cô lập ; trái lại, nhân dân ta càng thắng lớn và bè bạn của ta càng đông.

3. - Kẻ thù nguy hại nhất của nhân dân ta hiện nay là Đế-quốc Mỹ xâm lược và ngụy quyền tay sai bán nước.

Lập trường chiến lược của MTGPMN

Nhiệm vụ và mục tiêu cứu nước của nhân dân miền Nam Việt-Nam ta hiện nay là : đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế-quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng thành lập chính-quyền liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng rãi, xây-dựng miền Nam Việt-Nam độc lập, dân chủ, hòa-bình, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa-bình thống nhứt Tổ-quốc.

Sức mạnh bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trên đây là đại-đoàn kết dân-tộc. Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng miền Nam Việt-Nam luôn luôn chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp, các giai cấp trong nhân dân, các dân-tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn-giáo, các nhân sĩ yêu nước, tất cả mọi người và mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ, không phân biệt xu hướng chánh-trị để cùng chống đế quốcMỹ và tay sai, giành lại các quyền dân tộc thiêng liêng và xây dựng nước nhà.

Mặt Trận Dân Tộc giải phóng miền Nam Việt-Nam sẵn sàng đón mời các lực lượng và cá nhân chống Mỹ và yêu nước hãy gia nhập Mặt-Trận để cùng nhau gánh vác nghĩa vụ chung. Lực lượng nào, vì lẽ nầy hoặc lẽ khác không tham gia Mặt-Trận thì Mặt-Trận đề nghị thực hiện liên-hiệp hành động để chống kẻ thù chung là bọn xâm lược Mỹ và tay sai của chúng.

Mặt-Trận Dân-Tộc giải phóng Miền Nam Việt-Nam nguyện kề vai sát cánh với Mặt-Trận Tổ Quốc Việt-Nam để hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ chung là chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc; tiến tới hòa-bình thống nhất Tổ-quốc.

....../4...

720/4 07

- 4 -

Trong khi chiến đấu cho những quyền dân-tộc thiêng liêng của mình, dân nhân miền Nam Việt-Nam tích cực góp phần làm nghĩa vụ quốc-tế. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam Việt-Nam là một bộ-phận khăng khít của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn thế giới.

Mặt-Trận Dân-Tộc giải phóng Miền Nam Việt-Nam nguyện đứng trong khối đoàn kếtncác dân tộc đông-dương để chống Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt-Nam , Căm-pu-Chia và Lào.

Mặt-Trận Dân-Tộc giải phóng miền Nam Việt-Nam nguyện tích cực tham gia cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì hòa-bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội/

4.- Giặc Mỹ hung tàng đang giày xéo lên non sông , đất nước ta; Nhân dân miền Nam ta phải vùng lên làm cách-mạng và tiến hành chiến tranh nhân dân để tiêu diệt chúng, đánh đuổi chúng ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập và chủ quyền dân tộc.

đường lối
thay toàn
của MTGPMN

Trải hơn 20 năm chiến tranh, đồng bào miền Nam ta thiết tha được sống hòa bình và xây-dựng lại đất nước bị tàn phá. Nhưng đế quốc Mỹ chà đạp lên nguyện vọng chính đáng ấy. Cho nên nhân dân ta phải đánh Mỹ để giành lấy hòa-bình trong độc lập. Không có gì quý hơn độc lập, tự-do. Chỉ có độc lập thật sự mới có hòa-bình chân chính.

Kẻ thù của dân tộc ta tàn bạo và ngoan cố. Nhưngtoàn dân ta quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai. Đế quốc Mỹ chưa chịu chấm dứt chiến tranh xâm lược, chưa rút hết quân-đội Mỹ và quân-đội các nước chư-hầu ra khỏi nước ta, để việc nội bộ của miền Nam Việt-Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài, thì nhân dân ta quyết chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn. Cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân miền Nam Việt-Nam lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

Nhân dân ta dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng-hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới.

Để chiến thắng giặc Mỹ và tay sai, nhân dân ta không từ một hy-sinh nào, hăng hái góp sức người, sức của và tài trí cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, theo tinh thần : tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến-thắng.

Mặt Trận Dân-Tộc giải-phóng miền Nam Việt-Nam chủ trương phát triển lực-lượng võ-trang giải phóng bao gồm bộ đội chủ-lực, bộ đội địa-phương và dân quân du-kích để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân , kết hợp chiến tranh du-kích với chiến tranh chính quy, tiêu diệt thật nhiều sinh-lực địch, đè bẹp ý chí xâm lược của chúng, giành lấy thắng lợi cuối cùng.

.../5...

770/5 08

- 5 -

Mặt Trận chủ trương xây dựng và phát triển lực lượng chính-trị của quần chúng nhân dân, phát triển phong trào đấu tranh chính-trị, kết hợp đấu tranh vỏ trang với đấu tranh chính-trị và công tác ngụy vận, địch vận, hình thành ba mủi giáp công, chiến thắng quân địch.

Mặt-Trận Dân-Tộc giải phóng miền Nam Việt-Nam chủ-trương động-viên các tầng lớp nhân dân ở các thành thị và vùng nông thôn bị địch tạm thời kiểm soát, đoàn kết đấu tranh bằng mọi hình thức để phá thế kềm kẹp của giặc Mỹ và tay sai, phá các "Phường" các "ấp chiến lược", đòi tự do dân chủ và chủ quyền dân tộc, đòi cải thiện dân sinh, chống bắt lính, bắt xâu, chống văn-hóa nô dịch và đồi trụy, tiến lên cùng toàn dân đánh đổ ách thống trị của chúng, giành chính-quyền.

Đồng thời, Mặt-Trận chủ trương động viên các tầng lớp nhân dân vùng giải phóng đoàn kết chặt chẽ, xây-dựng chế độ nhân dân tự quản, thực hiện từng bước chính-quyền dân tộc và dân chủ ở địa-phương, xây-dựng căn-cứ địa ; ra sức sản xuất và chiến đấu chống Mỹ, cứu nước ; tiếp tục giải quyết tốt vấn đề ruộng đất ; xây-dựng kinh tế và văn-hóa mới của vùng giải phóng, bồi dưỡng sức dân để chi viện cho tiền tuyến và kháng chiến đến toàn thắng.

x

x x

II. - XÂY-DỰNG MIỀN NAM VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP DÂN-CHỦ HÒA-BÌNH, TRUNG-LẬP VÀ PHỒN THỊNH.

Nhân dân miền Nam Việt-Nam quyết chiến thắng giặc Mỹ xâm lược và tay sai, đem hết tinh thần và lực lượng của mình để xây dựng một chế độ chính trị bảo đảm độc-lập, chủ quyền của dân-tộc và tự-do, hạnh phúc của nhân dân, hàn gắn những vết thương chiến tranh, thanh toán những tệ nạn xã-hội do chế độ Mỹ-ngụy để lại, khôi phục đời sống bình thường và xây-dựng miền Nam Việt-Nam độc lập, dân chủ, hòa-bình, trung-lập và phồn-vịnh. Để đạt mục tiêu đó, Mặt-Trận Dântộc giải-Phóng miền Nam Việt-Nam đề ra những chính sách cụ thể dưới đây :

1. - Thực hiện một chế độ dân chủ rộng-rãi và tiến bộ ;

- Xóa bỏ chế độ thuộc địa trá hình do đế quốc Mỹ đặt ra ở miền Nam Việt-Nam ; đánh đổ ngụy quyền bù nhìn tay sai của Mỹ; không thừa nhận Quốc-hội bù nhìn do đế quốc Mỹ và tay sai nặn ra ; bãi bỏ Hiến-Pháp và mọi luật lệ phản dân tộc, phản dân chủ của đế quốc Mỹ và ngụy quyền.

..../6....

770/609

- 6 -

- Tổ chức tổng tuyển cử tự do, bầu ra Quốc-hội một cách thực-sự dân-chủ, theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc-Hội đó sẽ là cơ quan nhà nước có quyền lực cao nhất ở miền Nam Việt-Nam; nó sẽ xây-dựng một Hiến-Pháp dân-chủ thể hiện đầy đủ nguyện vọng cơ bản và tha thiết nhất của các tầng lớp nhân dân miền Nam, bảo đảm thiết lập một cơ cấu Nhà nước dân chủ rộng rãi và tiến bộ. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm của các đại-biểu Quốc-Hội.

- Thành lập chính-Phủ liên-hiệp dân-tộc và dân chủ bao gồm những người tiêu biểu nhất của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái yêu nước và dân chủ, các nhân sĩ yêu nước, các lực lượng đã góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Ban bố và thực hiện các quyền tự do dân-chủ rộng rãi ; tự-do ngôn luận, tự-do báo chí và xuất bản, tự do hội họp, tự-do công-đoàn, tự-do lập hội, lập đảng, tự-do tín ngưỡng, tự-do biểu tình.

- Bảo-đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự-do cư-trú và nhà ở, quyền về bí mật thư tín, quyền tự-do đi lại, quyền làm việc và nghỉ ngơi, quyền học tập của công dân.

Thực hiện quyền nam nữ bình đẳng và quyền dân-tộc bình đẳng.

- Trả lại tự-do cho tất cả những người đã vì hoạt động yêu nước mà bị đế quốc Mỹ và ngụy quyền giam giữ.

- Giải tán các trại tập trung do đế quốc Mỹ và tay sai lập ra dưới mọi hình thức.

- Những người vì chế độ Mỹ - Ngụy mà phải trốn tránh ra nước ngoài đều có quyền trở về nước để phục vụ Tổ-quốc.

- Nghiêm trị bọn tay sai ác-ôn ngoan cố của đế quốc Mỹ.

2. - <u>Xây-dựng một nền kinh-tế độc-lập, tự-chủ, cải-thiện Dân-sinh</u> .-

- Xóa bỏ chính sách nô dịch và lũng đoạn kinh-tế của đế quốc Mỹ. Tịch thâu tài sản của đế quốc Mỹ và của bọn ác ôn ngoan cố tay sai của chúng để làm tài sản của Nhà nước.

- Xây-dựng nền kinh-tế độc-lập , tự chủ. Hàn gắn mau chóng những vết thương chiến tranh, phục hồi và phát triển kinh-tế làm cho dân giàu, nước mạnh.

- Bảo hộ quyền sở-hữu về tư liệu sản xuất và các tài sản khác của nông dân theo luật pháp của nhà nước.

...../7...

720/7[10]

- 7 -

- Khôi phục và phát triển sản xuất nông-nghiệp. Cải tiến nghề trồng tỉa, chăn nuôi, nghề cá và nghề rừng.

Nhà nước khuyến khích nông dân đoàn kết, giúp nhau phát triển sản xuất ; cho nông dân vay nhẹ lời để mua sắm trâu bò, nông cụ, máy móc nông-nghiệp, giống, phân bón v.v.... giúp đỡ nông dân phát triển thủy lợi và áp-dụng kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp.

Bảo đảm tiêu thụ nông sản phẩm .

- Khôi phục và phát triển kỹ-nghệ, tiểu công nghệ và nghề thủ công.

- Bảo đảm quyền tham gia quản lý xí nghiệp của công nhân và viên chức.

- Nhà nước khuyến khích các nhà tư sản công thương góp phần mở mang kỹ nghệ , tiểu công nghệ và nghề thủ công.

Thực hiện quyền tự do kinh doanh có lợi cho quốc-kế dân-sinh ; thi hành chính sách thuế quan nhằm khuyến khích và bảo vệ nội hóa.

- Phục hồi và phát triển giao thông vận tải.

Khuyến khích và đẩy mạnh việc lưu thông kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi.

Chiếu cố thích đáng đến quyền lợi của tiểu thương, tiểu chủ.

- Thành lập ngân hàng nhà nước. Xây dựng tiền tệ độc lập.

Thi hành chính sách thuế khóa công bằng và hợp lý.

Nhà nước có chính sách cho vay lợi để khuyến khích sản xuất ; ngăn cấm tệ cho vay nặng lời.

- Phát triển quan hệ kinh tế với miền Bắc ; hai miền giúp đỡ nhau làm cho kinh-tế Việt-Nam chóng phồn thịnh.

- Theo chính sách trung-lập của Mặt-Trận, trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi và bảo đảm tôn trọng độc-lập, chủ-quyền của dân-tộc Việt-Nam, mở rộng buôn bán với các nước, và nhận sự giúp đỡ về kinh tế và kỹ thuật của nước ngoài, không phân biệt chế độ chính trị và xã-hội.

3.- <u>Thi-hành chính sách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng</u> .-

- Tịch thâu ruộng đất của đế quốc Mỹ và của bọn địa chủ ác ôn ngoan cố tay sai của Mỹ, đem chia cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất.

.... 8/..

720/8[11]

- 8 -

- Xác nhận và bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân.

- Nhà nước sẽ thương lượng mua lại ruộng đất của địa-chủ có từ mức nào đó trở lên, tùy tình hình ruộng đất của mỗi địa phương, đem chia cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất. Nông dân được chia ruộng đất không phải trả tiền và không bị ràng buộc bất cứ một điều kiện nào. Những nơi chưa đủ điều kiện cải cách ruộng đất thì thực hiện giảm tô.

- Giao ruộng đất của địa chủ vắng mặt cho nông dân sản xuất và hưởng hoa-lợi. Sau này sẽ căn cứ vào thái độ chính trị của từng địa chủ mà giải quyết một cách thích đáng.

- Thừa nhận địa chủ hiến ruộng đất cho nông dân giải phóng hoặc cho nhà nước. Hội nông dân giải phóng và nhà nước sẽ chia ruộng đất ấy cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất.

- Khuyến khích những người có đồn điền trồng cây công-nghiệp và cây ăn trái tiếp tục kinh doanh.

- Tôn trọng quyền sở hữu chính đáng về ruộng đất của nhà chung, nhà chùa và thánh thất.

- Chia lại công điền một cách công bằng, hợp lý.

- Bảo đảm quyền sở hữu chính đáng về ruộng đất khai quan cho những người đã có công khai phá.

- Đồng bào bị cưỡng ép vào các ấp chiến lược và các hình thức trại tập trung khác đều được tự do trở về quê cũ làm ăn.

- Đồng bào bị địch cưỡng ép di-cư và di dân muốn ở lại thì được thừa nhận quyền sở hữu về ruộng đất và các tài sản khác do sức lao động của mình làm ra, được giúp đỡ để tiếp tục làm ăn tại chỗ, ai muốn về quê cũ cũng được giúp đỡ.

4. - <u>Xây-dựng văn-hóa, giáo-dục Dân-tộc và dân-chủ, phát-triển khoa học và kỹ thuật, phát triển y-tế.</u>

- Bài trừ văn-hóa, giáo dục nô dịch, đồi trụy theo kiểu Mỹ đang tác hại đến truyền thống văn hóa tốt đẹp lâu đời của dân tộc ta.

- Xây-dựng một nền văn-hóa giáo dục dân tộc và dân chủ, phát triển khoa học và kỹ thuật nhằm phục vụ công cuộc xây-dựng và bảo vệ đất nước.

- Giáo dục truyền thống chống ngoại xâm và lịch sử anh hùng của dân tộc Việt-Nam. Giữ gìn và phát triển nền văn hóa tốt đẹp và thuần phong

....9/...

770/9 12

- 9 -

mỹ-tục của dân tộc ta.

- Nâng cao trình độ văn-hóa của nhân dân : xóa nạn mù chữ, bổ túc văn-hóa, mở thêm trường phổ-thông, trường đại-học và chuyên-nghiệp. Ra sức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán-bộ khoa học, kỹ-thuật và công-nhân lành nghề.

- Dạy bằng tiếng Việt trong các trường đại-học.

- Giảm học phí cho học-sinh và sinh viên, miễn học phí và cấp học bổng cho học sinh và sinh viên nghèo.

- Cải cách chế độ thi cử.

- Nhà nước sẽ hết sức giúp đỡ những thanh niên, thiếu niên có công chống Mỹ, cứu nước, những con em gia đình có công với cách-mạng và những thanh niên ưu tú khác học tập và phát triển tài năng.

- Mọi công dân đều có quyền tự do nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng tác văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt-động văn hóa khác. Khuyến khích và giúp đỡ trí thức, các văn nghệ sĩ và các nhà khoa học có điều kiện nghiên cứu, sáng-tác và phát minh để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Nâng đỡ những người làm công tác văn hóa, văn nghệ vì yêu nước mà bị đế quốc Mỹ và tay sai ngược đãi.

- Phát triển công tác y-tế và phong-trào vệ-sinh phòng bịnh. Chăm sóc sức khỏe của nhân dân, phòng và trừ các bệnh dịch, thanh toán những bệnh hiểm nghèo do chế độ Mỹ - ngụy để lại.

- Phát triển phong trào thể dục, thể thao.

- Phát triển quan hệ văn-hóa với miền Bắc ; hai miền giúp đỡ nhau để nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài.

- Xây-dựng quan hệ văn hóa với nước ngoài trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

5. - <u>Bảo đảm quyền lợi và chăm lo đời sống của công nhân, lao-động và viên chức.</u>

- Ban hành luật lao-động, thực hiện chế độ ngày làm 8 giờ, qui-định chế độ nghỉ ngơi và giải trí ; quy-định tiền lương hợp lý và chế độ thưởng về tăng năng suất. Cải thiện điều kiện ăn, ở và lao động của công-nhân, lao động và viên chức.

- Có chính sách đãi ngộ thích đáng với công nhân học nghề.

- Chăm lo công ăn việc làm cho công nhân và dân nghèo thành-thị : tích cực xóa bỏ nạn thất nghiệp.

- Thi hành chính sách bảo hiểm xã-hội để săn sóc và giúp đỡ công nhân, lao động và viên chức khi bệnh tật, mất sức lao động, hoặc khi già yếu, về hưu.

.../10...

770/13

- Cải thiện điều kiện sinh sống ở các xóm lao động.

- Giải quyết các vụ tranh chấp giữa chủ và thợ theo phương pháp hai bên thương lượng và chính quyền dân tộc dân chủ hòa giải.

- Nghiêm cấm đánh đập công nhân, lao động ; nghiêm cấm cúp phạt và sa thải công nhân một cách vô cớ.

6.- Xây-dựng lực lượng võ-trang giải phóng miền Nam hùng mạnh để giải phóng nhân dân, bảo vệ tổ quốc.

- Lực lượng võ trang giải phóng miền Nam (gồm bộ đội chủ-lực, bộ-đội địa-phương, dân quân du kích) là con em của nhân dân, trung thành vô hạn với lợi ích của tổ quốc và nhân dân, có nghĩa vụ sát cánh cùng toàn dân chiến đấu nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ Tổ quốc và tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Châu-Á và Thế-giới.

- Chăm lo việc xây-dựng các lực lượng võ-trang giải phóng. Ra sức nâng cao chất lượng, tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng võ-trang giải phóng để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, chiến thắng xâm lược Mỹ, quân chư hầu và quân ngụy, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

- Tăng cường công tác chính trị nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của các lực lượng võ-trang giải phóng ; nâng cao ý thức kỷ luật ; không ngừng tăng cường mối quan hệ cá nước giữa bộ đội và nhân dân.

- Cán bộ và chiến sĩ các lực lượng võ-trang giải phóng có quyền bầu cử và ứng cử, được hưởng quyền lợi ruộng đất và mọi quyền lợi khác của người công dân.

7.- Biết ơn các liệt-sĩ, chăm sóc thương binh, khen thưởng các chiến sĩ và đồng bào có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

- Liệt sĩ thuộc các lực lượng võ-trang giải phóng hoặc các cơ-quan, đoàn thể cách mạng và liệt sĩ đã hy-sinh trong các cuộc đấu tranh chính trị đều được toàn dân biết ơn và luôn luôn tưởng nhớ. Gia-đình liệt-sĩ được nhà nước và nhân dân chăm sóc, giúp đỡ.

- Thương binh và đồng bào bị thương tật trong đấu tranh võ trang và đấu tranh chính trị đều được chăm sóc và giúp đỡ.

- Khen thưởng xứng đáng mọi chiến sĩ và đồng bào có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Những gia-đình có công với cách mạng được toàn dân biết ơn và giúp đỡ về đời sống.

8.- Tổ-chức cứu tế xã-hội.

- Cứu tế những đồng bào bị nạn do chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và chế độ ngụy quyền gây ra .

... /11/..

770/11 14

- 11 -

- Chăm sóc trẻ em mồ côi, người già yếu và tàn tật. Cứu tế những nơi bị thiên tai mất mùa.

- Binh sĩ ngụy quân bị thương tật và những gia-đình nghèo khó, cô đơn của các binh-sĩ ngụy quân đã chết trận cũng được chiếu cố.

- Giúp đỡ những người bị đế quốc Mỹ và tay sai đẩy vào chỗ sa đọa xây-dựng lại cuộc đời của mình để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân.

9. - Thực hiện Nam - Nữ bình đẳng ; bảo vệ người mẹ và trẻ em.

- Hết sức chú ý bồi dưỡng về chính trị, văn hóa và chuyên môn cho phụ-nữ, xứng đáng với công-lao của chị em trong sự nghiệp chống Mỹ; cứu nước. Phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, trung-hậu, đảm đang của phụ nữ V.N.

- Phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới về chính trị, kinh tế, văn-hóa, và xã-hội.

- Công việc làm như nam giới thì phụ nữ được hưởng lương, phụ cấp và mọi quyền lợi khác như nam giới.

- Phụ nữ là công-nhân, viên chức được nghỉ hai tháng trước và sau khi đẻ, và được hưởng nguyên lương.

- Có chính sách tích cực nâng đỡ, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ phụ nữ.

- Ban hành chế độ hôn nhân và gia-đình tiến-bộ.

- Bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Phát triển các nhà hộ sinh nhà giữ trẻ và các lớp mẫu giáo.

- Bài trừ mọi tệ nạn xã-hội do đế quốc Mỹ và tay sai gây nên, làm hại đến nhân phẩm và sức khỏe của phụ nữ.

10.- Tăng cường đoàn-kết các dân-tộc ; thực hiện bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc.

- Xóa bỏ mọi chế độ và chính sách của bọn đế quốc và tay sai chia rẽ, áp bức và bóc lột các dân tộc. Chống phân biệt đối xử và cưỡng bức đồng hóa các dân tộc.

- Phát triển truyền thống lâu đời của các dân tộc anh em ở nước ta là đoàn kết và tương trợ để bảo vệ và xây-dựng đất nước.

Các dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ.

- Thi hành chính sách ruộng đất đối với nông dân các dân tộc ít người. Khuyến khích và giúp đỡ đồng bào định canh, định cư, xây-dựng đồng ruộng, phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống để tiến kịp trình độ chung.

- Các dân tộc ít người có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của mình để phát triển văn hóa và nghệ thuật dân tộc ; có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục, tập quán của mình.

- Ra sức đào tạo nhiều cán bộ các dân tộc ít người để các dân-tộc đó mau có đủ điều kiện tự quản lý tốt công việc của địa-phương mình.

- Ở những địa-phương dân tộc ít người sống tập trung và có đủ điều kiện thì sẽ thành lập những khu vực tự trị trong nước Việt-Nam độc-lập, tự do.

11. - Tôn trọng tự-do tín ngưỡng, thực hiện đoàn kết và bình đẳng giữa các tôn giáo.

- Chống mọi âm mưu và thủ đoạn của bọn đế quốc và tay sai lợi dụng

.....12/.

7/10/15 08

- 12 -

một số người đội lốt tôn giáo để phản lại sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, chia rẽ đạo và đời, chia rẽ các tôn giáo, làm hại nước, hại dân, hại đạo.

- Tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng. Bảo hộ chùa chiền, nhà thờ, thánh thất, đền miếu.

Các tôn giáo đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử.

- Thực hiện đoàn kết giữa tín đồ các tôn giáo với nhau giữa tín đồ tôn giáo với toàn dân để chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, bảo vệ và xây-dựng đất nước a.

12. - Hoan nghênh Sĩ-Quan, Binh-Lính ngụy quân và nhân viên, công-chức ngụy quyền trở về với chính nghĩa, khoan hồng và đối xử nhân đạo với hàng binh và tù binh.

- Chống đế quốc Mỹ và ngụy quyền tay sai bắt lính đánh thuê cho giặc Mỹ, phản lại tổ-quốc, giết hại đồng bào.

- Nghiêm trị những tên ác ôn ngoan cố tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ.

- Tạo điều kiện cho Sĩ-Quan, Binh-lính ngụy quân và nhân viên, công-chức ngụy quyền trở về với chính nghĩa, cùng nhân dân chống Mỹ, cứu nước và xây-dựng nước nhà.

- Những người, những nhóm hoặc những đơn vị thuộc ngụy quân, ngụy quyền lập công chống Mỹ, cứu nước thì được khen thưởng và trọng dụng. Ai đồng tình và ủng-hộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hoặc không thi hành mệnh lệnh của đế quốc Mỹ và tay sai làm hại nhân dân thì được ghi công.

- Những cá nhân, những nhóm hoặc những đơn vị ly-khai ngụy quân, nếu tình nguyện gia nhập lực lượng võ-trang giải phóng để chống Mỹ, cứu nước, thì đều được hoan nghênh và đối xử bình đẳng.

- Đối với những nhóm hoặc những đơn vị ly khai ngụy quân, ngụy quyền, đứng lên chống Mỹ, cứu nước, Mặt-Trận luôn luôn sẵn sàng thực hiện liên hệ hành động chống Mỹ trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau bảo vệ nhân dân, giải phóng Tổ-quốc.

- Những viên chức ngụy quyền tự nguyện tiếp tục phục vụ tổ-quốc, phục vụ nhân dân trong bộ máy Nhà nước sau khi miền Nam được giải phóng, thì được đối xử-bình-đẳng.

- Những người trong ngụy quân và ngụy quyền các cấp đã phạm tội ác với nhân dân, nhưng thật thà hối cải thì được khoan hồng. Khi lập công chuộc tội thì tùy thành tích mà được khen thưởng thích đáng.

- Sĩ-Quan và binh-lính ngụy quân bị bắt làm tù binh thì được đối xử nhân đạo và được hưởng chính sách khoan hồng.

- Hàng binh Mỹ và chư hầu được đối xử tử-tế và khi có điều kiện sẽ được giúp đỡ trở về với gia-đình.

...../13....

220/13[16]

-:- 13 -:-

- Tù binh Mỹ và chư hầu cũng được đối xử như tù binh ngụy.

13. - Bảo hộ quyền lợi của kiều bào ở nước ngoài.

- Hoan nghênh tinh thần yêu nước và đánh giá cao mọi cống hiến của kiều bào đối với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân ta.

- Bảo hộ quyền lợi của kiều bào ở nước ngoài.

- Giúp đỡ những kiều bào muốn trở về nước tham gia xây-dựng Tổ-quốc.

14. - Bảo-hộ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều ở miền Nam V.N.

- Hoan nghênh những ngoại kiều có góp sức vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-Nam.

- Tất cả ngoại kiều sinh sống ở miền Nam Việt-Nam đều phải tôn trọng độc lập và chủ quyền của Việt-Nam, tuân theo pháp luật của chánh-quyền dân tộc và dân chủ.

- Bảo hộ quyền lợi xứng đáng của tất cả ngoại kiều không cộng-tác với đế quốc Mỹ và tay sai chống lại nhân dân Việt-Nam, không làm hại đến độc lập và chủ quyền của nước Việt-Nam. Chiếu cố thích đáng quyền lợi của ngoại kiều đã trực tiếp hoặc gián tiếp ủng-hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-Nam.

- Kiên quyết chống lại và xóa bỏ mọi chính sách của đế quốc Mỹ và tay sai chia rẽ người Việt-Nam với Hoa-kiều, bóc lột, đàn áp và cưỡng bách đồng hóa Hoa-kiều.

- Trừng trị những tên ác ôn ngoan cố và những tên đặc vụ tay sai của bọn đế quốc và ngụy quyền miền Nam.

III. - LẬP LẠI QUAN HỆ BÌNH THƯỜNG GIỮA 2 MIỀN NAM-BẮC TIẾN TỚI HÒA-BÌNH THỐNG NHẤT TỔ QUỐC.

Nước Việt-Nam là một, dân tộc Việt-Nam là một. Không một lực lượng nào có thể chia cắt được tổ quốc ta. Thống nhất tổ quốc là nguyện vọng thiêngliêng của toàn thể dân tộc ta. Nước Việt-Nam nhất định phải được thống nhất. Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng miền Nam Việt-Nam chủ trương:

1º Việc thống nhất nước Việt-Nam sẽ tiến hành từng bước bằng phương pháp hòa bình, theo nguyên tắc hai miền cùng nhau thương lượng không bên nào ép buộc bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Trong khi nước nhà chưa thống nhất, nhân dân hai miền luôn luôn cùng nhau chung sức chống giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, đồng thời ra sức mở rộng trao đổi kinh tế và văn hóa với nhau, đồng bào hai miền được tự do gởi thư-từ cho nhau, tự do đi lại và cư trú.

IV. - THI HÀNH CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO HÒA-BÌNH VÀ TRUNG-LẬP.

Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng miền Nam Việt-Nam thi hành chính

....14..

720/ 17

sách ngoại giao hòa bình và trung-lập, bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhà và giữ gìn hòa bình thế giới. Chính sách đó cụ thể như sau :

1/- Đặt quanhệ ngoại giao với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị và xã-hội, theo nguyên tắc tôn trọng độc-lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnhthổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vàonội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, chung sống hòa-bình. Xóa bỏ mọi hiệp ước bất bình-đẳng do ngụy quyền đã ký với Mỹ hoặc các nước khác.

Tôn trọng quyền lợi về kinhtế và văn-hóa của các nước đồng tình và ủng-hộ hoặc giúp đỡ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-Nam.

Nhận sự giúp đỡ về kinh-tế và kỹ-thuật của bất cứ nước nào, không kèm theo điều kiện chính trị ràng buộc.

Không tham gia khối liên minh quân-sự nào, không nhận nhân viên quân-sự và căn cứ quân sự của nước ngoài trên lãnh thổ mình.

2/- Tăng cường quan hệ hữu nghị với tất cả các nướcđồng tình, ủng-hộ và giúp đỡ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-Nam.

Tăng cường quan hệ Láng-giềng tốt với Căm-pu-Chia và Lào . Không ngừng củng cố tình đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân các nước đông-dương, nhằm bảo vệ độc-lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, chống chính sách xâm lược và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng.

3/- Tích cực ủng-hộ phong trào độc lập dân tộc của nhân dân châu-á, châu-phi và châu mỹ la-tinh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Tích cực ủng-hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt-Nam.

Tích cực ủng-hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của người da đen ở Mỹ đòi những quyền dân tộc cơ bản của mình.

Tích cự c ủng-hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình; dân chủ và tiến bộ xã-hội ở các nước trên thế giới.

4/- Tích cực đấu tranh để góp phần bảo vệ hòa bình thế giới chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược đứng đầu là đế quốc Mỹ. Đòi giải tán các khối quân sự xâm lược và căn cứ quân sự của chủ nghĩa đế quốc ở nước ngoài.

Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ với các tổ chức dân chủ quốc-tế và nhân dân các nước, kể cả nhân dân Mỹ .

Tích cực góp phần vào việc củng cố và phát triển mặt trận của nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt-Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, vì độc lập dân tộc và hòa-bình.

x

x x

.....15/...

770/18 AS

- 15 -

Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta vô cùng gian khổ nhưng hết sức vẻ vang. Sự nghiệp ấy chẳng những quan hệ đến vận mạng dân tộc ta hiện nay và con cháu ta muôn đời sau nầy, mà còn quan hệ đến lợi ích của nhân dân thế giới đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã-hội. Để hoàn thành sự nghiệp vẻ vang, nhân dân ta đã đoàn kết càng phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, rộng rãi hơn nữa !

- Mặt trận Dân-tộc Giải-phóng miền Nam Việt-Nam nhiệt liệt hoan nghênh các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ yêu nước và tiến bộ tập hợp rộng rãi trong và ngoài mặt-trận để cùng chung sức chiến thắng giặc Mỹ và tay sai.

Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là chính nghĩa. Nhân dân cả nước ta đoàn kết một lòng, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ và tay sai. Sự đồng tình ủng-hộ và giúp đỡ của nhân dân các nước xã-hội chủ-nghĩa, dân-dân các nước Á-Phi, Mỹ- La-Tinh, nhân dân yêu chuộng hòa-bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngày càng sâu sắc và mạnh mẽ. Chúng ta đang thắng và nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

Dù đế quốc Mỹ điên cuồng, tàn bạo, ngoan cố và xảo quyệt tới mức nào, nhất định chúng cũng thất bại thảm hại trong âm mưu đầy tội ác của chúng.

Vì quyền lợi tối cao của tổ quốc, toàn thể nhân dân miền Nam ta hãy tăng cường đoàn kết, triệu người như một, kề vai sát cánh, thừa thắng xông lên đánh bại bọn xâm lược Mỹ và ngụy quyền tay sai, cùng đồng bào miền Bắc hoàn thành vẻ vang sự nghiệp vĩ-đại : Giải-phóng miền Nam, bảo-vệ miền Bắc, tiến tới hòa-bình thống nhất tổ quốc.

Mặt-Trận Dân-tộc Giải-phóng miền Nam Việt-Nam nguyện luôn luôn xứng đáng với lòng tin cậy của đồng bào và của bè bạn khắp năm châu.

Nhân dân Việt-Nam nhất định thắng !

Bọn xâm lược Mỹ và tay sai nhất định thua !

Cương lĩnh của Mặt Trận Dân-Tộc giải-phóng miền Nam Việt-Nam nhất định được thực hiện !

Dưới ngọn cờ quang vinh của Mặt-Trận Dân-Tộc giải-phóng miền Nam Việt-Nam, các chiến sĩ và đồng bào miền Nam hãy anh dũng tiến lên !

(Trích nguyên văn trong nhật-báo VC NHÂN-DÂN số 4893 ngày 02 tháng 09 năm 1967).

—— // ——

Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 10-6-1968[1]

TUYÊN-BỐ

của

CHỦ TỊCH ĐOÀN ỦY-BAN TRUNG-ƯƠNG MẶT-TRẬN DÂN-TỘC GIẢI-PHÓNG MIỀN NAM VIỆT-NAM

GẦN một tháng nay, trong cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ tại Paris, đại diện Mỹ lặp đi lặp lại những luận điệu hết sức xằng bậy, che đậy âm mưu và hành động xâm lược của Mỹ, xuyên tạc trắng trợn cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam, trốn tránh việc xác định Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa.

Chủ tịch Đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam thấy cần nói lên sự căm phẫn của toàn thể nhân dân miền Nam Việt nam đối với lập trường xâm lược ngoan cố của Mỹ và kiên quyết bác bỏ những luận điệu xằng bậy của chúng.

Sự thật đanh thép trong mười bốn năm qua chỉ rõ ràng đế quốc Mỹ là kẻ xâm lược miền Nam Việt nam, kẻ phá hoại độc lập, hòa bình, thống nhứt của Tổ quốc ta, phá hoại Hiệp nghị Genève năm 1954 về Việt nam, là kẻ thù số 1 của nhân dân ta.

Mỹ đã dựng nên ở miền Nam Việt nam một chánh quyền tay sai cực kỳ tàn bạo, đàn áp đẫm máu phong trào nhân dân miền Nam Việt nam đòi hòa bình thống nhứt Tổ quốc. Bị nhân dân miền Nam Việt nam kiên quyết chống trả, Mỹ đã đưa quân từ bên kia Thái bình dương sang miền Nam Việt nam tiến hành chiến tranh đặc biệt, rồi chiến tranh cục bộ. Hơn nửa triệu quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu của Mỹ, cùng với nửa triệu quân ngụy đã và đang dùng hàng ngàn máy bay, tàu chiến và các loại vũ khí tối tân, hàng triệu tấn bom đạn, chất độc hóa học, hơi độc tàn phá, bắn giết gây tội ác đẫm máu trên khắp miền Nam Việt nam từ nông thôn đến thành thị, từ khu phi quân sự đến mũi Cà mau.

Rõ ràng, đó là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân tàn bạo nhứt trong lịch sử, hòng khuất phục nhân dân miền Nam biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài Tổ quốc ta, tiến lên xâm chiếm cả nước ta, phá hoại hòa bình châu Á và thế giới.

Ngụy quyền Sàigòn chỉ là công cụ xâm lược do Mỹ dựng nên một cách trái phép, không đại diện cho ai, bị toàn thể nhân dân miền Nam chống lại và cả loài người tiến bộ phỉ nhổ. Không được đô la Mỹ nuôi sống và súng đạn Mỹ che chở thì ngụy quyền Sàigòn, từ Diệm-Nhu đến Thiệu-Kỳ đều không thể tồn tại quá một ngày trước sự phẫn nộ của các từng lớp nhân dân ở miền Nam. Sự cam kết của Mỹ với bọn Việt gian tay sai của chúng là sự cam kết giữa bọn cướp nước và bọn bán nước, là hoàn toàn vô giá trị, không mảy may che giấu được bộ mặt xâm lược trắng trợn của Mỹ.

Nhân dân miền nam Việt nam là người làm chủ vận mạng của mình. Mỹ xâm lược miền Nam Việt nam. Nhân dân miền Nam phải chống xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, đông đảo các từng lớp nhân dân miền Nam Việt nam đang tiến hành một cuộc kháng chiến thần thánh nhằm đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhứt Tổ quốc. Đó là một cuộc chiến đấu tự vệ chánh nghĩa, phù hợp với công pháp quốc tế và những nguyên tắc cơ bản của Hiệp nghị Genève năm 1954 về Việt nam.

Thắng lợi to lớn của cuộc tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt rộng khắp của quân và dân miền Nam từ đầu Xuân năm nay, sự ra đời của Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt nam và nhiều lực lượng yêu nước khác, hơn bao giờ hết, chứng minh hùng hồn tính chất toàn dân của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam Việt nam.

Nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một. Đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại chống miền Bắc. Nhân dân cả nước Việt nam có nghĩa vụ thiêng liêng và quyền chánh đáng kề vai sát cánh cùng nhau hợp lực chống kẻ thù chung. Trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, nhân dân miền Nam Việt nam dựa vào sức mình

1. Hồ sơ 857, ĐIICH, TTLTII.

là chính, có quyền nhận sự giúp đỡ về mọi mặt của đồng bào miền Bắc ruột thịt. Mỹ xâm lược miền Nam Việt nam, Mỹ phải chấm dứt xâm lược. Mỹ ném bom miền Bắc, xâm phạm độc lập và chủ quyền của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa, Mỹ phải chấm dứt các hành động chiến tranh đó mà không được đòi bất cứ điều kiện gì. Mỹ càng không được dùng luận điệu «có đi có lại», để đòi nhân dân Việt nam ngừng chiến đấu chống quân xâm lược.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam Việt nam là một bộ phận khăng khít của sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội, của nhân dân thế giới, được cả loài người tiến bộ trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ đồng tình ủng hộ và giúp đỡ.

Nhân dân miền Nam Việt nam nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ mạnh mẽ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa và bạn bè khắp năm châu đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của mình.

Từ trước đến nay cũng như từ nay về sau, nhân dân miền Nam Việt nam giành cho mình quyền kêu gọi và nhận sự giúp đỡ về mọi mặt của bạn bè trên thế giới, kể cả sự giúp đỡ về võ khí và quân tình nguyện.

Nhân dân miền Nam Việt nam đang thắng lớn. Mỹ đang thua to. Ngụy quyền Thiệu-Kỳ thúi nát đang sụp đổ. Không một cố gắng tuyệt vọng nào, không một âm mưu quỷ quyệt nào có thể cứu vãn Mỹ-ngụy khỏi thất bại hoàn toàn.

Nhân dân miền Nam Việt nam rất thiết tha với hòa bình, nhưng phải là hòa bình trong độc lập và tự do. Mỹ phải chấm dứt xâm lược, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt nam, để nhân dân miền Nam Việt nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình theo Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Chừng nào Mỹ còn xâm lược miền Nam Việt nam, nhân dân miền Nam còn chiến đấu, quyết giành kỳ được các quyền dân tộc thiêng liêng của mình.

Nhân dân và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam ủng hộ hoàn toàn lập trường đúng đắn, sáng ngời chính nghĩa của chính phủ nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa được nêu trong các bài phát biểu của Bộ trưởng Xuân Thủy tại cuộc nói chuyện ở Paris. Lập trường đó phản ảnh nguyện vọng và quyền lợi thiêng liêng của cả dân tộc Việt nam.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam nghiêm khắc lên án thái độ ngoan cố, quanh co của Mỹ, kiên quyết đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa.

Thay mặt đồng bào miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng gởi đến 17 triệu đồng bào miền Bắc và kiều bào ở nước ngoài lòng cảm kích sâu sắc về những cố gắng và hy sinh đầy tình nghĩa ruột rà của đồng bào để góp phần to lớn vào sự nghiệp thiêng liêng giải phóng miền Nam.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam ủng hộ mạnh mẽ tuyên bố của chính phủ Vương quốc Căm-pu-chia và của người đại diện Néo Lào Haksat phản đối Mỹ đưa vấn đề Căm-pu-chia và Lào trong cuộc nói chuyện chính thức giữa nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ, và nguyện tích cực góp phần tăng cường khối đoàn kết nhân dân Đông dương chống bọn xâm lược Mỹ và tay sai.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam kêu gọi toàn quân, toàn dân miền Nam không ngừng nâng cao quyết tâm chiến đấu và tinh thần cảnh giác, thừa thắng dũng mãnh xông lên, liên tục tấn công và nổi vậy đều khắp, giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp vẻ vang giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình châu Á và thế giới.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt nam khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các đoàn thể, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ hãy ủng hộ và giúp đỡ tích cực mạnh mẽ hơn nữa về mọi mặt sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam Việt nam.

NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1968.

Phát biểu của Bộ trưởng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Xuân Thủy tại phiên họp thứ 12 ngày 10-7-1968 Hội nghị Paris về Việt Nam[1]

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA

HÒA-ĐÀM BA-LÊ

PHIÊN HỌP THỨ 12
Ngày 10.7.1968.

P H Á T - B I Ể U
của
Bộ-Trưởng NGUYỄN-XUÂN-THỦY

Cuộc nói chuyện chính-thức giữa VNDCCH và Mỹ cho đến nay là 12 phiên họp và còn vài ngày nữa đầy hai tháng, nhưng vẫn chưa đi tới kết-quả. Vì sao ?

Ai cũng biết rằng mục-đích của cuộc nói chuyện, theo tuyên-bố ngày 3.4.1968 của chính-phủ nước VNDCCH và tuyên-bố ngày 3.5.1968 của Bộ Ngoại-giao nước VNDCCH mà phía Mỹ đương-nhiên chấp-nhận, là nhằm "xác-định việc Mỹ chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác chống nước VNDCCH, sau đó bàn những vấn-đề khác liên-quan đến hai bên." Nhưng phía Mỹ đã cố tình gây trở-ngại cho việc thực-hiện mục-đích đó.

1/ Ngay từ đầu, phía Mỹ đã lảng-tránh không chịu đi thẳng vào vấn-đề chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác chống nước VNDCCH. Phía Mỹ chỉ đưa ra những lời hứa-hẹn về "Hòa-bình" chung

---

1. Hồ sơ 873, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

chung ; hoặc nhắc lại những câu chữ lập-lờ của Tổng-Thống Giôn-xơn là "Mỹ sẵn-sàng giảm bạo-lực" ; hoặc có lúc lại nêu lên hàng loạt vấn-đề không liên-quan gì tới việc chấm-dứt ném bom miền Bắc V.N., như vấn-đề miền Nam tự quyết, vấn-đề Căm-pu-chia, vấn-đề Đông-Nam-Á, với dụng-ý làm cho dư-luận không chú-ý đến mục-đích chính của cuộc nói chuyện này.

Đến khi thủ-đoạn đó bị vạch trần, khi thấy không thể không đề-cập vấn-đề chấm-dứt ném bom miền Bắc thì phía Mỹ lại đòi "có đi có lại", đòi nhân-dân V.N. trả giá cho việc Mỹ chấm-dứt ném bom nước VNDCCH. Nhưng cũng bị phía VNDCCH bác-bỏ thì phía Mỹ lại đòi thảo-luận những vấn-đề liên-quan trước. Cũng bị bác-bỏ nữa thì phía Mỹ lại đòi vấn-đề chấm-dứt ném bom miền Bắc "cần thảo-luận đồng-thời với các vấn-đề liên-quan." Rồi phía Mỹ hết đưa ra vấn-đề khôi-phục quy-chế khu phi-quân-sự, lại đưa ra vấn-đề Lao, vấn-đề các lực-lượng vũ-trang của Mặt trận dân-tộc giải-phóng miền Nam VN tiến-công vào quân-đội Mỹ-ngụy ở Sài-gòn, vấn-đề xác-nhận có quân-đội miền Bắc ở miền Nam v.v...

Những luận-điệu này cũng bị bác-bỏ, gần đây phía Mỹ lại nói "sẵn-sàng chấm-dứt ném bom vào thời-gian và hoàn-cảnh thích-hợp", nhưng lại đòi "thảo-luận ngay vào các vấn-đề liên-quan" trước.

Rõ-ràng là với những thủ-đoạn quanh-co trên đây, phía Mỹ đang muốn kéo cuộc nói chuyện ngày càng đi xa mục-đích chủ-yếu và bức-thiết của nó là việc Mỹ phải chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác chống nước VNDCCH.

Đó chính là nguyên-nhân vì sao mà cuộc nói chuyện chính-thức giữa VNDCCH và Mỹ cho tới nay vẫn không tiến-triển được.

2/ Để hòng bào-chữa cho trách-nhiệm hiển-nhiên của mình, phía Mỹ đã đưa ra những luận-điệu trắng-trợn xuyên-tạc nội-dung cơ-bản của hiệp-nghị Giơ-ne-vơ 1954 về V.N., trắng-trợn xuyên-tạc lịch-sử, xuyên-tạc sự thật của tình-

- 3 -

hình Việt-Nam hiện tại.

Nội-dung cơ-bản của hiệp-nghị Giơ-ne-vơ 1954 về V.N. là công-nhận độc-lập, chủ-quyền, thống-nhất và toàn-vẹn lãnh-thổ của V.N. Nhưng với ý-đồ phục-vụ cho chính-sách xâm-lược của mình, Mỹ đã đưa ra lập-luận xuyên-tạc về "hai nước V.N.", rồi dựng nên câu chuyện miền Bắc xâm-lược miền Nam V.N. để bịa ra một thứ "cơ-sở pháp-lý" giả-tạo cho việc Mỹ ném bom bắn-phá miền Bắc một cách bất-hợp-pháp. Cũng như việc phía Mỹ cố tô-vẽ một bộ mặt hợp-pháp cho ngụy-quyền Sài-gòn - mà ai cũng biết là nó không thể tồn-tại được lấy một ngày nếu không có súng Mỹ và đô-la Mỹ, - là để ngụy-trang nhằm che-đậy tính-chất bất hợp-pháp của quân-đội xâm-lược Mỹ ở miền Nam V.N.

Đó là những luận-điệu gian-dối, đảo-ngược phải trái. Chính Mỹ là kẻ phá-hoại hiệp-nghị Giơ-ne-vơ 1954 một cách có hệ-thống, Mỹ lại nói là Mỹ tôn-trọng hiệp-nghị đó. Chính Mỹ là kẻ đến xâm-lược nước V.N., Mỹ lại nói là đến để giúp miền Nam V.N. chống "sự xâm-lược" của miền Bắc V.N. Chính Mỹ đang tăng-cường chiến-tranh xâm-lược, Mỹ lại nói miền Bắc V.N. tăng-cường chiến-tranh.

Phía Mỹ đã luôn nhắc tới bài diễn-văn ngày 31.3.1968 của Tổng-Thống Giôn-xơn, tuyên-truyền việc Mỹ "ném bom hạn-chế" miền Bắc V.N. như một hành-động "thiện-chí", "đơn-phương xuống thang chiến-tranh" của Mỹ, rồi đòi nhân-dân V.N. phải có sự "kiềm-chế đáp-ứng."

Thực-chất là Mỹ đòi nhân-dân V.N. phải trả giá cho sự xâm-lược. Mỹ tự cho mình có quyền xâm-lược V.N., nhưng lại đòi nhân-dân V.N. hạn-chế quyền chống xâm-lược Mỹ.

3/ Trắng-trợn hơn nữa là ngay trong lúc Mỹ ra sức rêu-rao rằng Mỹ đã "kiềm-chế", đã "đơn-phương xuống thang chiến-tranh", thì cũng chính là lúc Mỹ tăng-cường chiến-tranh xâm-lược chống nhân-dân hai miền Nam Bắc V.N. một cách ác-liệt chưa từng có.

- 4 -

Trước ngày 31/3 tổng-số các trận đánh phá trên toàn lãnh-thổ miền Bắc cao nhất là 2.500 trận mỗi tháng. Nhưng sau đó, chỉ riêng trên một vùng 4 tỉnh từ Thanh-Hóa đến Quảng-Bình và khu-vực Vĩnh-Linh, con số đó đã tăng lên trên 3.500 trận trong tháng 4/1968, hơn 4.700 trận trong tháng 5/1968, hơn 5.200 trận trong tháng 6/1968, từ đầu tháng 7/1968 đến nay, con số ấy ngày càng tăng lên nữa.

Mục-tiêu đánh-phá tập-trung vào nhiều nơi đông dân-cư, như chỉ riêng tháng 6 thành-phố Vinh đã bị đánh 50 lần, tỉnh-ly Đồng-Hới đã bị đánh 50 lần, huyện-ly Nam-Đàn đã bị đánh 27 lần ; nhiều nhà thờ, bệnh-viện, trường-học, chợ búa cũng bị đánh rất dã-man.

Đặc-biệt, tôi thấy cần vạch ra những hành-động man-rợ chưa từng có của Mỹ trong việc dùng máy bay B.52 ném bom và tàu-chiến, trọng-pháo bắn-phá một cách bừa-bãi. Về việc này, Bộ Ngoại-giao nước VNDCCH đã ra tuyên-bố ngày 5.7.68. Tôi xin trích đọc một phần trong bản tuyên-bố đó :

"Từ ngày 1.7.1968 đến nay, ngày nào Mỹ cũng dùng nhiều máy bay B.52 trút bom bừa-bãi xuống hầu hết các xã thuộc khu-vực Vĩnh-Linh, kể cả các xã trong khu phi-quân-sự. Theo nguồn tin Mỹ, riêng ngày 2/7 đã có 75 máy bay B. 52 dội hơn 1.800 tấn bom nổ và ngày 3/7 đã có 95 máy bay B.52 dội tới 2.500 tấn bom xuống khu-vực trên.

"Cũng thời-gian này, pháo cỡ lớn của Mỹ từ các tầu thuộc Hạm-đội 7, và từ các vị-trí ở phía Nam khu phi-quân-sự đã liên-tục bắn hàng vạn phát đại-bác vào các xã nói trên.

"Đây là đợt đánh-phá dã-man nhất của Mỹ bằng cả máy bay, tầu-chiến và pháo mặt đất vào khu Vĩnh-Linh. Đây là một đợt Mỹ dùng nhiều máy bay B. 52 nhất từ trước đến nay để dội bom xuống các khu-vực đông dân ở miền Bắc V.N.

"Từ hơn 3 tháng nay, bộ máy tuyên-truyền của Mỹ cũng như các đại-diện của Mỹ đã không ngừng khoe-khoang là Mỹ

- 5 -

đã "có một bước quan-trọng trong việc giảm bớt mức-độ chiến-sự ở V.N." và đã có nhiều "hành-động tự kiềm-chế." Nhưng các cuộc ném bom bắn-phá cực-kỳ dã-man của Mỹ ở khu phi-quân-sự và khu Vĩnh-Linh trong mấy ngày qua đã phơi trần giọng lưỡi cực-kỳ gian-dối của Mỹ. Rõ-ràng Mỹ đưa luận-điệu "tự kiềm-chế" là nhằm che-dấu việc Mỹ tăng-cường ném bom một bộ-phận khá rộng của lãnh-thổ nước V.N. DCCH, che-giấu việc Mỹ điên-cuồng dùng máy bay B.52, tàu-chiến và trọng-pháo để giết-hại dân-thường và phá-hủy làng mạc trong những khu-vực đông-dân ở miền Bắc."

Trong khi đó, ở miền Nam V.N., Mỹ tiếp-tục đẩy mạnh chiến-tranh xâm-lược cùng với những thủ-đoạn ngày càng dã-man, như tuyên-bố những "khu-vực tự-do bắn-phá" ngày sát Sài-gòn-Chợ-lớn (ví-dụ một số khu-vực quanh Sài-gòn 6 - 10 Km. thuộc quận Bình-Chánh và quận Thủ-Đức), đặc-biệt dùng B. 52 trút bom bừa-bãi vào các nơi đông dân quanh Sài-gòn và các tỉnh kế-cận trong hàng tháng liền, có ngày hàng chục lần (như ngày 26/6 trong 12 giờ ném 12 lần.) Trong khi đó, Mỹ thúc-bách ngụy-quyền Sài-gòn tiến-hành "tổng-động-viên", để tăng quân-số quân-đội đánh-thuê lên tới mức một triệu vào cuối năm nay.

4/ Để phục-vụ cho mưu-đồ chính-trị riêng của họ, nhà cầm-quyền Mỹ một mặt cố-tình gây trở-ngại cho cuộc nói chuyện này bằng cách không chịu chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác chống nước VNDCCH, nhưng mặt khác lại tung tin về "lập-trường hai bên có những chỗ giống nhau" về "ý-kiến mới của phía Mỹ" trong cuộc nói chuyện ở Pa-ri. Những luận-điệu đó chỉ hòng xoa-dịu dư-luận nhân-dân Mỹ đang đòi chính-quyền Giôn-xơn xét lại chính-sách của Mỹ đối với V.N., đòi những người đại-diện chính-phủ Mỹ trong cuộc nói chuyện ở Pari phải có thái-độ nghiêm-chỉnh thực-hiện đúng mục-đích cuộc nói chuyện.

Ủy-Ban các Luật-gia về chính-sách của Mỹ đối với V.N., trong bức thư ngày 28.6.1968 gửi Chủ-tịch Ủy-ban đối-ngoại thượng-nghị-viện Mỹ, đã nói rõ : "Trở-ngại chính trong cuộc nói chuyện là việc chính-phủ chúng ta (tức chính-phủ Mỹ) từ-chối không chịu chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom miền Bắc V.N. và việc chính-phủ ta cứ nằng-nặc đòi Hà-nội có

- 6 -

những biện-pháp "có đi có lại."... Những hành-động của chính-quyền (tức của chính-phủ Mỹ) từ ngày 31/3 là bằng-chứng hiển-nhiên rằng chính-quyền không hề thay-đổi cái chính-sách mà nó vẫn theo đuổi từ trước ngày 31/3... Sự chủ-động đơn-phương của chính-quyền dưới hình-thức một sự ném bom hạn-chế đã được mô-tả với công-chúng Mỹ bằng những câu chữ lừa-dối. Mỹ đã chỉ phân-phối lại mục-tiêu của hoạt-động ném bom của mình, hơn là giảm hoạt-động đó. Số liệu ghi lại đã vạch-rõ là trong tháng 4, tiếp ngay sau bài diễn-văn ngày 31/3, Mỹ đã ném bom nhiều bom xuống phía Nam của Bắc V.N. hơn là số bom mà Mỹ đã ném xuống toàn miền Bắc V.N. trong bất-cứ tháng nào trước đây."

Những hành-động tăng-cường chiến-tranh đó quyết không phải là bằng-chứng rằng chính-phủ Mỹ đã "tự kiềm-chế" hoặc đang cố-gắng tìm kiếm "hòa-bình danh-dự" như họ thường tuyên-bố. Nó chỉ chứng-tỏ rằng chính-phủ Mỹ vẫn ngoan-cố đi sâu vào con đường hầm không lối-thoát của cuộc chiến-tranh xâm-lược V.N. Phía Mỹ đã mặc-nhiên công-nhận điều đó khi họ tuyên-bố trong phiên họp ngày 3/7 vừa qua là "không nên đánh-giá thấp quyết-tâm của Mỹ."

"Quyết-tâm" đó là gì ? Mọi người đều rõ đó là quyết-tâm xâm-lược V.N., phá-hoại hiệp-nghị Giơ-ne-vơ 1954 về V.N., là chính-sách thực-dân kiểu mới mà chính-phủ Mỹ đang cố-tình đeo-đuổi ở miền Nam V.N. mặc-dù những thất-bại ngày càng nặng-nề từ mấy năm qua.

Tôi đã từng nói nhiều lần : "Chính-phủ Mỹ muốn hòa-bình, nhân-dân V.N. sẵn-sàng giải-quyết hòa-bình ! Chính-phủ Mỹ tiếp-tục chiến-tranh, nhân-dân V.N. kiên-quyết đánh-bại chiến-tranh xâm-lược của Mỹ."

Ngày 26/6 Chủ-tịch-đoàn Ủy-ban Trung-ương MTDTGPMNVN đã tuyên-bố : "Mặt trận DTGPMNVN khẳng-định một lần nữa rằng : Mỹ xâm-lược miền Nam V.N., giết hại nhân-dân thì nhân-dân phải chống lại chúng, đánh-đuổi chúng ra khỏi đất-nước, giành độc-lập và tự-do cứu-nước, cứu nhà."

Ngày 1/7/1968, Bộ Ngoại-giao nước VNDCCH cũng tuyên-bố :

- 7 -

"Đế-quốc Mỹ xâm-lược V.N., giết-hại nhân-dân V.N. thì toàn-thể nhân-dân V.N. triệu người như một hoàn-toàn có quyền trừng-trị chúng ở bất-cứ đâu và đánh-đuổi chúng ra khỏi đất-nước mình. Đó là quyền tự-vệ thiêng-liêng của nhân-dân V.N. mà mọi người trên thế-giới đều đồng-tình sâu-sắc và ủng-hộ kiên-quyết."

Cuộc đấu-tranh chống chiến-tranh xâm-lược của Mỹ của nhân-dân hai miền Nam Bắc V.N. là hoàn-toàn phù-hợp với tinh-thần cơ-bản của Hiệp-nghị Giơ-ne-vơ 1954 về V.N., phù-hợp với nguyện-vọng của nhân-dân yêu-chuộng hòa-bình trên toàn thế-giới. Mọi luận-điệu xuyên-tạc, đổi trắng thay đen của phía Mỹ đều không thể làm lu-mờ điều đó được.

x

x x

Một lần nữa, tôi nhắc lại lập-trường của nhân-dân V.N. trong việc giải-quyết vấn-đề V.N. là 4 điểm của chính-phủ nước VNDCCH và cương-lĩnh chính-trị của MTDT GPMNVN. Nhưng trước hết Mỹ phải chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác chống nước VNDCCH. Sau đó sẽ bàn những vấn-đề khác liên-quan đến hai bên. Mỹ không được đặt ra một điều-kiện gì nhằm hạn-chế quyền thiêng-liêng của dân-tộc V.N. chống xâm-lược, bảo-vệ Tổ-quốc.

Hiện nay Mỹ nói sẵn-sàng chấm-dứt ném bom vào thời-gian và hoàn-cảnh thích-hợp. Tôi đã nói không còn thời-gian và hoàn-cảnh nào thích-hợp hơn là lúc này, khi mà cuộc nói chuyện kéo dài đã hai tháng ; khi mà dư-luận nhân-dân thế-giới đòi-hỏi cấp-bách hơn bao giờ hết - phía Mỹ phải thực-hiện ngay điều đó.

Nếu phía Mỹ không thực-hiện điều đó thì không thể nào bàn đến vấn-đề khác liên-quan đến hai bên và không thể đưa cuộc nói chuyện đến kết-quả. Trách-nhiệm hoàn-toàn thuộc về phía Mỹ.

———

Với thái độ lảng tránh của Hoa Kỳ, đến cuối tháng 7-1968, trải qua 14 phiên họp chính thức, Hội nghị Paris về Việt Nam không đạt được kết quả nào. Tuy nhiên, thái độ của Hoa Kỳ đã làm dấy lên phong trào phản đối mạnh mẽ. Ngày 26-7-1968, Ban thư ký thường trực Ủy ban đoàn kết Á – Phi cử đại biểu đến Paris gửi cho phái đoàn Hoa Kỳ bị vong lục, mạnh mẽ lên án: "*Thay mặt nhân dân các nước Á, Phi, chúng tôi tố cáo mạnh mẽ và cực lực lên án sự xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Chúng tôi tố cáo mạnh mẽ và cực lực lên án những tội ác chiến tranh, tội ác xâm lược và tội ác diệt chủng của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam. Chúng tôi tố cáo mạnh mẽ và cực lực lên án những âm mưu trì hoãn và những luận điệu xảo quyệt của đại diện Mỹ tại cuộc nói chuyện chính thức ở Paris*".[1]

Ngày 11-8-1968, Chính phủ cách mạng Lào, trong một bản tuyên bố trên hệ thống truyền thanh, mạnh mẽ tố cáo luận điệu phi lý của Hoa Kỳ: "*việc nêu vấn đề Lào ra trước Hội nghị Ba Lê là bất hợp pháp, xâm phạm đến chủ quyền Ai Lao. Đồng thời cũng chứng tỏ Hoa Kỳ đang bối rối trước áp lực của dư luận quốc tế đang lên án thái độ bướng bỉnh của Mỹ tại Hội nghị Ba Lê cũng như trong cuộc chiến tranh xâm lăng Việt Nam*"[2].

Tại châu Âu và Hoa Kỳ, dư luận cũng tỏ ra không mấy ủng hộ chính sách của chính quyền Johnson. Ngày 2-8-1968, tờ The New York Times đã nhận xét: "*Điều mà ông D. Rusk đòi hỏi, thực ra là một sự cam kết đơn phương của Hà Nội để xuống thang chiến tranh về phía họ mà không có sự cam kết tương xứng của phía Mỹ. Trước tình hình đồng minh tiếp tục tăng cường lực lượng và quân đội đồng minh*

1. Phát biểu của ông Hà Văn Lâu ngày 31-7-1968, Hồ sơ 876, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tin Việt Tấn xã Việt Nam Cộng hòa ngày 11-8-1968, Hồ sơ 878, ĐIICH, TTLTII.

tiếp tục những hoạt động quân sự trên khắp miền Nam Việt Nam"[1]. Xã luận The Washington Post công kích: "*Ngoại trưởng Rusk đòi hỏi không phải "một vài dấu hiệu nào đó" mà là một lời hứa rõ ràng và đầy đủ của Hà Nội rằng việc hoàn toàn chấm dứt ném bom sẽ được đáp lại bằng hành động xuống thang tương xứng và cụ thể... Bằng những điều kiện không nhất quán với những tuyên bố công khai trước đây, họ* (chính quyền Mỹ) *chỉ gây thêm sự ngờ vực và làm cho lòng tin của quần chúng bị lay chuyển*"[2]. Báo Guardian (Anh) cho rằng: "*con đường duy nhất tiến tới hòa bình là đàm phán với Hà Nội. Bây giờ người Mỹ phải tỏ ra là họ nghiêm chỉnh muốn điều đó, bằng cách chấm dứt ném bom*"[3].

Cùng với báo chí, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam bùng nổ và lan rộng khắp nơi, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, trên các đường phố từ New York cho đến Philadelphia, Chicago, Boston,... hàng ngàn người biểu tình với các khẩu hiệu đòi "chấm dứt chiến tranh", "đưa binh lính Mỹ về nước", "chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam". Tại Sài Gòn, phong trào chống Mỹ – Thiệu cũng diễn ra rầm rộ. Trong đó, sự kiện ngày 30-7-1968, Hội nghị đại biểu lần thứ hai Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình được triệu tập. Chương trình nghị sự và văn kiện hội nghị đã thu hút và đón nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt của dư luận trong và ngoài nước. Hội nghị mạnh mẽ tố cáo chính sách xâm lược của Hoa Kỳ, tỏ rõ lập trường ủng hộ chính sách hòa bình của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt

---

1. Phát biểu của ông Hà Văn Lâu tại phiên họp thứ 16 ngày 7-8-1968, Hồ sơ 856, ĐIICH, TTLTII.

2. Phát biểu của ông Hà Văn Lâu tại phiên họp thứ 16 ngày 7-8-1968, Hồ sơ 856, ĐIICH, TTLTII.

3. Phát biểu của ông Hà Văn Lâu tại phiên họp thứ 16 ngày 7-8-1968, *Tlđd*.

Nam. Về giải quyết vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, hội nghị xác định:

1. Phần cứu quốc với chủ trương *"Đoàn kết mọi lực lượng và cá nhân yêu nước kiên quyết chống chiến tranh xâm lược, đánh đổ chế độ bù nhìn tay sai, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, dân chủ và hòa bình"*.

2. Phần kiến quốc chủ trương *"thành lập một quốc gia độc lập, tự do dân chủ, hòa bình, trung lập và thịnh vượng để tiến tới thống nhất đất nước"*[1].

Nhưng tiếp tục đi ngược lại nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nửa cuối năm 1968, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh leo thang chiến tranh với quy mô và cường độ cao nhất.

Tháng 7-1968, tại Hội nghị quân sự ở Honolulu, Hoa Kỳ tiếp tục cam kết viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn và tăng quân viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam. Theo bản công bố nội dung Hội nghị của Bộ Thông tin chính quyền Sài Gòn, chính sách của Hoa Kỳ tập trung vào các điểm:

Về quân sự, sau khi Nguyễn Văn Thiệu trình bày "*sự tăng gia của quân số, sự gia hạn tuổi động viên xuống 18 và 19, việc gọi tái ngũ các cựu quân nhân và sĩ quan trừ bị đã đưa quân lực VNCH lên tới 765.000. Với việc ban hành luật tổng động viên..., tổng số quân đội sẽ có thể vượt quá 800.000 người vào cuối năm 1968*". Tổng thống Johnson cam kết "*trang bị vũ khí tối tân cho quân lực VNCH và viện trợ tài chánh. Súng trường tự động M.16 đã được cấp cho tất cả các tiểu đoàn chính quy bộ binh, nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân. Việc cung cấp vũ khí này cho các lực lượng bán quân sự xuống tới cấp xã ấp, đang được xúc tiến ưu tiên. Việc gia tăng sản xuất súng M.16*

1. Bản tin Giải phóng xã ngày 16-8-1968, Hồ sơ 878, ĐIICH, TTLTII.

sẽ đưa đến kết quả là tất cả lực lượng Việt Nam Cộng hòa có thể được trang bị loại vũ khí này trong năm 1968"[1]. Cụ thể đối với chính quyền Sài Gòn phải *"đối phó và đánh bại mọi hành động quân sự của đối phương; tăng cường và hiện đại hóa quân lực VNCH; tăng số quân đội đến 800.000 vào cuối năm 1968"*. Về phía Hoa Kỳ *"dự liệu gửi thêm 200.000 vào cuối năm 1968; duyệt xét chương trình phối hợp đang được áp dụng để trang bị vũ khí tối tân cho quân lực VNCH, xúc tiến nhanh chóng chương trình huấn luyện kỹ thuật và viện trợ tài chánh"*.

Đối với đàm phán, lập trường của Hoa Kỳ:

"+ Tái lập vĩ tuyến 17 làm lằn mức giữa Bắc và Nam Việt Nam trong khi chờ đợt sự quyết định về vấn đề thống nhất lãnh thổ.

+ Tôn trọng toàn thể lãnh thổ VNCH.

+ Tôn trọng nguyên tắc bất can thiệp vào nội bộ của nhau giữa Bắc và Nam Việt Nam.

+ Rút khỏi miền Nam Việt Nam tất cả những lực lượng võ trang và gây rối của miền Bắc.

+ Chấm dứt sự xâm lăng và gây chiến trên toàn cõi Việt Nam.

+ Kiểm soát quốc tế hữu hiệu và bảo đảm sự thực thi cùng duy trì những biện pháp kiểm soát đó.

+ Không có tham vọng ở Việt Nam, không hề muốn có căn cứ hoặc một sự hiện diện liên tục của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam, cũng không muốn giữ vai trò chính trị nào trong công việc của người Việt Nam.

+ Khi nào miền Bắc rút quân và chấm dứt xâm lược thì quân đội Hoa Kỳ sẽ triệt thoái.

---

1. Thông tư số 111/BTT/NCKH/NHK-KH/CT ngày 26-7-1968 của Bộ Thông tin Việt Nam Cộng hòa về khai thác các vấn đề liên quan đến cuộc Hội nghị Honolulu, Hồ sơ 1588, ĐIICH, TTLTII.

+ Hoa Kỳ sẽ không ủng hộ việc ép buộc VNCH phải chịu nhận "một chánh phủ liên hiệp" nào hay bất cứ một hình thức chính phủ nào khác"[1].

Với chính sách này, đến cuối năm 1968, tổng số quân viễn chinh Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam đạt 535.000 lính và 65.791 lính thuộc quân đội các nước phụ thuộc Mỹ, được biên chế trong 9 sư đoàn, 5 lữ đoàn quân Mỹ, 2 sư đoàn và 3 trung đoàn quân các nước phụ thuộc.

Tại Sài Gòn, chính quyền Thiệu ra sức bắt lính, đôn quân. Tính từ ngày 19-6-1968, khi Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh tổng động viên, đến cuối năm 1968, chính quyền Sài Gòn chẳng những bù đắp đủ cho số quân đã mất, mà còn nâng quân số từ 552.000 (11 sư đoàn, 11 trung đoàn) trong năm 1967 lên 555.000 (12 sư đoàn, 9 trung đoàn) vào cuối tháng 12-1968.

Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa được huy động đến mức tối đa vào thực hiện kế hoạch "bình định cấp tốc" ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Chỉ trong 2 tháng (7 và 8 năm 1968), liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa đã thực hiện 1.929 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên, tập trung giải tỏa áp lực tại các vùng đô thị và Sài Gòn - Gia Định, ngăn chặn đường chi viện và cơ sở hậu cần của Quân Giải phóng tại các khu vực tây nam Thừa Thiên, Đức Lập, Tây Ninh, Bình Long. Yểm trợ cho hoạt động hành quân, không quân Mỹ - Việt Nam Cộng hòa thực hiện 156.000 phi xuất, trong đó có 3.433 phi xuất sử dụng máy bay chiến lược B.52, cùng với 6.922 phi vụ (tương đương trên 40.000 phi xuất) oanh tạc miền Bắc Việt Nam[2].

---

1. Thông tư số 111/BTT/NCKH/NHK-KH/CT ngày 26-7-1968 của Bộ Thông tin Việt Nam Cộng hòa về khai thác các vấn đề liên quan đến cuộc Hội nghị Honolulu, Hồ sơ 1588, PTTg, TTLTII.

2. Bản tổng kết hoạt động tháng 7 và tháng 8 năm 1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16104, PTTg, TTLTII.

Trên bàn đàm phán, Hoa Kỳ càng trở nên ngoan cố. Tại phiên họp thứ 17, ngày 14-8-1968, Harriman với giọng điệu ngang ngược, nhắc lại toàn bộ đề nghị Hoa Kỳ, gồm các điểm:

"– Hoa Kỳ sẽ đình chỉ hoàn toàn oanh tạc Bắc Việt nếu Bắc Việt cũng có những hành động tự chế tương tự.

– Hoa Kỳ đề nghị tái lập khu phi quân sự.

– Hoa Kỳ đã tuyên bố sẵn sàng rút quân đội ra khỏi Nam Việt Nam nếu Bắc Việt cũng rút quân về Bắc và ngưng xâm nhập miền Nam.

– Hoa Kỳ ủng hộ tất cả mọi thỏa hiệp về việc tái thống nhất Việt Nam bằng những phương tiện hòa bình.

– Hoa Kỳ đòi hỏi rằng thỏa ước 1962 về Lào phải được tôn trọng"[1].

Thậm chí, trong phiên họp thứ 19, Harriman còn tỏ ra thách thức khi nhắc đi nhắc lại câu hỏi: *"Bắc Việt sẽ làm gì sau khi Hoa Kỳ ngưng toàn diện cuộc oanh tạc? Hoa Kỳ sẵn sàng họp nhiều hơn hoặc lâu hơn nếu cần thiết để chóng đạt đến hòa bình. Hoa Kỳ sẵn sàng bước thêm bước thứ hai, bước thứ ba hay nhiều hơn, nhưng Bắc Việt sẽ làm gì để giảm bớt bạo lực?"*[2].

Song Harriman lại khá gượng gạo khi có những đề nghị nhằm giảm bớt luồng dư luận đang công kích Hoa Kỳ. Trong phiên họp thứ 16, ông ta đưa ra đề nghị để *"các chuyên viên của hai phái đoàn hợp tác với nhau nghiên cứu dư luận thế giới"* nhưng đã bị đại diện phái

---

1. Công văn số 11 ngày 22-8-1968 của Nha Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về việc báo cáo tình hình liên quan đến cuộc hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 878, ĐIICH, TTLTII.

2. Công văn (mật) số 493/VP/M ngày 31-8-1968 về phiên họp thứ 19 giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 878, ĐIICH, TTLTII.

đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông Hà Văn Lâu bác bỏ[1]. Qua phiên họp thứ 17, ngày 14-7-1968, ông ta thẳng thừng đề nghị *"hai bên giảm bớt mức độ tuyên truyền"*[2] nhưng cũng không nhận được sự chấp thuận của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 24-7-1968, với quyết tâm đánh gục ý chí xâm lược của Hoa Kỳ, Thường trực Quân uỷ Trung ương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa triệu tập hội nghị bàn kế hoạch hoạt động trong Đông – Xuân (1968 – 1969). Trên cơ sở thực tiễn chiến trường, Hội nghị thống nhất mở đợt 3 Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 với chiến trường trọng điểm là Sài Gòn, Gia Định và miền Đông Nam Bộ. Mục tiêu là đánh tiêu diệt, tiêu hao nặng binh lính, vũ khí, khí tài hiện đại của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa, làm tiêu tan ý chí xâm lược của kẻ địch, tạo bước chuyển căn bản cho cách mạng miền Nam.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam, mặc dù yếu tố bí mật, bất ngờ không còn, song lực lượng pháo binh, đặc công, biệt động đã phối hợp đồng loạt tiến công trên 27 thành phố và thị xã, hơn 100 thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, 47 sân bay các loại, 3 tổng kho hàng hoá quân sự, 6 bộ tư lệnh cấp sư đoàn của Hoa Kỳ và Sài Gòn. Đặc biệt, ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, tổng kết 43 ngày đêm chiến đấu liên tục của chiến dịch Tây Ninh – Bình Long (từ ngày 17-8 đến 28-9-1968), Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 13 tiểu đoàn, 55 đại đội, tiêu hao nặng 7 tiểu đoàn thuộc các sư đoàn 1 và 25 bộ binh cơ giới Mỹ, một số đơn vị thuộc lực lượng tổng trù bị chiến lược quân

1. Công văn (mật, thượng khẩn) số 448/VP/M ngày 10-8-1968 về phiên họp lần thứ 16 ngày 10-8-1968 giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 875, ĐIICH, TTLTII.

2. Công văn số 11 ngày 22-8-1968 của Nha Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về việc báo cáo tình hình liên quan đến cuộc Hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 878, ĐIICH, TTLTII.

đội Sài Gòn và nhiều đơn vị biệt kích, bảo an tại chỗ; loại khỏi vòng chiến đấu 18.406 lính, phá huỷ 1.507 xe quân sự, 112 máy bay, 107 khẩu pháo, thu được 24 máy vô tuyến điện, 282 súng các loại.

Tại Hội nghị Paris, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục khẳng định lập trường và mong muốn phía Hoa Kỳ đàm phán nghiêm túc để mau chóng đi đến giải pháp hòa bình. Ngày 2-9-1968, nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng trong bài diễn văn chào mừng đã tỏ rõ thiện chí, khi phát biểu rằng: *"việc đình chỉ oanh tạc vô điều kiện sẽ có một hiệu lực tích cực trong sự tìm kiếm lần lần một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam"*[1]. Phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng lập tức thu hút được sự quan tâm của dư luận và được đánh giá là yếu tố quan trọng có thể thúc đẩy tiến trình đàm phán tại Paris. Tại cuộc họp báo sau phiên họp thứ 20, ngày 4-9-1968, ký giả báo chí tại Paris đặc biệt chú ý đến cụm từ *"hiệu lực tích cực"* trong bài phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và đã được phát ngôn viên của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris, ông Nguyễn Thành Lê giải thích: *"Thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn nói rằng khi Hoa Kỳ đình chỉ vô điều kiện oanh tạc cũng như các hành động chiến tranh khác trên toàn lãnh thổ Bắc Việt thì bầu không khí sẽ thuận tiện cho việc mưu tìm một giải pháp hòa bình cho Việt Nam trên căn bản những quyền lợi quốc gia của nhân dân Việt Nam. Một nền hòa bình như vậy sẽ có lợi cho cả nhân dân Việt Nam và Hoa Kỳ"*[2]. Đồng thời, ông cũng một lần nữa xác

1. Bản tin Reuter – VP 6398 ngày 4-9-1968, Hồ sơ 879, ĐIICH, TTLTII.

2. Công văn số 14 ngày 11-9-1968 về việc cuộc hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 879, ĐIICH, TTLTII.

nhận, ngay sau khi Hoa Kỳ đình chỉ ném bom miền Bắc Việt Nam, hai bên sẽ tiến hành thảo luận về những vấn đề liên quan[1].

Nhưng Hoa Kỳ vẫn ngoan cố tiếp tục chính sách theo đuổi chiến tranh. Trong những tháng cuối năm 1968, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn mở hàng loạt chiến dịch quân sự và chiến tranh chính trị nhằm vào cơ sở hạ tầng cách mạng và đánh lạc hướng dư luận.

Ngày 1-10-1968, Bộ Tư lệnh MACV và JUSPAO Hoa Kỳ phát động chiến dịch chiến tranh tâm lý mệnh danh Nguyễn Trãi. Nội dung của chiến dịch là thả một số tù binh và tổ chức tuyên truyền với mục tiêu:

"*- Gây dư luận trong hàng ngũ địch về chính sách của ta.*

- Làm lung lạc ý chí chiến đấu của địch.

- Thúc đẩy cán binh địch đầu hàng, hồi chánh đông đảo.

- Tạo một tiếng vang trong dư luận quốc tế"[2].

Ngày 4-10-1968, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh chiến dịch quân sự mệnh danh Phụng Hoàng trong thời gian từ ngày 15-10 đến Tết năm 1969 với "*mục tiêu là gây tổn thất hạ tầng cơ sở VC nói chung nhưng đặc biệt chú trọng đến cá nhân nằm trong hệ thống VC với một thứ tự ưu tiên rõ rệt: chính trị cao hơn quân sự. Phương pháp đề ra là:*

+ Thiết lập một hệ thống chặt chẽ thanh tra và báo cáo để có thể sửa chữa kịp thời những điểm sai lầm và để hướng dẫn nỗ lực đúng chiều.

1. Công văn số 14 ngày 11-9-1968 về việc cuộc hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd.*

2. Công văn số 3107/QP/HCIV/I/B/TB/M ngày 2-10-1968 của Bộ Quốc phòng và cựu chiến binh Việt Nam Cộng hòa về việc phóng thích tù binh nhân dịp phát động chiến dịch Nguyễn Trãi, Hồ sơ 16223, PTTg, TTLTII.

+ Phân loại hạ tầng cơ sở VC theo ưu tiên quan trọng để phân nhiệm rõ rệt cho từng cấp bám sát và tiêu hao.

+ Ấn định ưu tiên trong vùng mà chiến dịch sẽ đặt hết nỗ lực vào đó:

(1) – Vùng xôi đậu (D, E) và có ủy ban giải phóng.

(2) – Vùng VC (V).

(3) – Vùng tương đối an ninh (A, B, C)"[1].

Đồng thời, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tập trung tối đa tiềm lực vào các cuộc hành quân giải tỏa áp lực Quân Giải phóng. Trong hai tháng 9 và 10 năm 1968, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa thực hiện 2.130 cuộc hành quân trên cấp tiểu đoàn, tăng hơn 10% so với 2 tháng 7, 8-1968 và tăng 52% so với 2 tháng 3, 4-1968. Đồng thời tăng cường leo thang chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam bằng không quân với 7.595 phi vụ oanh tạc, tăng 9.7% so với 2 tháng 7 và 8 năm 1968[2].

Trước nguy cơ chiến tranh lan rộng, ngày 05-9-1968, Tổng thư ký Liên hợp quốc U. Thant tuyên bố sẽ hội kiến với các phái đoàn Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong chuyến công du Paris sắp tới[3]. Đến Paris ngày 16-9-1968, không gặp gỡ hai phái đoàn như dự kiến, nhưng trong tuyên bố về Việt Nam sau cuộc hội đàm với Ngoại trưởng Pháp Michel Debré, Tổng thư ký Liên hợp quốc đã mạnh mẽ khẳng định: biện pháp chủ yếu để đem vấn đề Việt Nam từ chiến trường đến bàn hội nghị là sự đình chỉ tức khắc và vô điều kiện các

---

1. Phiếu đệ trình ngày 4-10-1968 về đẩy mạnh chiến dịch Phụng Hoàng trong thời gian từ 15-10-1968 đến Tết 1969, Hồ sơ 334, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tổng kết hoạt động tháng 9 và 10 năm 1968 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16104, PTTg, TTLTII.

3. Công văn số 14 ngày 11-9-1968 về việc cuộc hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 879, ĐIICH, TTLTII.

cuộc ném bom Bắc Việt[1]. Tiếp đó, ngày 23-9-1968, tại trụ sở Liên hợp quốc, ông U. Thant tuyên bố: *"một quyết nghị yêu cầu Hoa Kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt có thể sẽ được đa số hội viên Liên hợp quốc tán thành"*[2].

Nhưng Hoa Kỳ vẫn phớt lờ, bỏ qua thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đòi hỏi của dư luận yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Hoa Kỳ tiếp tục ngoan cố trong đàm phán. Đối với tuyên bố của ông U. Thant, ngày 24-9-1968, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hợp quốc, George Ball bình luận trước báo giới rằng: *"đề nghị của U. Thant không giúp gì cho các cuộc đàm phán ở Ba Lê được tiến triển"*[3]. Trong khi, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tuyên bố: "*Hoa Kỳ không đồng quan điểm với ông Tổng thư ký Liên hợp quốc rằng một nghị quyết như vậy sẽ được đa số thành viên Liên hợp quốc chấp nhận*"[4] (ngụ ý nói đến vai trò phủ quyết của Hoa Kỳ tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc).

Tại Paris, chiến thuật đàm phán của phái đoàn Hoa Kỳ có sự thay đổi. Ngày 15-9-1968, Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ Harriman từ Paris đi New York[5]. Sau khi trở lại bàn đàm phán, ông ta có sự thay đổi rõ rệt trong tranh luận. Không đàm phán lảng tránh, Harriman sử dụng chiến thuật "cây gậy và củ cà rốt", cứng rắn trong các yêu cầu, nhưng

1. Công văn số 16 ngày 18-9-1968 về cuộc hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phản ứng của Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ đối với ý kiến của U. Thant về việc ngưng ném bom Bắc Việt, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

3. Tài liệu của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phản ứng của Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ đối với ý kiến của U. Thant về việc ngưng ném bom Bắc Việt, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

4. Bản tin số 17 ngày 2-10-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

5. Bản tin số 15 ngày 18-9-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

lại đưa ra những đề nghị "hào phóng" nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đáp ứng các yêu cầu đó.

Ngày 25-9-1968, tại phiên họp thứ 23, Harriman tỏ rõ thái độ thách thức. Ông ta cố tình nhắc lại tuyên bố của Hoa Kỳ tại Genève năm 1954 rằng *"bất kỳ một sự tái diễn xâm lăng nào trái với Hiệp định Genève, Hoa Kỳ sẽ xem đó như một sự đe dọa cho nền hòa bình và an ninh thế giới"*[1]. Đồng thời, trong khi phát biểu rằng, Hoa Kỳ tôn trọng lãnh thổ và nhìn nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông ta nhấn mạnh việc coi chính quyền Sài Gòn là một *"thực thể quốc tế có chủ quyền"* và sự hiện diện của Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam *"là theo đúng luật pháp quốc tế"*[2]. Phát biểu của Harriman đồng nghĩa với việc Hoa Kỳ tái khẳng định, trong thời điểm hiện tại:

1. Hoa Kỳ không chấm dứt chiến tranh chống phá miền Bắc;

2. Hoa Kỳ tiếp tục hiện diện ở miền Nam Việt Nam và bảo trợ chính quyền Sài Gòn.

Đồng nhất với phát biểu của Harriman, các quan chức và chính khách Hoa Kỳ liên tiếp đưa ra những luận điệu hiếu chiến. Ngày 10-9-1968, trong bài diễn văn đọc trước Đại hội Cựu chiến sĩ thứ 50 tại New Orleans, Tổng thống Johnson tuyên bố ba phương thức giải quyết vấn đề Việt Nam:

1. Chiến tranh toàn diện chống Bắc Việt, đó là điều mà Hoa Kỳ không mong muốn;

2. Bỏ miền Nam Việt Nam cho cộng sản là điều Hoa Kỳ không làm;

---

1. Bản tin số 17 ngày 2-10-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tin số 17 ngày 2-10-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ – Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

3. Đình chỉ ném bom Bắc Việt chỉ có thể có nếu có bảo đảm rằng Hà Nội sẽ xuống thang và thương thuyết, đó là điều mà Hoa Kỳ đang làm (AFP-VP 6405 - 11-9-68)[1]. Còn Clark Clifford - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, chỉ trong tháng 9-1968 đã ba lần khẳng định sự tiếp tục có mặt của quân viễn chinh Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam. Ngày 5-9-1968, tại Câu lạc bộ Quốc gia báo chí, ông ta tuyên bố: khi nào Hà Nội nhận thức được họ không thể chiếm được miền Nam bằng võ lực thì người ta sẽ thấy ở phía họ một hành động tiến tới hòa bình (AFP-VP 6400 - 6-9-1968)[2]. Ngày 17-9-1968, ông ta khẳng định: quân lực Hoa Kỳ sẽ còn ở lại Việt Nam cho tới chừng nào sự hiện diện của họ còn cần thiết (AFP-VP 6412 - 18-9-68)[3]. Ngày 25-9-1968, ông ta tái xác nhận: "*Chúng tôi không có ý định giảm bớt mức độ quân số hiện thời từ nay đến tháng 6-1969 tới đây hay bất cứ một hạn kỳ nào trong một tương lai gần đây*"[4].

Cùng với lời lẽ "răn đe", ngày 16-10-1968, tại phiên họp thứ 26, Harriman đưa ra đề nghị "phát triển hòa bình" hết sức "hào phóng" dành cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nếu đáp ứng các yêu cầu của Hoa Kỳ. Ông ta nói:

"*Nếu Bắc Việt* (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) *chịu bỏ tham vọng nói trên, Mỹ sẽ tích cực cùng với các quốc gia khác xây dựng một đời sống cao hơn cho các dân tộc Đông Nam Á.*

---

1. Bản tin số 15 ngày 18-9-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ - Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tin số 14 ngày 11-9-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ - Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 879, ĐIICH, TTLTII.

3. Bản tin số 16 ngày 18-9-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ - Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

4. Bản tin số 17 ngày 2-10-1968 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ - Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

Tổng thống Jonson đã minh xác chánh sách của Mỹ tại Đông Nam Á trong diễn văn đọc tại Viện đại học Hopkins vào tháng 4 năm 1965:

– Mỹ không có tham vọng chiếm đất đai bất cứ ở xứ nào và cũng không chen vào nội bộ của xứ nào để ép buộc thiết lập định chế quốc gia theo ý của Mỹ.

– Nhưng Mỹ nhất định chống mọi âm mưu của bất cứ quốc gia nào để xâm chiếm một quốc gia khác.

2. Vì chiến tranh kéo dài tại Việt Nam nên Việt Nam không tiến theo kịp đà của những xứ khác như Mã Lai (Malaysia – BT), *Đại Hàn* (Hàn Quốc – BT), *Đài Loan, Thái Lan hay Nhật Bản.*

3. Nhưng không có lý do gì để Bắc Việt không được hưởng các quyền lợi kinh tế của các tổ chức hợp tác quốc tế như Ngân hàng Phát triển Á châu, Ủy ban Phối trí lưu vực sông Cửu Long và Ủy ban Kinh tế của Liên hợp quốc tại Á châu và Viễn đông.

Ngoài các nguồn lợi kinh tế, còn vấn đề trao đổi văn hóa đã được thực hiện với sự tổ chức một ủy ban thường trực của bộ giáo dục của các nước ở Đông Nam châu Á.

Nếu có thái bình, Bắc Việt sẽ hưởng những kinh nghiệm như "lúa nhiệm mầu" IR5, IR8 đã giúp cho Phi Luật Tân (Philippine – BT) *lần đầu tiên từ 65 năm qua đủ lúa ăn. Miền Nam Việt Nam đã gieo trồng lúa này cho hơn 40.000 mẫu năm nay và cho 100.000 mẫu năm sắp đến.*

Các sự trao đổi về văn hóa, kinh tế và liên lạc giữa các gia đình vì thời cuộc phải sống kẻ Nam người Bắc sẽ được thực hiện và những sự kiện này đưa dần lên đến một sự thống nhất trong hòa bình.

4. Để kết luận, ông Harriman yêu cầu Bắc Việt hãy gia nhập cộng đồng các xứ Đông Nam Á trong một tinh thần hợp tác hòa bình"[1].

Tuy nhiên, chiến thuật đàm phán với những lời lẽ phỉnh phờ, đậm mùi tâm lý chiến của Hoa Kỳ không đạt được hiệu quả. Trong bài phát biểu tại phiên họp thứ 27, ngày 23-10-1968, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy mạnh mẽ tố cáo:

"Trong phiên họp tuần trước, các ngài (phái đoàn Hoa Kỳ - BT) *lại nói đến "việc phát triển hòa bình". Nhưng chính trong lúc đó Mỹ đang đẩy mạnh chiến tranh xâm lược đầy tội ác chống nhân dân Việt Nam ở cả hai miền.*

Ở miền Bắc Việt Nam, không quân và hải quân Mỹ đang đánh phá hết sức ác liệt phần còn lại khá rộng lớn của lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Theo thông cáo của Ủy ban Điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, thì trong tháng 9 vừa qua máy bay Mỹ đã đánh phá các tỉnh Nghệ An 900 lần, Hà Tĩnh 1.200 lần, Quảng Bình 2.500 lần, Vĩnh Linh 1.000 lần với các loại bom pháp 80.000 quả, bom nổ chậm 12.000 quả, bom bi mẹ 3.000 quả, bắn đại bác 80.000 quả. Đó là chưa kể 2.730 tấn bom mà máy bay B.52 ném rải thảm xuống Vĩnh Linh. Máy bay Mỹ đã chủ tâm đánh phá toàn bộ các hệ thống đê điều và công trình thủy lợi suốt từ Nghệ An đến Vĩnh Linh trong mùa mưa bão nhằm gây lụt từng vùng, phá hoại nền kinh tế nông nghiệp của nhân dân.

Trong 15 ngày đầu tháng 10-1968, máy bay Mỹ trung bình mỗi ngày đánh phá 218 lần, tăng hơn hai lần so với tháng 9-1968 và ném bom bừa bãi vào các mục tiêu dân cư gần 500.000 bom phá, bom hơi,

---

1. Công văn số 2110/PĐVN phúc trình về phiên họp Mỹ - Bắc Việt thứ 26 ngày 16-10-1968 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 881, ĐIICH, TTLTII.

bom nổ chậm và khoảng 1.750 bom bi mẹ. Đại bác Mỹ từ Hạm đội 7 và từ bờ Nam sông Bến Hải bắn gần 50.000 viên vào 17 xã và thị trấn Hồ Xá thuộc khu vực Vĩnh Linh, trên 5.000 viên vào 36 điểm dân cư thuộc 3 huyện của tỉnh Hà Tĩnh và 3 điểm thuộc thành phố Vinh. Tàu chiến Niugiơdi, cùng với tàu chiến khác của Hạm đội 7, đã 13 ngày đêm liên tiếp bắn phá bừa bãi thành phố Vinh, 19 xã thuộc các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh. Ngoài ra, Mỹ còn dùng tàu biệt kích liên tiếp xâm phạm vùng biển nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh phá thuyền bè và nhà cửa của nhân dân dọc theo ven biển từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 20, sáu lần vây bắt dân đánh cá. Mỹ còn cho máy bay không người lái và máy bay SR 71 ngày đêm do thám các tỉnh miền Bắc Việt Nam trên vĩ tuyến 20, kể cả thành phố Hà Nội và Hải Phòng.

Ở miền Nam Việt Nam, máy bay chiến lược B.52 tăng cường ném bom rải thảm xuống những vùng dân cư, giết hại dân thường, phá hoại tài sản của nhân dân. Riêng ngày 15-10, máy bay B.52 của Mỹ đã ném 1.500 tấn bom xuống những vùng cách tỉnh lỵ tỉnh Quảng Ngãi chỉ 13 đến 35 cây số.

Rõ ràng là Mỹ đang phá hoại hòa bình ở Việt Nam.

Nếu Mỹ chưa chịu từ bỏ chính sách xâm lược, từ bỏ ý đồ chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, từ bỏ âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, chưa chịu công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và nói chuyện với Mặt trận về các vấn đề ở miền Nam Việt Nam thì không thể có hòa bình được.

Ngày nào Mỹ chưa chịu chấm dứt ngay và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để mở đường cho một giải pháp hòa bình thì chưa thể nói đến điều gì khác hơn. Và cho đến lúc đó, những lời nói hoa mỹ của các ngài về xây dựng, phát triển kinh tế chỉ là điều

mà dư luận thế giới đã nói rất đúng: chìa củ cà rốt đi đôi với cây gậy mà thôi"[1].

Ngày 30-10-1968, tại phiên họp thứ 28, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy tiếp tục vạch rõ âm mưu của Hoa Kỳ:

"Những lời nói hòa bình của Mỹ chỉ nhằm che đậy những hành động của Mỹ tiếp tục cho máy bay, tàu chiến bắn phá ác liệt, triệt hạ từng vùng ở miền Bắc Việt Nam. Trong những ngày gần đây, khi Tổng thống Mỹ Johnson đang nói "hòa bình" thì các hãng thông tấn phương Tây cho biết rằng số phi vụ đi đánh phá miền Bắc của máy bay Mỹ đã tăng lên con số cao nhất từ tháng 6 đến nay. Chỉ trong hai ngày 28 và 29-10 vừa qua, Mỹ đã cho máy bay B.52 đánh phá sáu lần và ném rải thảm tới 700 tấn bom xuống khu vực Vĩnh Linh, phía bắc khu phi quân sự. Còn ở miền Nam, Mỹ vẫn đẩy mạnh các cuộc hành quân càn quét, xâm phạm cả khu phi quân sự. Máy bay Mỹ tiếp tục ném bom không phân biệt xuống những vùng mà Mỹ nói là "nghi ngờ" để giết hại nhân dân. Máy bay B.52 tiếp tục ném bom rải thảm chung quanh các đô thị như ở gần Tây Ninh và Sài Gòn trong mấy ngày qua.

Đi đôi với những hành động tăng cường chiến tranh, Mỹ tiếp tục tô vẽ cho ngụy quyền Thiệu – Kỳ, trong lúc bọn này cũng ra sức hò hét chiến tranh. Chúng còn tìm cách xuyên tạc vai trò quyết định của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, người đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam, có thẩm quyền trong việc giải quyết mọi vấn đề liên quan đến miền Nam Việt Nam.

Những hành động trên đây chứng tỏ rằng, Mỹ chưa muốn giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Trái lại, vẫn muốn theo đuổi chiến

---

1. Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Thủy tại phiên họp thứ 27 ngày 23-10-1968, Hồ sơ 856, ĐIICH, TTLTII.

tranh xâm lược, theo đuổi chính sách thực dân mới của chúng ở miền Nam Việt Nam.

Những lời lẽ hòa bình giả dối của Mỹ hiện nay chỉ nhằm xoa dịu làn sóng chống chiến tranh ngày càng dâng cao ở ngay trong nước Mỹ, lừa bịp cử tri Mỹ trước ngày bầu cử tổng thống, đồng thời cũng để xoa dịu làn sóng phẫn nộ ngày càng mạnh mẽ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới"[1].

Trong khi bàn Hội nghị Paris không có sự tiến triển nào đáng kể, thì nỗ lực thực hiện đợt 3 cuộc Tổng tiến công Mậu Thân năm 1968 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tạo ra sự biến chuyển cho tiến trình đàm phán đi đến giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Ngay tại Paris, sau cao điểm 2 đợt 3 cuộc Tổng tiến công của Quân Giải phóng, phái đoàn Hoa Kỳ và phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xúc tiến các cuộc thương lượng bí mật. Mở đầu là cuộc tiếp xúc riêng giữa Cố vấn phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Lê Đức Thọ - đến Paris vào cuối tháng 8-1968, Bộ trưởng Xuân Thủy với Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ Harriman và ông Cypruc Vance.

Không có tài liệu nào ghi lại nội dung chi tiết các cuộc tiếp xúc bí mật giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong những tháng cuối năm 1968. Nhưng những tuyên bố sau đó của chính quyền Sài Gòn cho thấy tiến trình giải quyết hòa bình cuộc chiến tranh Việt Nam bắt đầu đi vào thực chất.

Ngày 19-9-1968, Trần Chánh Thành - Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Sài Gòn tuyên bố: "*Chính sách ngoại giao của VNCH hiện nay, và trong giai đoạn sắp tới là một chính sách mềm dẻo và cởi mở*". "*Chúng tôi* (Chính quyền Sài Gòn - BT) *hoan nghênh và tích cực tham gia bất cứ cuộc dàn xếp nào khả dĩ đem lại một nên hòa bình*

---

1. Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Thủy tại phiên họp thứ 28 ngày 30-10-1968, Hồ sơ 856, ĐIICH, TTLTII.

thực sự, lâu dài, công chính. Nhưng chúng tôi chống lại các giải pháp đầu hàng trá hình chỉ có đem lại một nền hòa bình giả tạo và tạm thời,.... Chúng tôi không chấp nhận bất cứ sự dàn xếp nào bằng cách thiết lập chính phủ liên hiệp"[1].

Những tuyên bố trên cho thấy, vấn đề mấu chốt của cuộc đàm phán hai bên về Việt Nam trên bàn Hội nghị Paris - Hoa Kỳ chấm dứt vô điều kiện chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam, đã được giải quyết. Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu bước vào thảo luận các vấn đề chính trị liên quan. Trong đó, nội dung chủ yếu trước mắt là sự tham gia vào tiến trình đàm phán của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và của chính quyền Sài Gòn. Ngày 21-10-1968, vấn đề trên cũng đã được hai bên thống nhất, với việc Bộ trưởng Xuân Thủy thông báo quyết định của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chấp thuận đàm phán bốn bên về Việt Nam, gồm: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam với bên kia là Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn.

Trước sự thỏa hiệp của Johnson, Nguyễn Văn Thiệu đã tỏ thái độ phản đối quyết liệt, khiến ngày 29-10-1968, Tổng thống Johnson phải thông qua Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Ellsworth Bunker chuyển tới Nguyễn Văn Thiệu, để ngăn chặn sự phản ứng của ông ta:

"As we come to this critical but hopeful moment in our joint struggle, I wish to tell you directly what is on my mind and heart.

First, that we have come so far is due to the efforts of yourself, Vice President Ky, and your other colleagues in building the constitutional government, expanding the armed forces of Vietnam, and gathering strength after the shock of the Tet attacks. I'm sure you would also agree

1. Bản tin số 16 của Nha Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về hòa đàm Mỹ - Bắc Việt tại Paris, Hồ sơ 880, ĐIICH, TTLTII.

that the armed forces of your allies, led by General Wesmoreland and now by General Abrams have helped.

Second, I have told General Abrams, and I am sure you have instructed your forces, that we must maintain every bit of military pressure we can summon within South Vietnam and in Laos. This is a time for more military pressure on the enemy, not less.

Third, I trust you will mount a major political and psychological effort in the days ahead to bring the VC over to your side. After all, Hanoi has recognized that there can be no peace in South Việt Nam without the assent of your government. The DMZ will be closed. If the bombing cessation is to continue. The enemy forces basis must be there for a drawing of the VC to your side.

Fourth, I know the question of the NLF in the Paris talks is awkward for you. But you can fell sure that we shall make clear that no question of recognition by the U.S is involved. And you can do so. Your people can also be sure that we have no intention of imposing a coalition government upon them. On the other hand, I count on you to move towards reconciliation and peace in South Vietnam in the spirit of our talks at Honolulu in July and of our communique.

Fifth, I trust that we shall now work together in Paris in the same spirit of brotherhood in which we have stood side by side in the battle. You, Vice President Ky, and I have seen some rough times together. You both honored your commitment to me at Guam. Now we must reaffirm that commitment as the possibility of the honorable peace we all want becomes more real. At Paris, Hanoi gave us thus far – in the end – all we demanded. I deeply believe that if we continue to stand together we can get all the essentials we both seek.

You can count on Ambassador Bunker, General Abrams, and me to be at your side in the days ahead as we have been in the years that are behind us.

Sincerely,

Lyndon B. Johnson"[1].

---

1. Thư của Tổng thống Johnson do Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Bunker trao cho Nguyễn Văn Thiệu ngày 29-10-1968, Hồ sơ 1289, ĐIICH, TTLTII. Lược dịch:

"Khi chúng ta đến thời điểm quan trọng này của cuộc chiến, tôi muốn thẳng thắn nói với Tổng thống những suy tư của mình.

Đầu tiên, cái mà chúng ta có được cho tới thời điểm này là do nỗ lực của ngài, Phó Tổng thống Kỳ và những người khác trong chính phủ của ngài trong việc xây dựng một chính quyền hợp hiến và phát triển quân đội, trong sự phục hồi sau chấn động của cuộc tấn công Tết (Mậu Thân 1968). Tôi chắc ngài cũng đồng ý, quân đội Hoa Kỳ và đồng minh do Tướng Wesmoreland trước đây và hiện tại là Tướng Abrams chỉ huy, đã giúp đỡ ngài trong công cuộc đó.

Thứ hai, tôi đã nói với Tướng Abrams và tôi cũng đã chỉ thị cho quân đội của mình rằng, chúng ta phải duy trì tất cả áp lực quân sự chúng ta có tại Nam Việt Nam và Lào. Đây là thời điểm mà chúng ta chịu không ít áp lực quân sự của đối phương.

Thứ ba, tôi tin tưởng ngài sẽ nỗ lực cả về chính trị và tinh thần trong những ngày sắp tới để ngài và những người cộng sản xích lại gần nhau hơn. Sau tất cả, Hà Nội đã xác định có thể có hòa bình ở miền Nam Việt Nam mà không cần sự chấp thuận của chính phủ ngài...

Thứ tư, tôi biết các yêu cầu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Paris gây khó xử cho ngài. Nhưng ngài có thể chắc chắn chúng ta sẽ làm cho rõ là không có sự thừa nhận nào từ phía Hoa Kỳ. Và ngài cũng nên làm vậy. Chính phủ ngài cũng có thể chắc chắn rằng, chúng tôi không có ý định áp đặt một chính phủ liên minh. Mặt khác, tôi tin tưởng ngài cũng mong giải quyết hòa bình ở Nam Việt Nam theo tinh thần của bản thông cáo chung tại Hội nghị Honolulu vào tháng 7.

Thứ năm, tôi tin tưởng rằng bây giờ chúng ta phải làm việc cùng nhau tại Paris với tinh thần huynh đệ như trước đây. Ngài, Phó Tổng thống Kỳ và tôi đã có thời gian khó khăn cùng nhau. Hai ngài đã tôn trọng cam kết với tôi tại Guam. Bây giờ, chúng ta phải tái khẳng định cam kết đó bằng việc hiện thực hóa khả năng hòa bình trong danh dự. Tại Paris, Hà Nội chấp nhận tất cả những gì chúng ta yêu cầu. Tôi tin rằng nếu chúng ta tiếp tục đứng cùng nhau, chúng ta có thể đạt được tất cả những điều mà chúng ta tìm kiếm.

Ngài có thể tin rằng, Đại sứ Bunker, Tướng Abrams và tôi sẽ bên cạnh ngài trong những ngày sắp tới như chúng tôi đã làm trước đó.

Trân trọng.

Lyndon B. Johnson"

Nhưng vẫn chưa ngăn được Thiệu, nên ngày 30-10-1968, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Ellsworth Bunker gửi cho Nguyễn Văn Thiệu thông điệp, yêu cầu ông ta phải có thái độ đồng thuận với Hoa Kỳ trong bài phát biểu sắp tới:

"I do not know on what subject you may be speaking, but I would most earnestly say to you that if the speech has to do with our negotiations, this will not be understood by President Johnson. As you will recall, President Johnson had expressed the view that it is most important that you and he deal with one another on a confidential basis regarding the problems of negotiations and peace. It would be tragic if something were said which would prevent us from moving to an agreement"[1].

Vì vậy, không bất ngờ khi ngày 31-10-1968 giờ Washington (1-11-1968 giờ Việt Nam), thời điểm Hội nghị Paris chưa có sự tiến triển, Tổng thống Johnson đột ngột tuyên bố chấm dứt chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam, bất chấp sự phản đối của Nguyễn Văn Thiệu – Tổng thống chính quyền Sài Gòn.

Toàn văn tuyên bố của Johnson:

"Đêm nay tôi muốn nói chuyện với đồng bào về những diễn biến quan trọng liên hệ tới việc tìm kiếm hòa bình ở Việt Nam.

Chúng ta thảo luận với đại diện Bắc Việt tại Ba Lê từ tháng 5 qua. Những cuộc thảo luận này bắt đầu sau khi tôi tuyên bố vào buổi tối

---

1. Điện văn của Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Bunker gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 30-10-1968, Hồ sơ 1289, ĐIICH, TTLTII. Lược dịch: *"Tôi không biết Tổng thống sẽ phát biểu về chủ đề gì, nhưng tôi rất nghiêm túc nói với Tổng thống rằng, nếu phát biểu đó tác động đến cuộc đàm phán, nó sẽ không nhận được sự đồng tình của Tổng thống Johnson. Tổng thống cần nhớ rằng, Tổng thống Johnson đã bày tỏ quan điểm là Tổng thống và ông ấy cùng nhau giải quyết nội bộ các vấn đề liên quan đến cuộc đàm phán. Sẽ là bi kịch nếu có những phát ngôn ngăn cản chúng tôi đi đến một sự thỏa thuận".*

ngày 31 tháng 5 trong một bài diễn văn vô tuyến truyền hình, rằng Hoa Kỳ trong nỗ lực để những cuộc nói chuyện về sự dàn xếp chiến cuộc Việt Nam có thể bắt đầu đã ngưng oanh tạc Bắc Việt trong một vùng mà hết 90% dân số cư ngụ.

Trước khi các đại diện của ta – Đại sứ Harriman và Đại sứ Vance – được gửi sang Ba Lê, họ được chỉ thị rằng trong suốt thời gian các cuộc nói chuyện diễn ra, đoàn chánh phủ hợp hiến Nam Việt Nam phải dự bất cứ cuộc thảo luận quan trọng nào có thể gây ảnh hưởng tới tương lai nước họ.

Các đại sứ của ta – ông Harriman và ông Vance – vào lúc đầu đã cho các đại diện Bắc Việt biết rõ rằng, như tôi đã nói vào đêm 31 tháng 5, chúng ta sẽ ngưng oanh tạc hoàn toàn lãnh thổ Bắc Việt khi nào mà việc đó sớm đem tới những cuộc nói chuyện hữu ích, nghĩa là những cuộc nói chuyện mà chánh phủ Việt Nam (Chính quyền Sài Gòn – BT) *có quyền tham dự.*

Các đại sứ của ta nhấn mạnh rằng chúng ta không thể nào ngưng oanh tạc nếu sự ngưng oanh tạc đó có thể đe dọa đến sinh mạng và sự an toàn của quân đội ta.

Đã nhiều tuần qua không có tiến bộ gì hết trong các cuộc nói chuyện Ba Lê. Những cuộc nói chuyện đó có vẻ bế tắc.

Sau đó, cách đây vài tuần, các cuộc nói chuyện đó đã bước vào một giai đoạn mới có nhiều triển vọng hơn.

Trong khi đó có sự tiến bộ, tôi đã có tham dự nhiều cuộc thảo luận với các nước đồng minh, và với các nhà ngoại giao và sĩ quan cao cấp của chính phủ Hoa Kỳ về triển vọng của hòa bình....

Tối chủ nhật vừa qua và trong ngày thứ hai, chúng tôi bắt đầu được xác nhận về sự thông cảm cần thiết với Bắc Việt về những vấn đề then chốt, sự thông cảm mà chúng tôi đã cùng họ tìm kiếm trong một thời gian. Suốt ngày thứ ba tôi xem xét lại tất cả mọi chi tiết liên hệ đến

vấn đề này cùng với vị chỉ huy các lực lượng ta tại Việt Nam, là Đại tướng Abrams. Sau khi được lệnh của tôi về Hoa Kỳ, Tướng Abrams đã tới tòa Bạch Cung vào 2 giờ 30 sáng và gặp ngay tổng thống và các nhân viên hữu trách trong nội các. Chúng tôi ghi nhận những ý kiến của Đại tướng Abrams và nghe đề nghị của Đại tướng trong một thời gian khá lâu.

Với kết quả của các sự diễn biến này, nay tôi đã ra lệnh rằng các cuộc oanh tạc, và pháo kích của hải, lục, không quân trên lãnh thổ Bắc Việt được ngưng vào lúc 8 giờ sáng, giờ Hoa Thịnh Đốn, ngày thứ sáu.

Tôi đã căn cứ sự quyết định này vào các sự diễn biến trong cuộc nói chuyện Ba Lê.

Và tôi đã ra quyết định này vì tôi tin tưởng rằng hành động này có thể dẫn tới một cuộc dàn xếp hòa bình cho chiến tranh Việt Nam.

Tôi đã loan tin cho ba ứng cử viên tổng thống và các lãnh tụ quốc hội thuộc Đảng Dân chủ lẫn cả Đảng Cộng hòa về những lý do đã khiến Chính phủ ra quyết định này.

Và quyết định này đi sát với những lời tuyên bố trước của tôi đối với việc ngưng oanh tạc.

Chính vào ngày 19 tháng 8, tôi đã có nói:

"Chính phủ này sẽ không ra sáng kiến gì nữa cho đến khi có lý do tin chắc rằng đối phương định hợp tác với bên ta một cách đúng đắn để xuống thang chiến cuộc và dẫn tới hòa bình".

Và vào ngày 10 tháng 9, tôi lại nói rằng:

"Chúng tôi sẽ không ngưng oanh tạc nếu chúng tôi không tin chắc được rằng làm như vậy sẽ không tăng gia số thiệt hại của quân đội Hoa Kỳ".

Các tham mưu trưởng liên quân – những vị này đều tất cả là quân nhân và Đại tướng Abrams trong một cuộc gặp gỡ được tổ chức vào lúc 2 giờ 30 sáng ngày thứ ba, đã bảo đảm chắc chắn với tôi rằng theo sự xét đoán về mặt quân sự của họ thì hành động này sẽ không làm cho số tổn thất của quân đội Hoa Kỳ tăng lên.

Một phiên họp thường lệ của cuộc nói chuyện Ba Lê sẽ được tổ chức vào ngày thứ tư 6-11. Trong phiên họp đó, các đại diện của chính phủ Nam Việt Nam sẽ có quyền tham dự. Chúng tôi được đại diện của chính phủ Hà Nội thông báo rằng đại diện của Mặt trận Giải phóng (Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam – BT) *cũng sẽ có mặt. Tôi nhất mạnh rằng sự hiện diện của họ không có nghĩa là họ được nhìn nhận dưới bất cứ hình thức nào. Nhưng việc này phù hợp với những tuyên bố được lập lại trong nhiều năm rằng Mặt trận Giải phóng sẽ không gặp khó khăn để bày tỏ quan điểm của mình.*

Những gì chúng ta mong đợi hiện nay và chúng ta có quyền mong đợi là những cuộc hội đàm mau chóng có kết quả đúng đắn và tích cực trong một bầu không khí có thể đưa đến sự tiến triển.

Chúng ta đã đến giai đoạn mà các cuộc nói chuyện bắt đầu có kết quả. Chúng ta đã nêu rõ cho phía bên kia hiểu rõ rằng những cuộc nói chuyện sẽ không thể được tiếp tục nếu bị họ lợi dụng về mặt quân sự.

Tôi tưởng cũng cần phải lưu ý đồng bào rằng những sự điều đình như vậy không khi nào khỏi sự trục trặc. Về vấn đề này, chính những hiệp ước chính thức cũng không khi nào tránh khỏi việc đó, nghĩa là không hoàn hảo. Chúng ta đã học bài học đó trong quá khứ.

Nhưng xuyên qua những tiến triển đã đạt được hằng mấy tuần qua và sau khi nghiên cứu và cân nhắc kỹ lưỡng những sự khuyến cáo và phê phán quân sự và ngoại giao đã được đệ trình lên vị Tổng Tư lệnh, tôi đã sau cùng quyết định bước thêm một bước nữa để có thể thực sự đánh giá thiện chí của những người đã hứa với chúng ta rằng ngưng oanh tạc sẽ đem lại sự tiến triển và để nhận định coi có thể sớm

đạt được hòa bình hay không. Sự lưu tâm quan trọng nhứt của chúng tôi trong giờ phút này là cơ hội và dịp tốt mà chúng ta có thể cứu vãn những sanh mạng của cả đôi bên trong trận chiến.

Bởi những lý do đó mà tôi đã kết luận rằng riêng chúng ta hãy tìm xem thử họ có thiện chí trong sự vận động của họ hay không.

Chúng ta có thể bị lừa dối nhưng chúng ta đã có dự định nếu trường hợp đó xảy ra và chúng ta cầu ơn trên cho điều đó đừng xảy ra. Nhưng tất cả chúng ta cũng nên hiểu rõ rằng giai đoạn mới của cuộc hòa đàm sẽ được khởi sự vào ngày 6-11-1968, không có nghĩa là sẽ đi tới ngay một nền hòa bình vững chắc trong tương lai trong vùng Đông Nam Á. Có thể những cuộc chiến đấu rất gay go trong tương lai và chắc chắn rằng cuộc thương thuyết sẽ cũng rất gay go vì còn nhiều vấn đề khó khăn và trọng đại mà đôi bên phải đương đầu. Tôi hy vọng với thiện chí, chúng ta sẽ giải quyết tất cả. Chúng ta cũng hiểu rằng cuộc thương thuyết có thể tiến bước nhanh chóng nếu ý chí của đôi bên cũng là hòa bình trên thế giới. Cả thế giới đều biết rằng dân chúng Hoa Kỳ vẫn còn chua chát khi nhớ tới các cuộc thảo luận Cao Ly (Triều Tiên – BT) *kéo dài và rất gian nan đã diễn ra từ 1951 đến 1953 và cũng nên hiểu rằng nhân dân ta nhất định sẽ không chịu những sự chậm trễ cố ý và những trì hoãn lâu dài thêm một lần nữa.*

Vậy thì tại sao chúng ta hôm nay vào ngày 1-11 đã đồng ý ngưng oanh tạc Bắc Việt. Tôi sẵn sàng đối với tất cả những gì tôi có nếu các điều kiện cho phép tôi ngưng oanh tạc cách đây vài tháng. Nếu tại cuộc nói chuyện Ba Lê có bất cứ một hành động nào cho phép tôi nói với các bạn rằng bây giờ ta có thể ngưng oanh tạc một cách an toàn.

Nhưng tôi là Tổng thống Hoa Kỳ, không thể điều khiển được thời khắc biểu các quyết định của Hà Nội. Thật ra các quyết định của các nhà lãnh tụ Hà Nội đã định đoạt lúc nào ta có thể ngưng oanh tạc và có nên ngưng oanh tạc hay không.

Chúng ta không thể từ bỏ sự đặc biệt đòi hỏi của chúng ta đối với sự tham gia của chính phủ Nam Việt Nam trong những cuộc nói chuyện có ảnh hưởng tới tương lai của nhân dân miền Nam. Vì mặc dù chúng ta đã là đồng minh của Nam Việt Nam trong những năm trong cuộc chiến đấu, chúng ta đã không bao giờ đảm nhận và chúng ta sẽ không bao giờ đảm nhận vai trò quyết định tương lai của nhân dân Nam Việt Nam.

Vì nguyên tắc đó ta đang lâm chiến tại Nam Việt Nam. Nguyên tắc tự quyết đòi hỏi rằng chính người Nam Việt có quyền tự đại diện cho mình tại cuộc nói chuyện Ba Lê và Nam Việt Nam sẽ đóng một vai trò chính, theo đúng sự thỏa thuận giữa tôi và Tổng thống Thiệu tại Honolulu.

Chúng ta cũng cho Bắc Việt biết rõ ràng một cuộc ngưng oanh tạc hoàn toàn nhất định là không nên đe dọa sinh mạng của quân đội chúng ta, khi tôi đọc diễn văn vào buổi tối 31 tháng 5 vừa qua tôi đã nói rõ:

"Vấn đề ngưng oanh tạc trong tương lai hoàn toàn tùy thuộc nơi các sự diễn biến". Đến đây tôi không thể cho đồng bào biết đầy đủ chi tiết việc có tiến bộ tại Ba Lê. Nhưng tôi có thể nói với đồng bào nhiều sự diễn biến đầy hy vọng đã xảy ra ở miền Nam Việt Nam.

Chính phủ Nam Việt Nam càng ngày càng vững mạnh thêm. Quân lực của miền Nam Việt Nam đã được gia tăng đến giờ phút này gồm một triệu người và hiệu năng của các lực lượng này càng ngày càng phát triển.

Thành tích rực rỡ của quân đội ta dưới quyền điều khiển lỗi lạc của Thống tướng Wesmoreland và Abrams đã đem lại nhiều kết quả phi thường.

Có lẽ một số trong những yếu tố đó, hoặc là tất cả, đã đóng góp trong việc đem lại sự tiến bộ trong các cuộc nói chuyện và sau khi rốt cuộc có sự tiến bộ, tôi cho rằng bổn phận của tôi đối với các chiến sĩ

can đảm của ta, mà đang mang gánh nặng của cuộc chiến đấu tại Nam Việt Nam đêm nay và bổn phận của tôi để tìm kiếm một sự dàn xếp trong danh dự cho chiến cuộc Việt Nam đòi hỏi rằng tôi công nhận sự tiến bộ đó và cũng đòi hỏi tôi có một hành động và hôm nay tôi đã hành động.

Đã có nhiều ngày dài trong khi ta chờ đợi những bước tiến tới hòa bình,... những ngày mà đã bắt đầu với nhiều triển vọng nhưng vào buổi tối đã kết thúc trong sự thất vọng. Lòng trung thành của tôi đối với mục tiêu của quốc gia tìm một căn bản cho nền hòa bình lâu dài ở vùng Đông Nam Á đã nâng đỡ tôi trong những giờ phút mà có vẻ là không tiến bộ gì hết trong các cuộc nói chuyện.

Nhưng bây giờ đã có sự tiến bộ rồi và tôi biết rằng đồng bào đang cùng tôi và cùng nhân loại cầu nguyện rằng hành động mà tôi công bố hôm nay sẽ là bước tiến quan trọng đưa đến một nền hòa bình vững chắc và danh dự ở Đông Nam Á.

Tôi cho rằng điều đó có thể xảy ra được. Vậy thì những hoàn cảnh mới này đòi hỏi ta duy trì ý chí quyết tâm bền vững và sự kiên nhẫn đưa ta tới tình hình đầy triển vọng hôm nay. Đòi hỏi nơi chúng ta ở hậu phương lòng can đảm, chí quyết tâm và kiên nhẫn ngang với lòng can đảm, chí quyết tâm và kiên nhẫn của các chiến sĩ mà đêm nay đang chiến đấu vì chúng ta ở Việt Nam.

Tôi đòi hỏi ở các bạn chẳng những lời cầu nguyện thôi mà cả sự ủng hộ đầy can đảm và sự thông cảm mà nhân dân Hoa Kỳ bao giờ cũng dành cho Tổng thống và lãnh tụ của họ trong những phút đầy thử thách. Với sự thông cảm đó và với sự ủng hộ đó, chúng ta nhất định sẽ không thất bại.

Cách đây 7 tháng, tôi nói rằng tôi không để cho chức vị tổng thống dính líu đến những sự chia rẽ đảng phái đang phát triển trong năm bầu cử. Vậy thì vào đêm 31 tháng 5, tôi đã tuyên bố rằng tôi không vận

động và không chấp nhận sự đề cử của Đảng tôi, đề cử ra tranh chức Tổng thống một lần nữa.

Tôi đã đặt tất cả mọi ưu quyền của chức vị Tổng thống vào việc tìm kiếm hòa bình ở vùng Đông Nam Á. Suốt mùa hạ và mùa thu, tôi đã cho các ứng cử viên biết đầy đủ chi tiết về những diễn biến tại Ba Lê, cũng như tại Việt Nam. Tôi đã nói rõ rằng không một ứng cử viên nào được ưu tiên... hoặc là thu lượm tin tức về các diễn biến hoặc về chính sách mà chính phủ định áp dụng trong tương lai. Các nhà ngoại giao và các sĩ quan cao cấp của chính phủ này cũng đã được lệnh theo đường lối này.

Từ đêm 31 tháng 5, mỗi ứng cử viên đã có ý niệm riêng biệt của mình về chính sách của chính phủ. Nhưng nói chung trong suốt cuộc vận động bầu cử của chúng ta có một tiếng nói thống nhất để ủng hộ chính phủ ta và các chiến sĩ của ta ở Việt Nam. Tôi hy vọng rằng và tin rằng, sự nhất trí này có thể tiếp tục cho tới ngày 20 tháng 1 năm 1969, lúc mà vị tổng thống mới nhậm chức. Vì trong những giờ phút quyết định này, chúng ta chỉ nên có một tiếng nói để thay mặt xứ sở chúng ta trong việc tìm kiếm hòa bình.

Tôi không biết ai sẽ được bầu cử làm Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ vào tháng 1 tới đây. Nhưng tôi biết rằng tôi sẽ cố gắng hết sức trong những tháng sắp tới để làm cho gánh nặng của vị này nhẹ hơn. Tôi sẽ làm tất cả những gì trong quyền hạn của tôi để đi đến nền hòa bình mà vị tân tổng thống... cũng như vị tổng thống tại quyền và tôi tin rằng tất cả mọi người Mỹ khác, khẩn khoản ước mong"[1].

Ngay sau bài phát biểu của Tổng thống Johnson, ngày 1-11-1968 (giờ Sài Gòn), chính quyền Thiệu gửi công hàm cho Phái đoàn quan sát và liên lạc bên cạnh Hội nghị Paris về bản tuyên cáo của

---

1. Diễn văn của Tổng thống Johnson về việc ngưng oanh tạc Bắc Việt ngày 31-10-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

chính quyền Sài Gòn về quyết định của Hoa Kỳ. Nội dung tuyên bố thể hiện lập trường cơ bản của chính quyền Sài Gòn là: một, *"không thấy có những lý do đầy đủ và vững chắc để quyết định chung với Chính phủ Hoa Kỳ về việc ấy* (ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam – BT)*"*; hai, *"không chống sự ngưng oanh tạc"*[1]. Tiếp đó, trong thông điệp đọc trước Quốc hội và trực tiếp trên hệ thống truyền thông vào 10 giờ sáng ngày 2-11-1968, tuy tiếp tục khẳng định *"không khi nào chống lại việc chấm dứt oanh tạc"*, nhưng Nguyễn Văn Thiệu lại tỏ ra phản đối quyết liệt hơn khi tuyên bố thẳng thừng *"không thể tham dự vào cuộc tiếp xúc thăm dò tại Ba Lê hiện nay mà kỳ họp hàng tuần đã được triệu tập vào ngày 6-11-1968* (ngày được Tổng thống Johnson ấn định trong diễn văn ngày 31-10-1968) *sắp tới"* và mạnh miệng: *"cuộc chiến đấu hiện nay trước tiên cũng vẫn là cuộc chiến đấu của chính chúng ta* (hàm ý sẽ tiếp tục cuộc chiến tranh dù không có quân đội Hoa Kỳ – BT)... *Chúng ta còn phải tiếp tục cố gắng hơn nữa ngõ hầu nắm thế chủ động trong việc định đoạt tương lai xứ sở"*[2].

Như vậy, sau một năm thực hiện tổng tiến công, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam không những loại khỏi vòng chiến đấu 297.668[3] quân, mà còn khiến nội bộ Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lục đục. Ngày 4-5-1968, cơ quan tình báo trung ương chính quyền Sài Gòn tiến hành phân tích chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam, đã tỏ ra nghi ngờ Hoa Kỳ khi trích dẫn lời một chính khách Hoa Kỳ: *"Chính phủ và Quốc hội ngồi không yên vì họ* (Chính quyền Sài Gòn) *lo bị Mỹ bỏ rơi, đôi khi cũng cần cho họ lo như vậy thì họ mới*

---

1. Thông cáo ngày 1-11-1968 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa về việc ngưng oanh tạc Bắc Việt của Hoa Kỳ, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

2. Thông điệp của Nguyễn Văn Thiệu trước Quốc hội Sài Gòn ngày 2-11-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII.

3. Báo cáo (viết tay) kế hoạch Phụng Hoàng tháng 4 năm 1969, Hồ sơ 334, ĐIICH, TTLTII.

làm việc tốt được"[1]. Kết quả của cuộc tổng tiến công làm tiêu tan ý chí theo đuổi chiến tranh của Johnson. Qua 28 phiên họp chính thức, 21 cuộc gặp riêng, bí mật, với sự kết hợp sáng tạo giữa lập trường đàm phán kiên quyết và những nỗ lực vượt bậc trên mặt trận quân sự, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã buộc chính quyền Johnson phải quyết định chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam - một quyết định mà trong những khúc đoạn đã có những ngôn từ thể hiện rõ sự buông xuôi không phải chỉ của riêng cá nhân Tổng thống Johnson mà của toàn bộ bộ máy chiến tranh Hoa Kỳ thời Johnson. Đặc biệt, lần đầu tiên trong suốt quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, một Tổng thống Hoa Kỳ nói đến việc "*tìm kiếm một sự dàn xếp trong danh dự cho chiến cuộc Việt Nam*". Song, như Johson nói, quyết định của ông ta vô hình chung đã giúp Nixon - chỉ với lời hứa chấm dứt chiến tranh trong vòng 6 tháng", đắc cử Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ và là tiền đề quan trọng cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" - đưa cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng như Hội nghị Paris về Việt Nam vào thế trận giằng co quyết liệt.

2. Chiến thuật đàm phán "hai phe" - "bốn bên"

Sau cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968, buộc phải chấm dứt vô điều kiện chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam để đi đến giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam bằng thương lượng nhưng quyết định của chính quyền Johnson vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng mãnh liệt của nhân dân Hoa Kỳ. Thực tế, sau cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968 của Quân Giải phóng, dư luận Hoa Kỳ đã mất kiên nhẫn, không còn tin vào khả năng quân sự, đòi chấm dứt chiến tranh và rút quân viễn chinh về nước. Các chính khách trong Quốc

1. Phiếu trình (mật - hỏa tốc) số 810/PTUTB:R/M ngày 4-5-1968 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa về việc Bắc Việt và Mỹ cùng chấp thuận Paris làm nơi họp, Hồ sơ 16366, PTTg, TTLTII.

hội gây sức ép đòi xem xét lại cam kết chiến tranh và đòi huỷ bỏ quyền được ủy quyền tiến hành chiến tranh không cần phê chuẩn của chính quyền Johnson. Trong khi, những người đứng đầu Nhà Trắng bị chia rẽ sâu sắc trong việc tìm kiếm đường lối giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ngày 20-1-1969, trong bài phát biểu nhậm chức, Tổng thống Hoa Kỳ đã phải thừa nhận: *"Nước Mỹ đang có khủng hoảng về tinh thần, mắc kẹt trong chiến tranh, cấu xé và chia rẽ nội bộ. Cuộc chiến tranh Việt Nam đã gây ra căng thẳng gay gắt với nước Mỹ không riêng về mặt kinh tế, quân sự mà cả xã hội cũng như chính trị. Sự bất đồng cay đắng đã xé rách cơ cấu đời sống tinh thần nước Mỹ và bất kể kết quả chiến tranh như thế nào, vết xé rách vẫn còn lâu mới lành"*.

Bên cạnh đó, trong những tháng cuối năm 1968, dư luận còn thấy sự mâu thuẫn sâu sắc giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Trong khi, chính quyền Johnson cố gắng thúc đẩy sự hình thành cuộc thương lượng với sự tham gia của bốn bên, nhằm hỗ trợ cho cuộc chạy đua vào Nhà Trắng của Đảng Dân chủ, thì chính quyền Thiệu lại ra sức cự tuyệt.

Mặc dù, trong tuần cuối của tháng 10-1968, giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn có sự thảo luận về việc ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam. Ngày 24-10-1968, hai bên thống nhất cho ra đời bản dự thảo thông cáo chung, trong đó vấn đề cơ bản là chấm dứt chiến tranh đánh phá miền Bắc Việt Nam đã được Johnson và Nguyễn Văn Thiệu thống nhất. Nguyên văn dự thảo thông cáo chung như sau:

"President Nguyen Van Thieu of the Republic of Viet Nam and President Lyndon B. Johnson of the United States of America, announce that all air, naval, and artillery bombardment on or within the territory of North Viet Nam will cease as of .... hours .... Sài Gòn time.

President Thieu and President Johnson have reached this common decision because thay have good reason to believe that North Viet Nam

intends seriously to join them in deescalating the war and to enter into serious talks on the substance of a peaceful settlement. They therefore have concluded that this step would contribute to progress toward an honorable and secure peace.

The two President have issued the order to cease bombardment after consultation with the governments of Australia, the Republich of Korea, New Zealand, the Republic of the Philippines, and Thailand.

The next meeting of the Paris talks will be convened at (time and date). Representatives of the Government of the Republic of Viet Nam an of the United States Government will attend that meeting"[1].

Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã gần như thông qua bản dự thảo, chỉ còn sửa chữa một vài từ ngữ mang tính kỹ thuật. Như ở câu đầu đoạn thứ hai, phía chính quyền Sài Gòn đề nghị thêm cụm từ "*with RVN & US* (với VNCH và Hoa Kỳ)" vào sau *"and to enter into serious talks"*,.... Nhưng đến ngày 28-10-1968, chính quyền Sài Gòn đột ngột đòi sửa đổi đoạn cuối cùng trong dự thảo ngày 24-10-1968, theo hướng không chấp nhận sự thương thuyết với Mặt trận Dân tộc

---

1. Lược dịch: *"Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Hoa Kỳ Johnson thông báo rằng tất cả các hành động đánh phá của không quân, hải quân và pháo binh trong phạm vi lãnh thổ miền Bắc Việt Nam sẽ chấm dứt ...... giờ...... giờ Sài Gòn.*

Tổng thống Thiệu và Tổng thống Johnson đã đạt đến quyết định chung bởi vì thấy có lý do chính đáng để tin rằng miền Bắc Việt Nam có ý định nghiêm túc cùng xuống thang chiến tranh, để tham gia vào các cuộc đàm phán nghiêm túc về một giải pháp hòa bình. Đây là bước góp phần để tiến tới một nền hòa bình danh dự và an toàn.

Hai Tổng thống đã ra lệnh ngừng bắn phá sau khi tham khảo ý kiến với chính phủ các nước đồng minh.

Cuộc họp tiếp theo của cuộc đàm phán Paris sẽ được triệu tập (thời gian và ngày tháng). Đại diện của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa của Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tham dự cuộc họp" (Draft text joint announcement ngày 24-11-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII).

Giải phóng miền Nam với tư cách là một thực thể chính trị độc lập[1] – điều kiện mà chính quyền Sài Gòn biết chắc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không bao giờ chấp nhận.

Qua ngày 29-10-1968, sự bất đồng giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn trở nên gay gắt. Ngày 29-10-1968, Tổng thống Johnson dự định tuyên bố ngưng oanh tạc miền Bắc Việt Nam vào sáng 30-10 và ấn định phiên họp đầu tiên của Hội nghị bốn bên về Việt Nam vào ngày 2-11-1968 – ba ngày trước ngày bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ. Ông chỉ thị Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Bunker vào "xin chữ ký" của Nguyễn Văn Thiệu cho bản thông cáo chung. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Thiệu vin vào lý do *"không đủ thì giờ lập phái đoàn qua Paris tham dự hòa đàm 2-11"*, từ chối ký vào bản thông cáo chung. Tình huống trên đã làm nổ ra cuộc "tranh cãi" gay gắt giữa những người đại diện Hoa Kỳ tại Sài Gòn với các nhân vật cao cấp của chính quyền Sài Gòn tại Dinh Độc Lập và giữa Harriman với Phạm Đăng Lâm – Trưởng phái đoàn quan sát và liên lạc chính quyền Sài Gòn tại Paris.

Sự tranh cãi giữa các quan chức Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn được báo Tin Sớm tường thuật chi tiết trên số báo ngày 25, 26 và 27-11-1968, trong bài viết *"Báo chí Hoa Kỳ tiết lộ những chi tiết ly kỳ có tánh cách lịch sử – Bí mật ở Dinh Độc Lập trong 3 đêm "không ngủ" 29, 30, 31-10-1968"*. Chi tiết như sau:

"Tại Paris, ông Đại sứ Phạm Đăng Lâm vừa trải qua những cuộc bàn cãi thật sôi nổi với phái đoàn Harriman. Trong một phiên họp thật

---

1. Chính quyền Thiệu đòi sửa đoạn cuối dự thảo thông cáo chung Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ngày 24-11-1968 như sau: *"The first meeting of the direct talks will be convened in Paris at (time and date). Delegations of the Vovernment of the Republic of Viet Nam and the United States Government will attend that meeting. The two Presidents wish to make it clear that neither the Government of the Republic of Viet Nam nor the United States Government recognizes the so-called National Liberation Front as an entity independent of North Viet Nam".* (Draft text joint announcement ngày 24-11-1968, Hồ sơ 861, ĐIICH, TTLTII).

quyết liệt, ông Harriman tuyên bố là Hà Nội (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – BT) *không chịu nhận điều kiện nào của Sài Gòn* (Chính quyền Sài Gòn – BT).

Nguyên văn câu kết của ông Harriman như sau:

– Thưa ông Đại sứ, xin ông nhớ những lời tôi vừa nói cho rõ.

Dinh Độc Lập, lúc đó, hai phái đoàn Việt (Chính quyền Sài Gòn – BT) *– Mỹ đang họp và bức điện tín của ông Phạm Đăng Lâm đến như một quả bom. Tổng thống Thiệu yêu cầu ông Bunker và phái đoàn Mỹ qua phòng kế bên để phái đoàn Việt Nam* (Chính quyền Sài Gòn – BT) *họp riêng. Rất bất bình thái độ, lời nói của ông Harriman, Tổng thống VNCH đã đưa bức điện tín của ông Phạm Đăng Lâm cho ông Bunker xem. Ông Bunker cho rằng có lẽ ông Lâm đã hiểu lầm lời nói của ông Harriman....*

Trong khi đó thì Sài Gòn lại được tin phái đoàn Nguyễn Thị Bình (phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam – BT) *đã tới Paris. Phía VNCH lên tiếng tố cáo Chánh phủ Mỹ đã phản bội. Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ nói:*

Phái đoàn VNCH vẫn có thể gởi phái đoàn đi Paris họp sơ bộ với Hà Nội để sắp đặt thể thức họp sau này với Bắc Việt. Tất nhiên khi nói như thế, bên VNCH không chịu sự xếp đặt của Hoa Kỳ nữa.

Tới chừng đó, Đại sứ Bunker đổi giọng nói rằng chính VNCH phản bội Hoa Kỳ. Ông Berge, Phó Đại sứ Hoa Kỳ, nói:

Nếu VNCH chậm trễ thì Tổng thống Johnson sẽ thẳng tiến và công bố lịnh ngừng oanh tạc một mình.

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trả lời lập tức:

Tổng thống Johnson muốn làm thì cứ làm một mình, làm sao VNCH chúng tôi có thể cản ngăn cho được.

11 giờ đêm 31-10, tức 10 giờ trước khi Tổng thống Johnson tuyên bố ngưng oanh tạc BV,... Thiệu bảo:

Đại sứ Bunker cứ nói VNCH thiếu thiện chí, vậy chớ phe cộng sản có thiện chí không?

Ông Bunker đáp:

Mỹ chưa ngưng oanh tạc Bắc Việt thì đâu có thể nói bên nào thiếu thiện chí cho được (Nguyễn Văn Thiệu nổi giận).

Phó Đại sứ Berger cho rằng nếu Sài Gòn cương quyết để Mặt trận Giải phóng miền Nam ra ngoài thì Mỹ sẽ không ủng hộ lập trường (Sau đó, hai bên tố cáo nhau về việc cung cấp thông tin các cuộc thảo luận giữa Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn cho báo chí).

....

Ngay trong đêm 31-10, VNCH đưa cho ông Bunker bản thảo bức thông cáo chung về vụ ngưng oanh tạc Bắc Việt (vẫn giữ lập trường cũ). 4 giờ sáng... phái đoàn Mỹ về Tòa Đại sứ.... 6 giờ sáng 1-11, phái đoàn Mỹ trở lại Dinh Độc Lập với một bản thảo.... Trong đó, phái đoàn Mỹ bỏ hai chữ sơ bộ (nói về hội nghị Paris). Tổng thống VNCH cho biết nếu phái đoàn Mỹ bỏ hai tiếng sơ bộ thì Sài Gòn sẽ không ký tên vào bức thông cáo chung.

Phái đoàn Mỹ liền ra về.

9 giờ sáng 1-11 (8 giờ tối 31-10 ở Hoa Thịnh Đốn), Sài Gòn nghe lời tuyên bố ngưng oanh tạc đơn phương của Tổng thống Hoa Kỳ"[1].

Sau đó, Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục vin vào cớ không thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam để cự tuyệt vòng đàm phán bốn bên về Việt Nam. Trong thông điệp đọc trước Quốc hội chính quyền Sài Gòn ngày 2-11-1968, ông ta tuyên bố:

---

1. Báo Tin Sớm số ra ngày 25, 26 và 27-11-1968, Hồ sơ 1017, ĐIICH, TTLTII.

"Ngưng oanh tạc toàn bộ miền Bắc là một hành động xuống thang chiến cuộc đầy thiện chí, mà cũng đầy nguy hiểm cho cả Việt Nam (Chính quyền Sài Gòn – BT) *lẫn đồng minh.*

Ngưng oanh tạc là xuống thang chiến cuộc, nên ngưng oanh tạc là để tiến tới hòa bình. Muốn tiến tới hòa bình, việc ngưng oanh tạc toàn thể miền Bắc trước hết phải có đáp ứng bằng một cuộc xuống thang chiến cuộc của miền Bắc.

Sau đó nhà cầm quyền miền Bắc phải nói chuyện trực tiếp với Chánh phủ VNCH một cách nghiêm chỉnh, liên tục, và phải có tiến bộ...

Và Chánh phủ VNCH chỉ chấp nhận nói chuyện với nhà cầm quyền miền Bắc mà thôi. Nói rõ hơn, Chánh phủ VNCH không chấp nhận nói chuyện với cái mà cộng sản gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Vì lẽ, Chánh phủ VNCH từ trước đến nay, đã xác định không bao giờ nhìn nhận Mặt trận Giải phóng miền Nam như một thực thể riêng biệt và độc lập. Do đó, tại một bàn hội nghị, chúng ta chỉ biết có một phái đoàn duy nhất của Hà Nội, và ta chỉ nói chuyện với phái đoàn đó mà thôi"[1].

Trên cơ sở lập trường như vậy, Nguyễn Văn Thiệu đặt ra ba điều kiện cho vòng đàm phán sắp tới:

"Thứ nhất, Hà Nội (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – BT) *phải thành thật cam kết với VNCH rằng họ sẵn sàng nói chuyện trực tiếp và nghiêm chỉnh với chúng ta; thứ hai, việc nói chuyện trực tiếp giữa chính phủ ta và Hà Nội sẽ là một giai đoạn thương thuyết hoàn toàn mới, có nghĩa là không thể được xem như một sự tiếp tục của cuộc tiếp xúc thăm dò giữa Hoa Kỳ và Hà Nội hiện nay; thứ ba, Hà Nội không được mang theo cái gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng*

---

1. Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đọc trước phiên họp khoáng đại của Lưỡng viện Quốc hội ngày 2-11-1968, Hồ sơ 835, ĐIICH, TTLTII.

miền Nam cùng tham dự hội nghị dưới hình thức một phái đoàn Bắc Việt, nhằm tiến dần đến công thức một chánh phủ liên hiệp."[1]

Trước sự ngoan cố của Thiệu, ngày 4-11-1968, Hoa Kỳ cứng rắn tuyên bố sẽ vẫn tiến hành cuộc hội đàm với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày thứ tư (6-11-1968).

Cùng ngày, phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do bà Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn cũng từ Moscow (Matxcơva, Liên Xô) đến Paris chuẩn bị cho phiên họp ngày 6-11-1968. Tuy nhiên, qua ngày 5-11-1968, phát ngôn viên Nhà Trắng buộc phải tuyên bố đình hoãn vô thời hạn phiên họp bốn bên về Việt Nam tại Paris với lý do chính quyền Sài Gòn cự tuyệt đàm phán.

---

1. Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đọc trước phiên họp khoáng đại của Lưỡng viện Quốc hội ngày 2-11-1968, *Tlđd*.

Điện của Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam gửi Hồ Chủ tịch ngày 6-11-1968[1]

ĐIỆN CỦA CHỦ-TỊCH-ĐOÀN UBTƯ
MTDTGPMNVN KÍNH GỞI HỒ CHỦ-TỊCH

6-11-1968

Vừa qua, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-THỌ Chủ-tịch Chủ-Tịch-đoàn UBTƯ/MTDTGPMNVN đã gởi điện lên Hồ-chủ-tịch, nhiệt-liệt hoan-nghinh lời kêu gọi của Người. Toàn-văn bức điện như sau :

"Thưa Hồ-chủ-tịch kính mến,

Chúng tôi rất phấn-khởi và tự hào lắng nghe từng ý, từng câu lời kêu gọi của Hồ-chủ-tịch gởi đồng-bào và chiến-sĩ cả nước ngày 3.11.68. Chúng tôi hết sức xúc-động trước sự quan-tâm theo-dõi của Chủ-tịch đối với từng bước đi của phong-trào cách-mạng MN. Chủ-tịch đã đánh-giá, nhận-định tình-hình và vạch ra phương-hướng tiến lên giành thắng-lợi rất phù-hợp với ý-nguyện của nhân-dân MN. Lời kêu gọi của Chủ-tịch đã truyền đến cho chúng tôi, cho toàn-thể quân-dân MN niềm cổ-vũ lớn-lao và niềm tin-tưởng sắt-đá vào thắng-lợi cuối cùng. Chúng tôi xin trân-trọng gởi đến Chủ-Tịch lòng biết ơn thành kính nhất và xin hứa với Chủ-Tịch sẽ ra sức động-viên toàn-dân, toàn quân, tăng-cường toàn ý thực-hiện lời kêu gọi của Chủ-tịch, kiên-quyết đánh bại hoàn-toàn giặc Mỹ xâm-lược và tay sai bán nước, GPMN, bảo vệ MB tiến tới hòa-bình, thống-nhất tổ-quốc.

Nhân-dịp này Chủ-tịch-đoàn UBTƯ/MTDTGPMN xin gởi lời nhiệt-liệt chào mừng và cám ơn sâu-sắc 17 triệu đồng-bào MB ruột thịt, đã đánh bại cuộc chiến-tranh phá-hoại ĐQM, hết lòng hết sức ủng-hộ cuộc đấu-tranh GPMN, làm tròn vẻ-vang nghĩa-vụ hậu-phương lớn đối với tiền-tuyến lớn. Nước VN là 1, dân-tộc VN là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân-lý ấy không bao giờ thay đổi. Nhân-dân MN tha-thiết với hòa-bình, nhưng hòa-bình trong độc-lập và tự-do.

1. Hồ sơ 857, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

14 triệu quân-dân MN nguyện đoàn-kết chặt-chẽ triệu người như 1, đồng-tâm hiệp-lực, kề vai sát-cánh cùng 17 triệu đồng-bào MB ruột thịt nắm chắc tay súng, liên-tục chiến-đấu cho đến khi không còn bóng 1 tên xâm-lược trên đất nước ta. ĐQM nhứt định thua, nhân-dân ta nhất-định toàn-thắng.

Xin kính-chúc Chủ-tịch mạnh-khoẻ, sống lâu.

MNVN, ngày 6 tháng 11 năm 1968.
Chủ-Tịch Chủ-tịch-đoàn UBTƯ/MTDTGPMNVN
Luật-sư NGUYỄN-HỮU-THỌ

VĂN PHÒNG CHUYÊN VIÊN

(Đài Hànội - 10.11.1968)

Nhìn vào diễn tiến quá trình đàm phán và các sự kiện đã diễn ra có thể thấy, lý do Nguyễn Văn Thiệu đưa ra chỉ nhằm mục đích trì hoãn vòng đàm phán mới về Việt Nam, ít nhất cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ. Nhiều sử gia cho rằng, Nguyễn Văn Thiệu trì hoãn vòng đàm phán nhằm mục đích đợi chờ sự thắng cử của Nixon – một nhân vật diều hâu, người có nhiều khả năng hỗ trợ ông ta tiếp tục cuộc chiến tranh.

Như mong đợi của Thiệu, chỉ với lời hứa chấm dứt chiến tranh Việt Nam sau 6 tháng, ngày 6-11-1968, Nixon đã đắc cử Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ. Hai ngày sau, ngày 8-11-1968, Nguyễn Văn Thiệu "đăng đàn" tuyên bố "công thức mới" cho cuộc đàm phán. Nội dung cơ bản của tuyên bố tập trung trong các đoạn: *"Mặc dầu không có một phần trách nhiệm nào trong việc bế tắc này,... VNCH hôm nay đưa ra một công thức mới, hầu giúp cuộc hòa đàm Ba Lê tránh khỏi bế tắc. Với công thức này, VNCH tán thành hội đàm song phương, mỗi bên chỉ có thể có một phái đoàn duy nhất, do vai chánh yếu lãnh đạo: một bên do VNCH lãnh đạo và một bên do Bắc Việt. Bên chúng ta* (Chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ – BT)..., *đương nhiên do VNCH lãnh đạo.... Trong phái đoàn bên ta sẽ còn có đại diện của Chánh phủ Hoa Kỳ và nếu cần, sẽ có thêm đại diện các chính phủ đồng minh khác nữa. Bên kia là cộng sản.... Trong phái đoàn của họ có thể có nhân viên của... Mặt trận Giải phóng miền Nam"*[1]. Qua đó cho thấy, lập trường của chính quyền Sài Gòn đã có sự thay đổi căn bản. Từ lập trường *"Hà Nội không được mang theo cái gọi là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam cùng tham dự hội nghị dưới hình thức một phái đoàn Bắc Việt"* ngày 2-11-1968, phải "xuống thang" chấp nhận sự tham gia của phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Và dù tuyên bố chỉ thừa nhận vị thế của phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền

1. Bảng hướng dẫn khai thác thắng lợi chính trị của Việt Nam Cộng hòa của Bộ Thông tin Việt Nam Cộng hòa ngày 13-11-1968, Hồ sơ 829, ĐIICH, TTLTII.

Nam Việt Nam là thành viên của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng trên thực tế, chính quyền Sài Gòn đã buộc phải ngồi vào bàn đàm phán bốn bên về Việt Nam tại Paris.

Ngày 27-11-1968, chính quyền Sài Gòn ra tuyên bố, thông báo *"quyết định tham dự một cuộc hội đàm hoàn toàn mới tại Ba Lê"*[1]. Tuy nhiên, do không thông qua Quốc hội nên quyết định của chính quyền Thiệu vi phạm nghiêm trọng hiến pháp của chế độ và bị một nghị sĩ Quốc hội Sài Gòn lên tiếng tố cáo. Ngày 30-11-1968, để "chữa cháy", chính quyền Thiệu gửi công văn tới Chủ tịch Thượng nghị viện, yêu cầu ông này triệu tập *"kín và khẩn cấp"*[2] Quốc hội Sài Gòn để biểu quyết cho chính quyền tham dự hội đàm Paris[3]. Ngày 4-12-1968, Thượng nghị viện Sài Gòn nhóm họp và biểu quyết thông qua cho một quyết định đã được ban bố. Sự kiện này cho thấy rõ tính "dân chủ" của chế độ Thiệu – cái mà Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn luôn cố gắng chứng tỏ trước dư luận, để rêu rao tính hợp hiến của chính thể cộng hòa.

Sau đó, ngày 7-12-1968, Nguyễn Văn Thiệu cử phái đoàn do Phạm Đăng Lâm làm Trưởng đoàn, dưới sự cố vấn trực tiếp của Nguyễn Cao Kỳ – Phó Tổng thống chính quyền Sài Gòn, đi Paris tham dự hội đàm.

Cùng thời điểm chính quyền Sài Gòn tuyên bố tham dự hòa đàm, ngày 27-11-1968 (ngày 26-11-1968 giờ Washington), Hoa Kỳ phát đi tuyên bố *"giải đáp những vấn đề mà Chánh phủ VNCH đã nêu lên về*

1. Tuyên bố của Việt Nam Cộng hòa ngày 27-11-1968, Hồ sơ 829, ĐIICH, TTLTII.

2. Công văn ngày 30-11-1968 của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 833, ĐIICH, TTLTII.

3. Công văn ngày 4-12-1968 của Thượng nghị viện Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 833, ĐIICH, TTLTII.

một cuộc hội nghị mới ở Ba Lê"[1] nhằm "phủ dụ" chính quyền Sài Gòn. Trong tuyên bố, Hoa Kỳ tỏ ra khá "nhũn nhặn", nhất là các đoạn nói về vai trò trong đàm phán của chính quyền Sài Gòn: *"Trong cuộc hội đàm mới tại Ba Lê, phái đoàn VNCH sẽ đóng một vai trò chánh như đã minh thị xác nhận trong thông cáo Honolulu hồi tháng bảy. VNCH sẽ lãnh đạo và sẽ giữ vai phát ngôn chánh trong tất cả các vấn đề có liên hệ chính yếu đến miền Nam Việt Nam.... Chánh phủ Hoa Kỳ sẽ cộng tác hết sức chặt chẽ với Chánh phủ VNCH và sẽ liên tục tham khảo ý kiến các quốc gia đồng minh"*[2]. Nó hoàn toàn trái ngược với thái độ quyết liệt của Hoa Kỳ trong những ngày cuối tháng 10-1968. Đồng thời, bản tuyên bố cũng bộc lộ rõ âm mưu đàm phán của Hoa Kỳ trong thời điểm giao thời giữa hai nhiệm kỳ tổng thống. Hoa Kỳ chủ trương giữ vai trò điều khiển, đưa chính quyền Sài Gòn ra đóng vai trò là nhân vật chính của cuộc đàm phán, âm mưu lái Hội nghị Paris về Việt Nam từ bàn đàm phán bốn bên thành bàn đàm phán của "hai phe" cộng sản (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam) và quốc gia (Chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ).

Do đó, trong thời gian hơn một tháng sau đó (từ ngày 7-12-1968 đến ngày 15-1-1969), Hội nghị Paris về Việt Nam chỉ họp thảo luận về vấn đề thủ tục, trong đó phần lớn thời gian được dành để đi đến thống nhất về hình thể của chiếc bàn hội nghị và hình thức rút thăm phát biểu.

Phía Hoa Kỳ liên tục đưa ra nhiều "sáng kiến" về hình thể chiếc bàn để cố gắng thể hiện khái niệm "hai phe" trong đàm phán. Đầu tiên, phái đoàn Hoa Kỳ đề nghị bàn chữ nhật để thể hiện vấn đề đàm phán hai phe. Trong đó, phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ngồi

1. Tuyên bố của Chánh phủ Hoa Kỳ ngày 27-11-1968, Hồ sơ 829, ĐIICH, TTLTII.

2. Tuyên bố của Chánh phủ Hoa Kỳ ngày 27-11-1968, *Tlđd.*

một bên, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngồi một bên.

Ngày 12-12-1968, sau khi thảo luận lần thứ ba với phái đoàn Sài Gòn, phái đoàn Hoa Kỳ có đề nghị thứ tư về hình thể chiếc bàn: loại hình bàn mới gồm hai hình bán nguyệt do một bàn tròn cắt đôi và đặt cách khoảng đối diện nhau[1].

Ngày 2-1-1969, trong phiên họp thảo luận về vấn đề thủ tục, lần đầu tiên có sự tham dự của bốn bên, phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn đưa ra cùng một lúc sáu kiểu hình thể bàn họp.

Ngày 4-1-1969, phái đoàn Sài Gòn tại Paris công bố thông cáo về vấn đề thủ tục của Hội nghị Paris, cố đưa ra lý do cho chiến thuật đàm phán hai phe của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Theo đó:

"Những đề nghị đó gồm sáu kiểu bàn mới (đề nghị ngày 2-1-1969) kể cả những bàn tròn với những dấu hiệu để chứng tỏ bằng một cách này hay một cách khác sự hiện diện của hai phe đối diện nhau trong một cuộc tranh chấp. Những kiểu bàn đó... ý niệm "một hội nghị song phương". Với việc cộng sản được trọn quyền định chỗ ngồi của họ theo ý họ muốn...

Vấn đề cờ và bảng tên... trong một hội nghị quốc tế chỉ những phái đoàn có chánh phủ mới được quyền có cờ. Phe đồng minh đại diện cho hai chánh phủ nên có quyền có hai cây cờ. Phe cộng sản chỉ có quyền có một cây cờ cho phái đoàn Bắc Việt, cái gọi là Mặt trận Giải phóng miền Nam không được quyền có cờ vì họ không có chánh phủ.

Về thứ tự phát biểu ý kiến, hai phái đoàn VNCH và Hoa Kỳ đã đề nghị... là rút thăm giữa hai bên. Phe cộng sản có thể có hai phát ngôn

---

1. Bản tin của AFP 12/12, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

viên nếu họ muốn và họ cũng trọn quyền quyết định về thứ tự nói trước nói sau giữa họ với nhau"[1].

Ngày 13-1-1969, phái đoàn Hoa Kỳ tiếp tục đề nghị hai kiểu bàn hội nghị: thứ nhất là một bàn tròn đầy được chia đôi bằng một sợi dây; thứ hai là một bàn tròn hình bánh còng, nhưng được chia làm đôi bằng một lằn mực vẽ trên mặt bàn[2].

Thực chất chiến thuật của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn là cố gắng bác bỏ tư cách độc lập của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong đàm phán, phá bỏ chính nguyên tắc mà chính họ đã đề ra – nguyên tắc vấn đề miền Nam Việt Nam do các bên miền Nam Việt Nam tự giải quyết.

Sớm nhận biết âm mưu của Hoa Kỳ, ngay sau khi kết thúc vòng đàm phán hai bên, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tỏ rõ lập trường đàm phán bốn bên và chủ trương các phái đoàn phải được bình đẳng, độc lập với nhau và đề nghị một bàn vuông, bốn đoàn ngồi bốn cạnh hoặc bốn bàn riêng biệt đặt theo hình tam giác hoặc hình tròn. Trong vấn đề rút thăm phát biểu, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết yêu cầu tổ chức rút thăm có sự tham dự của cả đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn, không phải chỉ giữa đại diện hai phe như Hoa Kỳ đề nghị[3]. Nhưng cả Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đều ra sức cự tuyệt. Với việc Hoa Kỳ ngoan cố sử dụng khái niệm đàm phán hai phe, sau nhiều phiên họp, vấn đề thủ tục của vòng đàm phán bốn bên về Việt Nam tại Paris không thể khai thông.

---

1. Bản dịch Thông cáo của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Paris ngày 4-1-1969, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản tin của Việt Tấn xã Việt Nam Cộng hòa số NVM/6b, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

3. Bản tin của Việt Tấn xã Việt Nam Cộng hòa số NVM/8b, *Tlđd*.

Trong thời điểm đàm phán bế tắc, Nixon chọn Henry A. Kissinger làm cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ và cử Henry Cabot Lodge thay thế Averell Harriman làm Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ tại Paris. Một số nhà phân tích chính trị ở phương Tây đánh giá động thái này là sự thay đổi chính sách đàm phán của Hoa Kỳ. Dựa vào quan điểm của Henry Kissinger – quan điểm được đánh giá là nguyên do chính khiến Nixon chọn Kissinger làm cố vấn, trong bài nghiên cứu về Hội nghị Paris đăng trên Tạp chí Foreign Affairs tháng 1-1969, Daniel Teodoru và một số nhà phân tích đánh giá chính sách của Nixon về Việt Nam sẽ trở nên cứng rắn. Daniel Teodoru đánh giá giá trị bài viết của Kissinger là *"ở chỗ nó là một bài chỉ trích mạnh dạn các cuộc thương thuyết của chánh phủ Johnson với Hà Nội và các cố gắng để buộc VNCH tham dự hội nghị"*[1]. Và trích lại nguyên văn lời của Kissinger: *"nếu các cuộc thương thuyết mang tới cảm tưởng đó là một cuộc đầu hàng trá hình, thì sẽ chẳng còn gì nữa để mà thương thuyết"*[2]. Cũng với quan điểm đó, Kissinger bình luận: *"Đối với Sài Gòn thì địa vị của Mặt trận Giải phóng không thể được coi là một vấn đề thủ tục. Đối với VNCH đó hầu như là vấn đề then chốt của chiến cuộc. Hoa Thịnh Đốn phải gánh chịu ít ra là một phần trách nhiệm trong việc tìm hiểu chiều sâu và sự trầm trọng của mối quan tâm này... Việc Sài Gòn ngần ngại không muốn công nhận Mặt trận Giải phóng có địa vị ngang hàng rất dễ hiểu vì việc này có thể ảnh hưởng đến tất cả các vấn đề khác, từ việc ngưng chiến tới cơ cấu nội bộ"*[3]. Để sửa sai quyết định của chính quyền Johnson, Kissinger đề nghị Hoa Kỳ không giữ vai

---

1. Phân tích của Daniel Teodoru trong bài "Quyết định của Tổng thống Nixon tùy thuộc ở nhân dân Việt Nam", Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

2. Daniel Teodoru trích lại lời của Henry Kissinger trong bài "Quyết định của Tổng thống Nixon tùy thuộc ở nhân dân Việt Nam", Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

3. Daniel Teodoru trích lại lời của Henry Kissinger trong bài "Quyết định của Tổng thống Nixon tùy thuộc ở nhân dân Việt Nam", Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

trò trong các giải pháp chính trị cho Việt Nam. Ông ta lập luận rằng: *"Bất cứ cuộc thương thuyết nào về điểm này, Hoa Kỳ rất có thể chỉ đưa tới một sự bế tắc hay một sự sụp đổ của Sài Gòn"*[1]. Đối với chính quyền Sài Gòn, Kissinger gợi ý phương cách để phá vỡ Hội nghị bốn bên về Việt Nam: *"Nếu họ* (Chính quyền Sài Gòn - BT) *chống đối mãi, họ sẽ không phải đi Ba Lê bởi vì các cuộc thương thuyết ở đây có thể bị hy sinh nhường chỗ cho các cuộc thương thuyết riêng tư và kín ngoài tầm soi mói của báo chí. Nó lại còn loại bỏ được mối lo Hoa Kỳ sẽ bán đứng Việt Nam* (Chính quyền Sài Gòn - BT). *Vì nó bảo đảm là Hoa Kỳ sẽ không can thiệp vào các cuộc thương thuyết và ngăn cản việc quân đội Hoa Kỳ triệt thoái mà không có sự rút khỏi miền Nam Việt Nam của quân Bắc Việt* (Quân đội nhân dân Việt Nam - BT)*"*[2].

Mặc dù, bài viết của Henry Kissinger được công bố trước khi Nixon vào Nhà Trắng, nhưng quan điểm cơ bản của nó đã được chính quyền Nixon sử dụng trong quá trình đàm phán tại Paris. Qua quan điểm của Kissinger có thể thấy, vấn đề đàm phán bốn bên hay hai phe không đơn thuần mang tính thủ tục. Cả Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đều lo sợ, bất cứ sự thừa nhận nào đối với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt với tư cách là một "thực thể chính trị độc lập" sẽ dẫn tới giải pháp chính phủ liên hiệp - giải pháp mà phần thắng chắc chắn thuộc về những người cộng sản. Đồng thời, những "tiên đoán" của Kissinger về diễn trình của cuộc đàm phán, trên thực tế cũng đã xảy ra. Ở giai đoạn sau của Hội nghị Paris, về cơ bản thỏa thuận của các bên tham gia đàm phán chỉ đạt được thông qua các cuộc tiếp xúc bí mật hay các cuộc phiên họp kín, đặc biệt là cuộc gặp

---

1. Daniel Teodoru trích lại lời của Henry Kissinger trong bài "Quyết định của Tổng thống Nixon tùy thuộc ở nhân dân Việt Nam", Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

2. Phân tích của Daniel Teodoru trong bài "Quyết định của Tổng thống Nixon tùy thuộc ở nhân dân Việt Nam", Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

gỡ bí mật giữa Kissinger và Cố vấn Lê Đức Thọ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự "cứng rắn" của Hoa Kỳ khiến làn sóng lo ngại về việc Hội nghị Paris về Việt Nam bị phá vỡ ngày càng tăng. Đặc biệt, một số chính khách Hoa Kỳ đã đưa ra lập luận: Chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam *"nên được coi ngang hàng để giúp cuộc Hội đàm Ba Lê có thể khai diễn"*[1].

Cũng trong mục đích giải tỏa sự bế tắc, Đại sứ Liên Xô tại Pháp, ông Oborenko đưa ra gợi ý về vấn đề thủ tục của Hội nghị Paris. Theo đó, bàn hội nghị là một bàn tròn, hai đầu đặt một bàn hình chữ nhật cho thư ký; các phái đoàn tham gia sẽ không để bảng tên và cắm cờ; vị trí phát biểu sẽ được quyết định bằng cách nhờ đại diện của nước chủ nhà Pháp rút thăm. Đây là một giải pháp mang tính dung hòa, có sự nhượng bộ giữa các bên và không thể hiện đó là cuộc đàm phán bốn bên hay hai bên. Giải pháp này ngay sau đó nhận được sự đồng thuận của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 16-1-1969, không còn lý do để trì hoãn, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn công bố thông cáo "chấp nhận" đàm phán. Trong thông cáo, chính quyền Sài Gòn cố ý nhắc lại nhiều lần các cụm từ *"hai bên"*, *"phía ta"*, *"phía bên kia"*,... âm mưu khẳng định lập trường "hai phe" trong đàm phán. Toàn văn thông cáo như sau:

"Hôm nay 16 tháng 1 năm 1969, tại Ba Lê đã có sự thỏa thuận giữa phe ta gồm Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ với phe cộng sản Bắc Việt và tổ chức phụ thuộc của họ mệnh danh là Mặt trận Giải phóng miền Nam, về hình thể bàn họp và một số thủ tục. Do sự thỏa thuận

---

1. Tổng trưởng Ngoại giao Thái Lan Thant Khoman bình luận về những áp lực đối với Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

này, buổi họp đầu tiên của cuộc hội đàm hoàn toàn mới về Việt Nam tại Ba Lê sẽ được triệu tập vào ngày thứ bảy 18-1-1969 lúc 10 giờ 30.

Cuộc hội đàm mới này sẽ là một cuộc hội đàm thu hẹp, do những phó trưởng đoàn đại diện và sẽ họp kín để bàn về những thủ tục liên quan đến sự triệu tập buổi họp khoáng đại chính thức.

Hai bên đã thỏa thuận về một bàn họp tròn có hai bàn chữ nhật đặt ở hai đầu của một đường kính của bàn tròn và cách bàn tròn 45 phân. Hai bàn chữ nhật dùng cho thư ký đoàn.

Hai bên thỏa thuận sẽ không có cắm cờ và không đặt bảng tên trên bàn hội nghị.

Hai bên còn thỏa thuận phía ta (Chính quyền Sài Gòn – BT) *sẽ nói trước trong buổi họp đầu tiên vào ngày thứ bảy tới. Đại diện của VNCH sẽ phát ngôn khai mạc rồi đến đại diện phái đoàn Hoa Kỳ*[1]*. Sau khi phía ta nói xong đến lượt phía bên kia nói.*

Đến phiên họp sau, thứ tự nói sẽ thay đổi lại, nghĩa là phía được nói trước lần này kỳ tới sẽ phải nói sau.

Hình thể chiếc bàn và thủ tục phát biểu ý kiến như vừa trình bày ở trên đã tôn trọng nguyên tắc song phương mà Chính phủ VNCH và Chính phủ Hoa Kỳ vẫn chủ trương"[2].

Theo đúng lịch trình, ngày 18-1-1969, diễn ra phiên họp kín, thu hẹp giữa các phó trưởng đoàn tại *"phòng số năm tầng trệt của Trung tâm Hội nghị quốc tế, Đại lộ Kleber, Ba Lê 16. Phòng có bề dài*

---

1. Để hội nghị bốn bên về Việt Nam nhanh chóng được khai mạc, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đề nghị bỏ qua thủ tục rút thăm thứ tự phát biểu, "nhường" phái đoàn Hoa Kỳ phát biểu trước. Nhưng với chiến thuật đàm phán "hai phe", phái đoàn Hoa Kỳ để cho phái đoàn Sài Gòn phát biểu khai mạc.

2. Thông cáo của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ngày 16-1-1969, Hồ sơ 32239A, PTTg, TTLTII.

10 thước 45 và bề ngang 9 thước 45. Trước có ba cửa ra vào nhưng một cửa vừa được bít kín lại nên chỉ còn hai cửa"[1]. Trong phòng bố trí *"bàn tròn và cả hai bàn chữ nhật được trải nỉ xanh, các ghế đều là loại ghế sườn sắt xi tráng bọc da đen"*[2]. Phiên họp có sự tham dự của *"tất cả 24 người, gồm 16 đại biểu ngồi quanh bàn tròn và tám nhân viên thư ký đoàn"*[3]. Đến dự, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam có *"8 đại biểu và 4 nhân viên thư ký đoàn"*[4]; phái đoàn Hoa Kỳ gồm *"gồm một đại biểu chính thức, Đại sứ Cyrus Vance và ba đại biểu phụ"* cùng hai thư ký[5]; phái đoàn Sài Gòn *"gồm Nguyễn Xuân Phong, đại biểu chính thức và ba đại biểu phụ không chính thức là Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Văn An và Nguyễn Triệu Đan – phát ngôn viên của phái đoàn"* và hai thư ký[6].

Sau 5 giờ 10 phút nhóm họp, các bên tham dự cùng nhất trí thông qua những nguyên tắc thủ tục cho các cuộc đàm phán chính thức. Cụ thể, các bên cùng thống nhất:

1. Ngôn ngữ: Anh, Việt và tiếng Pháp là ngôn ngữ dùng để làm việc;
2. Thành phần phái đoàn: 15 người cho mỗi phái đoàn;
3. Địa điểm: Một phòng họp khác rộng hơn;
4. Cách xếp chỗ ngồi: như phiên họp này;
5. Báo chí: được vào phòng họp trong 15 phút đầu;

---

1. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.
2. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, *Tlđd.*
3. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, *Tlđd.*
4. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, *Tlđd.*
5. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, *Tlđd.*
6. Việt Nam Cộng hòa Thông tấn xã số 6.521 ngày 18-1-1969, *Tlđd.*

6. An ninh, trật tự: do Pháp đảm nhiệm;
7. Ghi âm: được phép, nhưng không có biên chung của buổi họp;
8. Máy quay phim và vũ khí: cấm;
9. Thứ tự phát biểu: các đoàn thay phiên phát biểu;
10. Vấn đề thủ tục sẽ không cần phải thông qua trong một buổi họp chính thức.

Những vấn đề các bên chưa thống nhất, nhưng nhất trí thông qua:

– Danh hiệu của hội nghị, phái đoàn Sài Gòn và Hoa Kỳ đề nghị gọi là "cuộc hội đàm Ba Lê (hay Paris) về Việt Nam"; phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đề nghị gọi là "Hội nghị Paris về Việt Nam". Sau khi thảo luận, các bên thống nhất, tùy theo cách gọi của các đoàn.

– Về lập trường đàm phán song phương và đàm phán bốn bên, các bên tiếp tục bảo lưu quan điểm và không coi đó là vấn đề có thể làm gây ngưng trệ cuộc đàm phán chính thức.

Ngày 20-1-1969, Nixon chính thức bước vào Nhà Trắng, nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ. Như quan điểm về hòa đàm của Kissinger nêu trong tạp chí Foreign Affairs, Nixon tiếp tục áp dụng chiến thuật đàm phán hai phe, để chính quyền Sài Gòn giữ vai trò chính. Về nội dung đàm phán, Hoa Kỳ không thảo luận các vấn đề liên quan đến chính trị ở miền Nam Việt Nam mà chỉ đưa ra các yêu cầu đơn thuần về quân sự giữa Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Diễn văn của đại diện phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình tại phiên họp ngày 18-1-1969[1]

MẶT-TRẬN GIẢI-PHÓNG MIỀN-NAM

HÒA - ĐÀM BA - LÊ
Buổi Họp Khai Mạc
Ngày : 18-1-1969

D I Ễ N - V Ă N
của
Bà NGUYỄN-THỊ-BÌNH

Thưa các Vị,

Đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam chân-thành cảm ơn Chính-Phủ Pháp đã tạo các điều-kiện để dành cho Hội-nghị 4 bên về Việt-Nam.

Chúng tôi cũng chân-thành cảm ơn nhân-dân Pháp và bạn bè trên thế-giới đã ủng-hộ cuộc đấu-tranh cứu-quốc của nhân-dân Việt-Nam, ủng-hộ lập-trường của chúng tôi trong việc tìm ra một giải-pháp chính-trị đúng-đắn cho vấn-đề Việt-Nam.

Trước khi đi vào bàn các vấn-đề thủ-tục của hội-nghị về Việt-Nam, đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam thấy cần nói rõ mấy ý như sau :

1. Hồ sơ 970, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

Trước những thất-bại ở hai miền Nam Bắc Việt-Nam, Chính-Phủ Mỹ buộc phải chấm-dứt không điều-kiện việc ném bom và mọi hành-động chiến-tranh khác trên toàn-thể lãnh-thổ nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa, và nhận một cuộc hội nghị bắt đầu vào ngày 6.11.1968 tại Paris gồm đại-biểu của Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa, đại-biểu của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam, đại-biểu của Mỹ và đại-biểu của Chính-quyền Saigon, để tìm một giải-pháp hòa-bình cho vấn-đề Việt-Nam.

Trong tuyên-bố ngày 3-11-1968, Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam đã bày tỏ thái-độ thiện-chí chấp-nhận hội-nghị 4 bên về Việt-Nam và nêu ra lập-trường 5 điểm vạch rõ con đường đúng-đắn giải-quyết vấn-đề Việt-Nam, phù-hợp với quyền dân-tộc cơ-bản của nhân-dân miền Nam Việt-Nam và nguyên-tắc cơ-bản của hiệp-định Genève 1954 về Việt-Nam.

Và ngày 4.11.1968, đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam đã đến Paris sẵn-sàng bước vào bàn hội-nghị, từ đó đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam đã thỏa-thuận với đoàn đại-biểu Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa đưa ra nhiều đề-nghị hợp-tình, hợp-lý để cho hội-nghị 4 bên có thể sớm bắt đầu.

Ngược lại, Mỹ và chánh-quyền Saigon đã không chịu họp đúng vào ngày 6-11-1968, lại còn đưa luận-điệu sai trái về hội-nghị 2 phía, gây khó-khăn trong vấn-đề thủ-tục, khiến cho phiên họp đầu tiên bàn về thủ-tục đến hôm nay mới khai-mạc được.

Với luận-điệu hai phía, Mỹ và chánh-quyền Saigon còn phủ-nhận và hạ thấp vai-trò đại-diện chân-chính của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam, duy-trì chánh quyền tay sai Saigon, che dấu hành-động xâm-lược Mỹ. Song những luận-điệu và âm-mưu đó không thể thay đổi được sự-thật. Sự-thật đó là Mỹ từ bên kia đại-dương đến xâm-lược Việt-Nam. Chánh-quyền Saigon là công-cụ của Mỹ.

Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam, người tổ-chức

- 3 -

và lãnh-đạo cuộc kháng-chiến của nhân-dân Việt-Nam chống Mỹ xâm-lược và bè lũ tay sai, đã đi từ thắng-lợi này đến thắng-lợi khác. Mặt-Trận là người đại-diện thực-sự cho nguyện-vọng chính-đáng của nhân-dân miền Nam Việt-Nam. Đoàn đại-biểu của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam đến dự cuộc hội-nghị này với tư-cách một đoàn độc-lập và bình-đẳng với các đoàn khác, có đủ thẩm-quyền giải-quyết mọi vấn-đề có liên-quan đến miền Nam Việt-Nam.

Chánh-quyền Saigon Thieu-Ky-Huong hiện nay như mọi người biết do Mỹ lập ra, đang điên-cuồng chống lại nguyện vọng hòa-bình và độc-lập của nhân-dân, tàn-sát đồng-bào, chúng đang bị các tầng lớp nhân-dân miền Nam Việt-Nam phản-đối kịch-liệt và đòi lật đổ. Sự có mặt của chính-quyền Saigon tại hội-nghị này không có nghĩa là Mặt-Trận thừa-nhận chánh-quyền đó.

Một lần nữa, đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam bày tỏ thái-độ nghiêm-chỉnh của mình mong muốn tìm một giải-pháp chính-trị, đem lại hòa-bình và độc-lập thật-sự cho đất nước. Chúng tôi cực-lực lên án những hành-động quanh-co làm trì-hoãn cuộc hội-nghị của chánh-quyền Mỹ và Saigon vừa qua. Chúng tôi đòi Mỹ và chánh-quyền Saigon phải có thái-độ đứng-đắn trong hội-nghị, để hội-nghị có thể tiến-triển giải-quyết đứng-đắn vấn-đề Việt-Nam.

Đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam thấy hội-nghị toàn-thể 4 đoàn cần phải họp sớm để đi vào các vấn-đề thực-chất nhằm tìm một giải-pháp chính-trị đứng-đắn cho vấn-đề Việt-Nam. Chúng tôi cho rằng những vấn-đề thủ-tục như hình-thức bàn hội-nghị, tiếng nói chính-thức, tiếng dùng để làm việc tại Hội-nghị, thứ-tự phát-biểu trong các phiên họp, được xử-dụng máy ghi âm trong phòng, đã được thỏa-thuận trong phiên họp đầu-tiên này, sẽ áp-dụng vào hội-nghị toàn-thể 4 đoàn, và chúng tôi đề-nghị luôn hội-nghị toàn-thể 4 đoàn sẽ bắt đầu họp vào những ngày đầu của tuần tới.

Tôi phát-biểu hết.

---

10 giờ 30 ngày 25-1-1969, phiên họp khai mạc Hội nghị bốn bên về Việt Nam được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, Đại lộ Kleber, Paris.

Tham gia hội nghị:

Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm:

1. Ô. Xuân Thủy	Bộ trưởng, Trưởng đoàn;
2. Ô. Lê Đức Thọ	Cố vấn đặc biệt của Trưởng đoàn;
3. Ô. Hà Văn Lâu	Đại sứ, Ủy viên;
4. Ô. Nguyễn Minh Vỹ	Đại biểu Quốc hội, Ủy viên;
5. Ô. Trần Công Tường	Đại biểu Quốc hội, Ủy viên;
6. Ô. Mai Văn Bộ	Tổng Đại diện Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cạnh Chính phủ Cộng hòa Pháp, Ủy viên;
7. Ô. Nguyễn Thành Lê	Phát ngôn viên;
8. Ô. Phan Hiền	Ủy viên;
9. Ô. Hoàng Hoa	Cố vấn;
10. Ô. Lê Quang Hiệp	Cố vấn;
11. Ô. Nguyễn Việt	Chánh văn phòng;
12. Bà Vũ Thị Đạt	phụ trách lễ tân;
13. Ô. Phan Văn Nam	chuyên viên;
14. Ô. Phạm Thế Đống	chuyên viên;
15. Ô. Nguyễn Đôn Tự	chuyên viên;
16. Ô. Phạm Lâm	chuyên viên;
17. Ô. Đặng San	chuyên viên;

18. Ô. Trần Hoàn	chuyên viên;
19. Ô. Trần Quang Cơ	chuyên viên;
20. Ô. Trịnh Ngọc Thái	chuyên viên;
21. Ô. Đặng Nghiêm Bái	chuyên viên;
22. Ô. Bùi Hữu Nhân	phụ trách báo chí;
23. Ô. Nguyễn Đình Phương	phiên dịch;
24. Ô. Trần Trang Trọng	phiên dịch;
25. Ô. Vũ Văn Thanh	phiên dịch;
26. Ô. Hà Huy Tâm	phiên dịch;
27. Ô. Phạm Ngạc	phiên dịch[1].

Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam:

1. Ô. Trần Bửu Kiếm	Ủy viên Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương, Trưởng ban Liên lạc đối ngoại, Trưởng đoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên Ủy ban Trung ương, Phó trưởng đoàn;
3. Ô. Trần Hoài Nam	Ủy viên Ủy ban Trung ương, Phó trưởng đoàn kiêm phát ngôn viên;
4. Ô. Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên Ủy ban Trung ương, thành viên;

1. Danh sách phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris về Việt Nam (ngày 24-1-1969), Hồ sơ 967, ĐIICH, TTLTII.

5. Ô. Đinh Bá Thi	thành viên;
6. Bà Đỗ Thị Duy Liên	thành viên;
7. Ô. Trần Văn Tư	thành viên;
8. Ô. Đặng Văn Thu	thành viên;
9. Ô. Dương Đình Thảo	Cố vấn;
10. Ô. Lý Văn Sáu	Cố vấn;
11. Ô. Đặng Ninh Đăng	chuyên viên thư ký;
12. Bà Nguyễn Ngọc Dung	chuyên viên thư ký;
13. Ô. Phan Nhẫn	chuyên viên thư ký;
14. Bà Phạm Thanh Vân	phiên dịch;
15. Ô. Trịnh Văn Ánh	phiên dịch[1].

Danh sách phái đoàn Hoa Kỳ:

1. Henry Cabot Lodge	Trưởng đoàn;
2. Cyrus R. Vance	Phát ngôn viên;
3. Lawrence E. Walsh	Đại diện Tổng thống Hoa Kỳ;
4. Marshall Green	Cố vấn;
5. Philip C. Habib	Cố vấn;
6. Tướng G.M. Seignious	Cố vấn;
7. Tướng Weyand	Cố vấn;
8. Harold Kaplan	Cố vấn;

1. Danh sách phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam (ngày 24-1-1969), Hồ sơ 967, ĐIICH, TTLTII.

9. Robert H. Miller	Cố vấn;
10. Carl F. Salans	Cố vấn;
11. Andrew B. Anderson	chuyên viên;
12. Đại tá Paul Gorman	chuyên viên;
13. John D. Negroponte	chuyên viên;
14. Richard C. Holbrooke	chuyên viên;
15. Alec B. Toumayan	Thông dịch viên;
16. Porson	Thông dịch viên;
17. Arnold A. Coln	Thư ký;
18 Glennae W. Hughes	Thư ký[1].

Danh sách phái đoàn chính quyền Sài Gòn:

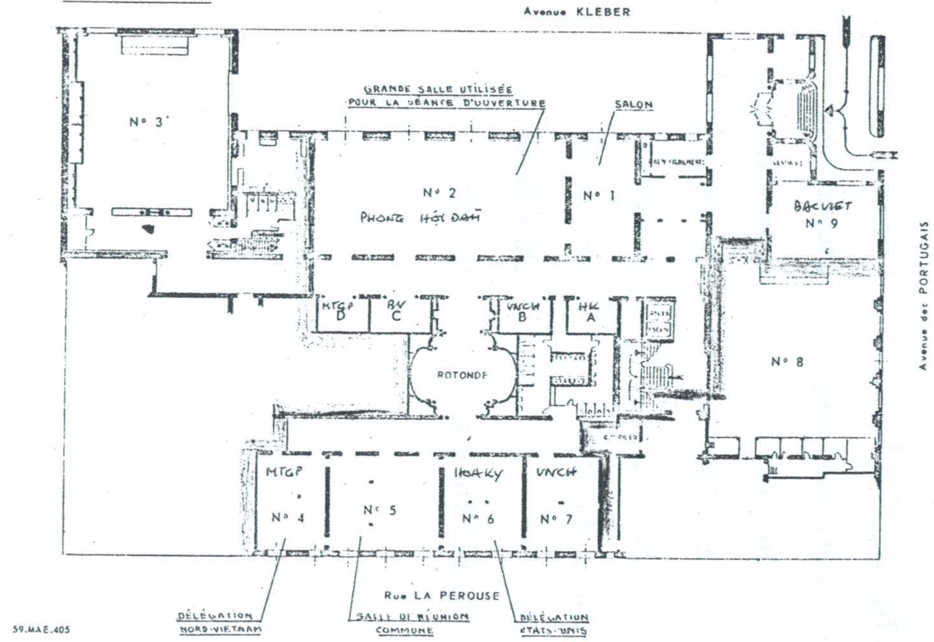
1. Phạm Đăng Lâm	Trưởng đoàn kiêm phát ngôn viên;
2. Nguyễn Xuân Phong	thành viên, phát ngôn viên;
3. Nguyễn Thị Vui	thành viên, phát ngôn viên;
4. Vương Văn Bắc	thành viên, phát ngôn viên;
5. Nguyễn Ngọc Huy	thành viên;
6. Nguyễn Phương Thiệp	thành viên;
7. Nguyễn Phú Đức	thành viên, phát ngôn viên;
8. Phan Văn Thính	Cố vấn;
9. Nguyễn Quốc Định	Cố vấn;

1. Danh sách phái đoàn Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris về Việt Nam (tính đến ngày 28-2-1969), Hồ sơ 16665, PTTg, TTLTII.

10. Nguyễn Đắc Khê	Cố vấn;
11. Nguyễn Ngọc Linh	Cố vấn;
12. Nguyễn Văn An	Cố vấn;
13. Nguyễn Triệu Đan	Cố vấn;
14. Lê Văn Lợi	Cố vấn;
15. Nguyễn Huy Lợi	Cố vấn;
16. Hoàng Ngọc Lung	chuyên viên;
17. Tô Văn Kiểm	chuyên viên;
18. Trần Văn Đôn	chuyên viên;
19. Vũ Khắc Thu	chuyên viên;
20. Phạm Huy Bách	chuyên viên;
21. Bửu Sao	chuyên viên;
22. Nguyễn Thị Đức	thư ký[1];

1. Thành phần phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Hội nghị Paris về Việt Nam (ngày 29-1-1969), Hồ sơ 966, ĐIICH, TTLTII.

Sơ đồ phòng họp và chỗ ngồi của các phái đoàn tại Hội nghị Paris về Việt Nam[1]



1. Hồ sơ 16665, PTTg, TTLTII.

VỊ TRÍ CHỖ NGỒI CỦA 2 PHÁI ĐOÀN HOA-KỲ VÀ VIỆT-NAM
TRONG PHIÊN HỌP KHOÁNG ĐẠI
NGÀY 25/I/1969 HỒI IOG30.-

PHÍA CỘNG SẢN

MTGPMN

BẮC VIỆT

Thơ ký

Thơ ký

15

14

Cabot Lodge

P.D. Lâm

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13

PHÁI ĐOÀN HOA KỲ

PHÁI ĐOÀN V.N.C.H.

Nhưng do âm mưu của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, chỉ sau hai phiên họp, trở thành nơi tranh luận quyết liệt giữa một bên (Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn) cố thể hiện quan điểm hai phe với bên kia (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam) quyết bảo vệ lập trường bốn bên. Thậm chí, ngay cách thức xưng hô cũng được các bên sử dụng hết sức cẩn trọng. Trong khi phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn luôn sử dụng cụm từ *"phía quý vị"* ngụ ý gộp chung phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Thì ngược lại, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sử dụng cụm từ *"các vị"*, *"các ngài"* để tách bạch các bên trong đàm phán.

Thực hiện chiến thuật đàm phán hai phe, ngay trong phiên khai mạc (25-1-1969), phái đoàn Sài Gòn đưa ra hàng loạt yêu cầu phi lý với lập luận đánh đồng cuộc chiến tranh xâm lược của Hoa Kỳ và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Như: tái lập khu phi quân sự; chấm dứt mọi sự xâm nhập người và kho vũ khí vào lãnh thổ VNCH; triệt thoái các lực lượng võ trang về miền Bắc; không can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam; tôn trọng các Hiệp định Genève 1954 và 1962; chấp nhận một sự kiểm soát quốc tế hữu hiệu.

Cabot Lodge – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, đặc biệt nhấn mạnh đến việc tái lập khu phi quân sự, cho đó *"là bước đầu tiên hợp lý đi tới hòa bình"*, với các điều kiện: Không được có nhân viên và lực lượng chính quy cũng như không chính quy, quân sự cũng như phá rối nào; không một căn cứ quân sự nào được duy trì trong vùng này; không

được tàng trữ dụng cụ và vật liệu quân sự nào trong vùng này; không được pháo kích hay sử dụng võ lực khác trong vùng này hay xuyên qua vùng này và tất cả những điều quy định này cần phải có sự thanh tra và kiểm soát quốc tế hữu hiệu[1].

Đồng thời cả Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đều ra sức rêu rao tính hợp pháp của cái gọi là chính thể Việt Nam Cộng hòa; cho rằng miền Bắc và miền Nam Việt Nam là hai quốc gia riêng biệt; phủ nhận vị thế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đáp trả các luận điệu của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, trong phiên họp thứ 2, ngày 30-1-1969, Trưởng phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Trần Bửu Kiếm mạnh mẽ tố cáo tính chất tay sai thực dân mới của chính quyền Sài Gòn. Phát biểu của ông Trần Bửu Kiếm nêu rõ:

Về kinh tế, chế độ Sài Gòn "*bị phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ và nước ngoài, bị tàn phá và kiệt quệ vì chiến tranh xâm lược của Mỹ và những chính sách cướp bóc dã man của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Chất độc hóa học và bom đạn Mỹ đã phá hủy hàng trăm hécta ruộng vườn cây trái, đồn điền, rừng núi miền Nam, nhiều vùng trồng măng cụt, sầu riêng rộng lớn ở Lái Thiêu, Củ Chi, những rừng dừa bát ngát của Bến Tre, Bình Định, nhiều đồn điền cao su của miền Đông Nam Bộ đã trở thành đất hoang tàn. Miền Nam từ chỗ là một vựa lúa mỗi năm xuất cảng hơn một triệu tấn, nay chỉ nhập cảng một số lương thực gần tương đương, một số vùng không có gạo ăn, kỹ nghệ dân tộc và thủ công nghiệp bị chèn ép.*

Văn hóa trong các vùng do Mỹ và chính quyền Sài Gòn còn tạm thời kiểm soát ngày càng suy đồi. Nền giáo dục không được chăm lo, trường học không được xây thêm, còn tiệm nhảy, tiệm rượu, nhà chứa

---

1. Diễn văn của ông Cabot Lodge tại phiên họp thứ 2 ngày 30-1-1969 Hội nghị Paris, Hồ sơ 972, ĐIICH, TTLTII.

phục vụ cho lính Mỹ thì mọc lên như nấm... Đài phát thanh Huế ngày 18-4-1966 đã phải thốt ra: "Đó là một thảm trạng của dân tộc ta, đó cũng là mối uất hận bi đát cho quốc gia mà cấp lãnh đạo chỉ biết đến dollar chớ không biết gì hơn nữa".

Về chính trị, *chính quyền Sài Gòn là chính quyền tay sai cho Mỹ, phản dân hại nước. Là công cụ trong cuộc chiến tranh cục bộ, chính quyền Thiệu – Kỳ – Hương hiện nay mang một bộ mặt hiếu chiến cực kỳ trắng trợn, đi theo con đường độc tài phát xít của Ngô Đình Diệm*"[1].

Qua phiên họp thứ 4 ngày 13-2-1969 và thứ 5 ngày 20-2-1969, các bên chuyển sang tranh luận về đề tài sự có mặt của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Tự biện hộ cho cuộc xâm lược của Hoa Kỳ, Cabot Lodge – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, đưa ra lập luận cố hữu:

"Hoa Kỳ công nhận Chính phủ VNCH như là chính phủ hợp pháp và chánh đáng. Không có việc quan trọng nào liên quan đến miền Nam Việt Nam mà có thể thực hiện được nếu không có sự chấp thuận của chính phủ đó. Trên thực tế, đây là một chính phủ thành công và hữu hiệu.

Chính sách của Hoa Kỳ là nhằm tìm kiếm một nền hòa bình vững chắc và lâu bền tại Việt Nam và Đông Nam Á. Nền hòa bình chúng tôi tìm kiếm là nền hòa bình ở trong đó quyền quốc gia căn bản tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam được bảo đảm không có sự can thiệp từ bên ngoài, không có sự cưỡng bách.

... Chính phủ hợp pháp của VNCH đã kêu gọi sự trợ giúp của Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Hoa Kỳ và năm quốc gia Thái Bình Dương khác đã đáp ứng lời yêu cầu đó với lực lượng quân sự"[2].

---

1. Diễn văn của ông Trần Bửu Kiếm tại phiên họp thứ 2 ngày 30-1-1969 Hội nghị Paris, Hồ sơ 972, ĐIICH, TTLTII.

2. Biên bản phiên họp khoáng đại thứ 4 bàn về hòa bình Việt Nam tại Paris ngày 13-2-1969, Hồ sơ 974, ĐIICH, TTLTII.

Bác bỏ những luận điệu của Hoa Kỳ, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy phát biểu:

"Mỹ không tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam mà trái lại đã tiến hành có hệ thống một chính sách can thiệp, xâm lược và chiến tranh, chà đạp lên các quyền đó.

Mỹ nói lấy những điểm chủ yếu của Hiệp định Genève 1954 về Việt Nam làm cơ sở giải quyết vấn đề Việt Nam nhưng thực tế là xuyên tạc tinh thần và nội dung của Hiệp định đó để tiếp tục phá hoại nó và thực hiện âm mưu xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Mỹ đưa ra vấn đề khu phi quân sự cũng chính là nhằm âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, tiếp tục chiến tranh xâm lược, tiếp tục thực hiện chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam"[1].

Ngày 20-2-1969, Trưởng phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Trần Bửu Kiếm tiếp tục đánh vào lập luận của Cabot Lodge. Ông trích dẫn các nội dung cơ bản trong bản tuyên bố của các luật gia Hoa Kỳ đăng trên tờ New York Times ngày 15-1-1967: *"sự can thiệp đơn phương của Mỹ ở Việt Nam vi phạm Hiến chương của Liên hợp quốc; sự có mặt của quân Mỹ ở Việt Nam, vi phạm Hiệp nghị Genève năm 1954; cường độ và tánh chất tàn phá của cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là trái với luật pháp quốc tế; những hành động của Mỹ ở Việt Nam vi phạm cả hiến pháp của Mỹ nữa"*[2], để chứng minh cho sự có mặt của hơn nửa triệu quân viễn chinh Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam là hành động xâm lược. Và tuyên bố mạnh mẽ: *"Nước Việt Nam thuộc về người Việt Nam, Hoa Kỳ*

1. Biên bản phiên họp khoáng đại thứ 4 bàn về hòa bình Việt Nam tại Paris ngày 13-2-1969, Hồ sơ 974, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê số 14, Hồ sơ 1451, QKVH, TTLTII.

không có quyền đem quân đội tới và lại càng không có quyền bắt buộc người dân Việt Nam phải trả một giá nào cho việc triệt thoái hoàn toàn quân đội Hoa Kỳ"[1].

Bị đuối lý, phái đoàn Hoa Kỳ lại trở lại với những lập luận ban đầu về tái lập khu phi quân sự.

Đến tháng 5-1969, qua 14 phiên họp, với những cuộc tranh luận mà quan điểm của các bên lập đi lập lại, Hội nghị Paris về Việt Nam lại rơi vào bế tắc.

Ngày 8-5-1969, tại phiên họp thứ 16, nhằm khẳng định vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đập tan chiến thuật đàm phán hai phe của Hoa Kỳ, Trưởng phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ông Trần Bửu Kiếm công bố "*giải pháp hòa bình 10 điểm*":

"1. Tôn trọng các quyền dân tộc, độc lập, thống nhứt và toàn vẹn lãnh thổ như đã được quy định trong Hiệp nghị Genève 1954 về Việt Nam.

2. Quân đội Mỹ và quân đội nước ngoài thuộc phe Mỹ phải rút ra khỏi miền Nam Việt Nam, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

3. Vấn đề các lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên ở Việt Nam cùng nhau giải quyết.

4. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình, tự quyết định chế độ chính trị của miền Nam bằng tổng tuyển cử tự do, bầu quốc hội lập hiến, thành lập chính phủ liên hiệp.

5. Tất cả các lực lượng, phe phái chính trị sẽ lập ra một chính phủ liên hiệp lâm thời, chính phủ này có nhiệm vụ:

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê số 14, Hồ sơ 1451, QKVH, TTLTII.

a. Thi hành các hiệp nghị được ký kết về việc rút quân Mỹ.

b. Thực hiện việc hòa hợp dân tộc, đoàn kết rộng rãi mọi từng lớp nhân dân và các đường lối chính trị.

c. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn miền Nam để thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

6. Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập, công nhận chủ quyền và biên giới của Campuchia và Lào.

Lập quan hệ ngoại giao cả với Mỹ, nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của mọi quốc gia không kèm theo điều kiện chính trị ràng buộc.

7. Việc thống nhứt nước Việt Nam sẽ thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình. Trong khi chờ đợi việc thống nhứt, hai miền lập lại quan hệ bình thường, giới tuyến quân sự giữa hai miền ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính cách tạm thời.

8. Trong khi chờ đợi thực hiện hòa bình thống nhứt nước Việt Nam, hai miền không được tham gia liên minh quân sự với nước nào.

9. Hai bên sẽ thương lượng về việc trao đổi tù binh.

10. Các bên sẽ thỏa thuận về một sự giám sát quốc tế đối với việc rút quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam"[1].

Đòn ngoại giao bất ngờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam khiến Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lúng túng. Ngày 9-5-1969, Tổng thống Nixon phải triệu kiến cố vấn Kissinger. Ngày 10-5-1969, Nhà Trắng tuyên bố "*chương trình mới của Mặt trận Giải phóng đưa ra có chứa đựng một vài đề nghị không chấp nhận được nhưng cũng có những yếu tố có thể khai thác được*"[2]. Cùng ngày

1. Bản kiểm thính tin tức đài Hà Nội của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1016, ĐIICH, TTLTII.

2. Bản kiểm thính tin tức ngày 9 và 10-5-1969 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1016, ĐIICH, TTLTII.

tại Paris, phái đoàn Hoa Kỳ thảo luận với phái đoàn Sài Gòn, nhưng không đưa ra bất cứ bình luận nào.

Ngược lại, giải pháp 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngay lập tức thu hút được sự quan tâm và ủng hộ của đông đảo của báo chí và giới phân tích chính trị. Ngay phái viên của đài BBC, ngày 9-5-1969, cũng cho rằng: *"Mặt trận Giải phóng và Chính phủ VNCH đương tiến tới sự gặp gỡ nhau"*[1]. Phái viên báo Daily Telegraph bình luận: *"sau hàng tháng chậm chạp tại Ba Lê thì có lẽ cả Hoa Thịnh Đốn lẫn Sài Gòn đều sẽ không bác bỏ thẳng tay cái kế hoạch của cộng sản"*[2]. Tờ Times của Vương quốc Anh dành một bài xã luận và đánh giá kế hoạch hòa bình của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ tạo ra giai đoạn mới cho hòa đàm, mà trong đó *"Hoa Kỳ cần duy trì áp lực vào Chính phủ Nam Việt Nam để mà có thêm nhượng bộ... Ngoài mặt thì có vẻ là Mặt trận Giải phóng đã chẳng đưa ra một điều gì mới mẻ, nhưng... đề nghị lập chính phủ liên hiệp của cộng sản có phù hợp với điều kiện của Hoa Kỳ, như là mới đây Ngoại trưởng Mỹ, ông Rogers đã nói tới. Ông Rogers nói tới một đề nghị hòa bình tại Việt Nam khả dĩ để cho dân chúng Nam Việt Nam quyết định lấy tương lai của mình mà không có bên ngoài can thiệp vào... Đây là dấu hiệu đáng mừng là cả hai bên nay đang tiến về cùng một phía trong vấn đề các mục tiêu và về các thủ tục"*[3].

Tuy nhiên, một lần nữa, ánh sáng cho nền hòa bình ở Việt Nam bị dập tắt. Ngày 14-5-1969, Tổng thống Richard Nixon đưa ra *"đề nghị tám điểm"* cho vấn đề Việt Nam, với hai nội dung chính là: Một

---

1. Bản kiểm thính tin tức ngày 9 và 10-5-1969 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, *TLđd*.

2. Bản kiểm thính tin tức ngày 9 và 10-5-1969 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

3. Bản kiểm thính tin tức ngày 9 và 10-5-1969 của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

là, triệt thoái các lực lượng không phải của miền Nam Việt Nam ra khỏi Nam Việt Nam; hai là, tạo những phương thức để cho mỗi đoàn thể quan trọng có dịp tham gia vào đời sống chính trị quốc gia. Chỉ với nội dung thứ nhất, người ta đã thấy rất rõ, sẽ không thể có hòa bình ở Việt Nam khi Hoa Kỳ vẫn khăng khăng với quan điểm cố hữu, đòi có hai quốc gia riêng biệt ở Việt Nam. Cũng như sẽ còn rất lâu quân đội Hoa Kỳ mới rút khỏi miền Nam Việt Nam. Vì có thể khẳng định chắn chắc, những người cộng sản - những người đang bảo vệ quê hương khỏi cuộc xâm lăng của Hoa Kỳ, cũng không chấp nhận rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 6-1969, qua 20 phiên họp, Hội nghị Paris về Việt Nam tiếp tục rơi vào bế tắc. Nhưng tại Sài Gòn đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại, tác động mạnh mẽ đến tiến trình đàm phán tại Paris.

Ngày 6-6-1969, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam thống nhất khai sinh chế độ Cộng hòa miền Nam Việt Nam và long trọng tuyên bố thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đại hội cũng đã bầu Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch; Bác sĩ Phùng Văn Cung, Giáo sư Nguyễn Văn Kiết, cụ Nguyễn Đóa làm Phó chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Ngày 10-6-1969, Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát ký Quyết định số 07/QĐ/CT thành lập phái đoàn tham dự Hội nghị Paris về Việt Nam. Nội dung chính của quyết định gồm các điều:

"Điều 1: Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam trở thành đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam.

Điều 2: Cử bà Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam làm Trưởng đoàn đại biểu

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam.

Điêu 3: Ông Trần Bửu Kiếm, nguyên Trưởng đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại hội nghị Paris về nước nhận nhiệm vụ mới.

Điều 4: Cử ông Nguyễn Văn Tiến và ông Đinh Bá Thi làm Phó trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam.

Bổ sung ông Dương Đình Thảo làm đoàn viên trong đoàn.

Ông Trần Hoài Nam, nguyên Phó trưởng đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về nước nhận nhiệm vụ mới"[1].

1. Quyết định số 07/QĐ/CT ngày 10-6-1969 của Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hồ sơ 967, ĐIICH, TTLTII.

Quyết định số 07/QĐ/CT ngày 10-6-1969 của Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam[1]

PHỔ BIẾN HẠN CHẾ

9

GP/11.6.1969

* QUYẾT ĐỊNH VỀ PHÁI-ĐOÀN ĐÀM-PHÁN TẠI HỘI-NGHỊ PARIS :

Số 07/QĐ/CT

Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam độc-lập, dân-chủ, hòa-bình trung-lập.

Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam

- Căn-cứ nghị-quyết của Đại-hội đại-biểu quốc dân về việc thành-lập chính-phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam,
- Nhằm tiếp tục bình thường công việc tại hội-nghị Paris về Việt-Nam và thúc đẩy hội-nghị tiến-triển,
- Sau khi thảo-luận với Ủy-Ban Trung-Ương Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam,

QUYẾT - ĐỊNH

ĐIỀU I : Đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về Việt-Nam trở thành đoàn đại-biểu Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về ViệtNam.

ĐIỀU 2 : Cử Bà Nguyễn-Thị-Bình, Bộ-Trưởng Bộ Ngoại-Giao Chính-Phủ Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam làm Trưởng đoàn đại-biểu Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về Việt-Nam

ĐIỀU 3 : Ông Trần-Bửu-Kiếm, nguyên Trưởng đoàn đại-biểu Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về nước nhận nhiệm-vụ mới.

ĐIỀU 4

1. Hồ sơ 967, ĐIICH, TTLTII.

PHỔ BIẾN HẠN CHẾ

13

10

GP/11.6.1969

ĐIỀU 4 : Cử Ông Nguyễn-Văn-Tiến và Ông Đinh-Bá-Thi làm Phó Trưởng đoàn đại-biểu Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về Việt-Nam.

Bổ sung Ông Dương-Đình-Thảo làm đoàn viên trong đoàn Ông Trần-Hoài-Nam, nguyên Phó Trưởng đoàn đại-biểu của Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam Việt-Nam tại hội-nghị Paris về nước nhận nhiệm-vụ mới.

ĐIỀU 5 : Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ, Bộ-Trưởng Bộ Ngoại-Giao và các vị có tên trên đây chiếu quyết định thi-hành.

Miền Nam Việt-Nam, ngày 10 tháng 6 năm 1969

Chủ-Tịch Chính-Phủ Cách-Mạng Lâm Thời Cộng-Hòa Miền Nam Việt-Nam

HUỲNH-TẤN-PHÁT.

Ngày 12-6-1969, tại phiên họp thứ 21, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nguyễn Thị Bình chính thức công bố trước hội nghị sự kiện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân, thống nhất thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ. Tuyên bố của Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình nêu rõ:

"Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân chủ và hòa bình Việt Nam đã cùng với các chánh đảng, các đoàn thể, các dân tộc, các tôn giáo và các nhân sĩ yêu nước triệu tập đại hội đại biểu quốc dân để nhận định tình hình, đề ra đường lối, chủ trương trong giai đoạn mới, lập ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng Cố vấn bên cạnh Chính phủ Cách mạng lâm thời để lãnh đạo toàn dân đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng....

Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam, một đại hội đoàn kết với đông đủ đại biểu các lực lượng yêu nước ở miền Nam Việt Nam đánh dấu một bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, biểu hiện tập trung ý chí của toàn dân quyết đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam đã quyết định nhiệm vụ thời kỳ trước mắt, tăng cường đoàn kết toàn dân, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng tán thành độc lập, hòa bình, trung lập, kiên trì đẩy mạnh công cuộc chống Mỹ, cứu nước, đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai phản động, hoàn thành giải phóng miền Nam tạo điều kiện cơ bản để xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình trung lập và phồn vinh tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Đại hội nhất trí cho rằng giải pháp toàn bộ 10 điểm về vấn đề miền Nam Việt Nam do Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đề ra là cơ sở đúng đắn, hợp tình hợp lý để chấm dứt chiến tranh xâm

lược của Mỹ, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Để đảm đương trách nhiệm lịch sử lãnh đạo toàn quân và toàn dân thực hiện những mục tiêu cấp bách của cách mạng, Đại hội đã quyết định thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ.... Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là cơ quan hành pháp cao nhất đại diện cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân, có nhiệm vụ lãnh đạo các ngành, các cấp, động viên toàn dân đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.... Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ hiệp thương chính trị ở miền Nam Việt Nam, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập để lập chính phủ liên hiệp lâm thời trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau.... Đây là biểu hiện quyền tự quyết thực sự của nhân dân miền Nam Việt Nam, do đó một lần nữa vạch trần cái gọi là hợp pháp hợp hiến của ngụy quyền Thiệu – Kỳ – Hương.

Trước Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam đã trịnh trọng tuyên bố chuyển giao cho Chính phủ Cách mạng lâm thời chức năng nhà nước đối nội cũng như đối ngoại kể cả tư cách đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris về Việt Nam....

Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cho rằng giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là cơ sở vững chắc cho việc giải quyết đúng đắn vấn đề miền Nam Việt Nam. Giải pháp đó bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam đáp ứng lợi ích hòa bình của nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới.

Để giải quyết đúng đắn vấn đề miền Nam Việt Nam, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà không được đặt

điều kiện nào, phải từ bỏ việc duy trì chính quyền tay sai hiếu chiến Thiệu - Kỳ - Hương"[1].

Cũng trong phiên họp, ông Hà Văn Lâu – Phó trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thông báo lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và coi đó là đại diện chân chính và hợp pháp của nhân dân miền Nam Việt Nam. Đồng thời, tin tưởng rằng Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến chiến thắng hoàn toàn, và cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ được ủng hộ càng ngày càng nhiều của các chính phủ và dân tộc yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới.

Như vậy, sự kiện Đại hội đại biểu quốc dân – đại hội thể hiện quyền làm chủ của nhân dân miền Nam, thống nhất thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam – thực thể chính trị đại diện cho quyền dân chủ và là đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam trên trường quốc tế; Chính phủ mà uy tín được thể hiện ngay trong tháng đầu thành lập với việc được 23 nước công nhận, trong đó có 21 quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao, đã xóa bỏ hoàn toàn lý do biện minh cho quan điểm đàm phán song phương hay hai phe của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, đưa Hội nghị Paris về Việt Nam tiến lên một giai đoạn phát triển mới – giai đoạn Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn phải nhìn nhận vị thế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong cuộc đàm phán bốn bên về Việt Nam.

---

1. Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình tại phiên họp lần thứ 21 ngày 12-6-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 989, ĐIICH, TTLTII.

3. "Thiện chí" đàm phán của Hoa Kỳ

Sau 6 tháng cầm quyền, thời hạn thực hiện lời hứa của Nixon với nhân dân Hoa Kỳ đã hết, nhưng dấu hiệu cho nền hòa bình ở Việt Nam ngày càng tỏ ra xa vời. Tại chiến trường miền Nam, theo báo cáo của quân đội Sài Gòn, kế hoạch bình định từ cuối năm 1968 đã giúp kiểm soát được trên 75% dân số, đánh bật địa bàn đứng chân của lực lượng giải phóng ở vùng nông thôn. Nhưng liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa chưa tiến thêm được bước nào trong việc làm suy yếu lực lượng chủ lực và xóa bỏ cơ sở hạ tầng của Quân Giải phóng tại các khu căn cứ. Trong khi con số tổn thất nhân mạng, đặc biệt là binh lính Hoa Kỳ ngày càng tăng, tỷ lệ thuận với sự gia tăng các cuộc hành quân. Tại Paris, nỗ lực của phái đoàn Hoa Kỳ không khuất phục được lập trường kiên định của những người cộng sản. Ngược lại, dư luận ngày càng tỏ ra ủng hộ lập trường hòa bình của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tại Hoa Kỳ, cuộc điều tra công chúng cho câu hỏi "*In view of developments since we entered the fighting in Vietnam, do you think the U.S. made a mistake sending troops to fight in Vietnam?*"[1] của Gallup cho thấy mức độ ủng hộ chiến tranh của nhân dân Hoa Kỳ vào tháng 2-1969 là 39%, đến tháng 10-1969 còn 32% (giảm gần 46% so với tháng 3-1966)[2].

Để cứu vãn tình hình bi đát do cuộc chiến tranh Việt Nam đưa tới, Nixon đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" với công thức cơ bản là hỗ trợ tăng cường sức mạnh của quân đội bản xứ (quân đội Sài Gòn) để giảm dần và đi đến thay thế quân viễn chinh Hoa Kỳ tại chiến trường miền Nam Việt Nam, được thực hiện bằng ba biện

---

1. Lược dịch: Theo quan điểm của sự phát triển từ khi chúng ta tham chiến tại Việt Nam, bạn có nghĩ Hoa Kỳ đã sai lầm khi gửi quân tham chiến ở Việt Nam?

2. W. Lunch – P. Sperlich (1979),The Western Political Quarterly.

pháp lớn: quân sự, bình định và ngoại giao nhằm tiêu diệt và cô lập cách mạng trên trường quốc tế.

Ngày 8-6-1969, Tổng thống Nixon triệu tập Nguyễn Văn Thiệu đến đảo Midway, nhằm triển khai chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Mà nội dung cơ bản, ngoài những luận điệu cố hữu nhằm xoa dịu dư luận, như: không thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam; bác bỏ giải pháp chính phủ liên hiệp; tổ chức bầu cử tự do dưới sự giám sát quốc tế hay hai bên (Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) cùng triệt thoái quân đội,... trọng tâm của cuộc gặp thượng đỉnh Nixon - Thiệu là nhằm vạch chương trình chi tiết cho kế hoạch *"tối tân hóa và cải tiến quân lực Nam Việt Nam"*[1]. Đồng thời công bố quyết định *"thay thế 25.000 binh lính chiến đấu Hoa Kỳ bằng binh lính Nam Việt Nam... việc giảm một số đơn vị chiến đấu ấy sẽ bắt đầu trong vòng 30 ngày và sẽ được hoàn tất vào cuối tháng 8"*[2].

Triển khai chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" trong những tháng cuối năm 1969, Hoa Kỳ gấp rút củng cố và phát triển quân đội Sài Gòn có đủ sức đảm nhận toàn bộ trách nhiệm về an ninh để thay thế dần cho quân viễn chinh Hoa Kỳ. Theo đó, quân đội Sài Gòn được tổ chức theo mô hình quân đội Hoa Kỳ gồm cả ba lực lượng hải - lục - không quân, nhưng ưu tiên củng cố và phát triển mạnh cho lục quân, với quân số tăng hàng năm từ 50 ngàn đến 100 ngàn quân.

Thực hiện chương trình bình định - được coi là xương sống của "Việt Nam hóa chiến tranh", từ giữa năm 1969, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiến tới thực hiện giai đoạn hai (từ tháng 7 năm 1969 đến

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa số 21 về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam (phổ biến hạn chế), số 21, Hồ sơ 1452, QKVH, TTLTII.

2. Phát biểu của Lawrence E. Walsh tại phiên họp thứ 21 ngày 12-6-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 989, ĐIICH, TTLTII.

tháng 6 năm 1970), tập trung vào chương trình "bình định phát triển nông thôn". Nội dung cơ bản là dồn dân vào các ấp tân sinh bằng tăng cường mở rộng và đẩy mạnh quy mô, mật độ hành quân càn quét. Từ năm 1969, các cuộc hành quân càn quét của liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa tăng gấp đôi so với năm 1968 (4.344 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn trở lên so với 2.192 cuộc năm 1968). Kết quả, theo báo cáo của khối quân sự vụ Võ phòng Phủ Tổng thống Sài Gòn, đến cuối tháng 8-1969, hơn 16 triệu (95,4%) dân số miền Nam nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn. Trong đó, số dân trong vùng ABC (vùng an ninh) là 15.419.800 người (tương đương 88,9%), vùng DE (vùng kém an ninh) là 1.122.600 người (6,5%)[1].

Hỗ trợ bình định, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh chiến dịch Phượng Hoàng - chiến dịch do phân cục tình báo CIA Hoa Kỳ ở Sài Gòn triển khai từ cuối năm 1967. Đến năm 1969, chiến dịch Phượng Hoàng được đẩy lên quy mô lớn với tổ chức sâu rộng từ trung ương đến địa phương, phương thức hoạt động và lực lượng đa dạng, từ tình báo, cảnh sát... kết hợp khai thác thành phần hồi chánh, điều tra phân loại hạ tầng cơ sở cộng sản, nhằm phát hiện cơ sở cách mạng nằm vùng hoặc những người dân có cảm tình với cộng sản để bắt giam và tiêu diệt. Kết quả, năm 1969, hơn 6.000 người bị giết, hơn 1.200 người bị ám sát, và 15.000 người bị thương[2].

Mặt khác, Hoa Kỳ tích cực triển khai mặt trận ngoại giao với hai cường quốc xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc, âm mưu cô lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cắt nguồn chi viện quốc tế đối với công cuộc cách mạng của Việt Nam. Ngày 26-6-1969, Nixon quyết định thay đổi một vài điều khoản về mậu dịch với Trung

---

1. Tình trạng dân - xã - ấp bầu cử, Hồ sơ 401, ĐIICH, TTLTII.

2. Vietnam: policy and prospects, 1970 - hearings before the committee on foreign relations united states senate ninety-first congress second session on civil operations and rural development support program (pages 5-6).

Quốc. Đồng thời thông qua một số trung lập, tỏ rõ quan điểm, Hoa Kỳ muốn nối lại quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực chính trị, quân sự và ngoại giao, cùng với các dấu hiệu ở trên chiến trường, như Quân Giải phóng không tổ chức trận đánh nào lớn, hay hoạt động chi viện của miền Bắc cho miền Nam giảm sút,... Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lạc quan rằng chiến thắng đang ngày một tới gần. Vì vậy, những tháng cuối năm 1969, trong lĩnh vực đàm phán, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn liên tục đưa ra nhiều đề nghị mà họ gọi là các "sáng kiến". Nhưng lại không đi vào giải quyết các vấn đề tiên quyết để chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược do Hoa Kỳ gây ra, như đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Tại phiên họp thứ 22, ngày 19-6-1969, Lawrence E. Walsh – Phó trưởng đoàn Hoa Kỳ, tiếp tục đánh đồng giữa giữa kẻ xâm lược (Hoa Kỳ) và nạn nhân của sự xâm lược (nhân dân Việt Nam), để đòi hỏi một cách vô lý *"chúng tôi* (Hoa Kỳ) *không chấp nhận một sự triệt thoái đơn phương ra khỏi miền Nam Việt Nam. Phải triệt thoái tất cả những lực lượng không phải là miền Nam Việt Nam"*[1]. Và rêu rao quyết định rút 25.000 quân viễn chinh Hoa Kỳ là: *"như Tổng thống Nixon đã nói khi từ Midway về chúng tôi đã mở rộng cửa đưa tới hòa bình. Tổng thống mời những lãnh tụ Bắc Việt cùng với chúng tôi bằng cả hành động trên chiến trường lẫn thương thuyết tại Paris, đi qua cửa đó... Chúng tôi tin rằng đã tới lúc để họ (tức phía quý vị) hành động. Chúng tôi đã hành động và hành động với thiện ý. Và nếu họ không hành động theo chiều hướng này, hay chiều hướng kia, thì họ phải gánh chịu trách*

1. Phát biểu của Lawrence E. Walsh tại phiên họp thứ 22 ngày 19-6-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 989, ĐIICH, TTLTII.

nhiệm ngăn chặn con đường đưa tới hòa bình và trách nhiệm đã không đi qua cái cửa mà chúng tôi đã mở"[1].

Tháng 7-1969, Nixon gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh với những lời lẽ đầy giả dối:

"Thưa Chủ tịch!

Tôi nhận thấy rằng khó mà đối thoại một cách có ý nghĩa qua vực thẳm của bốn năm chiến tranh. Nhưng chính vì vực thẳm này, tôi muốn nhân dịp này tái xác nhận một cách long trọng lòng mong muốn của tôi phục vụ một nền hòa bình công chính. Tôi tin tưởng sâu xa rằng cuộc chiến tranh tại Việt Nam đã kéo dài quá lâu và sự trì hoãn việc kết thúc cuộc chiến tranh này không làm lợi cho một ai – nhất là đối với toàn thể nhân dân Việt Nam...

Đã đến lúc phải làm cho cuộc hội đàm tiến triển để sớm có một giải pháp cho cuộc chiến tranh thảm khốc này. Các ông sẽ thấy chúng tôi thành thực và cởi mở trong nỗ lực chung để đem lại cho nhân dân can đảm của nước Việt Nam những sự tốt lành của hòa bình. Hãy để cho lịch sử ghi chép rằng trong giai đoạn trầm trọng này, đôi bên đã hướng về phía hòa bình chứ không phải về phía tranh chấp và chiến tranh"[2].

Tháng 9-1969, Tổng thống Nixon tuyên bố thực hiện đợt hai của việc rút quân đội Hoa Kỳ khỏi miền Nam Việt Nam. Theo đó, đến tháng 12-1969, quân đội Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam sẽ giảm xuống còn 484.000 quân. Và tính chung trong năm 1969, Hoa Kỳ sẽ rút 60.000 quân – một con số nhỏ, chỉ tương đương trên 10% tổng quân số quân đội Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam. Kết hợp với rút quân, trên bàn đàm phán, phái đoàn Hoa Kỳ đưa ra những giải pháp

1. Phát biểu của Lawrence E. Walsh tại phiên họp thứ 22 ngày 19-6-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 989, ĐIICH, TTLTII.

2. Diễn văn ngày 3 tháng 11 năm 1969 của Tổng thống Nixon về Việt Nam, Hồ sơ 18884, PTTg, TTLTII.

chính trị tưởng như phù hợp với yêu cầu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam, như:

"- Hoa Kỳ đề nghị bầu cử tự do do các ủy ban hỗn hợp tổ chức và đặt dưới sự giám sát quốc tế.

- Hoa Kỳ đã bằng lòng triệt thoái quân đội Mỹ và đồng minh trong vòng 12 tháng.

- Hoa Kỳ đã tuyên bố không giữ lại một căn cứ quân sự nào.

- Hoa Kỳ đã đề nghị thương thuyết về việc ngưng bắn dưới sự giám sát quốc tế để cho công cuộc cùng triệt thoái có thể tiến hành dễ dàng.

- Hoa Kỳ sẽ dàn xếp cho việc triệt thoái trên thực tế của quân Bắc Việt miễn là có bảo đảm rằng họ sẽ không trở lại nữa.

- Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận kết quả chính trị thu hoạch được qua các cuộc bầu cử tự do, dù kết quả ấy sẽ ra sao.

- Hoa Kỳ sẵn sàng thảo luận chương trình 10 điểm của phía bên kia cùng với những kế hoạch của các phe phái khác"[1].

Bằng hành động rút quân nhỏ giọt nằm trong kế hoạch của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và đưa ra những giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam nhưng tiếp tục ngoan cố với lập luận hai quốc gia Việt Nam hay *"cùng triệt thoái"* quân đội khỏi miền Nam Việt Nam, Nixon âm mưu đẩy quả bóng dư luận về phía cách mạng và cố gắng xoa dịu dư luận phản đối chiến tranh đang bùng nổ mạnh mẽ tại Hoa Kỳ.

Cùng mục đích trên, trong các phiên họp của Hội nghị Paris, phái đoàn Sài Gòn cũng liên tiếp đề ra cái mà họ gọi là các "sáng kiến". Trong đó có cả việc thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng

---

1. Phát biểu của Cabot Lodge tại phiên họp thứ 34 ngày 18-9-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 1454, QKVH, TTLTII.

miền Nam Việt Nam nhưng chỉ với mức độ là một thực thể chính trị – một đảng phái trong chế độ Thiệu. Và đặc biệt nhấn mạnh việc coi đây là một *"lực lượng chính trị"*, để gây nhầm lẫn, xóa bỏ nhận thức của dư luận về nhà nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Trong phiên họp thứ 26, ngày 17-7-1969, Phạm Đăng Lâm – Trưởng phái đoàn Sài Gòn, lần đầu tiên nêu lên giải pháp về một cuộc bầu cử tại miền Nam Việt Nam có sự tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Ông ta nói:

"– Tất cả các lực lượng chính trị kể cả Mặt trận Giải phóng đều được tham gia bầu cử, nếu họ từ bỏ bạo động và cam đoan công nhận kết quả bầu cử.

– Một Ủy ban bầu cử có thể được thành lập, trong đó các lực lượng chính trị kể cả Mặt trận Giải phóng đều được đại diện.

– Một tổ chức quốc tế sẽ được thiết lập để quan sát bầu cử.

– VNCH sẵn sàng thảo luận với phía bên kia về lịch trình và phương thức tổ chức bầu cử.

– Sau cuộc bầu cử sẽ không có trả thù và kỳ thị.

– Chính phủ VNCH cam đoan tôn trọng kết quả bầu cử dù kết quả ra sao. VNCH thách đố phía bên kia dám cam đoan như vậy"[1].

Vạch trần các "sáng kiến" của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, ngay trong phiên họp thứ 22, ngày 19-6-1969, Bộ trưởng Xuân Thủy phát biểu:

"Trong phiên họp trước đại biểu Mỹ và chính quyền Sài Gòn nói nhiều về cuộc gặp gỡ ở Mit Uay (Midway) giữa Tổng thống Nixon và Nguyễn Văn Thiệu làm như đó là một sự kiện quan trọng cho việc tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam. Bản thân ông Nixon sau khi

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 26, Hồ sơ 1453, QKVH, TTLTII.

ở Mit Uay trở về đến Hoa Thịnh Đốn cũng tuyên bố rùm beng về cái quyết định của Mỹ rút 25.000 quân khỏi miền Nam Việt Nam cho rằng việc này "mở rộng cánh cửa đi đến hòa bình" và đổ cho phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "phải chịu trách nhiệm vì đã không cùng với Mỹ bước qua cánh cửa đó".

Nhưng thực chất âm mưu của Mỹ thể hiện qua bản thông cáo chung Mit Uay...

Cái "cánh cửa" mà ông Nixon mở ra ở Mit Uay không phải là "cánh cửa hòa bình" mà là "cánh cửa chiến tranh", Bản thông cáo Mit Uay đã nêu rõ ý đồ của ông Nixon vẫn ngoan cố tiếp tục chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam dưới một hình thức khác bằng cách "phi Mỹ hóa" hay "Việt Nam hóa" nghĩa là dùng người Việt Nam đánh người Việt, thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Ông Nixon cũng không thể che dấu được là việc rút 25.000 quân Mỹ chỉ là một sự "bố trí lại" lực lượng Mỹ. Còn đại biểu chính quyền Sài Gòn trong phiên họp trước nói rõ rằng "25.000 binh sĩ Hoa Kỳ sẽ được thay thế bằng Quân lực VNCH", mà Mỹ là người đỡ đầu.

Theo tin UPI ngày 13-6-1969, Bộ Quốc phòng Mỹ sẽ chi 6,2 tỷ đô la và tính một thời gian 5 năm hay hơn nữa để hiện đại hóa quân ngụy đánh thay cho quân Mỹ.

Những việc làm trên đây của chính quyền Nixon là dựa vào sức mạnh quân sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đóng vai trò tên sen đầm quốc tế.

Trong bài diễn văn đọc tại Học viện Không quân Mỹ ở Colorado ngày 4-6-1969, nhằm trả lời cho những người đang chống lại chính sách trên đây của ông ta,.. ông Nixon đã công nhiên đặt câu hỏi: "Điều gì sẽ xảy ra cho thế giới này nếu Mỹ thôi không đảm đương trách nhiệm bảo vệ hòa bình và tự do cho thế giới?".

Mọi người có quyền hỏi: Ai khiến Mỹ đảm đương trách nhiệm ấy? Và dựa vào đâu mà Mỹ tự gán cho mình cái quyền làm tên sen đầm

quốc tế ấy? Chính Tướng De Vit Sup, cựu Tư lệnh lính thủy đánh bộ Mỹ và Ủy viên Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ đã phê phán việc "Mỹ đã thành một nước quân phiệt và xâm lược", đã tiến hành một chính sách ngoại giao theo kiểu "lực lượng xung kích quân sự" dựa theo truyền thống của "chính sách ngoại giao Phao Thuen" nhất là từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay.

Liên hệ đến chính sách của Mỹ ở Việt Nam xuất phát từ đường lối do Thượng nghị sĩ W. Phun Bo Rai đã nói bài diễn văn của ông Nixon "cũng có cảm giác là chính quyền không sẵn sàng rút khỏi miền Nam Việt Nam trừ phi Nam Việt Nam ở trong tay một chính phủ được Mỹ ủy nhiệm" và như thế thì "chiến tranh chỉ sẽ tiếp diễn và còn tiếp diễn"...

Để bào chữa cho thái độ ngoan cố đó Mỹ khăng khăng bám lấy đòi hỏi "cùng rút quân" hết sức phi lý mà chúng tôi và ngay cả dư luận thế giới đều bác bỏ.

Vì không thể chối cãi được sự thật là quân Mỹ và các nước khác thuộc phe Mỹ là quân đội xâm lược nước ngoài duy nhất ở miền Nam Việt Nam và đương nhiên phải rút khỏi miền Nam Việt Nam cho nên ông Nixon đã đưa ra khái niệm "các lực lượng không phải Nam Việt Nam". Chúng tôi đã nói nhiều lần rằng, dẫu là một thủ đoạn lắt léo và nham hiểm cố ý gây ra sự lẫn lộn giữa các lực lượng vũ trang nước ngoài đến xâm lược miền Nam Việt Nam và các lực lượng vũ trang Việt Nam chiến đấu chống xâm lược trên đất nước mình, nhưng làm sao xóa bỏ được chân lý "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"? Làm sao xuyên tạc được những nguyên tắc cơ bản của Hiệp nghị Genève năm 1954 là xác nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam"[1].

1. Phát biểu của ông Hà Văn Lâu tại phiên họp thứ 22 ngày 19-6-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 989, ĐIICH, TTLTII.

Đối với âm mưu rút quân nhỏ giọt của Hoa Kỳ, Bộ trưởng Xuân Thủy tỏ rõ lập trường cứng rắn qua việc nhắc lại lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 20-7-1969: *"Nhân dân Việt Nam cương quyết đòi hỏi sự triệt thoái của tất cả quân Mỹ và quân chư hầu chứ không phải chỉ rút 25.000 hay 250.000 hay 500.000, mà rút toàn thể, trọn vẹn và vô điều kiện..."*[1].

Khẳng định thêm lập luận của Bộ trưởng Xuân Thủy, ngày 26-6-1969, tại phiên họp thứ 23, Bộ trưởng Ngoại giao Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình thông tin đến hội nghị *"Đại hội hòa bình thế giới"* họp tại Berlin với sự tham dự của 1.102 đại biểu thay mặt cho 56 tổ chức quốc tế và 320 tổ chức quốc gia thuộc 101 nước, kể cả Hoa Kỳ, đã thông qua một nghị quyết về Việt Nam, với những nội dung chính:

"- Nghiêm khắc lên án Mỹ tiếp tục tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, liên tiếp xâm phạm chủ quyền và an ninh của Bắc Việt, đồng thời duy trì chính quyền Sài Gòn.

- Nhiệt liệt chào mừng việc thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

- Cho rằng giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Giải phóng là một sáng kiến thiết thực nhằm làm cho Hội đàm Ba Lê về Việt Nam đi đến kết quả.

- Kêu gọi nhân dân thế giới đấu tranh mạnh mẽ đòi Chính phủ Mỹ phải thương lượng nghiêm chỉnh tại Hội đàm Ba Lê"[2].

Tiếp đó, ngày 17-7-1969, tại phiên họp thứ 26, trả lời đề nghị của Phạm Đăng Lâm về giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam, Bộ

1. Phát biểu của Bộ trưởng Xuân Thủy tại phiên họp thứ 27, ngày 24-7-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 1453, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 23, Hồ sơ 1452, QKVH, TTLTII.

trưởng Nguyễn Thị Bình khẳng định cuộc bầu cử do chính quyền Sài Gòn *"tổ chức dưới họng súng của quân viễn chinh Hoa Kỳ và quân ngụy trong điều kiện đối phương phải hạ vũ khí"* tất nhiên chỉ có thể đưa lại kết quả là *"củng cố và duy trì chính quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Do đó không ai lạ gì khi Nguyễn Văn Thiệu làm ra vẻ thành tâm thiện chí cam đoan tôn trọng kết quả bầu cử... Một cuộc tổng tuyển cử tự do dân chủ thật sự chỉ có thể được tiến hành trong điều kiện không có mặt quân xâm lược Mỹ, không đặt dưới quyền kiểm soát của chính quyền và quân đội tay sai của Mỹ"*[1].

Tháng 8-1969, bên lề Hội nghị Paris về Việt Nam, sự kiện Kissinger lần đầu tiên gặp gỡ với Cố vấn Lê Đức Thọ của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được dư luận đặc biệt quan tâm. Không có tài liệu nào ghi chép về nội dung cuộc gặp gỡ, nhưng những ngày cuối năm 1969, trong đàm phán, phái đoàn Hoa Kỳ nêu lên một vấn đề hoàn toàn mới – vấn đề tù binh Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Trong khi đó, luận điệu của Nixon và chính quyền Sài Gòn cũng không thể đánh lừa được dư luận, nhất là nhân dân Hoa Kỳ. Từ ngày 15-10-1969, phong trào đấu tranh của nhân dân Hoa Kỳ bùng nổ mạnh mẽ với bước phát triển mới, làm tê liệt sinh hoạt kinh tế – xã hội ở Hoa Kỳ. Một phong trào phản đối chính phủ chưa từng diễn ra ở Hoa Kỳ trước đó, được báo chí đánh giá là đợt "tạm ngưng hoạt động" để phản đối chiến tranh Việt Nam. Sau đó, phong trào tiếp tục phát triển rầm rộ bằng các cuộc biểu tình với sự tham gia của hàng chục ngàn người trên khắp các đường phố ở các thành phố lớn của Hoa Kỳ. Trong các cuộc biểu tình, người ta thấy rõ sự thất vọng của

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 26, Hồ sơ 1453, QKVH, TTLTII.

nhân dân Hoa Kỳ với các khẩu hiệu *"Hãy chịu thua ở Việt Nam mà đưa con em ta về"*[1].

Ngày 3-11-1969, nhằm xoa dịu dư luận, Nixon đọc diễn văn trên hệ thống truyền thông, cố gắng lý giải cho sự dính líu của Hoa Kỳ và đổ lỗi cho các vị tổng thống tiền nhiệm về sự bế tắc của cuộc chiến tranh Việt Nam. Đồng thời, biện minh cho các hành động của mình trong suốt một năm cầm quyền.

"Tối nay, tôi muốn nói với đồng bào về một vấn đề mà mọi người Mỹ và những người khác trên khắp thế giới đều quan tâm sâu xa, đó là cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Tôi tin rằng một trong những lý do chia rẽ sâu xa tại quốc gia này về vấn đề Việt Nam là sự kiện nhiều người Mỹ đã mất tin tưởng về những gì chính phủ đã nói với họ về chính sách của chúng ta. Nhân dân Hoa Kỳ không thể và không nên bị đòi hỏi ủng hộ một chính sách liên quan tới những vấn đề tối quan trọng của chiến tranh và hòa bình trừ phi họ biết sự thực về chính sách này.

Tối nay tôi muốn trả lời một vài câu hỏi mà tôi biết hiện đang ở trong đầu của nhiều đồng bào đang nghe tôi nói.

Bằng cách nào và tại sao Hoa Kỳ đã dính líu vào Việt Nam lúc đầu?

Chính phủ này đã thay đổi như thế nào chính sách của chính phủ trước?

Những gì đã thực sự diễn ra tại cuộc thương nghị ở Ba Lê và trên chiến trường ở Việt Nam?

Chúng ta có những sự lựa chọn nào để chấm dứt chiến cuộc ấy?

Triển vọng hòa bình hiện bây giờ như thế nào?

---

1. Khẩu hiệu của các cuộc biểu tình phản đối chiến tranh ở Hoa Kỳ, được Nixon trích lại trong bài diễn văn ngày 3-11-1969, Hồ sơ 18884, PTTg, TTLTII.

Tôi xin bắt đầu bằng cách mô tả tình hình tôi nhận thấy lúc tôi nhậm chức vào ngày 20 tháng Giêng.

– Cuộc chiến tranh đó đã tiếp diễn trong bốn năm rồi.

– 31.000 người Mỹ đã thiệt mạng trong khi chiến đấu.

– Chương trình huấn luyện quân lực VNCH lúc đó được xúc tiến chậm trễ hơn hạn kỳ đã ấn định.

– 540.000 binh sĩ Hoa Kỳ lúc đó hiện diện tại miền Nam Việt Nam mà không có chương trình nào để giảm thiểu quân số đó.

– Cuộc hội đàm Ba Lê không thực hiện được tiến bộ nào và Hoa Kỳ chưa đưa ra một đề nghị hòa bình tổng quát.

– Chiến cuộc đã gây ra sự chia rẽ sâu sắc tại quốc nội và sự chỉ trích của nhiều bạn cũng như thù tại quốc ngoại.

Vì hoàn cảnh đó đã có một số người khuyến cáo tôi chấm dứt chiến cuộc tức khắc bằng cách ra lệnh triệt thoái ngay tất cả quân đội Hoa Kỳ.

Về phương diện chính trị, đó có thể là một đường lối đắc nhân tâm và dễ theo đuổi... Nhưng tôi có trách vụ nặng nề hơn là chỉ nghĩ đến nhiệm kỳ của tôi và cuộc bầu cử tới đây. Tôi phải nghĩ đến hậu quả của quyết định của tôi đối với thế hệ sau này, và tương lai của hòa bình và tự do tại Hoa Kỳ và trên thế giới.

Tất cả chúng ta nên hiểu rằng vấn đề trước mắt không phải là việc có người Mỹ ủng hộ hòa bình trong khi có người Mỹ thì không. Vấn đề lớn lao cũng không phải là việc chiến tranh của Johnson có trở thành chiến tranh của Nixon. Vấn đề đặt ra là làm cách nào đạt được nền hòa bình cho Hoa Kỳ.

Bây giờ ta hãy lưu ý tới vấn đề căn bản. Tại sao và bằng cách nào Hoa Kỳ đã dính líu vào Việt Nam lúc đầu?...

Đáp lại lời yêu cầu của Chính phủ VNCH, Tổng thống Eisenhower đã viện trợ kinh tế và quân sự để yểm trợ nỗ lực... ngăn chặn cộng sản...

Nhiều người cho rằng quyết định của Tổng thống Johnson gửi lực lượng tác chiến Hoa Kỳ đến Nam Việt Nam là một quyết định nhầm lẫn. Nhiều người khác – trong số đó có tôi, đã mạnh mẽ chỉ trích đường lối điều hành cuộc chiến.

Nhưng vấn đề hôm nay là: hiện nay chúng ta đang lâm chiến, vậy cách nào tốt nhứt để chấm dứt cuộc chiến?

Hồi tháng Giêng, tôi chỉ có thể kết luận rằng sự triệt thoái vội vàng toàn bộ quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam sẽ là một tai họa không những cho miền Nam Việt Nam mà cho cả Hoa Kỳ và chính nghĩa hòa bình....

Đối với Hoa Kỳ, sự thất bại đầu tiên này trong lịch sử quốc gia sẽ đem lại hậu quả là sự mất tin tưởng không những ở Á châu mà còn trên khắp thế giới nữa đối với sự lãnh đạo của Hoa Kỳ....

Vì những lý do đó, tôi bác bỏ khuyến cáo rằng tôi nên chấm dứt chiến tranh bằng cách triệt thoái tức khắc toàn bộ lực lượng của chúng ta về nước. Trái lại, tôi chọn giải pháp thay đổi chính sách Mỹ trên cả hai mặt trận: bàn hội nghị và chiến trường....

Khi chúng ta phát động công cuộc tìm kiếm hòa bình, tôi nhận thấy chúng ta có thể không thành công trong việc tìm cách chấm dứt chiến tranh bằng thương thuyết. Do đó, tôi đã thực hiện một kế hoạch khác để đem lại hòa bình, một kế hoạch sẽ đưa đến sự chấm dứt chiến tranh bất chấp mọi biến chuyển trên mặt trận thương thuyết.

Kế hoạch đó phù hợp với sự chuyển hướng quan trọng về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ... Tôi xin cắt nghĩa tóm tắt điều mà người ta mô tả như là chủ nghĩa Nixon – một chính sách không những sẽ giúp chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam mà sẽ còn là một yếu tố quan trọng

trong chương trình của chúng ta nhằm ngăn ngừa chiến tranh tương tự như chiến tranh ở Việt Nam xảy ra sau này....

Tôi đã đưa ra ba nguyên tắc sau đây như những đường lối chỉ đạo cho chính sách của Hoa Kỳ trong tương lai đối với Á châu:

1. Hoa Kỳ sẽ tôn trọng tất cả các cam kết theo hiệp ước của chúng ta.

2. Chúng ta sẽ cung cấp một lá chắn che chở nếu một cường quốc nguyên tử nào đe dọa nền tự do của một quốc gia đồng minh với chúng ta, hoặc đe dọa một quốc gia mà sự tồn tại của họ, chúng ta coi là thiết yếu cho nền an ninh của chúng ta.

3. Trong trường hợp có những kiểu xâm lăng khác, chúng ta sẽ cung cấp viện trợ quân sự và kinh tế khi được yêu cầu đúng theo những cam kết của chúng ta trong hiệp ước. Nhưng chúng ta trông đợi rằng quốc gia bị trực tiếp đe dọa ấy sẽ phải nắm giữ trách nhiệm thiết yếu về cung cấp nhân lực cho công cuộc tự vệ của họ.

...

Trong thời gian chính phủ trước đây cầm quyền, chúng ta đã Mỹ hóa cuộc chiến tranh ở Việt Nam; trong thời gian chính phủ này cầm quyền, chúng ta đang Việt Nam hóa việc tìm kiếm hòa bình. Chính sách của chính phủ trước đây không những đã gây hậu quả là chúng ta phải gánh trách nhiệm thiết yếu trong cuộc chiến đấu mà hơn nữa, còn không nhấn mạnh đúng mức vào mục tiêu tăng cường VNCH ngõ hầu họ có thể tự bảo vệ được khi chúng ta triệt hồi.

Kế hoạch "Việt Nam hóa" đã được đưa ra sau chuyến thăm viếng Việt Nam hồi tháng Ba của ông Bộ trưởng Lair. Theo kế hoạch đó, tôi đã chỉ thị xúc tiến mạnh mẽ việc huấn luyện và võ trang quân đội VNCH.

Hồi tháng Bảy, trong chuyến viếng thăm của tôi tại Việt Nam, tôi đã thay đổi các lệnh của Tướng Abrams để cho phù hợp với chính sách mới của chúng ta. Theo các lệnh mới đó, sứ mạng chính của binh đội

chúng ta là làm cho lực lượng VNCH có khả năng đảm nhận đầy đủ trách nhiệm cho nền an ninh của xứ sở họ....

Tôi xin nói tới chương trình của ta trong tương lai.

Chúng ta đã quyết định áp dụng một kế hoạch mà chúng ta đã hoạch định với sự hợp tác của VNCH cho việc triệt thoái hoàn toàn tất cả các lực lượng chiến đấu trên bộ của Hoa Kỳ và thay thế các lực lượng này bằng các lực lượng VNCH theo một thời khắc biểu được ấn định một cách thứ tự. Việc triệt thoái này đã được thực hiện ở một tư thế mạnh chứ không phải ở một tư thế yếu....

Tôi chưa công bố và không định công bố thời khắc biểu trong kế hoạch của chúng ta. Hiển nhiên là có những lý do trong quyết định này... mức độ triệt thoái sẽ tùy theo những biến chuyển trên ba mặt trận:

Một là sự tiến bộ có thể đạt được ở Hội đàm Ba Lê.

Hai yếu tố khác mà ta dựa vào để đưa ra những quyết định triệt thoái của chúng ta là mức độ hoạt động của đối phương và sự tiến bộ của các chương trình huấn luyện lực lượng VNCH. Những tiến bộ trên cả hai phương diện này đã vượt quá mọi dự liệu khi ta bắt đầu chương trình triệt thoái hồi tháng 6. Kết quả bây giờ chúng ta có một lịch trình triệt thoái lạc quan hơn điều đã dự tính...

Song song với sự ước lượng lạc quan này, tôi phải - với tất cả sự thành thật - nêu lên một điểm thận trọng.

Nếu mức độ hoạt động của đối phương tăng gia một cách đáng kể, chúng ta có thể phải điều chỉnh lại thời khắc biểu của chúng ta... Nếu tôi kết luận rằng sự gia tăng hoạt động của đối phương làm nguy hại tới quân đội chúng ta còn lại ở Việt Nam, thì tôi sẽ không do dự thực hiện những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đối phó với tình thế đó.

Đây không phải là một sự đe dọa. Đây là lời tuyên bố về chính sách mà với tư cách là Tổng tư lệnh quân lực của chúng ta, tôi phát biểu để

đáp ứng với trách nhiệm của tôi nhằm bảo vệ những chiến sĩ Hoa Kỳ ở bất cứ nơi nào mà họ hiện diện...

Bàn về hậu quả của một cuộc triệt thoái vội vàng,... trên cương vị một dân tộc, tâm trí chúng ta không tránh khỏi bị day dứt vì hối hận, và chia rẽ vì đổ lỗi cho nhau..."[1].

Ngày 13-11-1969, tố cáo mưu đồ làm bá chủ thế giới, đóng vai trò cảnh sát quốc tế, đàn áp phong trào giải phóng của các dân tộc, tại phiên họp thứ 42 Hội nghị Paris về Việt Nam, Bộ trưởng Xuân Thủy mạnh mẽ lên tiếng: *"Qua bài diễn văn của Tổng thống Nixon, cho thấy Hoa Kỳ đang tăng cường chiến tranh, bám lấy Nam Việt Nam, không muốn Hội nghị Paris tiến triển. Hoa Kỳ vẫn gây áp lực tối đa về quân sự, không chịu thành lập chính phủ liên hiệp và chủ trương để cho VNCH tổ chức tổng tuyển cử – nếu có"*[2].

Về phía Hoa Kỳ, trước sự phản đối của dư luận, ngày 8-12-1969, Cabot Lodge buộc phải từ chức Trưởng phái đoàn đàm phán tại Paris. Nhưng âm mưu giải quyết chiến tranh trên chiến trường, Nixon đã không bổ nhiệm người thay thế Cabot Lodge. Phản đối thái độ của Hoa Kỳ, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy không tham dự đàm phán mà ủy quyền cho Phó trưởng đoàn Hà Văn Lâu. Trong phiên họp thứ 46 ngày 11-12-1969, ông Hà Văn Lâu lên tiếng chỉ trích quyết liệt. Ông cho rằng, tuyên bố của Nixon cho thấy *"Hoa Kỳ đang theo đuổi một cuộc chiến tranh lâu dài tại Việt Nam; con đường mà Mỹ theo đuổi hiện nay là chính sách "Việt hóa", "thương lượng trên thế mạnh" và chiến tranh Việt Nam sẽ đi đến "một sự kết thúc dù bất cứ điều gì xảy ra tại bàn Hội nghị"* (ngụ ý Hoa

1. Diễn văn ngày 3-11-1969 của Nixon, Hồ sơ 18884, PTTg, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 42, Hồ sơ 1456, QKVH, TTLTII.

Kỳ sẽ kết thúc chiến tranh bằng quân sự – BT)"[1]. Đồng thời, ông cho rằng *"Hoa Kỳ đã giảm tầm quan trọng của Hội nghị Paris về Việt Nam bằng cách nhấn mạnh vào chính sách "Việt hóa" và không cử người đại diện mới thay thế Đại sứ Henry Cabot Lodge"*[2].

Tuy nhiên, vẫn ngoan cố với mục tiêu theo đuổi chiến tranh, ngày 18-2-1970, trong thông điệp gửi Quốc hội về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong thập niên 70, Nixon tái khẳng định *"theo đuổi hai đường lối riêng biệt nhưng hậu thuẫn lẫn nhau: thương thuyết và chương trình "Việt Nam hóa"*[3], và chính thức công bố kế hoạch cụ thể cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Theo đó, "Việt Nam hóa chiến tranh" được thực hiện với một chương trình ba giai đoạn: *Giai đoạn thứ nhất* là, từng bước chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân đội Sài Gòn, rút dần quân viễn chinh Mỹ ra khỏi Nam Việt Nam; *giai đoạn thứ hai*, trang bị cho quân đội Sài Gòn đủ sức đương đầu với lực lượng Quân Giải phóng, giữ vững được Nam Việt Nam và Đông Dương trong quỹ đạo của Hoa Kỳ; *giai đoạn thứ ba*, đi đến kết thúc chiến tranh với việc hình thành ở Việt Nam hai quốc gia riêng biệt.

Trong đó, giai đoạn thứ nhất dự kiến thực hiện từ năm 1969 đến giữa năm 1972 là giai đoạn quan trọng nhất bằng kế hoạch ba bước:

Bước 1, từ năm 1969 đến giữa năm 1970, thực hiện bình định một số vùng đông dân quan trọng; xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở cách mạng ở vùng giải phóng; đẩy lùi và làm suy yếu Quân Giải phóng; rút một bộ phận quân viễn chinh Hoa Kỳ.

---

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thứ 46 ngày 11-12-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 1457, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thứ 46 ngày 11-12-1969 Hội nghị Paris về Việt Nam, *Tlđd.*

3. Chính sách của Tổng thống Nixon về Việt Nam ngày 18-2-1970, Hồ sơ 1003, ĐIICH, TTLTII.

Bước 2, thực hiện từ giữa năm 1970 đến giữa năm 1971 với nội dung là hoàn thành bình định; tiêu diệt chủ lực Quân Giải phóng; hoàn thành kế hoạch hiện đại hóa quân đội Sài Gòn, rút phần lớn quân viễn chinh Hoa Kỳ về nước.

Bước 3, từ giữa năm 1971 đến giữa năm 1972: tiêu diệt chủ lực và căn cứ cách mạng Quân Giải phóng trên toàn Đông Dương; giao toàn bộ trách nhiệm chiến đấu cho quân đội Sài Gòn. Rút hết quân viễn chinh Hoa Kỳ về nước, duy trì đội ngũ cố vấn quân sự tại miền Nam Việt Nam.

Triển khai kế hoạch của chiến lược "Việt Nam hóa" trong năm 1970, Hoa Kỳ đẩy mạnh việc tối tân hóa cho quân đội Sài Gòn. Năm 1970, lực lượng lục quân Sài Gòn được tổ chức thành hai loại: Chủ lực quân đóng vai trò lực lượng lưu động, làm nhiệm vụ thường xuyên đánh phá căn cứ, hệ thống tiếp vận của Quân Giải phóng, đẩy lùi, ngăn chặn chủ lực Quân Giải phóng trở lại hoạt động trong nội địa; và địa phương quân là lực lượng lãnh thổ, có nhiệm vụ kiểm soát các thôn ấp và hỗ trợ bình định nông thôn.

Quân số của các sư đoàn chủ lực của quân đội Sài Gòn được bổ sung, hoàn thiện biên chế với 1 sư đoàn có 12 tiểu đoàn, một trung đoàn có 4 tiểu đoàn. Các đơn vị biệt kích được cải tổ thành các tiểu đoàn biệt động quân. Khối bộ binh cơ động (dù, thủy quân lục chiến) được đầu tư mạnh, nâng lên 90 tiểu đoàn vào cuối năm 1970. Song song với tăng quân, vũ khí và phương tiện chiến tranh của quân đội Sài Gòn được hiện đại hóa đến mức tối ưu.

Với sự phát triển như trên, đến tháng 6 năm 1970, theo đánh giá của Hoa Kỳ, quân đội Sài Gòn hoàn toàn có thể đảm nhiệm hầu hết nhiệm vụ an ninh trên bộ.

Thực hiện bình định nông thôn, trong nửa đầu năm 1970, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn hoàn thành tiếp các mục tiêu đề ra của giai đoạn thứ nhất. Tính đến tháng 9-1970, theo báo cáo của Khối

quân sự vụ Võ phòng Phủ Tổng thống, chính quyền Sài Gòn kiểm soát 99,1% dân số. Cụ thể: vùng AB kiểm soát 14.576.000 người, tỷ lệ 82,7% dân số; vùng C: 1.937.100 người, tỷ lệ 11%; vùng DE là 941.000 người, tỷ lệ 5,4% dân số[1]. Với kết quả này, từ giữa năm 1970, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiến hành bước 2 với chương trình bình định đặc biệt, gia tăng hành quân càn quét và đẩy mạnh chiến dịch Phượng Hoàng nhằm tróc gỡ cơ sở hạ tầng cách mạng. Tính chung năm 1970, chính quyền Sài Gòn thực hiện hơn 23 ngàn cuộc hành quân càn quét, tăng gấp hai lần so với năm 1969. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2 của kế hoạch bình định, chính quyền Sài Gòn đã không đạt được mục tiêu đề ra. Hoạt động càn quét và lùng sục, thủ tiêu, khủng bố ở nông thôn chỉ càng khiến nhân dân miền Nam thêm oán hận chính quyền Thiệu.

Nhằm triệt hạ cơ sở hạ tầng cách mạng ở Campuchia và hành lang chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, nửa đầu năm 1970, Hoa Kỳ tiến hành lật đổ chính quyền hợp pháp của Vương quốc Campuchia, dựng chính quyền tay sai, phát động chiến dịch khủng bố, tàn sát kiều dân Việt Nam và mở chiến dịch quân sự quy mô lớn, ồ ạt đưa quân xâm phạm lãnh thổ Campuchia.

Đối với Hội nghị Paris về Việt Nam, như tuyên bố ngày 3-11-1969, Nixon chỉ duy trì đàm phán với mục đích xoa dịu dư luận mà không đi vào đàm phán thực chất. Nên 8 tháng sau khi Cabot Lodge từ chức (ngày 8-12-1969), ngày 9-7-1970, chính quyền Nixon mới cử David Bruce làm Trưởng phái đoàn đàm phán tại Paris. Song cũng phải đến gần 1 tháng sau ngày được bổ nhiệm, ngày 6-8-1970, tại phiên họp thứ 78, David Bruce mới lần đầu tiên tham dự đàm

1. Phiếu trình số 460/PTT/VoP/QSV/1 19-10-1970 của Khối quân sự vụ Võ phòng Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 401, ĐIICH, TTLTII.

phán[1]. Trong đàm phán, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến thuật đàm phán lảng tránh, không đi vào giải quyết các vấn đề cơ bản. Phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn xé lẻ và chỉ đưa ra thảo luận một vấn đề trong một phiên họp, như: vấn đề bầu cử (phiên họp thứ 51), vấn đề triệt thoái các lực lượng ngoại nhập (phiên họp thứ 52), vấn đề tù binh (phiên họp thứ 53)... Ngoài ra, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn liên tục đưa ra các vấn đề mà họ gọi là các sáng kiến, như đề nghị về họp thu hẹp, phổ biến hạn chế, mật đàm, vấn đề tù binh,...

Phản đối thái độ của Hoa Kỳ, trong 35 phiên họp liên tiếp của năm 1970 (từ phiên họp thứ 46 ngày 11-12-1969 đến phiên họp thứ 82 ngày 3-9-1970), Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy tẩy chay không tham dự. Sau đó, từ phiên họp thứ 53 ngày 5-2-1970, Phó trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông Hà Văn Lâu trở về Hà Nội. Cùng với thái độ tương tự, Trưởng phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình cũng vắng mặt trong 33 phiên họp liên tiếp (từ phiên họp thứ 49 ngày 8-1-1970 đến phiên họp thứ 84 ngày 17-9-1970)[2].

Về nội dung, sau 48 phiên họp của năm 1970, cuộc đàm phán tại Paris vẫn ở trong tình trạng bế tắc. Lập trường nguyên tắc của các bên về hai vấn đề căn bản là triệt thoái quân đội và một giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam không thay đổi.

Đối với vấn đề rút quân, trong khi phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiên định với lập trường, Hoa Kỳ và các nước thuộc phe Hoa Kỳ phải đơn phương triệt thoái toàn bộ vô điều kiện ra khỏi miền Nam Việt Nam thì phái đoàn Hoa

1. Tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong năm 1970 của Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 26-1-1971, Hồ sơ 17718, PTTg, TTLTII.

2. Tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong năm 1970 của Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 26-1-1971, *Tlđd.*

Kỳ và Sài Gòn ngoan cố với đòi hỏi triệt thoái tất cả các lực lượng không phải của miền Nam Việt Nam.

Về giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam đòi hỏi thành lập chính phủ liên hiệp bao gồm tất cả các thành phần chính trị ở miền Nam Việt Nam, tán thành hòa bình, trung lập để tiến tới thống nhất Việt Nam. Phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn lại đề nghị một cuộc bầu cử có cả sự tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam dưới sự giám sát quốc tế và đương nhiên bao gồm cả sự kiểm soát của bộ máy chiến tranh Sài Gòn.

Trong nội dung chi tiết các phiên họp năm 1970, đáng chú ý là lập luận của Hoa Kỳ về vấn đề tù binh chiến tranh.

Tại phiên họp thứ 48, ngày 30-12-1969, Philip C. Habib - Phó trưởng đoàn Hoa Kỳ, dành phần chính trong bài diễn văn để nói về vấn đề tù binh Hoa Kỳ. Ông ta phát biểu rằng:

"La question que je souhaite aborder aujourd'hui est celle des prisonniers de guerre. Au milieu de cette période de fêtes traditionnelles, période de réunions et de fêtes de familles, des milliers de familles sont inquiètes du sort d'un parent disparu ou capturé au Vietnam. C'est là une situation tragique, non pas seulement parce que des parents sont manquants durant cette période de fêtes mais aussi parce que l'incertitude et l'angoisse des familles sont tellement inutiles et injustifíees... Nous nous trouvons en présence de deux questions: premièrement, la question critique du traitement humanitaire des prisonniers détenus par votre côté; deuxièmement, le rapatriement de tous les prisonniers"[1].

1. Phát biểu của Philip C. Habib tại phiên họp thứ 48 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 30-12-1969, Hồ sơ 1457, QKVH, TTLTII. Lược dịch: *"Vấn đề tôi muốn trình bày hôm nay là vấn đề tù binh chiến tranh. Trong dịp lễ Giáng sinh, dịp các gia đình đoàn tụ và ăn mừng, thì hàng trăm gia đình Hoa Kỳ đang lo lắng về số phận những thân nhân mất tích hoặc bị bắt giữ tại Việt Nam. Đây là một tình trạng bi*

Sau đó, ông ta trao cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bản danh sách danh tính các quân nhân Hoa Kỳ bị mất tích ở Đông Nam Á và yêu cầu phái đoàn phải cung cấp thông tin về tù binh Hoa Kỳ mà Quân Giải phóng và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang giam giữ.

Qua năm 1970, phái đoàn Hoa Kỳ càng tỏ ra sốt sắng, đòi hỏi tách việc giải quyết vấn đề tù binh thành một vấn đề riêng biệt trong đàm phán[1]. Đến tháng 6-1970, Hoa Kỳ vạch ra kế hoạch thương thuyết về vấn đề tù binh. Trong đó nói rõ mục đích là: *"Đối nội: tác dụng với dư luận trong nước tại Hoa Kỳ và nhất là gia đình các tù binh Hoa Kỳ, chứng tỏ rằng Chánh phủ Hoa Kỳ tận dụng mọi cơ hội và làm mọi nỗ lực để đưa tới sự phóng thích và hồi hương, giúp thân nhân tù binh Hoa Kỳ. Đối ngoại, tác dụng tuyên truyền trong dư luận thế giới về thiện chí của phe ta thi hành nghiêm chỉnh Quy ước Genève về tù binh"*[2]. Nội dung của kế hoạch thương thuyết gồm năm điểm, được thực hiện tuần tự, bắt đầu từ đòi hỏi *"trao đổi tin tức về tù binh; cho phép thư từ giữa tù binh và gia đình họ; thăm viếng và kiểm soát tù binh do tổ chức đệ tam vô tư"* cho đến *"hồi hương tù binh nan y tàn phế hoặc bị giam giữ quá 3 năm; phóng thích tất cả tù binh"*[3]. Thực hiện đúng kịch

---

thảm, không chỉ vì cha mẹ họ thiếu vắng họ trong mùa lễ này, mà còn vì sự lo lắng cho số phận của con em họ... Chúng ta đang phải đối mặt với hai vấn đề: Thứ nhất, vấn đề đối xử nhân đạo với tù binh? Và thứ hai, hồi hương tất cả các tù binh Hoa Kỳ về nước".

1. Ngày 20-4-1970, Tổng thống Nixon tuyên bố: *"Vấn đề tù binh là một vấn đề nhân đạo có thể tách biệt dễ dàng ra khỏi hai vấn đề chánh trị và quân sự vừa bàn".* (Tài liệu của Bộ Ngoại giao về Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 1461, QKVH, TTLTII).

2. Công văn ngày 30-6-1970 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về việc Hoa Kỳ đề nghị kế hoạch trình bày tại Hội trường Paris về vấn đề tù binh, Hồ sơ 16994, PTTg, TTLTII.

3. Công văn ngày 30-6-1970 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về việc Hoa Kỳ đề nghị kế hoạch trình bày tại Hội trường Paris về vấn đề tù binh, *Tlđd.*

bản này, ngay từ đầu năm 1970, phái đoàn Hoa Kỳ thường xuyên đưa vấn đề tù binh ra thảo luận, coi đó như là vấn đề chính để giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam. Như, ngày 5-2-1970, tại phiên họp thứ 53, phái đoàn Hoa Kỳ dành phần chính của bài diễn văn để nói về vấn đề tù binh và đòi hỏi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sớm cho biết tin tức về danh sách 1.400 quân nhân Hoa Kỳ bị mất tích hay bị bắt, cũng như yêu cầu thực hiện Công ước Genève năm 1949 về tù binh chiến tranh đối với quân nhân Hoa Kỳ bị bắt.

Để có cái trao đổi, Hoa Kỳ liên tục ép chính quyền Sài Gòn phải cung cấp danh sách "tù binh cộng sản" bị Sài Gòn giam cầm ở miền Nam Việt Nam. Song chính quyền Thiệu đã không thể đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ vì trong các trại giam của chính quyền Thiệu không hề có "tù binh chiến tranh". Để đối phó, từ cuối năm 1969, chính quyền Thiệu buộc phải nghĩ ra định nghĩa "tù binh cộng sản". Theo đó, chính quyền Sài Gòn xếp ra ngoài định nghĩa này hàng trăm ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng hoạt động chính trị, hoạt động nội tuyến, liên lạc,... và đưa hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng – những chiến sĩ trực tiếp chiến đấu trên chiến trường bị chính quyền Sài Gòn bắt và giam giữ trong các nhà tù trên toàn miền Nam vào 6 trại giam "tù binh cộng sản" được thành lập ở Đà Nẵng, Pleiku, Quy Nhơn, Phú Quốc, Biên Hòa, Cần Thơ.

Đối với vấn đề thương thuyết về tù binh, trên cơ sở vạch rõ âm mưu của Hoa Kỳ: *"thực tế thì đồng minh của chúng ta là Hoa Kỳ, vì áp lực dư luận quần chúng đối nội, cũng muốn tiến tới một cuộc dàn xếp với Bắc Việt, càng sớm càng hay, về số phận các phi công Hoa Kỳ hiện bị giam giữa tại Bắc phần"*[1] và lo sợ Hoa Kỳ dùng mọi cách để đưa được binh lính của họ về nước, chính quyền Sài Gòn cố gắng: *"tránh*

1. Bản tường trình về vấn đề tù binh trong trường hợp hòa đàm Ba Lê tiến tới một cuộc ngừng bắn tại Nam Việt Nam ngày 10-6-1970 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 16994, PTTg, TTLTII.

việc Hoa Kỳ thương thuyết riêng biệt với Bắc Việt về số phận tù binh Hoa Kỳ"[1]. Và mặc dù, coi vấn đề tù binh chỉ là phụ[2], nhưng trước sức ép của Hoa Kỳ, tại bàn hội nghị, phái đoàn Sài Gòn liên tục đòi hỏi thảo luận giải quyết vấn đề tù binh như một vấn đề căn bản để đi đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Mặt khác, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn rêu rao về việc trao trả những "tù binh cộng sản" nan y, tàn phế quê miền Bắc cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhằm lừa bịp dư luận.

Ngày 29-1-1970, tại phiên họp thứ 52, Phạm Đăng Lâm tiếp tục nhắc lại quyết định "*trao trả 62 tù binh Bắc Việt tàn phế để họ trở về miền Bắc*" với ba phương thức trao trả: "*chính quyền Hà Nội sẽ tiếp nhận họ; đại diện Ủy ban Hồng thập tự quốc tế sẽ hộ tống họ về miền Bắc; thân nhân của các tù binh Bắc Việt sẽ lãnh họ tại vĩ tuyến 17*"[3]. Tuy nhiên, đằng sau tuyên bố của phái đoàn Sài Gòn, chính quyền Thiệu áp dụng biện pháp tình thế là chỉ có thể trao đổi đối với các "tù binh cộng sản" nguyên quán miền Bắc. Và thực hiện trao trả bằng chiến dịch chiến tranh tâm lý mang tên Nguyễn Trãi (triển khai từ năm 1968) mà nội dung chính là khai thác vấn đề trao trả tù binh để hạ thấp uy tín của cách mạng và rêu rao cho các chính sách của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Thâm độc hơn, trong các đợt trao trả, chính quyền Sài Gòn âm mưu cài người vào danh sách tù binh trao trả và dùng những nhân vật này tuyên truyền cho chế độ Thiệu, bôi nhọ cách mạng. Riêng cán bộ, chiến sĩ nguyên quán miền Nam,

1. Bản tường trình về vấn đề tù binh trong trường hợp hòa đàm Ba Lê tiến tới một cuộc ngừng bắn tại Nam Việt Nam ngày 10-6-1970 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

2. Bản tường trình về vấn đề tù binh trong trường hợp hòa đàm Ba Lê tiến tới một cuộc ngừng bắn tại Nam Việt Nam ngày 10-6-1970 của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, *Tlđd*.

3. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 52, Hồ sơ 1458, QKVH, TTLTII.

chính quyền Sài Gòn *"coi như là phiến cộng"* và thực hiện giam cầm theo luật pháp của chế độ.

Về phía cách mạng, nhận định rõ âm mưu của Hoa Kỳ, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã thẳng thừng bác bỏ mọi đề nghị về giải quyết vấn đề tù binh của Hoa Kỳ và Sài Gòn. Trong phiên họp thứ 53, ngày 5-2-1970, Bộ trưởng, Trưởng phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình tố cáo:

"Một lần nữa đại biểu Mỹ định dựng vấn đề tù binh để lẩn tránh giải quyết đúng đắn các vấn đề cơ bản mà chúng tôi đã đặt ra.

Điều đó chứng tỏ Mỹ vẫn không chịu thương lượng nghiêm chỉnh mà chỉ muốn giở thủ đoạn để xoa dịu và lừa bịp dư luận.

Còn đại biểu chánh quyền Sài Gòn thì họ chỉ phụ họa theo đại biểu Mỹ.

Chúng tôi đã nhiều lần tố cáo rằng Mỹ và chánh quyền Thiệu – Kỳ – Khiêm đang giam trái phép và đầy ải hàng trăm ngàn người yêu nước ở hàng ngàn nhà tù ở miền Nam Việt Nam. Một lần nữa chúng tôi đòi hỏi phải trả lại tự do ngay cho những nạn nhân đó.

Tôi bác bỏ những lời vu khống và bịa đặt của Mỹ và chính quyền Sài Gòn... Chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về quân lính Mỹ và quân ngụy bị bắt là nhân đạo.

Tuyên bố của Hồng Thập tự giải phóng tháng 10 năm 1965 và của ông Tổng thơ ký hội ngày 12-5-1967 đã nêu rõ chánh sách đó. Và những binh lính Mỹ, chư hầu và quân ngụy được chúng tôi thả ra cũng đã nói lên sự thật đó.

Chính vì sợ sự thật đó mà quân đội Mỹ đã cấm những người được chúng tôi tha, có những cuộc họp báo để mà nói lên cái sự thật về sự đối xử của chúng tôi với họ (Theo hãng USVS ngày 16-1-1970).

Còn việc giải quyết vấn đề các quân nhân Mỹ bị bắt, như tôi đã nhiều lần nói, sẽ được giải quyết cùng toàn bộ các vấn đề khác trong giải pháp 10 điểm.

Nếu vấn đề đó đến nay chưa được đề đạt tới do Chính phủ Mỹ đã không chịu từ bỏ chánh sách xâm lược của họ để chấm dứt chiến tranh, giải quyết các vấn đề hậu quả của chiến tranh.

Họ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình đó với những binh lính Mỹ bị bắt và gia đình của họ"[1].

Đồng quan điểm với phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Phó trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhấn mạnh:

"Tôi nói lại một lần nữa là những kẻ đi xâm lược đang hàng ngày, hàng giờ gieo rắc tội ác cực kỳ vô nhân đạo chống lại nhân dân Việt Nam, tiếp tục cuộc chiến tranh phi nghĩa, phi đạo lý, đã bị cả loài người tiến bộ nghiêm khắc lên án, mà cứ lải nhải những vấn đề nhân đạo thì chỉ càng làm cho mọi người có lương tri trên thế giới thêm căm tức.

Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thi hành một chánh sách nhân đạo đối với những phi công Mỹ bị giam giữ trên miền Bắc. Chánh sách đó là xuất phát từ nhân đạo và lòng khoan dung của Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Đại biểu Mỹ hoàn toàn không có quyền gì nêu ra những đòi hỏi này nọ đối với những phi công Mỹ bị bắt, bị giam giữ ở miền Bắc sau khi chúng bị bắt quả tang vi phạm luật pháp của Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vấn đề trước mắt là Mỹ phải chấm dứt xâm lược, phải giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở giải pháp 10 điểm của Mặt trận

---

1. Biên bản phiên họp thứ 53 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 5-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

Giải phóng và của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, các vấn đề phụ thuộc khác sẽ được giải quyết[1].

Ngoài ra, trong năm 1970, nhằm vạch trần chính sách theo đuổi chiến tranh của Hoa Kỳ, hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam thường xuyên lên tiếng tố cáo các hành động leo thang chiến tranh của Nixon.

Từ ngày 28-1-1970, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn cho máy bay ném bom và bắn phá các vùng đông dân cư thuộc các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và thực hiện tuần thám miền Bắc Việt Nam. Ngay lập tức, ngày 29-1-1970, tại phiên họp thứ 52, Phó trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mạnh mẽ tố cáo hành động gây hấn của Hoa Kỳ:

"Ngày hôm qua 28-1-1970, Mỹ đã cho nhiều loại máy bay đến ném bom và bắn phá một số vùng dân cư tỉnh Quảng Bình và tỉnh Hà Tĩnh cách xa vĩ tuyến 17 về phía Bắc. Các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã đánh trả đích đáng bọn xâm lược. Đã bắn rơi tại chỗ 3 máy bay Mỹ... Đây là một hành động chiến tranh mới rất nghiêm trọng. Đồng thời là một sự khiêu khích trắng trợn của chính quyền Nixon đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hành động đó xảy ra mấy ngày sau khi ông Nixon đọc diễn văn huênh hoang về triển vọng hòa bình ở Việt Nam. Một lần nữa bóc trần bản chất ngoan cố hiếu chiến và những lời nói giả dối về hòa bình của ông ta.

Đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kịch liệt phản đối và nghiêm khắc lên án hành động chiến tranh nói trên của Chánh phủ Mỹ xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam

1. Biên bản phiên họp thứ 53 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 5-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

Dân chủ Cộng hòa và kiên quyết đòi Mỹ phải chấm dứt ngay các hành động đầy tội ác của họ"[1].

Ngày 5-2-1970, tại phiên họp thứ 53, tiếp tục tố cáo hành vi leo thang chiến tranh của Hoa Kỳ, ông Hà Văn Lâu phát biểu:

"Trước hết, tôi nói thêm về vụ oanh tạc ngày 28-1-1970 của máy bay Mỹ ở miền Bắc Việt Nam mà tôi đã cực lực phản đối trong phiên họp tuần trước. Bản thông cáo đặc biệt ngày 1-2-1970 của Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam cho biết rằng hôm đó Mỹ "đã huy động 40 lần chiếc máy bay cường kích F.4 và F.105 dồn dập hết tốp này đến tốp khác ném bừa bãi các loại bom phá, bom bi nổ ngay và nổ chậm, trút điên cuồng hàng loạt rốc két xuống vùng dân cư huyện Hương Khê (tỉnh Hà Tĩnh) và huyện Minh Hoa (tỉnh Quảng Bình) gây cho nhân dân địa phương những thiệt hại về người và về của".

Ngày 2-2-1970, nhiều tốp máy bay phản lực Mỹ lại liên tiếp đánh phá một số vùng dân cư thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Để trả lời, đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kịch liệt phản đối và kiên quyết đòi Mỹ phải chấm dứt ngay những hành động đầy tội ác của họ. Đại biểu Mỹ đã đưa ra những lý lẽ hàm hồ và ngang ngược mà tôi đã bác bỏ.

Tôi thấy cần phải khẳng định một lần nữa rằng đối với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, việc Mỹ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc Việt Nam là vô điều kiện.

Đại biểu Mỹ dám nói rằng các chuyến bay trinh sát của Mỹ "không đe dọa an ninh của miền Bắc Việt Nam" nhưng lại "cần thiết cho việc đảm bảo an toàn của các lực lượng đồng minh ở Nam Việt Nam", rằng khi các máy bay này bị bắn thì "những biện pháp cần thiết được tiến

---

1. Biên bản phiên họp thứ 52 Hội nghị Paris về Việt Nam, Hồ sơ 1074, ĐIICH, TTLTII.

hành với danh nghĩa quyền tự vệ chính đáng" và "nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những sự kiện, hành động của họ đối với các máy bay ấy gây ra".

Thật là lý lẽ của những kẻ chỉ biết võ lực mà không kể gì đến lẽ phải. Thử hỏi Mỹ có quyền gì mà đem quân vượt cả nửa vòng trái đất sang xâm lăng Việt Nam? Pháp luật nào cho phép Mỹ do thám và ném bom bắn phá lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nước độc lập và có chủ quyền? Thử hỏi Chính phủ Mỹ có để cho bất cứ một nước ngoài nào cho máy bay xâm phạm không phận Mỹ để do thám mà không đối phó không?

Còn về lập luận của Mỹ về việc bảo đảm an toàn cho quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, thì vấn đề phải đặt ra như thế này: Chính phủ Mỹ đưa quân đội của họ xâm lược và chiếm đóng phi pháp miền Nam Việt Nam thì họ phải chịu trách nhiệm về việc họ đã đẩy binh lính của họ vào cái chết vô ích trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cho nên cách bảo đảm an toàn tốt nhất cho các lực lượng đó là chính quyền Nixon hãy chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam và nhanh chóng rút hết và vô điều kiện tất cả quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một lần nữa tuyên bố rằng chừng nào mà Mỹ còn xâm lược Việt Nam thì chừng đó toàn thể nhân dân Việt Nam còn kiên quyết chống lại; chừng nào mà Mỹ còn xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì chừng đó các lực lượng vũ trang và nhân dân miền Bắc Việt Nam còn tiếp tục trừng trị đích đáng bọn xâm lược. Đó là quyền tự vệ chính đáng mà nhân dân Việt Nam kiên quyết sử dụng để bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ của mình. Chính phủ Mỹ phải chịu

trách nhiệm về mọi hậu quả nghiêm trọng các hành động nói trên của họ gây ra"[1].

Những lý lẽ đanh thép của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua báo chí đã vạch trần âm mưu nuôi chiến tranh của chính quyền Nixon trước dư luận. Lo sợ làm dấy lên làn sóng chống đối, phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn nhiều lần đề nghị *"mở những phiên họp thâu hẹp"* trong đó *"đề nghị loại bỏ những bản diễn văn dài soạn trước và thay vào đó, bắt đầu thảo luận cởi mở các đề nghị cụ thể – một sự thảo luận như vậy về các vấn đề là cần thiết cho mọi cuộc thương thuyết có kết quả... Sẽ không có sự công bố bản ghi những điều đã nói tại phiên họp đó, nhưng chúng ta có thể thỏa thuận về những điều gì có thể nói cho báo chí sau mỗi phiên họp"*[2]; hay *"đề nghị những cuộc tiếp xúc riêng và mật đàm... đôi bên có thể thảo luận về mọi vấn đề... nội dung của các cuộc tiếp xúc riêng và mật đàm không được công bố và các phiên họp khoáng đại ở nơi này vẫn tiếp tục như thường lệ"*[3]; hoặc *"những phiên họp thâu hẹp và phổ biến hạn chế. Những phiên họp này sẽ chỉ có giới hạn về số người tham dự và tin tức phổ biến cho báo chí mà không giới hạn về các đề tài có thể được nêu lên trong cuộc thảo luận*[4]. Nhưng âm mưu của Hoa Kỳ và Sài Gòn, cũng như các luận điệu lảng tránh khác, ngay lập tức bị phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam vạch trần.

Ngày 12-2-1970, ông Nguyễn Minh Vỹ – đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tố cáo:

---

1. Biên bản phiên họp thứ 53 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 5-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

2. Phát biểu của Philip C. Habib tại phiên họp thứ 49 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 8-1-1970, Hồ sơ 1073, ĐIICH, TTLTII.

3. Phát biểu của Phạm Đăng Lâm – Trưởng phái đoàn Sài Gòn tại phiên họp thứ 53 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 5-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

4. Phát biểu của Phạm Đăng Lâm – Trưởng phái đoàn Sài Gòn tại phiên họp thứ 53 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 5-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

"Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh hôm nay là chính vì chính quyền Nixon hiện nay chủ trương hạ thấp tầm quan trọng để rồi tiến tới phá hoại Hội nghị Paris về Việt Nam. Cho nên gần đây đại biểu của họ tại hội nghị đã tìm mọi cách thu hẹp phạm vi và ý nghĩa của hội nghị nhưng lại vẫn rêu rao là họ có thiện chí, mong tìm mọi cách để làm cho hội nghị tiến tới.

Họ làm như họ có sáng kiến về việc họp riêng, họp hẹp,... nhưng họ vẫn không chịu trả lời một cách nghiêm chỉnh đề nghị của chúng tôi về việc Mỹ hãy nói chuyện trực tiếp với đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Họ làm như họ sẵn sàng bàn đến những vấn đề thiết thực nhưng họ vẫn không chịu trả lời một cách nghiêm chỉnh đề nghị của bà Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình rằng các bên sẽ thảo luận lịch rút quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ và vấn đề bảo đảm an toàn cho việc rút quân đó nếu Mỹ tuyên bố rút hết, không điều kiện quân đội Mỹ và quân đội các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 6 tháng...

Rõ ràng là chính quyền Nixon vẫn rất ngoan cố theo đuổi âm mưu xâm lược Việt Nam. Đồng thời, lại thi hành chính sách hai mặt rất xảo quyệt. Nói hòa bình nhưng thực tế là làm chiến tranh. Nói chấm dứt chiến tranh nhưng thực tế là "Việt Nam hóa chiến tranh" tức là kéo dài chiến tranh. Nói rút quân Mỹ nhưng thực tế là giở thủ đoạn rút quân nhỏ giọt và mưu toan kéo dài sự chiếm đóng quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Nói tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam nhưng thực tế lại bắt ép nhân dân miền Nam này phải chấp nhận chính quyền Thiệu - Kỳ - Khiêm do Mỹ lập ra làm công cụ cho Mỹ. Cuối cùng là nói đến việc muốn giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam

bằng thương lượng nghiêm chỉnh nhưng thực tế lại chủ trương ưu tiên "Việt Nam hóa chiến tranh" và mưu toan phá hoại Hội nghị Paris về Việt Nam[1].

Trong khi Hội nghị Paris ngày càng tỏ rõ dấu hiệu căng thẳng, ngày 21-2-1970, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy có cuộc tiếp xúc chính thức với phái đoàn Hoa Kỳ, gồm Henry Kissinger, Richard Smyer - chuyên gia về vấn đề Việt Nam, và tướng V. Walters. Sau cuộc tiếp xúc này, bắt đầu diễn ra các cuộc đàm phán riêng, bí mật giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và ông Kissinger.

Tháng 3-1970, trong khi Hội nghị Paris vẫn là những cuộc tranh luận gay gắt, không kết quả, chính quyền Nixon lại tiếp tục dấn sâu hơn nữa vào chính sách kéo dài chiến tranh. Ngày 18-3-1970, chính quyền Nixon hậu thuẫn cho Lon Nol lật đổ Hoàng thân Sihanouk, lập chính quyền thân Hoa Kỳ tại Campuchia. Ngày 30-4-1970, liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa mở cuộc hành quân quy mô lớn vào đất Campuchia, âm mưu triệt hạ bằng được chủ lực quân và căn cứ địa Quân Giải phóng. Đúng như kịch bản nhưng muộn hơn nửa tháng so thời điểm liên quân Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa mở cuộc hành quân vào đất Campuchia, Lon Nol đoạn giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam (ngày 18-5-1970) và yêu cầu chính quyền Thiệu đưa quân vào đất Campuchia (ngày 27-5-1970, Yen Sambaur - Ngoại trưởng, dẫn đầu phái đoàn chính quyền Lon Nol tới Sài Gòn)[2], để tạo thế hợp pháp cho hành động xâm phạm lãnh thổ Campuchia của Hoa Kỳ.

---

1. Biên bản phiên họp thứ 54 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 12-2-1970, Hồ sơ 1075, ĐIICH, TTLTII.

2. Công văn (mật) số 169/PDVN/P/M ngày 16-7-1970 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong 3 tháng 4, 5, 6-1970, Hồ sơ 17718, PTTg, TTLTII.

Song song với hành động chiến tranh ở Campuchia, như thường lệ, Nixon tung đòn xoa dịu dư luận. Ngày 20-4-1970, ông ta tuyên bố sẽ cho rút bớt khỏi miền Nam Việt Nam 150.000 quân vào mùa Xuân năm 1971[1]. Đồng thời, tỏ ra thách thức, Nixon tuyên bố rằng: *"Hà Nội buộc chúng tôi phải đi theo con đường "Việt Nam hóa chiến tranh". Chúng tôi không mong gì hơn là có thể rút hết quân đội Hoa Kỳ về nước"*[2]. Về giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam, ông ta tiếp tục khẳng định sự hậu thuẫn đối với chính quyền Thiệu: *"Tổng thống Thiệu và tôi đã nhiều lần tuyên bố sẵn sàng chấp nhận để cho nhân dân miền Nam tự do quyết định vận mạng của họ. Nhưng chúng tôi không chấp nhận sự đòi hỏi của Hà Nội buộc phải lật đổ các nhà lãnh đạo của miền Nam"*[3].

Trước hành động leo thang chiến tranh trắng trợn của Hoa Kỳ, Hội nghị Paris về Việt Nam thực sự trở thành diễn đàn nói lên tiếng nói của nhân dân Việt Nam và Đông Dương, tố cáo âm mưu, thủ đoạn, tội ác chiến tranh của Mỹ và các chính quyền tay sai gây ra ở Việt Nam cũng như Đông Dương.

Ngày 16-4-1970, tại phiên họp thứ 63, phản đối hành động can thiệp vào nội bộ Vương quốc Campuchia của Hoa Kỳ, ông Đinh Bá Thi – đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam phát biểu:

"Tình hình hiện nay ở Đông Dương vạch rõ rằng Mỹ đang lao sâu vào một cuộc phiêu lưu hết sức nguy hiểm. Đồng thời với việc tăng cường leo thang chiến tranh ở Lào, Mỹ đang trắng trợn đưa chiến tranh vào Campuchia. Họ liên tiếp đưa quân Mỹ, ngụy từ miền Nam Việt

---

1. Công văn (mật) số 169/PDVN/P/M ngày 16-7-1970 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong 3 tháng 4, 5, 6-1970, *Tlđd*.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 64, , Hồ sơ 1460, QKVH, TTLTII.

3. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 64, Hồ sơ 1460, QKVH, TTLTII.

Nam tiến sâu vào nội địa Campuchia tiếp tay cho tập đoàn phản động Lon Nol – Sirik Matak chống nhân dân Khơme và khủng bố tàn sát kiều dân Việt Nam.

Trong lúc ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và tay sai tiếp tục chồng chất tội ác đẫm máu, thì tại Campuchia, chỉ trong vòng 3 tuần lễ sau khi được Mỹ đưa ra cướp chính quyền, bọn tay sai gây ra hàng loạt vụ khủng bố, bắn giết nhân dân Khơme và kiều dân Việt Nam sanh sống ở Campuchia.

Ngày 13-4-1970, Bộ Ngoại giao Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra tuyên bố cực lực tố cáo và nghiêm khắc lên án tập đoàn phản động Lon Nol – Matak tay sai của Mỹ gây tội ác cực kỳ man rợ đối với Việt kiều ở Prasot thuộc tỉnh Soài Riêng ngày 9-4 vừa qua. Ở đây chúng đã giết chết hơn 100 Việt kiều và làm bị thương hàng trăm người khác. Nạn nhân phần lớn là các cụ già, phụ nữ và trẻ em...

Những hành động khủng bố và tàn sát cực kỳ nghiêm trọng trên đây cùng với chiến dịch điên cuồng chống Việt Nam của bọn phản động Campuchia rõ ràng là để che đậy tội ác của chúng chống lại cuộc kháng chiến chánh nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam, nhằm phục vụ chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Những âm mưu đó còn nhằm đánh lạc hướng nhân dân Khơme đang hưởng ứng lời kêu gọi của Quốc trưởng Norodom Sihanouk, kiên quyết chống lại bọn đảo chánh và quan thầy Mỹ...

Mỹ là kẻ chủ mưu gây ra cuộc đảo chánh Campuchia, sử dụng bọn phản động Lon Nol – Matak làm công cụ phá hoại nền độc lập và trung lập của Vương quốc Campuchia, chống lại nhân dân Khơme và khủng bố tàn sát Việt kiều, cố tình phá hoại mọi quan hệ hữu nghị lâu đời giữa nhân dân Việt Nam và Khơme, gây hận thù dân tộc giữa người

Khơme với người Việt Nam để phục vụ âm mưu xâm lược của Mỹ. Họ phải chịu trách nhiệm trước những hành động tội ác của bọ tay sai ở Campuchia và mọi hậu quả do chúng gây ra"[1].

Ngày 30-4-1970 – ngày liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa mở cuộc hành quân sang đất Campuchia, đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ông Đinh Bá Thi đọc bản tuyên bố đặc biệt về tình hình nghiêm trọng hiện nay ở Campuchia. Nguyên văn như sau:

"Hôm qua, ngày 29-4-1970, trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ tuyên bố là Chánh phủ Mỹ tán thành các cuộc hành quân của quân đội đánh thuê Sài Gòn vào lãnh thổ Campcuchia và sẽ cung cấp cố vấn quân sự, yểm trợ bằng không quân chiến thuật và hậu cần cho các cuộc hành quân này, coi đó là biện pháp cần thiết và có hiệu quả để tăng cường chương trình "Việt Nam hóa". Rõ ràng đây là việc Mỹ công khai tuyên bố trực tiếp can thiệp và mở rộng chiến tranh ra Campuchia, một bước leo thang chiến tranh mới của Mỹ ở Đông Dương, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của chánh giới, của dư luận Mỹ và thế giới.

Cần vạch rõ ràng, ngay sau khi dùng tập đoàn tay sai Lon Nol – Sirik Matak làm đảo chính nhằm thủ tiêu độc lập, hòa bình, trung lập của Campuchia. Cùng với việc cung cấp ngày càng nhiều võ khí cho tập đoàn này, Mỹ liên tiếp cho quân Mỹ và quân đội đánh thuê Sài Gòn tiến sâu vào lãnh thổ Campuchia. Cái gọi là giúp đỡ về cố vấn quân sự, không quân chiến thuật và hậu cần cho các cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn trên lãnh thổ Campuchia chỉ là một thủ đoạn nhằm che giấu vụng về việc Mỹ can thiệp quân sự trực tiếp vào Campuchia, dùng bọn Lon Nol – Sirik Matak và chánh quyền Thiệu – Kỳ – Khiêm làm công cụ xâm lược chống lại nhân dân Campuchia, chống lại cuộc

1. Biên bản phiên họp thứ 63 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 16-4-1970, Hồ sơ 1080, ĐIICH, TTLTII.

đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, tàn sát Việt kiều và Hoa kiều ở Campuchia. Hành động này còn làm cho tình hình ở Đông Dương thêm nghiêm trọng, hòa bình ở Đông Nam Á càng bị uy hiếp...

Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cực lực tố cáo và nghiêm khắc lên án những hành động chiến tranh mới nói trên của Mỹ, cực lực lên án các chánh quyền tay sai của Mỹ ở Sài Gòn và Phnom Penh, cấu kết với nhau phục vụ cho Mỹ mở rộng chiến tranh và gây tội ác.

Vì sự nghiệp độc lập, tự do của mình, vì hòa bình ở Đông Dương và Đông Nam Á, nhân dân miền Nam Việt Nam kiên quyết đẩy mạnh cuộc đấu tranh chánh nghĩa của mình, tăng cường đoàn kết với nhân dân Campuchia đánh bại mọi hành động chiến tranh xâm lược và mưu đồ đen tối của Mỹ"[1].

Trong khi đó, để phản đối, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố ngưng phiên họp ngày 6-5-1970.

Lúng túng với những lập luận sắc bén của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam, phái đoàn Hoa Kỳ cố sức vu cáo, bám lấy luận điệu cho rằng mối quan hệ đoàn kết cùng chống tập đoàn Lon Nol, chống Hoa Kỳ xâm lược của cách mạng Việt Nam và cách mạng Campuchia là *"không tôn trọng chủ quyền, độc lập, trung lập hay vẹn toàn lãnh thổ của Cambot và của Lào"*[2].

Luận điệu của Hoa Kỳ bị phản bác ngay sau đó bởi sự kiện ngày 24 và 25-4-1970, *"Hội nghị cấp cao các dân tộc Đông Dương"* được tổ chức thành công tại Trung Quốc với sự tham dự của Hoàng thân

---

1. Biên bản phiên họp thứ 65 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 30-4-1970, Hồ sơ 1080, ĐIICH, TTLTII.

2. Biên bản phiên họp thứ 63 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 16-4-1970, *Tlđd*.

Norodom Sihanouk (Campuchia), Hoàng thân Souvanouphong (Lào), Thủ tướng Phạm Văn Đồng (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) và Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ (Cộng hòa miền Nam Việt Nam) ngày 24 và 25-4-1970[1]. Hội nghị đã thống nhất đoàn kết các dân tộc Đông Dương cùng chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai. Tiếp đó, ngày 2-5-1970, Hoàng thân Norodom Sihanouk tuyên bố thành lập *"Chánh phủ đoàn kết dân tộc Campuchia"* và *"Mặt trận thống nhất dân tộc Camphuchia"*[2], đại diện hợp pháp, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân Campuchia chống can thiệp Mỹ và tập đoàn Lon Nol.

Tại Hoa Kỳ, tình hình ngày càng một căng thẳng đối với chính quyền Nixon. Ngày 4-5-1970, cảnh sát Hoa Kỳ bắn chết 4 sinh viên phản đối chiến tranh Việt Nam ở Đại học Kent. Năm ngày sau, biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam nổ ra khắp nước Mỹ.

Ngày 30-6-1970, sau hai tháng sa lầy, Hoa Kỳ buộc phải tuyên bố rút quân viễn chinh khỏi Campuchia mà không đạt được mục tiêu nào. Ngược lại, cuộc hành quân không những khiến uy tín của Tổng thống Nixon ngày một xấu đi, mà còn làm sâu sắc thêm mối đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Campuchia và góp phần nối thông hành lang chi viện của cách mạng qua ngả Lào – Campuchia.

Buộc phải rút quân khỏi Campuchia nhưng chưa chịu từ bỏ, Nixon tiếp tục duy quân đội Sài Gòn, binh lính Thái Lan và đánh phá Campuchia bằng không quân và hải quân.

Để góp phần đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh và buộc Hoa Kỳ phải nghiêm chỉnh ngồi vào đàm phán, trong các phiên họp của

---

1. Công văn (mật) số 169/PDVN/P/M ngày 16-7-1970 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong 3 tháng 4, 5, 6-1970, Hồ sơ 17718, PTTg, TTLTII.

2. Công văn (mật) số 169/PDVN/P/M ngày 16-7-1970 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê về Việt Nam trong 3 tháng 4, 5, 6-1970, Hồ sơ 17718, PTTg, TTLTII.

tháng 7-1970, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục vạch trần chính sách chiến tranh của Hoa Kỳ tại Đông Dương. Ngày 3-7-1970, ông Nguyễn Minh Vỹ – đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phát biểu:

"Trước các thất bại của Hoa Kỳ tại Campuchia và trước sự phẫn nộ của dân chúng Hoa Kỳ và thế giới, Tổng thống Nixon đã phải rút hết quân đội ra khỏi quốc gia này. Nhưng sự triệt thoái quân này không có nghĩa là Hoa Kỳ đã chấm dứt cuộc xâm lăng.

Tuy quân đội Mỹ đã rời khỏi Campuchia nhưng quân lính bù nhìn của Sài Gòn và Bangkok vẫn còn ở lại.

Hoa Kỳ còn cung cấp vũ khí cho tập đoàn Lon Nol để tàn sát nhân dân yêu nước Campuchia và chống lại chính quyền hợp pháp của Sihanouk.

Không quân Hoa Kỳ xuất phát từ miền Nam Việt Nam, Thái Lan và Hạm đội thứ 7 vẫn thường xuyên dội bom tàn phá giết chóc trên đất Campuchia"[1].

Ngày 23-7-1970, tại phiên họp thứ 76, ông Nguyễn Minh Vỹ tiếp tục khẳng định:

"Chính quyền Nixon cố gắng đạt chiến thắng quân sự để tạo thế mạnh tại bàn hòa đàm hầu ép buộc một giải pháp chính trị cho nhân dân miền Nam.

Tại miền Nam Việt Nam: Quân Mỹ và Sài Gòn tập trung mở những cuộc hành quân tảo thanh vào các miền giải phóng. Các phi cơ thả bom và chương trình bình định đang sát hại nhân dân ở thôn quê.

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam số 73, Hồ sơ 1461, QKVH, TTLTII.

Tại Lào: Hoa Kỳ và bầy tôi tại Vientiane, Bangkok, Sài Gòn mở những cuộc hành quân phối hợp. Máy bay Mỹ cày nát các miền giải phóng và san bằng thị thành Saravane, gây chết chóc.

Tại Campuchia: Chính quyền Nixon viện trợ quân sự cho bè lũ Lon Nol - Sirik Matak, dùng phi cơ, quân đội bù nhìn Sài Gòn, quân đánh mướn Thái xâm chiếm Campuchia.

Tại Hội đàm: Chính quyền Nixon chứng tỏ một thái độ cứng rắn thái quá, đòi hỏi ngỗ ngược, ảo tưởng chống lại những đề nghị hợp lý của nhân dân Việt Nam; gần đây lại hô hào "triệt thoái song phương" chống lại việc lập một chính phủ liên hiệp, cốt cố ý duy trì chính phủ tay sai Thiệu - Kỳ - Khiêm"[1].

Về phía Hoa Kỳ, việc quân đội Sài Gòn dưới sự yểm trợ tối đa cố vấn, không quân và hậu cần của Hoa Kỳ nhưng không thể thắng được lực lượng chủ lực Quân Giải phóng, đánh dấu sự thất bại nặng nề của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Thực trạng trên buộc Nixon phải quay lại với bàn đàm phán tại Paris.

Ngày 9-7-1970, Nixon bổ nhiệm David Bruce làm Trưởng đoàn đàm phán Hoa Kỳ thay thế Cabot Lodge đã từ nhiệm từ tháng 12-1969. Đến ngày 6-8-1970, David Bruce lần đầu tiên tham dự đàm phán với cương vị Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ. Tuy nhiên, trong thời điểm Nixon chưa đưa ra quan điểm mới, bài diễn văn của David Bruce vẫn lập lại các luận điểm cũ của Hoa Kỳ trong các phiên đàm phán trước.

Nhằm thúc đẩy tiến trình hòa đàm, ngày 3-9-1970, Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy và ngày 17-9-1970, Trưởng phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình trở lại bàn đàm phán. Tại phiên họp 82, ngày 3-9-1970, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 76, Hồ sơ 1462, QKVH, TTLTII.

một cách kiên định, Hoa Kỳ chỉ có hai con đường để lựa chọn cho vấn đề Việt Nam: 1. Nếu thực sự muốn chấm dứt chiến tranh thì Hoa Kỳ hãy thảo luận trên các nguyên tắc của giải pháp 10 điểm; 2. Nếu tiếp tục chính sách xâm lược thì Hoa Kỳ sẽ gặp sự chống đối của toàn thể nhân dân Đông Dương quyết tâm tranh đấu đến thắng lợi cuối cùng.[1]

Tiếp đó, ngày 17-9-1970, trở lại bàn đàm phán sau 33 phiên vắng mặt, Bộ trưởng, Trưởng phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình công bố đề nghị 8 điểm:

"Đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam, Hoa Kỳ và thế giới, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam minh định thêm một số điểm trong giải pháp toàn bộ 10 điểm như sau:

1. Hoa Kỳ triệt thoái khỏi Nam Việt Nam không điều kiện quân và chiến cụ của họ và của đồng minh, đồng thời phải phá hủy căn cứ quân sự Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam. Trong trường hợp Hoa Kỳ tuyên bố rút hết quân trước ngày 30-6-1971, quân lực "nhân dân giải phóng" sẽ không tấn công quân lực Hoa Kỳ và đồng minh nữa. Đồng thời các vấn đề đảm bảo an toàn cho quân lực Hoa Kỳ và đồng minh và phóng thích tù binh sẽ được đem ra thảo luận ngay.

2. Vấn đề quân sự Việt Nam sẽ do người Việt Nam cùng nhau giải quyết.

3. Chánh quyền hiện hữu của VNCH chỉ là công cụ của Hoa Kỳ. Mặt trận Giải phóng chỉ nói chuyện với một chính quyền loại trừ ba vị Thiệu, Kỳ, Khiêm và tán thành hòa bình, trung lập.

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 78, Hồ sơ 1462, QKVH, TTLTII.

4. Nhân dân miền Nam sẽ tự quyết định tương lai chính trị qua một cuộc tổng tuyển cử tự do, dân chủ thực sự. Chỉ có một chánh phủ liên hiệp lâm thời với một thành phần phản ảnh những nguyện vọng và ý chí hòa bình độc lập, trung lập và dân chủ mới có thể đứng ra tổ chức cuộc tổng tuyển cử tự do và dân chủ.

5. Chánh phủ liên hiệp lâm thời gồm ba thành phần:

Thuộc Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Thuộc Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa tán thành hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ.

Thuộc các đảng phái và tôn giáo, tán thành độc lập, trung lập và hòa bình.

Chánh phủ liên hiệp lâm thời sẽ thi hành chánh sách ngoại giao hòa hợp dân tộc và tổ chức tổng tuyển cử để thành lập chánh phủ liên hiệp chính thức.

Chánh phủ liên hiệp lâm thời sẽ áp dụng chính sách ngoại giao hòa bình và trung lập theo 5 nguyên tắc sống chung hòa bình, thiết lập quan hệ ngoại giao với mọi quốc gia không phân biệt chế độ chính trị, kể cả Hoa Kỳ.

6. Vấn đề thống nhất đất nước sẽ thực hiện dần dần bằng phương thức hòa bình, trên căn bản thương thuyết và thỏa hiệp giữa hai miền, không có sự can thiệp ngoại lai. Trong khi chờ đợi, hai miền sẽ tái lập quan hệ bình thường trong mọi lĩnh vực trên căn bản bình đẳng và tôn trọng hỗ tương.

7. Các phe liên hệ sẽ cùng ấn định những biện pháp nhằm bảo đảm sự tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản đã được thỏa thuận.

8. Sau khi ký kết thỏa hiệp nhằm chấm dứt chiến cuộc và tái lập

hòa bình ở Việt Nam, các phe liên hệ sẽ thực hiện những thể thức đã được quy định chung về việc ngưng bắn tại Nam Việt Nam"[1].

Buộc phải trả lời dư luận về các đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ngày 7-10-1970, trên hệ thống truyền hình Hoa Kỳ, Nixon tuyên bố cái gọi là "*một sáng kiến quan trọng mới về hòa bình*". Toàn văn tuyên bố như sau:

"Tối nay tôi muốn trình bày với đồng bào một sáng kiến quan trọng mới về hòa bình.

Khi tôi cho phép mở các cuộc hành quân vào các mật khu của đối phương tại Campuchia hồi tháng Tư vừa qua, tôi cũng ra chỉ thị rằng một nỗ lực mạnh mẽ được phát động để khai triển những đường lối mới cho hòa bình tại Đông Dương.

Hôm chủ nhật tại Ái Nhĩ Lan (Cộng hòa Ireland – BT), *tôi đã hội kiến với các trưởng phái đoàn thương thuyết của chúng ta tại cuộc hội đàm Ba Lê. Cuộc hội kiến này đánh dấu cao điểm nỗ lực toàn bộ của chính phủ trên mặt trận thương thuyết khởi đầu từ mùa Xuân vừa qua. Sau khi nghiên cứu những khuyến nghị của tất cả các vị cố vấn của tôi, tối nay tôi xin loan báo những đề nghị mới cho hòa bình tại Đông Dương.*

Sáng kiến hòa bình mới này đã được thảo luận với các chính phủ VNCH, Lào và Campuchia và được các chính phủ này hoàn toàn tán thành. Sáng kiến này được đưa ra phần lớn là do sự thành công đáng kể của chính sách "Việt Nam hóa" trong 18 tháng qua. Tối nay tôi muốn nói với đồng bào về những đề nghị mới này là như thế nào và chúng có ý nghĩa ra sao.

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 84, Hồ sơ 1462, QKVH, TTLTII.

Trước hết, tôi đề nghị rằng tất cả các lực lượng quân sự tại khắp Đông Dương ngưng sử dụng võ khí và ở nguyên tại những vị trí họ đang nắm giữ hiện nay. Đây sẽ là một "cuộc ngưng bắn tại chỗ". Cuộc ngưng bắn này tự nó không chấm dứt cuộc chiến, nhưng nó sẽ thực hiện được mục tiêu mà mọi người chúng ta đang theo đuổi: chấm dứt sự chém giết.

Tôi không coi thường những khó khăn trong việc duy trì một cuộc ngừng bắn trong một cuộc chiến tranh du kích trong đó không có trận tuyến. Nhưng một cuộc chiến tranh không quy ước có thể đòi hỏi một cuộc ngưng chiến không theo quy ước; phe chúng ta sẵn sàng ngưng hoạt động và ngưng bắn.

Tôi yêu cầu rằng đề nghị cho một cuộc ngưng bắn tại chỗ này được đem ra thương thuyết ngay. Tôi hy vọng rằng đề nghị này sẽ giải tỏa bế tắc trong mọi cuộc thương thuyết.

Đề nghị ngưng bắn này được đưa ra không có điều kiện tiên quyết. Những nguyên tắc tổng quát phải được áp dụng như sau:

Một cuộc ngừng bắn phải được giám sát một cách hữu hiệu bởi các quan sát viên quốc tế, cũng như bởi chính các phe liên hệ. Nếu không có sự giám sát hữu hiệu, cuộc ngừng bắn sẽ luôn luôn bị đe dọa phá vỡ. Các phe liên hệ phải tin tưởng rằng cuộc ngưng bắn sẽ được duy trì và bất cứ một vi phạm ngừng bắn tại địa phương nào sẽ được điều chỉnh một cách mau chóng và công bằng.

Một cuộc ngưng bắn không được coi là một phương tiện để bất cứ phe nào tăng cường lực lượng của mình bằng cách gia tăng các lực lượng chiến đấu ngoại nhập tại bất cứ quốc gia nào tại Đông Dương.

Một cuộc ngừng bắn phải đưa đến sự chấm dứt mọi hình thức chiến tranh. Cuộc ngừng bắn này bao hàm một số lớn các hành động tiêu biểu cho cuộc chiến tranh này, gồm cả việc oanh tạc và các hành động khủng bố.

Một cuộc ngừng bắn phải bao gồm không những cuộc chiến đấu tại Việt Nam mà ở khắp Đông Dương. Những cuộc xung đột trong miền này có liên hệ mật thiết với nhau. Hoa Kỳ không bao giờ muốn mở rộng cuộc chiến đó. Điều mà chúng ta mưu tìm là mở rộng hòa bình.

Sau hết, một cuộc ngừng bắn phải nằm trong một nỗ lực chung nhằm chấm dứt chiến cuộc Đông Dương.

Một cuộc ngừng bắn tại chỗ tất nhiên sẽ tạo nên nhiều vấn đề trong việc duy trì cuộc ngừng bắn đó. Nhưng việc gây chiến bao giờ cũng dễ dàng hơn việc tạo lập hưu chiến. Để kiến tạo một nền hòa bình danh dự, chúng ta phải chấp nhận sự thử thách của các thương nghị khó khăn và lâu dài.

Khi thỏa thuận ngừng bắn, chúng ta có thể đặt căn bản cho sự thỏa thuận về những vấn đề khác.

Điểm thứ hai của sáng kiến hòa bình mới này là:

Tôi đề nghị triệu tập một hội nghị hòa bình Đông Dương. Tại cuộc hội đàm Ba Lê hiện nay, chúng ta mới đương hội đàm về Việt Nam mà thôi...

Một hội nghị quốc tế như vậy là cần thiết để giải quyết cuộc xung đột tại tất cả ba quốc gia thuộc Đông Dương. Cuộc chiến Đông Dương này đã chứng tỏ tính cách nhất thể; nó không thể giải quyết bằng cách chữa cho một trong số những khu vực lâm chiến.

Những yếu tố thiết yếu của Hiệp định Genève 1954 và 1962 vẫn có giá trị như căn bản của việc giải quyết những vấn đề giữa những quốc gia đó tại khu vực Đông Dương. Chúng ta chấp nhận kết quả của những thỏa hiệp đạt được giữa những quốc gia đó.

Tuy chúng ta theo đuổi việc triệu tập một hòa hội về Đông Dương, đề nghị của chúng ta về triệu tập một hội nghị mở rộng sẽ được thảo luận tại Ba Lê cũng như xuyên qua những đường lối ngoại giao khác. Hội đàm Ba Lê vẫn là diễn đàn chính yếu của ta để đạt một cuộc dàn

xếp qua thương thuyết cho tới khi nào một hội nghị quốc tế mở rộng đưa đến kết quả thương thuyết nghiêm chỉnh.

Phần thứ ba của sáng kiến hòa bình của chúng ta liên quan đến lực lượng Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam.

Trong 20 tháng qua, tôi đã cắt giảm quân số tại Nam Việt Nam tới 165.000 người. Tính đến mùa Xuân sang năm, tổng số quân rút về sẽ là 260.000 người – khoảng phân nửa số quân đóng ở Nam Việt Nam khi tôi nhậm chức.

Vì lẽ vai trò chiến đấu và sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ đã giảm nên số tổn thất của Hoa Kỳ cũng bớt đi. Từ khi kết thúc cuộc hành quân ở Campuchia thì mức độ tổn thất đã hạ xuống thấp nhất so với khoảng thời gian tương tự trong 4 năm rưỡi vừa qua.

Chúng ta sẵn sàng thương nghị một thời khóa biểu được cả đôi bên chấp thuận để triệt thoái toàn thể quân lực trong khuôn khổ giải quyết toàn diện. Chúng ta sẵn sàng rút tất cả quân đội của chúng ta trong khuôn khổ một cuộc dàn xếp dựa trên nguyên tắc mà tôi đề ra trước đây và những đề nghị mà tôi đưa ra tối nay.

Thứ tư, tôi kêu gọi phía bên kia hãy tiếp tay mưu tìm một cuộc dàn xếp chính trị thực sự đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Nam Việt Nam...

Sau hết, tôi đề nghị việc phóng thích tức khắc và vô điều kiện tất cả tù binh do cả hai bên giam giữ"[1].

Qua diễn văn của Nixon, có thể thấy "sáng kiến mới về hòa bình" của ông ta gồm 5 điểm, trong đó chỉ có 2 điểm thực sự mới:

Một là, quan điểm về ngừng bắn tại chỗ. Với việc đưa ra đề nghị này, Nixon tin rằng ông ta có thể đạt được hai mục đích. Thứ nhất

1. Diễn văn của Tổng thống Nixon ngày 7-10-1970, Hồ sơ 18884, ĐIICH, TTLTII.

là làm giảm áp lực dư luận trước việc Hoa Kỳ phát động cuộc chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương; thứ hai là, đánh đòn chính trị phủ đầu đối với cách mạng, vì dù đối phương có chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị ngừng bắn, ông ta đều có lợi. Nếu lực lượng cách mạng chấp nhận, với chương trình "Việt Nam hóa", để quân đội Sài Gòn chịu trách nhiệm trên chiến trường, thực tế quân đội Hoa Kỳ không tham gia chiến đấu, Nixon sẽ không bị ràng buộc bởi cam kết đó. Ngược lại, Hoa Kỳ sẽ vu cáo Quân Giải phóng ngoan cố theo đuổi chiến tranh – lý do chính đáng để Nixon leo thang và mở rộng chiến tranh.

Hai là, quan điểm "*triệu tập một hội nghị hòa bình Đông Dương*". Đây là quan điểm có lẽ dư luận không thể ngờ và cũng khó có thể chấp nhận. Bởi khó có thể nghĩ rằng, quốc gia đang đưa quân đội và bom đạn tàn phá các quốc gia Đông Dương, lại đề nghị triệu tập hội nghị bàn về hòa bình cho chính các quốc gia mình đang xâm chiếm.

Trước những luận điệu vô lý đó, tại phiên họp thứ 90, ngày 29-10-1970, đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Văn Tiến "*đã bác bỏ hoàn toàn và dứt khoát đề nghị hòa bình ngày 7-10-1970 của Tổng thống Nixon vì đó là một thủ đoạn để tranh cử và kéo dài chiến cuộc trên toàn cõi Đông Dương*"[1].

Và đúng như bản chất, ngày 21 và 22-11-1970, Nixon ra lệnh oanh tạc trở lại Bắc Việt[2]. Ngày 23-11-1970, không thể biện hộ cho hành động của người đồng liêu ở Tây bán cầu trước dư luận, Nguyễn Văn Thiệu phủ nhận: "*Trước hết, đừng nên cho đây là một cuộc "tái oanh tạc miền Bắc" mà đây chỉ là một phản ứng đương nhiên phải có*

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 90 ngày 17-11-1970, Hồ sơ 1463, QKVH, TTLTII.

2. Công văn (mật) số 018/PDVN/P ngày 26-1-1971 tờ trình tổng quát về cuộc Hội đàm Ba Lê trong năm 1970 của Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1054, ĐIICH, TTLTII.

để bảo vệ tánh mạng của các phi công thám thính. Tôi nghĩ rằng các phi công thám thính ấy đã có một hành động nào đó gọi là khiêu khích, mà khi họ bị miền Bắc tấn công thì đương nhiên họ phải được bảo vệ đích đáng" [1].

Trước hành động tráo trở của Nixon, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam mạnh mẽ đả kích và tuyên bố ngưng phiên họp ngày 25-11-1970 để phản đối.

Ngày 3-12-1970, phiên họp thứ 93, đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình phát biểu:

"– Đả kích Hoa Kỳ đã ném bom và bắn phá Bắc Việt trong 2 ngày 21 và 22-11-1970.

– Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hậu quả do những hành động phiêu lưu quân sự của họ gây ra.

– Việc ném bom và bắn phá Bắc Việt là một phần trong chính sách của Hoa Kỳ tiếp tục mở rộng chiến tranh tại Việt Nam.

– Đả kích Hoa Kỳ và VNCH đã xúc tiến chương trình bình định và chiến dịch Vì dân để khủng bố và đàn áp dân chúng.

– Hoa Kỳ vẫn tăng cường chiến tranh tại Lào và Campuchia.

– Đề nghị hòa bình ngày 7-10-1970 chỉ là một thủ đoạn để lừa bịp dư luận.

– Đòi hỏi Hoa Kỳ đáp ứng giải pháp toàn bộ 10 điểm và 8 điểm giải thích ngày 17-9-1970 của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam" [2].

---

1. Bản tin của Tham vụ báo chí Việt Nam Cộng hòa ngày 23-11-1970, Hồ sơ 1088, PTTg, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 93, ngày 17-12-1970, Hồ sơ 1463, QKVH, TTLTII.

Tiếp đó, Bộ trưởng Xuân Thủy cũng xác định:

"– Bác bỏ những lý do của Hoa Kỳ về việc cho máy bay trinh sát Bắc Việt.

– Việc tố cáo Bắc Việt ngược đãi tù binh chỉ là một thủ đoạn của Hoa Kỳ.

– Bắc Việt đã áp dụng chính sách nhân đạo với tù binh và sẽ thi hành các biện pháp để bảo đảm an toàn cho họ"[1].

Song đại diện Hoa Kỳ vẫn tỏ ra ngoan cố, tuyên bố sẽ tiếp tục những chuyến bay quan sát không phận Bắc Việt[2].

Trả lời đề nghị ngừng bắn của Nixon, trong hai phiên họp liên tiếp (phiên họp thứ 94 ngày 10-12-1970 và thứ 95 ngày 17-12-1970), Trưởng phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đưa ra "*Tuyên bố ba điểm*" và đề nghị ngừng bắn hai giai đoạn. Cụ thể, *Tuyên bố ba điểm* gồm các nội dung:

"Sẽ thực hiện ngừng bắn giữa các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam đối với quân đội Mỹ, nhân viên quân sự Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ngay sau khi Chính phủ Mỹ tuyên bố rút hết quân đội và nhân viên quân sự Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam trước 30-6-1971.

Sẽ thực hiện ngừng bắn giữa các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam đối với chánh quyền Sài Gòn ngay sau khi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, chánh quyền Sài Gòn không có Thiệu – Kỳ – Khiêm tán thành hòa bình, độc

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 93, ngày 17-12-1970, Hồ sơ 1463, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 93, ngày 17-12-1970, *Tlđd*.

lập trung lập dân chủ thỏa thuận với nhau về việc lập chính phủ liên hiệp lâm thời gồm ba thành phần để tổ chức tổng tuyển cử.

Các bên sẽ cùng nhau định ra những biện pháp nhằm bảo đảm sự tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh các điều kiện đã được thỏa thuận. Trong các dịp lễ Noel 1970, Tết Dương lịch 1971 và Tết Nguyên đán Tân Hợi, Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Bộ chỉ huy các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam đã quyết định ngừng tấn công quân sự vào quân đội Mỹ, quân ngụy và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ"[1].

Đề nghị ngừng bắn gồm:

"Giai đoạn 1: Thực hiện ngừng bắn với quân đội Hoa Kỳ và đồng minh nếu Hoa Kỳ chấp nhận rút toàn bộ quân đội Hoa Kỳ và đồng minh trước 30-6-1971.

Giai đoạn 2: Thực hiện ngừng bắn với quân đội VNCH sau khi thành lập "chính phủ liên hiệp" gồm ba thành phần tại Sài Gòn".

Đề nghị của Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình tỏ rõ lập trường không thể tách rời vấn đề quân sự và chính trị trong giải quyết hòa bình cuộc chiến ở Việt Nam. Đồng thời, với tuyên bố chấp nhận thảo luận với chính quyền Sài Gòn không có Thiệu – Kỳ – Khiêm, đã cho thấy sự nhượng bộ, thiện chí của cách mạng đối với vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, phản bác luận điệu xuyên tạc của Hoa Kỳ và Sài Gòn cho rằng, Quân Giải phóng cương quyết thực hiện lật đổ hoàn toàn chế độ Sài Gòn, thâu tóm chính phủ liên hiệp và tiến hành bầu cử theo ý muốn.

Ngày 30-12-1970, phiên họp thứ 97 – phiên họp cuối cùng của năm 1970, phái đoàn Hoa Kỳ không trả lời các đề nghị của phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam. David Bruce – Trưởng phái đoàn

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 94, ngày 28-12-1970, Hồ sơ 1463, QKVH, TTLTII.

Hoa Kỳ, chuyển đề tài – một biện pháp lảng tránh hữu hiệu mà người tiền nhiệm của ông ta thường dùng, để nói về *"hội nghị hòa bình Đông Dương"*.

Như vậy, sau gần 2 năm, với 97 phiên họp, Hội nghị Paris về Việt Nam vẫn trong tình trạng bế tắc.

4. Lam Sơn 719 cùng sức ép ngoại giao

Bước vào năm 1971, sau hai năm cầm quyền, thực hiện "Việt Nam hóa", mục tiêu chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh của Nixon ngày càng xa vời. Tại miền Nam Việt Nam, dù đã bỏ nhiều tỷ đô la cho chương trình bình định nông thôn và hiện đại hóa quân đội Sài Gòn nhưng những mục tiêu chính của chương trình Việt Nam hóa chiến tranh trong giai đoạn 1 vẫn chưa đạt được.

Quân đội Sài Gòn với hơn 1 triệu quân, được trang bị hiện đại, qua chiến dịch Campuchia (từ 30-4 đến 30-6-1970) – lần thử nghiệm thứ nhất, chưa cho thấy khả năng có thể thay thế quân đội Hoa Kỳ.

Đầu năm 1971, kết thúc bước 2 chương trình bình định nông thôn, theo báo cáo của Khối quân sự vụ Võ phòng Phủ Tổng thống, chính quyền Thiệu đã kiểm soát được 99% dân số miền Nam. Song báo cáo của Thomson – Cố vấn bình định của Tổng thống Nixon, sau chuyến thị sát 117 xã ở miền Nam lại cho kết quả ngược lại: *"An ninh bấp bênh, 70% số xã có cộng sản tồn tại. Nếu không giải quyết ngăn chặn thì ngày nào đó cộng sản sẽ lật đổ chế độ"*.

Áp lực của dư luận ngày càng đè nặng lên chính sách tăng cường và mở rộng chiến tranh của Nixon. Theo số liệu điều tra của Viện Gallup, đến tháng 1-1971, tỷ lệ nhân dân Hoa Kỳ ủng hộ chính sách chiến tranh của Nixon tụt xuống còn 31% (tháng 5-1971, tỷ lệ này còn 28%).

Tại Sài Gòn, trong ba ngày liên tiếp (29, 30-12-1970 và 1-1-1971) hàng loạt vụ biểu tình, đốt xe Hoa Kỳ nổ ra tại đường Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng và ngã sáu Chợ Lớn.

Tại Paris, ngày 19-1-1971, các tổ chức gồm: Lực lượng tự do Việt Nam do Trần Đình Lan – cựu trung tá quân đội Sài Gòn, làm chủ tịch; Phong trào Công giáo và dân tộc do Nguyễn Văn Công làm chủ tịch; Đoàn Sinh viên Phật tử Việt Nam tại Pháp; Liên hiệp Việt kiều tại Pháp cùng ra bản tuyên bố yêu cầu Hoa Kỳ sớm rút khỏi miền Nam Việt Nam, ủng hộ lập trường của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tuyên bố viết:

"Cuộc chiến thảm khốc trong nước đã kéo dài gần một phần tư thế kỷ, đã gây nhiều hy sinh, đau thương, tang tóc cho đồng bào.

Sự hiện diện của một quân đội và một bộ máy chiến tranh của nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam ngày càng chà đạp lên chủ quyền độc lập của dân tộc và ngày càng đưa xã hội Việt Nam xa rời truyền thống tốt đẹp sẵn có từ mấy ngàn năm.

Chánh phủ Sài Gòn hiện hữu của ông Nguyễn Văn Thiệu thay vì tìm kiếm hòa bình, đang nỗ lực thực hiện Việt hóa cuộc chiến, chuẩn bị luật bầu cử tổng thống nhằm loại những ứng cử viên đối lập, để kéo dài cuộc chiến tranh tàn khốc, làm cho nhân dân vốn đã cơ cực càng cơ cực hơn.

Thiết tha mong mỏi nước nhà được độc lập, hòa bình, dân tộc sớm được hòa hợp, Việt kiều tại Pháp rất mong Hội nghị Paris sớm tìm được một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề miền Nam Việt Nam. Nhưng hai năm qua, Hội nghị này vẫn dậm chân tại chỗ và có thể bị gián đoạn nếu Tổng thống Nixon tiếp tục lại các cuộc oanh tạc và bắn phá miền Bắc nước Việt Nam.

Những tổ chức và nhân sĩ Việt kiều ký tên dưới đây nhận thấy:

Cần phá vỡ bế tắc của Hội nghị Paris, tạo điều kiện thiết thực để giải quyết vấn đề đình chỉ chiến sự, bảo đảm an toàn cho việc rút quân đội Mỹ và đồng minh và thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do và dân chủ, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Chương trình 5 điểm ngày 7-10-1970 của Tổng thống Nixon chỉ nhằm xoa dịu dư luận Mỹ chớ không phải để giải quyết vấn đề hòa bình ở miền Nam Việt Nam.

Sự tồn vong của đất nước đòi hỏi phải sớm chấm dứt cuộc chiến, hòa bình phải được sớm vãn hồi trên cơ sở độc lập, tự do và hòa hợp dân tộc. Vì quyền lợi thiêng liêng của Tổ quốc và đồng bào, chúng tôi yêu cầu Chánh phủ Mỹ phải thay đổi chính sách về Việt Nam, tỏ rõ thiện chí của mình, tôn trọng nguyện vọng hòa bình, độc lập của nhân dân Việt Nam bằng cách:

Chấp nhận nguyên tắc tuyên bố rút hết quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam trong một thời gian nhứt định.

Chấm dứt ủng hộ chánh phủ hiện hữu ở Sài Gòn ngày càng cô lập và bị đa số nhân dân chống đối.

Các lực lượng yêu nước, các xu thế chánh trị và tôn giáo sẽ có điều kiện thành lập một chánh phủ đại diện rộng rãi, có khả năng đối thoại hữu hiệu với Chánh phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Paris ngõ hầu tìm một giải pháp chánh trị công bình và thỏa đáng cho vấn đề miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi thiết tha kêu gọi các giới Việt kiều tại Pháp hãy cùng nhau đoàn kết để bày tỏ nguyện vọng chánh đáng của mình nhằm góp phần thực hiện trong tinh thần hòa hợp dân tộc một miền Nam Việt Nam độc lập, hòa bình, dân chủ và trung lập"[1].

---

1. Tuyên bố của Việt kiều tại Pháp, ngày 19-1-1971, Hồ sơ 1122, ĐIICH, TTLTII

Tuyên bố của Liên hiệp Việt kiều tại Pháp ngày 19-1-1971[1]

Tài-liệu số 0[illegible]/71

Nhóm nầy chưa có tên, họp báo hồi 12g trưa ngày 19/1/71 tại tiệm cơm Rose des Prés, rue de la Seine, Paris 6e. Một số những người trong danh sách đính kèm có mặt.

TUYÊN BỐ

Cuộc chiến thảm khốc trong nước đã kéo dài gần một phần tư thế kỷ, đã gây nhiều hy sinh, đau thương, tang tóc cho đồng bào.

Sự hiện diện của một quân đội và một bộ máy chiến tranh của nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam ngày càng chà đạp lên chủ quyền độc lập của dân tộc và ngày càng đưa xã hội Việt Nam xa rời truyền thống tốt đẹp sẵn có từ mấy ngàn năm.

Chánh phủ Sài-gòn hiện hữu của ông Nguyễn văn Thiệu thay vì tìm kiếm hoà bình, đang nỗ lực thực hiện Việt hoá cuộc chiến, chuẩn bị luật bầu cử Tổng thống nhằm loại những ứng cử viên đối lập, để kéo dài cuộc chiến tranh tàn khốc, làm cho nhân dân vốn đã cơ cực càng cơ cực hơn.

Thiết tha mong mỏi nước nhà được độc lập, hoà bình, dân tộc sớm được hoà hợp, Việt kiều tại Pháp rất mong Hội nghị Paris sớm tìm được một giải pháp thoả đáng cho vấn đề miền Nam Việt Nam. Nhưng hai năm qua, Hội nghị nầy vẫn dậm chân tại chỗ, và có thể bị gián đoạn nếu Tổng thống Nixon tiếp tục lại các cuộc oanh tạc và bắn phá miền Bắc nước Việt Nam.

Những tổ chức và nhân sĩ Việt kiều ký tên dưới đây nhận thấy :

- Cần phá vỡ bế tắc của Hội nghị Paris, tạo điều kiện thiết thực để giải quyết vấn đề đình chỉ chiến sự, bảo đảm an toàn cho việc rút quân đội Mỹ và đồng minh và thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do và dân chủ, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Chương trình 5 điểm ngày 7-10-70 của Tổng thống Nixon chỉ nhằm xoa dịu dư luận Mỹ chớ không phải để giải quyết vấn đề hoà bình ở miền Nam Việt Nam.

Sự tồn vong của đất nước đòi hỏi phải sớm chấm dứt cuộc chiến, hoà bình phải được sớm vãn hồi trên cơ sở độc lập, tự do và hoà hợp dân tộc. Vì quyền lợi thiêng liêng của Tổ quốc và đồng bào, chúng tôi yêu cầu chánh phủ Mỹ phải thay đổi chánh sách về Việt Nam, tỏ rõ thiện chí của mình tôn trọng nguyện vọng hoà bình, độc lập của nhân dân Việt Nam bằng cách :

1) Chấp nhận nguyên tắc tuyên bố rút hết quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam trong một thời gian nhứt định.

2) Chấm dứt ủng hộ chánh phủ hiện hữu ở Sài-gòn ngày càng cô lập và bị đa số nhân dân chống đối.

/

1. Hồ sơ 1122, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

Các lực lượng yêu nước, các xu hướng chánh trị và tôn giáo sẽ có điều kiện thành lập một chánh phủ đại diện rộng rãi, có khả năng đối thoại hữu hiệu với Chánh phủ Cách mạng lâm thời tại Hội nghị Paris ngõ hầu tìm một giải pháp chánh trị công bình và thỏa đáng cho vấn đề miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi thiết tha kêu gọi các giới Việt kiều tại Pháp hãy cùng nhau đoàn kết để bày tỏ nguyện vọng chánh đáng của mình nhằm góp phần thực hiện trong tinh thần hoà hợp dân tộc một miền Nam Việt Nam độc lập, hoà bình, dân chủ và trung lập.

Paris ngày 19 tháng 1 năm 1971

Địa chỉ liên lạc :

Comité de liaison

3, rue de Sèvres

92 - Boulogne

Nhưng vẫn ngoan cố thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", cuối tháng 1 năm 1971, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn mở chiến dịch Lam Sơn 719, âm mưu phá vỡ hệ thống hậu cần và cắt đứt hành lang chi viện của cách mạng Việt Nam nằm cách biên giới Việt - Lào 42 km về phía tây và thử nghiệm khả năng chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

Được giao trách nhiệm chính của chiến dịch, quân đội Sài Gòn huy động:

- 3 sư đoàn: Sư đoàn Dù (gồm 3 lữ đoàn 1,2,3), Sư đoàn Thuỷ quân lục chiến, Sư đoàn 1 Bộ binh;

- 3 lữ đoàn: Liên đoàn 1 Biệt động quân, Trung đoàn 4 và Trung đoàn 5 - Sư đoàn bộ binh số 2;

- 4 trung đoàn và 2 chi đoàn thiết giáp: trung đoàn 17, 11, 7, 4 (trang bị xe tăng M-41);

- 13 tiểu đoàn pháo binh

Cùng sự yểm hộ của: 5 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn dù 101, 4 tiểu đoàn Lữ đoàn 1 Sư đoàn 5 bộ binh cơ giới, 3 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn American; 8 tiểu đoàn pháo binh (155mm đến 203 mm); 800 trực thăng, 300 máy bay phản lực, 50 máy bay vận tải cỡ lớn và 50 máy bay chiến lược B-52, quân đội Hoa Kỳ.

Ngày 31-1-1971, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh hành quân, bắt đầu chiến dịch. Với ưu thế về quân số và trang bị, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lạc quan rằng "*quân đội Sài Gòn làm được những điều mà phải cần đến 8 hoặc 10 vạn quân*" và làm thay đổi căn bản cục diện chiến trường.

Tháng 3-1971, chiến dịch Lam Sơn 719 bị đình trệ bởi sự phản công mạnh mẽ của Quân đội nhân dân Việt Nam, để duy trì áp lực, Hoa Kỳ quyết định ném bom miền Bắc Việt Nam.

Cùng sức ép về quân sự, trên bàn đàm phán, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiếp tục lặp lại những lập luận phi lý về hai vấn đề cơ bản: rút quân đội Hoa Kỳ và giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam; cùng các đòi hỏi về vấn đề tù binh Hoa Kỳ.

Tại phiên họp thứ 102, ngày 11-2-1971, sau khi vu cáo và đổ lỗi cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam một cách trắng trợn và gay gắt về sự bế tắc của Hội nghị Paris về Việt Nam, phái đoàn Hoa Kỳ lặp lại những điểm chính trong bản đề nghị ngày 7-10-1970 của Tổng thống Nixon. David Bruce, Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, nói:

"Chúng tôi muốn thấy ngay sự kết thúc xung đột và chém giết ở Đông Dương. Cuộc hành quân có giới hạn ở Lào mà vị đại diện VNCH vừa nói tới chỉ nhằm làm cho các lực lượng quý vị không còn đủ khả năng mở các cuộc tấn công và gia tăng khả năng chiến đấu của Nam Việt Nam trong khi các lực lượng Hoa Kỳ tiếp tục triệt thoái.

Tháng 10 năm ngoái Tổng thống Nixon đã đề nghị rõ rệt là nên có:

– Một là, ngưng bắn trên toàn Đông Dương.

– Hai là, một thời biểu được thương lượng cho cuộc triệt thoái tất cả các lực lượng.

– Ba là, phóng thích ngay tất cả các tù binh.

– Bốn là, một hội nghị hòa bình quốc tế cho toàn Đông Dương.

– Năm là, một giải pháp chánh trị.

Đó vẫn là chánh sách của Hoa Kỳ.

Con đường đã được mở rộng ở đây để tiến tới sự sớm kết thúc chiến

cuộc trên toàn Đông Dương. Quý vị có đi vào con đường ấy hay không là tùy thuộc hoàn toàn ở sự lựa chọn của quý vị"[1].

Phản bác luận điệu trên, Bộ trưởng Xuân Thủy – Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lên án cuộc tấn công của liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa sang Lào và khẳng định nhân dân ba nước Đông Dương kiên quyết đoàn kết, chống Mỹ xâm lược. Bộ trưởng phát biểu:

"Những sự việc xảy ra trong mấy ngày gần đây ở Đông Dương càng chứng tỏ những lời đúng đắn của chúng tôi trong những phiên họp trước tố cáo và lên án chính quyền Nixon tiến hành bước leo thang chiến tranh mới làm cho tình hình Đông Dương và Đông Nam Á trở nên hết sức nghiêm trọng, hòa bình thế giới ngày càng bị đe dọa.

Bản tuyên bố ngày 8-2-1971 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào yêu nước đã nêu rõ "sau nhiều ngày triển khai nhiều đơn vị trên lãnh thổ Lào từ đầu tháng 2, sáng 8-2-1971 gần 50 tiểu đoàn Mỹ và bù nhìn Nam Việt Nam trong đó có hơn 10 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh và xe bọc thép Mỹ, được không quân Mỹ yểm trợ, đã mở những cuộc tiến công ào ạt vào vùng Sêpon ở Nam Lào, gây ra những cuộc tàn sát vô cùng dã man đối với nhân dân Lào. Ngoài ra nhiều đơn vị khác của Mỹ và bù nhìn Nam Việt Nam đã được huy động để tiến công Lào".

Cùng với việc leo thang và mở rộng chiến tranh ở Lào và Campuchia, gần đây chính quyền Nixon tiếp tục cho máy bay liên tiếp ném bom bắn phá nhiều nơi thuộc lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ Quảng Bình đến Vĩnh Linh. Việc tập trung một binh lực lớn ngay sát phía Nam vĩ tuyến 17 còn cho thấy chính quyền Nixon đang rắp tâm tiến hành những cuộc phiêu lưu quân sự mới chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thứ 102 ngày 11-2-1971 Hội đàm Ba Lê, Hồ sơ 1464, QKVH, TTLTII

Chánh quyền Nixon trâng tráo nói rằng cuộc hành quân vào Lào "hoàn toàn phù hợp với pháp luật quốc tế" nhưng toàn thế giới kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ đều kịch liệt lên án Mỹ chà đạp thô bạo độc lập, chủ quyền, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, bất chấp đạo lý và pháp lý quốc tế sơ đẳng nhất, bất chấp những điều khoản Hiệp nghị Genève năm 1962 cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự trang bị vũ khí của nước ngoài vào Lào. Thế thì cái pháp lý mà cuộc hành quân đó phù hợp là pháp lý nào? Chỉ là pháp lý của quân xâm lược.

Chánh quyền Nixon nói rằng cuộc hành quân vào Lào không phải là hành động mở rộng chiến tranh. Đó là luận điệu dối trá một cách trơ tráo. Ai cũng biết chỉ trong 10 tháng nay, chính quyền Nixon đã đưa chiến tranh từ Nam Việt Nam sang Campuchia, nay lại đưa mạnh hơn nữa sang Lào, sao lại nói Mỹ không mở rộng chiến tranh.

Chánh quyền Nixon nhắc đi nhắc lại rằng bộ binh và cố vấn quân sự Mỹ không tiến vào đất Lào. Sự thật là bộ binh Mỹ đã tham gia cuộc hành quân như bản tuyên bố của Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào yêu nước đã vạch rõ và báo chí Mỹ cũng đã xác nhận điều đó.

Chánh quyền Nixon nói rằng cuộc hành quân hiện nay là "hạn chế về không gian, về thời gian hòng làm giảm bớt sự nghiêm trọng của vấn đề. Trước hết mọi người đều biết cuộc xâm lược của Mỹ ở Lào đã diễn ra trên khắp lãnh thổ nước Lào từ hàng chục năm nay. Rõ ràng là bất chấp dư luận thế giới, chính quyền Nixon đã mở rộng chiến tranh ra toàn bộ khu vực Đông Dương nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Đó là thực chất của cái gọi là đề nghị 5 điểm của Tổng thống Nixon. Đó là thực chất của cái gọi là "học thuyết Nixon".

Bản tuyên bố ngày 8-2-1971 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào yêu nước đã cực lực lên án những hành động phiêu lưu quân sự mới và cuộc leo thang chiến tranh xâm lược của Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra tuyên bố ngày 10-2-1971 nêu rõ: "Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

triệt để ủng hộ bản tuyên bố ngày 8-2-1971 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào yêu nước về việc chính quyền Nixon tiến hành leo thang chiến tranh ở Lào. Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược ở Lào, miền Nam Việt Nam và Campuchia, phải rút hết quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ ra khỏi các nước Đông Dương để nhân dân mỗi nước Đông Dương tự quyết định công việc nội bộ của mình. Trung thành với bản tuyên bố của Hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương, nhân dân Việt Nam kiên quyết kề vai sát cánh với nhân dân Lào và nhân dân Khơme anh em, kiên trì và đẩy mạnh chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai của chúng...

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cực lực lên án việc Mỹ chuẩn bị những bước phiêu lưu quân sự mới chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nghiêm khắc cảnh cáo: nhân dân Việt Nam với tinh thần cảnh giác cao, nhất định sẽ đánh bại bất cứ hành động phiêu lưu quân sự mới nào của Mỹ".

Quá trình leo thang và mở rộng chiến tranh của chính quyền Nixon hòng cứu vãn chương trình Việt Nam hóa là quá trình thất bại liên tiếp ở Campuchia và ở Lào...

Chính quyền Nixon trông mong vào việc tăng cường quân ngụy Sài Gòn đủ mạnh để rút quân trên thế mạnh, điều đó chỉ là ảo tưởng. Nếu họ thật sự muốn rút hết quân Mỹ, muốn bảo vệ sinh mạng binh lính Mỹ thì họ không có lý do gì không chịu đáp ứng tích cực những đề nghị hợp tình hợp lý ngày 17-9 và ngày 10-12-1970 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tạo điều kiện cho Mỹ rút quân trong an toàn và danh dự"[1].

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thứ 102 ngày 11-2-1971 Hội đàm Ba Lê, Hồ sơ 1464, QKVH, TTLTII.

Diễn văn của Bộ trưởng Xuân Thủy tại phiên họp 102 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 11-2-1971[1]

- 11/ -

DIỄN-VAN
CỦA XUÂN-THỦY
Trong phiên họp 102, ngày 11-02-1971

ℒ

Bài diễn-văn gồm những phần sau đây :

I.- CÔNG KÍCH HOA-KỲ MỞ RỘNG CHIẾN CUỘC SANG AI-LAO.

"Những sự việc xảy ra trong mấy ngày gần đây ở Đông-Dương càng chứng tỏ những lời đứng đắn của chúng tôi trong những phiên họp trước tố cáo và lên án chính-quyền Nixon tiến hành bước leo thang chiến-tranh mới làm cho tình hình Đông-Dương và Đông-Nam-Á trở nên hết sức nghiêm trọng, hòa-bình thế-giới ngày càng bị đe dọa.

Bản tuyên bố ngày 08-02-1971 của Ủy-ban Trung-Ương Mặt trận Lào yêu nước đã nêu rõ "sau nhiều ngày triển khai nhiều đơn vị trên lãnh-thổ Lào từ đầu tháng 2, sáng 8-02-71, gần 50 tiểu-đoàn Mỹ và Bù nhìn Nam Việt-Nam trong đó có hơn 10 tiểu-đoàn Bộ-binh, Pháo-Binh và xe bọc thép Mỹ, được không quân Mỹ yểm trợ, đã mở những cuộc tiến công ào ạt vào vùng Sê-pon ở Nam Lào, gây ra những cuộc tàn sát vô cùng dã man đối với nhân-dân Lào. Ngoài ra nhiều đơn vị khác của Mỹ và bù nhìn Nam Việt-Nam đã được huy động để tiến công Lào".

Cùng với việc leo thang và mở rộng chiến-tranh ở Lào và Cam-pu-chia, gần đây chính-quyền Nixon tiếp tục cho máy bay liên tiếp ném bom bắn phá nhiều nơi thuộc lãnh thổ nước VNDCCH từ Quảng-Bình đến Vĩnh-Linh. Việc tập trung một binh-lực lớn ngay sát phía nam vĩ-tuyến 17 còn cho thấy chính-quyền Nixon đang rắp tâm tiến hành những cuộc phiêu-lưu quân-sự mới chống nước VNDCCH...

... 12/...

1. Hồ sơ 1464, QKVH, TTLTII

- 12/ -

Chánh quyền Nixon trângtráo nói rằng cuộc hành quân vào Lào "hoàn toàn phù hợp với pháp-luật quốc-tế" (!) nhưng toàn thế-giới kể cả nhân-dân tiến-bộ Mỹ đều kịch-liệt lên án Mỹ chà đạp thô bạo độc-lập, chủ-quyền Trung-lập và toàn vẹn lãnh-thổ của Lào, bất chấp đạo-lý và pháp-lý quốc-tế sơ-đẳng nhất, bất chấp những điều khoản hiệp-nghị Genève năm 1962 cấm đưa quân-đội, nhân-viên quân-sự trang bị vũ-khí của nước ngoài vào Lào. Thế thì cái pháp-lý mà cuộc hành quân đó phù hợp là pháp lý nào ? Chỉ là pháp-lý của quân xâm-lược !

Chính quyền Nixon nói rằng cuộc hành-quân vào Lào không phải là hành động mở rộng chiến-tranh. Đó là luận điệu dối trá một cách trơ trẽn. Ai cũng biết chỉ trong 10 tháng nay, chính-quyền Nixon đã đưa chiến-tranh từ Nam Việt-Nam sang Cam-pu-chia, nay lại đưa mạnh hơn nữa sang Lào, sao lại nói Mỹ không mở rộng chiến-tranh ?

Chính-quyền Nixon nhắc đi nhắc lại rằng bộ binh và cố vấn quân-sự Mỹ không tiến vào đất Lào. Sự thật là Bộ binh Mỹ đã tham-gia cuộc hành-quân như bản tuyên bố của Ủy-ban Trung-ương mặt trận Lào yêu nước đã vạch rõ và báo chí Mỹ cũng đã xác nhận điều đó.

Chính-quyền Nixon nói rằng cuộc hành-quân hiện nay là "hạn chế về không gian, về thời gian hòng làm giảm bớt sự nghiêm trọng của vấn đề. Trước hết mọi người đều biết cuộc xâm-lược của Mỹ ở Lào đã diễn ra trên khắp lãnh-thổ nước Lào từ hàng chục năm nay. Rõ ràng là bất chấp dư-luận thế-giới, chính-quyền Nixon đã mở rộng chiến-tranh ra toàn bộ khu vực Đông-Dương nhằm thực hiện chủ-nghĩa thực-dân mới của Mỹ. Đó là thực chất của cái gọi là đề nghị 5 điểm của Tổng-Thống Nixon. Đó là thực chất của cái gọi là "học-thuyết Nixon".

... 13/ ...

- 13/ -

II.- BẮC-VIỆT QUYẾT SÁT CÁNH CÙNG NHÂN-DÂN LÀO VÀ NHÂN-DÂN KHỜ-ME CHỐNG LẠI CUỘC XÂM-LĂNG CỦA MỸ.

"Bản tuyên-bố ngày 08-02-1971 của Ủy-ban Trung-Ương Mặt-trận Lào yêu nước đã cực-lực lên án những hành động phiêu-lưu quân-sự mới và cuộc leo thang chiến-tranh xâm-lược của Mỹ và Ngụy quyền Saigon.

Chính-Phủ nước VNDCCH đã ra tuyên bố ngày 10-02-71 nêu rõ : "Chính-phủ nước VNDCCH triệt để ủng-hộ bản tuyên-bố ngày 08-02-71 của Ủy-ban Trung-Ương Mặt-trận Lào yêu nước về việc chính-quyền Nixon tiến hành leo thang chiến-tranh ở Lào. Chánh-phủ nước VNDCCH kiên quyết đòi chính-phủ Mỹ phải chấm dứt ngay cuộc chiến-tranh xâm-lược ở Lào, Miền Nam Việt-Nam và Cam-pu-chia phải rút hết quân Mỹ và quân chư-hầu của Mỹ ra khỏi các nước Đông-Dương để nhân-dân mỗi nước Đông-Dương tự quyết-định công việc nội-bộ của mình. Trung-thành với bản tuyên-bố của Hội-nghị cấp cao của nhân-dân Đông-Dương, nhân dân Việt-Nam kiên quyết kề vai sát cánh với nhân dân Lào và nhân-dân Khờ-me anh em, kiên-trì và đẩy mạnh chiến-đấu chống kẻ thù chung là đế-quốc Mỹ xâm-lược và bọn tay sai của chúng..."

"Chính-phủ Nước VNDCCH cực-lực lên án việc Mỹ chuẩn-bị những bước phiêu lưu quân-sự mới chống nước VNDCCH và nghiêm-khắc cảnh cáo : nhân-dân Việt-Nam với tinh thần cảnh giác cao, nhất định sẽ đánh bại bất cứ hành động phiêu lưu quân-sự mới nào của Mỹ."

Quá trình leo thang và mở rộng chiến-tranh của chính-quyền Nixon hòng cứu vãn chương-trình Việt-Nam hóa là quá trình thất bại liên-tiếp ở Cam-puchia.và ở Lào. ...

Chính quyền Nixon trông mong vào việc tăng cường quân ngụy Saigon đủ mạnh để rút quân trên thế mạnh, điều đó chỉ là ảo tưởng. Nếu họ thật sự muốn rút hết quân Mỹ, muốn bảo-vệ sinh mạng binh-lính Mỹ thì họ không có lý do gì không chịu đáp ứng tích-cực những đề nghị hợp tình hợp lý ngày 17-09 và ngày 10-12-70 của Chính-phủ CMLT/CHMNVN đã tạo điều kiện cho Mỹ rút quân trong an-toàn và danh-dự."

Đồng thời, phản đối hành động quân sự của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam tẩy chay phiên họp thường lệ vào ngày 25-3-1971, đề nghị dời sang ngày 1-4-1971. Nhưng để thể hiện sức ép trên bàn đàm phán, phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn yêu cầu dời đàm phán tới ngày 8-4-1971.

Ngày 6-4-1971, sau hai tháng tiến hành chiến dịch, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa buộc phải rút quân khỏi Lào với tổn thất nặng nề về nhân mạng mà không đạt được bất cứ mục tiêu nào đề ra. Thất bại nặng nề của chiến dịch Lam Sơn 719 – chiến dịch mang tính mấu chốt của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc phái đoàn Hoa Kỳ phải mềm dẻo hơn trong đàm phán. Ngày 15-4-1971, tại phiên họp 109, Bộ trưởng Xuân Thủy đặt ra ba điều kiện tiên quyết đi đến chấm dứt chiến tranh Việt Nam:

"Nếu thực sự muốn giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam một cách nghiêm chỉnh, thì chính quyền Nixon cần làm những việc sau đây:

1. Hoặc là đồng ý thời hạn đến 30-6-1971 rút hết quân Mỹ và quân nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam như Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra; hoặc là Chính phủ Mỹ đưa ra một thời hạn hợp lý khác để các bên cùng xem xét. Luận điệu của ông Nixon nói rằng tuyên bố thời hạn rút hết quân là "vứt bỏ con bài chính để mặc cả đạt tới việc thả tù binh Mỹ" chỉ là ngụy biện. Ai cũng biết chính vì có quân đội xâm lược Mỹ thì mới có quân Mỹ chết và mới có quân Mỹ bị bắt. Chính quyền Nixon còn duy trì quân đội Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược, thì càng kéo dài danh sách người Mỹ thương vong và bị bắt. Chỉ có rút hết quân Mỹ theo một thời hạn nhanh chóng thì quân Mỹ mới được đảm bảo an toàn và những quân nhân bị bắt được sớm trở về với gia đình.

2. Chính phủ Mỹ phải thật sự tôn trọng cam kết chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom, bắn phá và mọi sự xâm phạm

chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực tế đã chứng tỏ chính quyền Nixon còn tiếp tục cho máy bay trinh sát ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam, thì còn nhiều máy bay Mỹ bị bắn rơi, thì càng kéo dài danh sách phi công Mỹ bị bắt và bị chết.

3. Chính phủ Mỹ hãy tán thành đề nghị hợp tình hợp lý của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là thành lập ở Sài Gòn một chính quyền không có Thiệu – Kỳ – Khiêm, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ để nói chuyện nghiêm chỉnh với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Chính phủ Mỹ đồng ý làm ba điều trên thì sẽ nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên cơ sở công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, có lợi cho nhân dân Mỹ và danh dự của nước Mỹ, đồng thời có lợi cho hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới. Trái lại, nếu chính quyền Nixon ngoan cố theo đuổi chính sách "Việt Nam hóa" tức là tiếp tục kéo dài và mở rộng chiến tranh thì nhân dân Việt Nam càng tăng cường đoàn kết với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia kiên quyết kháng chiến giành thắng lợi hoàn toàn, làm cho "học thuyết Nixon" càng thất bại".

Trả lời đề nghị của Bộ trưởng Xuân Thủy, David Bruce – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ tỏ ra "nhũn nhặn":

"Về lực lượng của Hoa Kỳ, chúng tôi sẵn sàng thương lượng để thỏa thuận về một lịch trình cho các cuộc triệt thoái toàn bộ như là một phần của một giải pháp toàn bộ. Vì vậy, trong việc triệt thoái, vấn đề được đặt ra không phải là việc chúng tôi từ chối ấn định một thời hạn, mà ngược lại là việc về phần quý vị, quý vị từ chối có những hành động hỗ trợ tương tự và cần thiết.

Những đề nghị chúng tôi đưa ra đã cung ứng một cơ sở hợp tình, hợp lý cho cuộc thương lượng nghiêm chỉnh. Chúng tôi sẵn sàng thảo luận những đề nghị ấy cùng với những đề nghị của quý vị. Như Tổng thống Nixon đã nhắc lại ngày 7-4, chúng tôi sẵn sàng thực hiện cuộc

ngưng bắn tức khắc trên toàn Đông Dương, phóng thích tức khắc tất cả các tù binh ở khu vực Đông Dương, mở một hội nghị hòa bình cho toàn Đông Dương, triệt thoái hoàn toàn tất cả các lực lượng ngoại nhập ra khỏi Việt Nam, Lào và Campuchia và một giải pháp chính trị"[1].

Tại các phiên họp trong tháng 4 và 5-1971, phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn trở lại đàm phán về vấn đề tù binh mà tránh né thảo luận các vấn đề căn bản. Trong các cuộc gặp riêng với Cố vấn Lê Đức Thọ, Kissinger cũng tìm các phương cách cốt yếu đưa được tù binh Hoa Kỳ về nước. Như trong cuộc gặp gỡ ngày 31-5-1971, Kissinger đưa ra đề nghị bảy điểm, đòi tách riêng vấn đề quân sự và vấn đề chính trị.

Về phía cách mạng, trong các phiên họp từ cuối tháng 4 đến hết tháng 6-1971, tiến công và hướng dư luận vào sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam công kích Hoa Kỳ tiếp tục chính sách theo đuổi chiến tranh; đề nghị Hoa Kỳ phải triệt thoái toàn bộ vô điều kiện quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam và yêu cầu phải thay thế nội các hiếu chiến Thiệu – Kỳ – Khiêm. Ngày 29-4-1971, tại phiên họp thứ 111, Bộ trưởng Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình công bố "*lệnh của Bộ chỉ huy các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 26-4-1971 về việc không tấn công các binh sĩ Mỹ phản chiến không có hành động đối địch với quân và dân miền Nam Việt Nam*"[2].

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 109, ngày 28-04-1971, Hồ sơ 1465, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 111, Hồ sơ 1466, QKVH, TTLTII.

Diễn văn của Trưởng phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình tại phiên họp 111 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 29-4-1971[1]

/ - 3 -

DIỄN VĂN
CỦA NGUYỄN-THỊ-BÌNH
Trong phiên họp 111, ngày 29/4/1971



Bài diễn văn gồm những phần sau đây :

I.- CÔNG KÍCH HOA-KỲ TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG CHIẾN TRANH TẠI VIỆT-NAM, AI-LAO VÀ KAMPUCHEA.

Trong khi chính quyền Nixon ngoan cố kéo dài và đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt-Nam và Đông-Dương thì đại biểu Mỹ ở đây, trong mấy phiên họp vừa qua, lại trắng trợn xuyên tạc rằng nhân-dân Việt-Nam "muốn chiến tranh tiếp diễn" và "không chịu chấm dứt chém giết". Họ cố giả vờ làm như họ quan tâm đến "hòa-bình" và "nhân đạo". Nhưng sự thật, ai là kẻ đang tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt vô cùng tàn bạo ở miền Nam Việt-Nam và Đông-Dương? Từ lâu, nhân-dân thế giới, kể cả dư luận rộng rãi ở Mỹ, đều đã rõ thủ phạm gây ra những tội ác man rợ đối với nhân-dân miền Nam Việt-Nam không còn ai ngoài xâm lược Mỹ, mà kẻ đang phạm tội ác kinh tởm nhứt hiện nay là chính quyền Nixon.

Còn nhân-dân Việt-Nam là dân tộc có truyền thống kiên quyết chống ngoại xâm đồng thời cũng rất yêu chuộng hòa-bình, hữu nghị giữa các dân tộc và có truyền thống khoan hồng nhân đạo. Vì vậy nhân-dân Việt-Nam luôn luôn thi hành chánh sách đại lượng đối với các quân-nhân của đối phương bị bắt hoặc chống chiến tranh. Tinh thần lấy nhơn nghĩa thắng bạo tàn đó gần lại thể hiện rõ ràng trong Lịnh của Bộ chỉ huy các lực lượng võ trang nhân-dân giải phóng miền Nam Việt-Nam về việc không tấn công các binh sĩ Mỹ phản chiến, không có hành động đối địch với quân và dân miền Nam Việt-Nam.

.../4...

1. Hồ sơ 1466, QKVH, TTLTII.

- 4 -

Như vậy là ngay trong khi chính quyền Nixon chưa chịu chấm dứt chiến tranh xâm lược thì nhân-dân miền Nam Việt-Nam và các lực lượng võ trang của mình đã sẵn sàng không nổ súng vào những binh sĩ Mỹ không có hành động đối địch với mình. Thử hỏi chính quyền Nixon làm sao có thể nói rằng nhân-dân Việt-Nam là "tàn bạo", là "muốn chiến tranh tiếp diễn" và "không muốn chấm dứt chém giết"?

Chánh quyền Nixon không ngớt nhắc lại luận điệu cũ rích là nếu Mỹ rút quân vội vã thì sẽ xảy ra "tắm máu" ở miền Nam Việt-Nam. Nhưng chính nhiều thượng nghị sĩ Mỹ cũng đã vạch ra rằng "chánh sách của chính quyền Nixon đang gây ra cuộc thảm sát trong biển máu ngày càng lan rộng trong dân thường", và "chúng ta không cho phép người ta dùng cái bóng ma về một cuộc tắm máu trong tương lai hết sức mơ hồ để che đậy cuộc tắm máu hiện đang diễn ra hàng ngày ở Việt-Nam và trên toàn bộ Đông-Dương...".

II.- <u>ĐÒI HỎI HOA-KỲ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VIỆT-NAM THEO NHỮNG YÊU SÁCH CỦA PHÍA CỘNG-SẢN</u>.

"Để ngừng chém giết, chấm dứt đau thương, tang tóc cho nhân-dân Việt-Nam cũng như cho nhân-dân Mỹ, cách duy nhất là chánh phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút nhanh toàn bộ quân đội của họ ra khỏi miền Nam Việt-Nam, thành lập ở Saigon một chánh quyền không có Thiệu Kỳ Khiêm tán thành hoà-bình, độc lập, trung lập và dân chủ, để nhân-dân miền Nam Việt-Nam tự quyết định công việc nội bộ của mình không có sự can thiệp của nước ngoài. Trước mắt, chánh phủ Mỹ cần chấp nhận thời hạn rút quân toàn bộ trước ngày 30/6/1971 để có thể thực hiện ngay ngưng bắn và các bên có thể mau chóng thảo luận vấn đề thả các quân-nhân bị bắt. Nếu họ không nhận thời hạn đó thì họ hãy đưa ra một thời hạn khác để các bên cùng xem xét.

.../5...

/ - 5 -

Đông đảo nhân-dân Mỹ đòi hỏi chính quyền Nixon giải quyết cuộc chiến tranh Việt-Nam theo chiều hướng đứng đắn đó. Phong trào đấu tranh của nhân-dân Mỹ đang sôi nổi đòi "hòa-bình ngay", đòi "rút ngay toàn bộ quân Mỹ về nước", đòi "chấm dứt ngay cuộc chiến tranh hủy diệt ở Việt-Nam". Đặc-biệt là những cuộc biểu tình khổng lồ tại Hoa-Thịnh-Đốn, San Francisco và nhiều nơi khác trên nước Mỹ trong ngày 24/4 vừa qua càng chứng tỏ nhân-dân Mỹ kịch liệt phản đối cuộc chiến tranh do chánh quyền Nixon đang đeo đuổi ở Việt-Nam và Đông-Dương. Cuộc chiến tranh hết sức mất lòng dân đó chẳng những gây nên những tổn thất về người và của cho nhân-dân Việt-Nam và nhân-dân Mỹ mà còn làm hoen ố danh dự nước Mỹ. Do đó, từ người dân thường đến các nhân vật chánh trị ở Mỹ đều bức thiết đòi chánh phủ Nixon đề ngay ra Một thời hạn dứt khoát rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt-Nam. Số đông cựu binh sĩ Mỹ và nhiều quân nhân đang tại ngũ ở miền Nam Việt-Nam cũng tỏ sự công phẫn đối với cuộc chiến-tranh này. Họ kêu gọi : "hãy giúp đỡ chúng tôi chấm dứt cuộc chiến tranh trước khi người ta biến chúng tôi thành tên đồ tể hay thành một xác chết".

Nhân-dân Việt-Nam và nhân-dân thế giới hoàn-toàn đồng tình và ủng hộ những đòi hỏi chánh đáng đó của nhân-dân Mỹ.

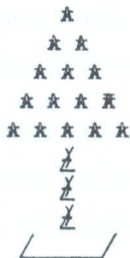
Nhắm mắt làm ngơ trước tình hình trên đây, ngày 26/4/1971, ông Nixon còn khẳng định lại việc Mỹ không chịu rút nhanh toàn bộ quân của họ ra khỏi miền Nam Việt-Nam. Điều đó chứng tỏ chánh phủ Mỹ chẳng những chống lại các quyền dân tộc thiêng-liêng của nhân-dân Việt-Nam mà cũng tỏ rõ họ không đếm xỉa gì đến nguyện vọng chánh đáng và cấp bách của chính nhân-dân nước họ.

Cũng như nhân-dân Mỹ và mọi dân tộc khác, nhân-dân Việt-Nam thiết tha với cuộc sống yên lành và hạnh-phúc trên đất nước mình. Hơn ai hết, nhân-dân Việt-Nam mong muốn chiến tranh mau chấm dứt, hoà bình sớm lập lại.

- 6 -

Chính vì vậy, đại diện cho nguyện vọng của nhân-dân miền Nam Việt-Nam, chúng tôi đã đưa ra những đề nghị rất hợp tình, hợp lý và thực tế về một giải pháp hoà-bình đúng-đắng cho vấn đề miền Nam Việt-Nam. Nếu chánh-phủ Mỹ thực sự muốn chấm dứt chiến tranh thì không có lý do gì để họ không đáp ứng nghiêm chỉnh những đề nghị đó của chúng tôi.

Tiếp tục chiến tranh xâm lược, từ chối đưa ra một thời hạn rút quân toàn bộ, chánh quyền Nixon thực tế đang làm cho cuộc thương lượng này không thể tiến lên được và mọi vấn đề liên quan đến cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt-Nam hiện nay càng thêm bế tắc, sẽ còn phung phí vô ích xương máu và tiền của của nhân-dân Mỹ vào một cuộc chiến tranh hoàn-toàn phi nghĩa và nhất định thất bại."



.../7...

Ngày 27-5-1971, đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Văn Tiến kiên quyết đòi thay thế chính quyền Thiệu – Kỳ – Khiêm với những lý lẽ đanh thép:

"Những người cầm đầu chánh quyền Sài Gòn ngày nay, với vai trò làm tay sai cho Mỹ, đang điên cuồng chống lại các nguyện vọng bức thiết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Nhân dân miền Nam Việt Nam mong muốn hòa bình, một nền hòa bình được thực hiện qua một giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề miền Nam Việt Nam. Nhưng những người cầm đầu chánh quyền Sài Gòn thì chống lại một giải pháp như vậy.

Nhân dân miền Nam Việt Nam muốn độc lập, nhưng Thiệu – Kỳ – Khiêm muốn miền Nam phải bị đặt dưới ách thống trị thực dân của Mỹ.

Nhân dân miền Nam Việt Nam mong muốn trung lập nhưng chính quyền Sài Gòn lại một mực chống lại trung lập, thực tế là đòi miền Nam Việt Nam phải lệ thuộc vào Mỹ.

Nhân dân miền Nam Việt Nam muốn dân chủ và tự do, nhưng chánh quyền Sài Gòn thi hành một chánh sách độc tài phát xít.

Nhân dân miền Nam Việt Nam muốn hòa hợp dân tộc, mà hình thức hòa hợp tốt nhất là sự liên hiệp rộng rãi giữa mọi lực lượng yêu nước và yêu hòa bình, không phân biệt xu hướng, chánh kiến và tôn giáo. Nhưng chánh quyền Sài Gòn hiện nay thì ra sức chống liên hiệp, chống lại hòa hợp dân tộc.

Những người cầm đầu chánh quyền Sài Gòn hiện nay thật sự là trở ngại cho một giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề miền Nam Việt Nam"[1].

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 114, Hồ sơ 1466, QKVH, TTLTII.

Tháng 6-1971, thời điểm "ánh sáng cuối đường hầm" vẫn chưa ló rạng, chính quyền Nixon bị lung lay bởi vụ rò rỉ tài liệu mật lớn nhất lịch sử Hoa Kỳ (tính đến thời điểm đó) về cuộc chiến tranh Việt Nam. Ngày 13-6-1971, tờ New York Times cho đăng loạt bài tiết lộ tập tài liệu mật do Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ biên soạn tựa đề "*United States-Viet Nam Relations, 1945-1967: A Study Prepared by the Department of Defense*" (Quan hệ Mỹ-Việt Nam, 1945-1967: Nghiên cứu của Bộ Quốc phòng), nội dung phản ánh sự lừa dối dư luận của Chính phủ Hoa Kỳ về quá trình dính líu và can dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Vụ rò rỉ làm bùng nổ cuộc chiến pháp lý giữa chính quyền Nixon và giới báo chí, đồng thời gây chấn động dư luận Hoa Kỳ.

Tại Paris, những tài liệu của Lầu Năm Góc trở thành minh chứng vững chắc tố cáo chính sách theo đuổi chiến tranh của Hoa Kỳ và các đề nghị kiên định của cách mạng trên bàn đàm phán. Trong phiên họp thứ 118, ngày 24-6-1971, với các chứng cứ mới, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình vạch trần bộ mặt xâm lược của Hoa Kỳ:

"Để chống lại một giải pháp chánh trị đúng đắn cho vấn đề miền Nam Việt Nam, chánh quyền Nixon không ngớt đưa ra những luận điệu xuyên tạc về nguồn gốc cuộc chiến tranh cũng như thực tế tình hình ở miền Nam Việt Nam.

Nhưng những luận điệu dối trá của họ không ngừng bị bóc trần trước dư luận. Thêm một bằng chứng mới nữa là việc báo chí Mỹ vừa công bố một tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ. Dầu chỉ nêu lên một phần sự thật, tài liệu đó cũng đã để lộ rõ quá trình can thiệp và xâm lược của Mỹ đối với Việt Nam trong suốt mấy chục năm nay. Chính vì tham vọng nô dịch nhân dân Việt Nam mà các chánh quyền nối tiếp ở Mỹ đã có kế hoạch từng bước can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, phá hoại Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam, dựng lên chánh quyền tay sai và phá hoại cuộc tổng tuyển cử dự định tổ chức vào năm 1956 để thống nhứt Việt Nam, gây ra "chiến tranh đặc biệt" rồi "chiến

tranh cục bộ" với việc đưa hơn nửa triệu quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam, dùng không quân và hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đây là sự xác nhận không thể chối cãi được, một sự thật mà chúng tôi đã nêu lên từ lâu, ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội nghị này: nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam là sự can thiệp và xâm lược của Mỹ"[1].

Đồng quan điểm trên, Bộ trưởng Xuân Thủy phát biểu:

"Những tài liệu nghiên cứu của Bộ Quốc phòng Mỹ đăng trên Thời báo Nữu Ước, báo Bưu điện Oasinhtơn... trong tuần trước mới nói lên một phần sự thật nhưng đã là những bằng chứng rành rành xác nhận những điều mà Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vạch ra từ lâu về nguồn gốc chiến tranh Việt Nam, về thực chất vấn đề Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn.

Rõ ràng là:

– Nguồn gốc chiến tranh ở Việt Nam, ở Đông Dương là chính sách can thiệp và xâm lược của Mỹ. Vấn đề Việt Nam là vấn đề Mỹ xâm lược và nhân dân Việt Nam chống xâm lược, vấn đề Đông Dương là vấn đề Mỹ xâm lược và nhân dân các nước Đông Dương chống xâm lược.

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã can thiệp vào tình hình Việt Nam và Đông Dương. Nhất là từ năm 1954, Mỹ đã dày xéo lên Hiệp nghị Giơnevơ về Việt Nam và Đông Dương mà họ đã cam kết tôn trọng. Mỹ dựng lên khối quân sự xâm lược Đông Nam Á, nặn ra chính quyền tay sai ở Sài Gòn làm công cụ thực hiện chính sách thực dân mới, chống lại cuộc tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam đáng lẽ được tổ chức vào tháng 7-1956 như Hiệp nghị Giơnevơ 1954 đã

---

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thức 118 ngày 24-6-1971 Hội đàm Ba Lê, Hồ sơ 1467, QKVH, TTLTII.

quy định, tiến hành chiến tranh đặc biệt chống lại nhân dân miền Nam Việt Nam, tiến hành những hoạt động phá hoại đối với miền Bắc Việt Nam, đối với Lào và Campuchia.

- Mỹ sắp sẵn trước hàng năm về kế hoạch leo thang và mở rộng chiến tranh, bịa ra cái gọi là sự kiện Vịnh Bắc bộ để kiếm cớ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ồ ạt đưa quân đội Mỹ vào miền Nam Việt Nam tiến hành chiến tranh cục bộ.

- Mỹ cũng đã phá hoại có hệ thống Hiệp nghị Giơnevơ năm 1962 về Lào, thực hiện kế hoạch ném bom vùng giải phóng Lào; cho quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn xâm nhập lãnh thổ Lào; phá hoại việc giải quyết hòa bình vấn đề Lào.

Qua tài liệu đăng trên các báo nói trên, qua những phản ứng sôi nổi trong dư luận Mỹ, càng thấy rõ luận điệu bảo vệ tự do, chống cộng sản, bảo vệ hòa bình,... của các chính quyền Mỹ hòng che giấu chính sách xâm lược của Mỹ ở Việt Nam là hoàn toàn bịp bợm. Chính quyền Mỹ đã đổ hàng trăm tỉ đô la, hy sinh hàng chục vạn thanh niên Mỹ vào một cuộc chiến tranh phi đạo lý, một cuộc chiến tranh đầy tội ác"[1].

Ngày 1-7-1971, tiếp tục tấn công vào chính sách theo đuổi chiến tranh của Nixon, tại phiên họp thứ 119, phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra "Đề nghị bảy điểm":

"1. Về thời hạn rút hết quân Mỹ:

Chánh phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt chánh sách "Việt Nam hóa chiến tranh", rút hết quân đội, nhân viên quân sự, võ khí, dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thức 118 ngày 24-6-1971 Hội đàm Ba Lê, Hồ sơ 1467, QKVH, TTLTII.

thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, và hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam mà không được đòi điều kiện gì.

Chánh phủ Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Trong trường hợp Chánh phủ Mỹ đưa ra một thời hạn cho việc rút hết trong năm 1971 toàn bộ quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, các bên sẽ thỏa thuận cùng một lúc về thể thức của hai việc sau đây:

a. Việc rút hết một cách an toàn quân đội Mỹ và quân đội của các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

b. Việc thả hết quân nhân của các bên và dân thường bị bắt trong chiến tranh (bao gồm tất cả những người lái máy bay Mỹ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam) để tất cả những người kể trên có thể sớm trở về với gia đình.

Hai việc trên đây sẽ bắt đầu cùng một ngày và hoàn thành cùng một ngày.

Ngay sau khi các bên đạt được thỏa thuận về việc rút hết quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, sẽ thực hiện ngừng bắn giữa các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam với quân Mỹ và quân các nước ngoài thuộc phe Mỹ.

2. Vấn đề chánh quyền ở miền Nam Việt Nam:

Chánh phủ Mỹ phải thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, chấm dứt can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, chấm dứt ủng hộ nhóm cầm quyền hiếu chiến hiện nay ở Sài Gòn do Nguyễn Văn Thiệu cầm đầu, chấm dứt mọi thủ đoạn, kể cả thủ đoạn bịp bợm về tuyển cử, nhằm duy trì Nguyễn Văn Thiệu.

Thông qua mọi biện pháp, các lực lượng chánh trị, xã hội, tôn giáo ở miền Nam mong muốn hòa bình và hòa hợp dân tộc sẽ lập ra ở Sài Gòn một chánh quyền mới tán thành hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ. Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ nói chuyện với chánh quyền đó để giải quyết các vấn đề sau đây:

a. Lập một chánh phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi gồm ba thành phần để làm nhiệm vụ trong thời gian từ hòa bình lập lại đến tổng tuyển cử và để tổ chức tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam.

Ngay sau khi thành lập chính phủ hòa hợp dân tộc sẽ thực hiện ngừng bắn giữa các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam và các lực lượng võ trang của chánh quyền Sài Gòn.

b. Thi hành những biện pháp cụ thể, có bảo đảm cần thiết, nhằm cấm khủng bố, trả thù và phân biệt đối xử với những người đã hợp tác với bên này hoặc bên kia; bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam; trả lại tự do ngay cho những người bị bắt vì lý do chánh trị; giải tán các trại tập trung và xóa bỏ mọi hình thức o ép, kìm kẹp để nhân dân được hoàn toàn tự do trở về quê quán và tự do làm ăn.

c. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tạo điều kiện để mọi người góp tài, góp sức vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng lại xứ sở.

d. Thỏa thuận về các biện pháp, nhằm bảo đảm cho cuộc tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam được thật sự tự do, dân chủ và công bằng.

3. Vấn đề các lực lượng võ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam:

Các bên Việt Nam cùng nhau giải quyết vấn đề các lực lượng võ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam trên tinh thần hòa hợp dân tộc, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh và nhằm giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân.

4. Vấn đề hòa bình thống nhất nước Việt Nam, quan hệ giữa hai miền Nam Bắc:

a. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước, bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa hai miền, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài.

Trong khi chờ đợi thống nhất nước nhà thì lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam Bắc, bảo đảm tự do đi lại, tự do thư tín, tự do cư trú, đặt quan hệ kinh tế, văn hóa theo nguyên tắc hai miền đều có lợi và giúp đỡ lẫn nhau.

Mọi vấn đề liên quan đến hai miền sẽ do đại biểu có thẩm quyền của nhân dân Việt Nam ở hai miền thương lượng để giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

b. Như Hiệp nghị Genève năm 1954 về Việt Nam đã quy định, trong lúc nước Việt Nam còn tạm thời chia làm hai miền, miền Nam và miền Bắc Việt Nam không tham gia liên minh quân sự nào với nước ngoài, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự trên đất mình, không công nhận sự bảo hộ của bất cứ nước nào, liên minh hoặc khối quân sự nào.

5. Chính sách đối ngoại hòa bình trung lập của miền Nam Việt Nam:

Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập, đặt quan hệ với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị và xã hội, theo năm nguyên tắc chung sống hòa bình, đặt quan hệ kinh tế, văn hóa với tất cả các nước, nhận sự hợp tác của các nước để khai thác tài nguyên của miền Nam Việt Nam, nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị, tham gia vào các kế hoạch hợp tác kinh tế khu vực.

Dựa trên những nguyên tắc đó, sau chiến tranh, miền Nam Việt Nam và Mỹ sẽ lập quan hệ về các mặt chánh trị, kinh tế, văn hóa.

6. Về những thiệt hại do Mỹ gây ra cho nhân dân Việt Nam ở hai miền:

Chánh phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thiệt hại và tàn phá do Mỹ gây ra cho nhân dân Việt Nam ở cả hai miền.

7. Vấn đề tôn trọng và bảo đảm quốc tế hiệp nghị sẽ ký kết.

Các bên thỏa thuận về những hình thức tôn trọng và bảo đảm quốc tế đối với các hiệp nghị sẽ ký kết"[1].

Ngược lại, trước những chứng cứ không thể chối cãi, ngày 24-6-1971, phiên họp 118, Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ David Bruce gần như nổi nóng, "gay gắt" tuyên bố *"không muốn tranh luận vô ích về quá khứ"*. Và tại phiên họp thứ 120, ngày 8-7-1971, ông ta lập lại *"đề nghị tổ chức những phiên họp thu hẹp thay vì những phiên họp khoáng đại để cuộc thảo luận được dễ dàng hơn"*[2]. Đến ngày 30-7-1971, *"sau một năm trời cố gắng mà không mang lại kết quả nào cho cuộc thương nghị"*, David Bruce buộc phải từ chức.

Ngày 9-9-1971, phiên họp thứ 128, lần đầu tiên tham dự đàm phán trong cương vị Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, William J. Porter – cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Hàn Quốc, cũng không thể làm gì hơn ngoài cố gắng *"kêu gọi phía cộng sản hãy thay đổi đường lối thương thuyết, từ bỏ những yêu sách một chiều để hai bên cùng cứu xét lập trường của nhau, hầu tìm ra những điểm có thể thỏa hiệp được. Muốn vậy, cần có một nghị trường thích hợp, đó là những phiên họp thâu hẹp để hai bên có thể tự do bàn cãi mà không bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối"*[3].

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 119, Hồ sơ 1467, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 120, Hồ sơ 1467, QKVH, TTLTII.

3. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 128, ngày 30-9-1971, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII.

Song cũng như đối với các vị tiền nhiệm, những đề nghị của William J. Porter bị Bộ trưởng Xuân Thủy bác bỏ. Và một lần nữa, Bộ trưởng khẳng định một cách kiên định:

"Con đường để Mỹ thoát khỏi chiến tranh Việt Nam trong an toàn và danh dự, sớm hồi quân nhân Mỹ tham chiến và bị bắt là đáp ứng tích cực bảy điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam mà trong đó có hai điểm cơ bản là:

1. Rút hết ra khỏi miền Nam Việt Nam toàn bộ quân Mỹ và quân nước ngoài thuộc phe Mỹ kể cả cố vấn, nhân viên quân sự, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh và hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam trong năm 1971.

2. Chấm dứt sự duy trì nhóm cầm quyền Nguyễn Văn Thiệu hiếu chiến để nhân dân miền Nam Việt Nam tự lập một chính quyền tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ trong tinh thần hòa hợp dân tộc rộng rãi.

Nếu giải quyết được hai điểm cơ bản trên thì các điểm khác sẽ dễ dàng giải quyết"[1].

Về phía Sài Gòn, sau khi tổ chức "trót lọt" cuộc bầu cử tổng thống (ngày 3-10-1971) với kết quả 95% số phiếu dành cho ứng cử viên duy nhất Nguyễn Văn Thiệu, tại bàn đàm phán, phái đoàn Sài Gòn ra sức tô vẽ cho "uy tín" của chế độ Thiệu, coi đó như là biểu hiện cho sự dân chủ và sự ủng hộ của dân chúng đối với thể chế cộng hòa.

Tuy nhiên, trò hề bầu cử của Nguyễn Văn Thiệu bị đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi vạch trần tại phiên họp thứ 131, ngày 7-10-1971. Ông Đinh Bá Thi nêu rõ:

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 128 ngày 30-9-1971, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII..

"Đoàn đại biểu chúng tôi đã vạch rõ ngay từ đầu rằng, cái gọi là "bầu cử tổng thống" ở Sài Gòn hoàn toàn không phải là bầu cử, cũng không phải trưng cầu ý dân mà chỉ là một trò hề lộ liễu do Mỹ bày ra nhằm duy trì Nguyễn Văn Thiệu độc tài và hiếu chiến để tiếp tục chánh sách "Việt Nam hóa", kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược, ngăn trở việc giải quyết hòa bình, vấn đề miền Nam Việt Nam.

Thực tế ngày 3-10 vừa qua đã hoàn toàn xác minh nhận định đó. Trước mặt mọi người, trò hề bầu cử nói trên đã diễn ra trong không khí đàn áp, khủng bố dã man. Dưới sự chỉ huy của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã huy động vào việc đàn áp đó toàn bộ bộ máy quân sự và hành chánh của họ, thậm chí ở nhiều nơi, riêng số cảnh sát công khai được huy động đã bằng 1 phần 10 số cử tri. Ở Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế và nhiều thành thị khác, quân đội và cảnh sát Sài Gòn đã bừa bãi bắn súng và ném lựu đạn vào nhân dân, dùng cả xe thiết giáp để đàn áp những người biểu tình; đồng thời dùng võ lực và thủ đoạn cưỡng ép cử tri đi bỏ phiếu....

Chánh quyền Nixon cố tìm kiếm một thắng lợi nào đó trong cái trò hề bầu cử ngày 3-10, nhưng thực tế, nó đã trở thành một thất bại chánh trị lớn của họ. Trò hề đó chẳng những không tô vẽ gì được cho chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu, lại còn làm cho chánh quyền này phơi trần bản chất độc tài, hiếu chiến của nó; làm cho nó vốn đã bị cô lập, càng thêm cô lập hơn nữa. Trò hề đó cũng không làm thay đổi được chút nào tình hình thực tế ở miền Nam Việt Nam. Tình hình đó là: xâm lược Mỹ và tay sai đang vấp phải thất bại nặng nề về các mặt quân sự, chánh trị và kinh tế. Toàn bộ chánh sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ đang đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn. Còn cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam thì vẫn tiếp tục tiến lên. Các lực lượng võ trang nhân dân giải phóng giành được thắng lợi ngày càng lớn. Tại các thành thị, cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân sinh và dân chủ của các từng lớp nhân dân ngày càng sôi sục.

Việc chánh quyền Nixon bất chấp sự lên án của nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và dư luận rộng rãi trên thế giới, cứ cho diễn trò hề bầu cử để duy trì Nguyễn Văn Thiệu chỉ chứng tỏ là họ ngoan cố theo đuổi chánh sách xâm lược thực dân kiểu mới đang phá sản của họ. Sự ngoan cố đó rõ ràng là đang gây phẫn nộ đến cao độ trong các từng lớp nhân dân miền Nam Việt Nam và làm cho nhân dân miền Nam Việt Nam càng kiên quyết chiến đấu chống xâm lược Mỹ và nhóm cầm quyền hiện nay ở Sài Gòn.

Ngày 5-10-1971, người phát ngôn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra tuyên bố vạch rõ trò hề bầu cử ngày 3-10 là hoàn toàn vô giá trị và khẳng định rằng:

"Muốn vãn hồi hòa bình ở miền Nam Việt Nam, Mỹ phải rút hết quân đội, cố vấn và nhân viên quân sự của Mỹ và của các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt can thiệp vào nội bộ của nhân dân miền Nam Việt Nam, để cho nhân dân miền Nam Việt Nam thành lập một chánh phủ hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần như Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã nêu ra trong đề nghị hòa bình 7 điểm của mình. Trước mắt, Mỹ phải từ bỏ nhóm cầm quyền Nguyễn Văn Thiệu độc tài, hiếu chiến đang chà đạp lên mọi nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam Việt Nam là hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ"[1].

Trong khi diễn biến quân sự không tạo được sức mạnh trong đàm phán, từ tháng 4-1971, hoạt động ngoại giao của Hoa Kỳ mang đến những kết quả nhất định, cho phép phái đoàn Hoa Kỳ tạo sức ép trên bàn hội nghị. Ngày 21-4-1971, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai mời Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon thăm Bắc Kinh sau

1. Tài liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về phiên họp thứ 131 ngày 7-10-1971 Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII..

màn "ngoại giao bóng bàn". Ngày 9-7-1971, Kissinger có chuyến công du tiền trạm cho cuộc gặp thượng đỉnh Washington – Bắc Kinh. Tại Trung Quốc, quan điểm giải quyết chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ được Kissinger nêu lên trong "đề nghị 8 điểm", nội dung cơ bản là Hoa Kỳ muốn tập trung giải quyết vấn đề quân sự để lấy được tù binh về.

Ngày 13-7-1971, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai bí mật sang Hà Nội thông báo việc Kissinger đi Bắc Kinh và quan điểm không chính thức của Trung Quốc đối với việc giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam. Ngày 20-11-1971, tại cuộc gặp gỡ với Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Bắc Kinh, Chu Ân Lai đưa ra ý kiến: Việt Nam nên tranh thủ thời cơ giải quyết trước vấn đề rút quân Mỹ và quan tâm giải quyết vấn đề tù binh Mỹ, việc đánh đổ ngụy quyền Sài Gòn là vấn đề lâu dài.

Đối với Liên Xô, cuối năm 1971, bằng việc nhượng bộ một số vấn đề về vũ khí hạt nhân, Hoa Kỳ đạt được vài nhượng bộ về vấn đề Việt Nam.

Với sức ép mới, ngày 28-10-1971, phiên họp thứ 134, Nguyễn Xuân Phong – đại diện phái đoàn Sài Gòn, nói toạc ra rằng: *"phía cộng sản hãy thức tỉnh trước xu hướng hòa dịu hiện nay trên thế giới để sớm tìm cách chấm dứt chiến cuộc"* [1]. Còn William J. Porter thách thức: *"nếu không chịu thương thuyết, họ sẽ không ngăn cản được sự phát triển của chương trình "Việt Nam hóa"* [2].

Nhưng những áp lực của phái đoàn Hoa Kỳ và Sài Gòn không thể lung lay ý chí kiên định của những người cộng sản. Ngày 9-12-

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 134, ngày 17-11-1971, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII..

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 134, ngày 17-11-1971, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII..

1971, phiên họp thứ 138, đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi đặt ra những câu hỏi thẳng thắn, thể hiện lập trường không thể lay chuyển của nhân dân Việt Nam. Ông nói:

"1. Chánh phủ Mỹ nói muốn giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam bằng thương lượng như vậy có phải là họ đã sẵn sàng chấm dứt chiến tranh xâm lược của họ, chấm dứt chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" và những tội ác diệt chủng của họ ở Việt Nam và Đông Dương hay không?

2. Chánh phủ Mỹ có tán thành rút ngay toàn bộ quân đội, cố vấn, nhân viên quân sự và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và của các nước ngoài thuộc phe Mỹ đồng thời hủy bỏ mọi căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam, như đã nêu lên trong kế hoạch hòa bình bảy điểm, hay không?

3. Chánh phủ Cách mạng lâm thời tuyên bố sẵn sàng nói chuyện với một chánh quyền mới ở Sài Gòn tán thành hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ nhằm thành lập một chánh phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi để nhân dân miền Nam Việt Nam thực hiện quyền tự quyết thật sự của mình. Vậy Chánh phủ Mỹ có sẵn sàng chấm dứt mọi sự ủng hộ và cam kết đối với nhóm hiếu chiến Nguyễn Văn Thiệu để mở đường cho một giải pháp đúng đắn và hợp lý vấn đề chánh quyền ở miền Nam Việt Nam, hay không?"[1]

Đến đây, trải qua 3 năm (1969-1971) với 138 phiên họp khoáng đại, Hội nghị Paris bốn bên về Việt Nam vẫn trong tình trạng bế tắc. Tổng kết ba năm đàm phán, Hội nghị Paris đã diễn ra những sự kiện chính sau:

Về mặt hình thức:

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 138 ngày 11-1-1972, Hồ sơ 1468, QKVH, TTLTII.

Các phiên họp được tổ chức dưới hình thức khoáng đại với sự tham gia của bốn bên: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, số 19, Đại lộ Kléber Paris, vào 10 giờ 30 sáng các ngày thứ năm hằng tuần. Ngoài một số phiên họp có sự thay đổi lịch do trùng với các ngày truyền thống, lễ kỷ niệm của các bên, đã có 5 phiên họp bị phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố ngưng họp, để phản đối hoạt động chiến tranh của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn.

Về mặt thành phần:

Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Xuân Thủy làm Trưởng đoàn và là người phát biểu chính trong các phiên họp. Tuy nhiên, trong năm 1970, để phản đối thái độ đàm phán không nghiêm chỉnh của Hoa Kỳ (sau khi Cabot Lodge từ chức, Nixon đã không bổ nhiệm trưởng phái đoàn mới thay thế), ông đã vắng mặt trong 34 phiên họp liên tiếp từ phiên họp thứ 47 ngày 18-12-1969 đến phiên họp thứ 82 ngày 3-9-1970. Phó trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thay thế Bộ trưởng Xuân Thủy trong 7 phiên họp (từ phiên họp thứ 47 đến phiên họp thứ 53 ngày 5-2-1970) và từ phiên họp ngày 11-2-1970, ông Nguyễn Minh Vỹ trở thành người đại diện của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris về Việt Nam cho đến khi Bộ trưởng Xuân Thủy trở lại ngày 3-9-1970. Trong năm 1971, Bộ trưởng Xuân Thủy cũng đã vắng mặt trong 11 phiên họp: 4 phiên liên tiếp từ phiên thứ 105 ngày 4-3-1971 đến phiên thứ 108 ngày 8-4-1971, để phản đối Hoa Kỳ oanh tạc miền Bắc Việt Nam; phiên họp thứ 125 ngày 12-8-1971 và 6 phiên liên tiếp từ phiên thứ 130 ngày 30-9-1971 đến phiên thứ 135 ngày 4-11-1971, cùng vì lý do sức khỏe. Thay thế Bộ trưởng Xuân Thủy trong năm 1971 là ông Nguyễn Minh Vỹ (trừ phiên thứ 123 do ông Phan Hiền thay thế).

Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do Ủy viên Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương, Trưởng ban Liên lạc đối ngoại Trần Bửu Kiếm làm Trưởng đoàn. Từ tháng 6-1969, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chuyển giao trách nhiệm đàm phán về Việt Nam tại Paris cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Cũng theo đó, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình được bổ nhiệm làm Trưởng phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris. Trong năm 1970, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình đã vắng mặt trong 33 phiên họp liên tiếp kể từ phiên thứ 49 ngày 8-1-1970 đến phiên thứ 84 ngày 17-9-1970, để phản đối thái độ đàm phán không nghiêm chỉnh của phía Hoa Kỳ. Luân phiên thay thế Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình là các ông Nguyễn Văn Tiến và Đinh Bá Thi. Trong năm 1971, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình vắng mặt trong 20 phiên: 4 phiên liên tiếp từ phiên thứ 104 ngày 25-2-1971 đến phiên thứ 107 ngày 18-3-1971, để đi Bucarest, Romania; 1 phiên thứ 11 ngày 27-5-1971 đi Belgrade, Nam Tư; 15 phiên liên tiếp trong 5 tháng cuối năm 1971, từ phiên thứ 125, để phản đối Hoa Kỳ leo thang và mở rộng chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương. Thay thế Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình vẫn là các ông Nguyễn Văn Tiến và Đinh Bá Thi.

Về phía phái đoàn Hoa Kỳ: từ tháng 1-1969, Cabot Lodge được cử làm Trưởng đoàn thay cho Averell Harriman. Ngày 8-12-1969 Cabot Lodge từ chức, Hoa Kỳ không cử trưởng đoàn thay thế mà để Phili Habib làm đại diện phái đoàn Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris về Việt Nam cho đến ngày 6-8-1970. Ngày 9-7-1970, David Bruce được cử làm Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, nhưng đến phiên họp thứ 78 ngày 6-8-1970, mới lần đầu tiên tham dự đàm phán. Ngày 1-8-1971, sau khi dự phiên họp thứ 123 ngày 30-7-1971, David Bruce từ chức. Philip Habib tạm thời đại diện phái đoàn Hoa Kỳ từ phiên thứ 124 ngày 4-8-1971 đến phiên thứ 127 ngày 24-8-1971. Ngày 30-8-1971,

William J. Porter được cử làm Trưởng đoàn Hoa Kỳ, đến Paris và tham dự phiên họp đầu tiên vào ngày 9-9-1971 (phiên họp 128).

Phái đoàn Sài Gòn do Phạm Đăng Lâm – Tổng trưởng Ngoại giao làm Trưởng đoàn. Thay thế cho Phạm Đăng Lâm là Nguyễn Xuân Phong.

Về mặt nội dung:

Nội dung chủ yếu được các bên thảo luận trong quá trình đàm phán là về hai vấn đề căn bản: vấn đề rút triệt thoái quân đội nước ngoài khỏi miền Nam Việt Nam và vấn đề giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, từ cuối năm 1969, nhằm trì hoãn Hội nghị Paris, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn nêu lên việc giải quyết vấn đề tù binh chiến tranh.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kiên định với lập trường: đòi Hoa Kỳ phải đơn phương, triệt thoái toàn bộ vô điều kiện quân đội Hoa Kỳ và các nước ngoài khác thuộc phe Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam; và đòi phải thay thế chính quyền Sài Gòn bằng một chính phủ liên hiệp, ba thành phần, tán thành độc lập, hòa bình, trung lập và dân chủ để tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam.

Trong khi đó, phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn ngoan cố yêu sách: sẽ chỉ triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và các nước ngoài khác theo một lịch trình nhất định, tương ứng với việc rút cán bộ, chiến sĩ miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam Việt Nam phải trở về phía Bắc vĩ tuyến 17; tái lập lại khu vực phi quân sự theo Hiệp định Genève năm 1954; và giảm thiểu mức độ hoạt động của Quân Giải phóng ở miền Nam Việt Nam. Đối với giải pháp chính trị ở miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn phủ nhận vị thế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (sau là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam); chấp nhận tổ

chức bầu cử dưới sự giám sát quốc tế với sự tham gia của tất cả các lực lượng chính trị tại miền Nam Việt Nam; nhưng không chấp nhận thay đổi chế độ để thành lập chính phủ liên hiệp ba thành phần.

Đối với hai vấn đề cơ bản này, trong suốt 138 phiên họp, lập trường của các bên không hề thay đổi. Hội nghị Paris về Việt Nam thực chất trở thành diễn đàn đấu tranh chính trị của các bên tham gia.



Như vậy, trải qua 166 phiên họp, 138 phiên họp bốn bên và 28 phiên họp hai bên, Hội nghị Paris về Việt Nam chưa giải quyết được vấn đề gì nhằm có thể chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, như mục đích của nó đề ra. Ngay cả vấn đề đưa đến sự khai diễn của hội nghị bốn bên về Việt Nam – vấn đề căn bản của hội nghị hai bên về Việt Nam, cũng không phải được giải quyết trên bàn hội nghị. Thực tế, Tổng thống Johnson buộc phải tuyên bố như trên do sự thất bại về quân sự trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Và do không được giải quyết trên bàn đàm phán, tức không có sự cam kết quốc tế, nên ở những giai đoạn sau của Hội nghị Paris về Việt Nam, Hoa Kỳ nhiều lần phá bỏ tuyên bố trên, oanh kích trở lại miền Bắc Việt Nam.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự bế tắc của Hội nghị là do chính sách theo đuổi chiến tranh và chỉ coi bàn đàm phán là một phương pháp tiến hành chiến tranh khác của Hoa Kỳ, với mục tiêu cơ bản là xoa dịu dư luận, đặc biệt là nhân dân Hoa Kỳ mà không nhằm tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho miền Nam Việt Nam như Tổng thống Nixon vẫn thường rêu rao.

Đối phó âm mưu của Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã kết hợp tài tình giữa mặt trận quân sự, ngoại giao và chính trị, kiên quyết giữ vững lập trường căn bản, đòi hỏi quân đội Hoa

Kỳ phải triệt thoái hoàn toàn, vô điều kiện khỏi miền Nam Việt Nam và chính quyền Thiệu phải bị thay thế bằng chính phủ liên hiệp tán thành hòa bình, độc lập và trung lập, tiến tới thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình; đồng thời, họ cũng uyển chuyển biến bàn đàm phán thành diễn đàn đấu tranh chính trị, tố cáo chính sách chiến tranh, tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, tuyên truyền cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và đã giành được sự ủng hộ rộng rãi của dư luận quốc tế, đặc biệt là nhân dân Hoa Kỳ – một trong những yếu tố quan trọng làm nên thắng lợi của tiến trình đàm phán hòa bình về Việt Nam.

Phần ba
CHẶNG CUỐI CỦA ĐÀM PHÁN

---

1. Chiến cuộc Xuân – Hè 1972 với cuộc đàm phán bí mật Kissinger – Lê Đức Thọ

Năm 1972, năm cuối cùng trong kế hoạch ba bước của chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" giai đoạn thứ nhất, mặc dù về mặt quân sự, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa chưa đạt được mục tiêu tiêu diệt chủ lực và cơ sở hạ tầng của Quân Giải phóng, nhưng ở mức độ nhất định, Hoa Kỳ đã thiết lập được các chế độ tay sai ở Campuchia và Lào, bước đầu hình thành liên minh chống cộng tại ba nước Đông Dương. Trong lĩnh vực ngoại giao, Hoa Kỳ cũng đã đạt được một số thỏa thuận về giải quyết chiến tranh Việt Nam với các cường quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là Trung Quốc. Kết quả trên đã tạo thành thế bao vây, cô lập cách mạng Việt Nam – một trong những yếu tố quan trọng của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Tại miền Nam Việt Nam, chương trình bình định nông thôn cũng giúp chính quyền Sài Gòn kiểm soát, kìm kẹp được phần lớn lãnh thổ và dân chúng. Với sự "trầm lắng" của chiến trường trong năm 1970-1971, Hoa Kỳ lạc quan vào kết quả của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", để gây sức ép trên bàn đàm phán.

Vì vậy, ngay trong những phiên họp đầu tiên của năm 1972, Hoa Kỳ tỏ ra cứng rắn trong các yêu sách và tăng cường sức ép đối với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ngày13-1-1972, phiên họp thứ 140, Hoa Kỳ đòi hỏi phái đoàn Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa phải thương lượng với chính quyền Sài Gòn về những vấn đề liên quan đến tương lai chính trị miền Nam Việt Nam; yêu cầu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải *"có một thái độ thích hợp hơn đối với vấn đề tù binh theo đúng tinh thần các thỏa ước quốc tế về vấn đề này"* [1]. Đối với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, William J. Porter lên tiếng đòi hỏi phải trả lời *"nơi đóng đô của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, bằng phương cách nào, thủ tục nào cái gọi là "Chánh phủ" ấy được thành lập, và vùng đất nào đặt dưới quyền kiểm soát của "Chánh phủ" đó?"* [2].

Mặt khác, ngày 25-1-1972, nhằm "mua" lá phiếu của cử tri Hoa Kỳ, Nixon đơn phương công bố nội dung các cuộc đàm phán bí mật giữa Kissinger và Cố vấn Lê Đức Thọ. Đồng thời, thúc đẩy nhanh các cuộc tiếp xúc riêng bằng việc liên tục đưa ra cái gọi là "các sáng kiến hòa bình". Trong cuộc tiếp xúc riêng ngày 27-1-1972, Hoa Kỳ đưa ra "giải pháp 8 điểm" cho vấn đề miền Nam Việt Nam. Theo đó, sau khi thỏa hiệp được ký kết:

"Tất cả các lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh sẽ triệt thoái hoàn toàn khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 6 tháng;

Tất cả quân nhân và thường dân vô tội bị bắt trên toàn cõi Đông Dương sẽ được phóng thích song song với việc rút quân và hoàn tất cùng ngày.

Một cuộc bầu cử tổng thống sẽ được tổ chức trong vòng 6 tháng. Cuộc bầu cử này sẽ do một cơ quan độc lập đại diện tất cả các lực lượng chính trị tại miền Nam Việt Nam đứng ra tổ chức. Cuộc bầu cử

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 140 ngày 08-2-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 140 ngày 08-2-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

này cũng sẽ được quốc tế giám sát, và một tháng trước ngày bầu cử thì đương kim Tổng thống và Phó tổng thống (Chính quyền Sài Gòn – BT) *sẽ từ chức để cho Chủ tịch Thượng nghị viện* (Chính quyền Sài Gòn – BT) *xử lý chính phủ.*

Một cuộc ngừng bắn trên toàn cõi Đông Dương có quốc tế giám sát sẽ bắt đầu, và theo đó thì không có sự xâm nhập nào thêm của các lực lượng ngoại quốc vào trong bất cứ một quốc gia Đông Dương nào, và các quốc gia Đông Dương phải thực thi nguyên tắc quân lực của quốc gia nào chỉ được ở trong ranh giới quốc gia đó.

Sẽ có một hội nghị quốc tế để bảo đảm quyền dân tộc căn bản của các dân tộc Đông Dương"[1].

Qua nội dung các giải pháp của Hoa Kỳ đưa ra có thể thấy, không trắng trợn yêu cầu một sự đồng triệt thoái của Quân đội nhân dân Việt Nam, nhưng với nguyên tắc về "*một cuộc ngừng bắn trên toàn cõi Đông Dương*", quy định "*quân lực của quốc gia nào chỉ được ở trong ranh giới quốc gia đó*", Hoa Kỳ tiếp tục đòi hỏi điều kiện cho việc rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng không ấn định rõ thời gian cho việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ. Đối với vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ tiếp tục yêu sách về một cuộc bầu cử dưới sự kiểm soát và do chính quyền Sài Gòn tổ chức. Vì vậy, đề nghị của Hoa Kỳ tiếp tục bị phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bác bỏ.

Đồng thời, tuyên bố của Hoa Kỳ cũng tạo ra mâu thuẫn với chính quyền Sài Gòn. Trong bản tài liệu tối mật đề ngày 14-1-1972 của Nguyễn Văn Thiệu chuẩn bị trước cho cuộc thảo luận với Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Bunker vào ngày 15-1-1972, liên quan đến tuyên bố của Tổng thống Nixon, nêu rõ:

---

1. Tài liệu (mật) chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vẫn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, PTTg, TTLTII.

"Ngày 10 tháng 1 năm 1972, Đại sứ Bunker có trình cho tôi một tài liệu và đồng thời cũng trình rằng ngày 18-1 sắp đến Tổng thống Nixon dự định công bố nguyên văn tài liệu này (ngày 25-1-1972, Nixon công bố tài liệu của các cuộc đàm phán bí mật với Hà Nội) cùng với sáng kiến hòa bình mới mà Tổng thống Nixon và tôi đã thảo luận trước đây để đề nghị phía bên kia.

Khi xem kỹ thì tài liệu này không phải là bản liệt kê những điểm mà Tổng thống Nixon dự định sẽ nói ngày 18-1-1972, cũng không phải một bản liệt kê những gì mà Tổng thống Nixon và tôi sẽ thảo luận trước khi đề nghị với phía bên kia, mà trái lại, tài liệu này lại là nguyên văn của một "thỏa ước các nguyên tắc" (statement of principles) mà Chánh phủ Huê Kỳ đã trao cho phía bên kia và đồng thời cũng cho biết rằng cho đến nay phía bên kia chưa trả lời (theo như ông Đại sứ thuật lại). Kể cả việc trao cho phía bên kia vào ngày giờ nào tôi cũng không được thông báo.

Vì lẽ tôi chỉ mới thấy tài liệu này lần đầu tiên, hơn nữa nó là một bản văn có tánh cách "một thỏa ước sẵn sàng để ký kết" (an agreement ready to be signed) và bao gồm nhiều điểm liên hệ đến toàn bộ vấn đề chấm dứt chiến cuộc, vãn hồi hòa bình tại Đông Dương và định đoạt tương lai chánh trị của miền Nam, cho nên tôi thấy cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng nhiều ngày. Vì vậy, hôm nay, tôi chỉ mới đưa ra được những nhận xét sơ khởi sau đây để yêu cầu Chánh phủ Huê Kỳ giải thích rõ ràng thêm.

a. Bản văn "thỏa ước các nguyên tắc" này được soạn thảo để cho ai ký?

b. "Thỏa ước cuối cùng" (final agreement) nói trong đoạn 2 của điểm 3 được quan niệm như thế nào? Và sẽ được ký bởi ai?

c. Về vấn đề "cơ quan độc lập gồm tất cả đại diện những lực lượng chánh trị tại miền Nam để tổ chức bầu cử", thì tôi nghĩ rằng nên lấy

những điểm về vấn đề này trong đề nghị ngày 11-7-1969 của Chánh phủ VNCH...

d. Vấn đề "chánh sách ngoại giao trung lập" (foreign policy of neutrality) đề cập ở đoạn 5 của điểm 3 có nghĩa là gì?...

e. Về vấn đề triệt thoái lực lượng võ trang cộng sản ra khỏi miền Nam hoặc ra khỏi Việt – Miên – Lào không thấy có được ấn định trong một giai đoạn nào của lịch trình từ ngày ký kết "bản thỏa ước các nguyên tắc" cho đến ngày bầu cử, mà trái lại, chỉ được đề cập một cách rất mơ hồ như ghi tại điểm 5...

f. Trong điểm 7 của tài liệu có nói đến "vấn đề rút lui các lực lượng ngoại nhập ra khỏi Đông Dương" (withdrawal of outside forces from Indochina). Như vậy, tôi hiểu là chỉ có Huê Kỳ và đồng minh rút ra khỏi Việt – Miên – Lào mà không có vấn đề cộng sản rút ra khỏi ba quốc gia này và như vậy lại càng không có vấn đề rút lui song phương và cùng một lúc của tất cả các lực lượng ngoại nhập tại ba quốc gia trên.

g. Vấn đề "nền trung lập các quốc gia Đông Dương" (the neutrality of all the countries in Indochina) ở điểm 8 cần được giải thích về danh từ và tách chất thật sự của nó...

Tôi thấy rằng những điều gọi là nguyên tắc chứa đựng trong bản "thỏa ước các nguyên tắc" mà Đại sứ Bunker đã trình cho tôi ngày 10-1-1972 cần phải được thảo luận lại vì có rất nhiều vấn đề ngoài vấn đề bầu cử mà tôi không được biết trước.

Nếu Tổng thống Nixon giữ nguyên ý định công bố nguyên văn "bản thỏa ước các nguyên tắc" này vào ngày 18-1 thì tôi không thể nào đồng công bố nguyên văn được"[1].

---

1. Memorandum (tối mật) dự trù để thảo luận với Đại sứ Bunker vào ngày 15-1-1972, Hồ sơ 1231, PTTg, TTLTII.

Tài liệu trên cho thấy, cuộc đàm phán bí mật giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mặc dù chưa đưa tới kết quả cụ thể, nhưng đã tiến rất xa so với những diễn tiến trên bàn Hội nghị Paris về Việt Nam – đưa tới hình thành "thỏa ước các nguyên tắc". Đồng thời, cũng cho thấy, Hoa Kỳ đã hoàn toàn "qua mặt" chính quyền Sài Gòn trong đàm phán.

Ngày 31-1-1972, để phản đối Nhà Trắng đã vi phạm thỏa thuận không công bố công khai các cuộc đàm phán bí mật, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố dự thảo giải pháp 9 điểm (được trao cho Kissinger trong cuộc gặp riêng ngày 26-6-1971).

Tiếp tục thể hiện đàm phán trên thế mạnh, ngày 10-2-1972, phiên họp thứ 144, phái đoàn Hoa Kỳ lấy lý do *"Hội nghị thế giới về hòa bình và độc lập của các dân tộc Đông Dương"* tại Versailles, tuyên bố *"không chấp nhận ấn định ngày, giờ họp cho phiên họp khoáng đại 145"*[1]. Vì vậy, ngày 17-2-1972, phiên họp 145 đã không diễn ra như thông lệ[2]. Đáp trả hành động phá hoại Hội nghị của Hoa Kỳ, ngày 24-2-1972, phiên họp thứ 145, sau hai bài phát biểu trong khoảng 40 phút, đại diện hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố ngưng phiên họp để phản đối. Nguyên văn tuyên bố của hai phái đoàn như sau:

Diễn văn của Bộ trưởng Xuân Thủy:

"Ngày 10-2-1972, đại biểu Mỹ đã dùng những lời thô bạo đối với nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình, trong đó có nhân dân Mỹ và viện ra những lý do không đúng đắn để tự ý hoãn phiên họp thứ 145

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 144 ngày 28-3-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 144 ngày 28-3-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

Hội nghị Paris về Việt Nam đáng lẽ phải họp như thường lệ vào thứ năm 17-2-1972.

Trong bị vong lục ngày 23-2-1972 gửi đoàn đại biểu Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đoàn đại biểu Mỹ lại tỏ ý sẽ tiếp tục phá hoại cuộc Hội nghị về Việt Nam. Trong khi đó không quân Mỹ không ngừng đánh phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đặc biệt trong hai ngày 16 và 17-2-1972, đúng những ngày Tết dân tộc của Việt Nam, chánh quyền Nixon đã cho nhiều máy bay đánh phá nhiều vùng dân cư thuộc khu vực Vĩnh Linh và tỉnh Quảng Bình gây thêm tội ác dã man, làm chết và bị thương nhiều dân thường, trong đó có phụ nữ và trẻ em.

Tiếp sau những ngày đó, máy bay Mỹ vẫn còn đánh phá miền Bắc Việt Nam, đồng thời với việc đem thêm tàu chở máy bay vào Vịnh Bắc bộ để tăng cường đánh phá miền Bắc Việt Nam. Mỹ đã tăng thêm nhiều máy bay B52 ném bom ồ ạt miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia.

Hành động leo thang chiến tranh bằng không quân trong những ngày qua càng bóc trần những luận điệu hòa bình bịp bợm, càng vạch rõ thái độ ngoan cố và hiếu chiến của chính quyền Nixon.

Trong bản tuyên bố ngày 17-2-1972, Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cực lực lên án những hành động chiến tranh mới rất nghiêm trọng của Mỹ, kiên quyết đòi chánh quyền Nixon chấm dứt ngay, chấm dứt vĩnh viễn, mọi hành động xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Để biểu thị sự phản đối mạnh mẽ đó, đoàn đại biểu Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định ngưng phiên họp 145 của Hội nghị Paris về Việt Nam tại đây. Phiên họp 146 sẽ vào ngày thứ năm tới, tức là ngày 2-3-1972.

Chánh quyền Nixon phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hậu quả do những hành động phá hoại Hội nghị Paris về Việt Nam của họ gây ra"[1].

Phát biểu của ông Nguyễn Văn Tiến – Đại diện phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam:

"Trong khi không ngớt huênh hoang về hòa bình, về việc rút lui cam kết của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chánh quyền Nixon vẫn tìm cách phá hoại Hội nghị Paris về Việt Nam, đồng thời không ngừng tăng cường chiến tranh trên toàn Đông Dương. Đặc biệt là trong những ngày gần đây họ tăng cường việc dùng không quân ném bom, bắn phá hết sức ác liệt và bừa bãi trên hai miền Nam Bắc Việt Nam. Để phản đối hành động đó của Mỹ, đoàn đại biểu Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố hoàn toàn nhất trí với đoàn đại biểu Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngưng phiên họp hôm nay tại đây và phiên 146 sẽ họp vào thứ năm, ngày 2-3-1972"[2].

Trong khi đó, ngày 17-2-1972, Nixon tới Trung Quốc. Với quân bài "ngoại giao giữa các nước lớn", Nixon mong muốn Trung Quốc gây sức ép để Việt Nam phải chấp nhận các điều kiện thương lượng của Hoa Kỳ trên bàn đàm phán tại Paris. Sau đó, Hoa Kỳ tiếp tục đưa ra những yêu sách phi lý, đặc biệt là về vấn đề tù binh Hoa Kỳ.

Tại Washington, ngày 10-3-1972, nhằm xoa dịu dư luận và tỏ ra thách thức Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nixon đọc bản tuyên ngôn phát động tuần lễ hoạt động trợ tán các tù binh Hoa Kỳ từ ngày 26-3 đến ngày 1-4-1972. Trong đó, ông ta lớn tiếng vu cáo và

1. Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 145, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 17719, PTTg, TTLTII.

2. Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 145, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 17719, PTTg, TTLTII.

đổ lỗi cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chấp nhận đàm phán về vấn đề tù binh với những luận điệu bịa đặt, như:

– Vu cáo Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không cho phép các phái đoàn quan sát quốc tế giám sát việc giam giữ tù binh Hoa Kỳ ở miền Bắc Việt Nam. Trong khi, từ đầu năm 1970, khi Hoa Kỳ nêu ra vấn đề tù binh, đã có nhiều phái đoàn của các tổ chức quốc tế, bao gồm cả một số tổ chức của Hoa Kỳ được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép đến thăm và trò chuyện với các binh lính Hoa Kỳ bị giam giữ.

– Vu cáo Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngăn cản việc trao đổi thư từ giữa tù binh Hoa Kỳ với gia đình họ. Mà thực tế, nhờ có sự trao đổi thư từ, dư luận Hoa Kỳ đã có thông tin để so sánh chính sách nhân đạo của cách mạng với sự đàn áp dã man của chính quyền Sài Gòn đối với cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị giam giữ trong các trại giam ở miền Nam Việt Nam....

Với những luận điệu xuyên tạc như vậy, Nixon khẳng định: *"Chúng ta nhất định đi tới cùng vấn đề này"*[1]. Và tuyên bố một cách mập mờ về thời gian ấn định để đưa tù binh Hoa Kỳ về nước. Lời tuyên bố có các đoạn như sau: *"Hoa Kỳ đã không từ một nỗ lực nào bằng đường lối ngoại giao, bằng thương thuyết, bằng đủ mọi cách để cho các con em chúng ta đã bị bắt được hưởng một sự đối xử thỏa đáng và sau rốt, **được trả lại khi chúng ta dành riêng một tuần** để toàn dân bày tỏ mối quan tâm... và dành riêng một ngày để cầu nguyện **cho sự kết thúc**... Để làm bằng, tôi đã ký vào bản tuyên ngôn ngày 10-3-1972 và là năm thứ 196 kể từ khi Hoa Kỳ độc lập"*[2].

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 146 ngày 12-4-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 146 ngày 12-4-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

Cũng như Hoa Kỳ, phái đoàn Sài Gòn trở lại gây sức ép về vai trò, vị thế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ngày 27-1-1972, phiên họp thứ 142, phái đoàn Sài Gòn đưa ra đề nghị 8 điểm với nội dung không có gì thay đổi so với đề nghị trước. Trừ việc cố ý bỏ những điểm đề cập tới Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam đã được đưa ra trong bản đề nghị năm 1970. Đồng thời, cố tình lôi kéo các vấn đề của Lào, Campuchia vào giải quyết chung với cuộc chiến tranh Việt Nam, như ý tưởng về một "hội nghị hòa bình Đông Dương" của Hoa Kỳ đã đề ra. Nguyên văn đề nghị của phái đoàn Sài Gòn như sau:

"1. Tất cả các lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh sẽ hoàn toàn triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 6 tháng sau khi một thỏa hiệp được ký kết.

2. Sự phóng thích tất cả các quân nhân và thường dân vô tội bị bắt trên toàn cõi Đông Dương sẽ được thực hiện song song với việc triệt thoái quân đội nói trong quan điểm 1, cả hai bên sẽ trình bày danh sách đầy đủ các quân nhân và thường dân vô tội bị giam cầm trên toàn cõi Đông Dương vào ngày thỏa hiệp được ký kết. Sự phóng thích sẽ bắt đầu cùng ngày quân đội triệt thoái và sẽ hoàn tất khi quân đội triệt thoái xong.

3. Tương lai chánh trị miền Nam Việt Nam sẽ dựa trên các nguyên tắc sau đây:

– Tương lai chánh trị của miền Nam Việt Nam sẽ do chính nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định mà không có sự can thiệp nào từ bên ngoài.

– Sẽ có một cuộc bầu cử tổng thống tự do và dân chủ tại miền Nam Việt Nam trong vòng sáu tháng sau khi thỏa hiệp được ký kết.

Cuộc bầu cử nói trên sẽ do một cơ quan độc lập đại diện tất cả các lực lượng chánh trị tại miền Nam Việt Nam đứng ra tổ chức. Cơ quan này nhận lãnh trách nhiệm trên vào ngày thỏa hiệp được ký kết. Ngoài

các trách nhiệm khác liên hệ đến cuộc bầu cử, cơ quan này sẽ quyết định tánh cách hợp lệ của các ứng cử viên.

Tất cả các lực lượng chánh trị tại miền Nam Việt Nam đều có thể tham gia bầu cử và giới thiệu ứng cử viên ra tranh cử. Cuộc bầu cử sẽ được quốc tế giám sát.

– Một tháng trước ngày bầu cử, đương kim Tổng thống và Phó tổng thống VNCH sẽ từ chức. Trong thời gian này ông Chủ tịch Thượng viện với tư cách xử lý chánh phủ sẽ đảm nhiệm các trách nhiệm hành chánh, ngoại trừ các trách nhiệm liên hệ tới cuộc bầu cử là thuộc quyền của cơ quan độc lập.

Chánh phủ Hoa Kỳ về phần mình tuyên bố rằng:

– Sẽ không ủng hộ một ứng cử viên nào và sẽ đứng hoàn toàn trung lập trong cuộc bầu cử.

– Sẽ tôn trọng kết quả cuộc bầu cử và mọi thể thức chánh trị do nhân dân miền Nam Việt Nam tự hoạch định.

– Sẵn sàng ấn định các liên hệ trên phương diện viện trợ quân sự và kinh tế với bất cứ chánh phủ nào cầm quyền tại miền Nam Việt Nam.

Cả hai bên thỏa thuận rằng:

– Nam Việt Nam cùng với các quốc gia khác ở Đông Dương phải theo một chánh sách ngoại giao phù hợp với các điều khoản quân sự của các hiệp định Genève năm 1954.

– Việc thống nhất lãnh thổ Việt Nam phải được quyết định trên căn bản thảo luận và thỏa hiệp giữa Bắc Việt và Nam Việt, không bên nào được ép buộc và sát nhập bên kia và không có sự can thiệp nào từ bên ngoài.

4. Cả hai bên sẽ tôn trọng các Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương và năm 1962 về Ai Lao. Sẽ không có sự can thiệp của ngoại quốc

vào các quốc gia Đông Dương và các dân tộc Đông Dương tự mình giải quyết lấy các vấn đề riêng của mình.

5. Các vấn đề giữa các quốc gia Đông Dương sẽ được giải quyết trên căn bản hỗ tương tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và bất can thiệp. Việc thực thi nguyên tắc quân lực quốc gia Đông Dương nào chỉ được ở trong ranh giới quốc gia đó là một trong những vấn đề sẽ được giải quyết.

6. Một cuộc ngưng bắn trên toàn cõi Đông Dương sẽ bắt đầu khi thỏa hiệp được ký kết. Một trong những điều khoản của cuộc ngưng bắn là không được có những vụ xâm nhập nào thêm của các lực lượng ngoại quốc vào trong bất cứ một quốc gia nào.

7. Sẽ có giám sát quốc tế về các khía cạnh quân sự của thỏa hiệp gồm cả cuộc ngưng bắn và các điều khoản ngưng bắn, việc phóng thích các tù binh và các thường dân vô tội, việc triệt thoái các lực lượng ngoại nhập ra khỏi Đông Dương, và việc thi hành nguyên tắc các quân lực của quốc gia Đông Dương nào phải ở trong ranh giới quốc gia đó.

8. Sẽ có bảo đảm quốc tế về các quyền căn bản của các dân tộc Đông Dương, quy chế của các quốc gia Đông Dương, và hòa bình vĩnh cửu trong vùng này. Cả hai bên đều tỏ ý định sẵn sàng tham gia một hội nghị quốc tế về mục đích trên và về các mục đích thích hợp khác"[1].

Năm 1972 là năm có những diễn biến chính trị quan trọng tại Hoa Kỳ, nhất là cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ thứ 38 vào tháng 11, là thời cơ thuận lợi có thể làm tiêu tan ý chí xâm lược và buộc Hoa Kỳ phải đi vào đàm phán thực chất. Tháng 10-1971, Trung ương Cục miền Nam Việt Nam đề ra nhiệm vụ cho Quân Giải phóng "*tranh thủ thời gian, phấn đấu hoàn thành công tác chuẩn bị, xây dựng thế tiến công chiến lược mới bằng ba quả đấm mạnh trên cả ba vùng*

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 142 ngày 15-3-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

chiến lược; tiếp đó, mở cuộc tiến công và nổi dậy rộng lớn nhằm đánh suy sụp nặng ngụy quân, ngụy quyền, đánh bại cơ bản kế hoạch bình định của địch".

Tại Hội nghị Paris, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam được chỉ thị chuẩn bị cho bước quyết định vào năm 1972. Vì vậy, trong những tháng đầu năm 1972, cả hai phái đoàn đều kiên định trong việc đòi hỏi triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và thay thế chính quyền Sài Gòn, nhưng tỏ ra mềm dẻo và có những nhượng bộ nhất định.

Ngày 3-2-1972, ông Nguyễn Văn Tiến phát biểu tại phiên họp thứ 143, đã thể hiện sự nhượng bộ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với hai vấn đề cơ bản, như sau:

"1. Vấn đề rút quân Mỹ, chấm dứt chiến bằng không quân và mọi hoạt động quân sự của Mỹ ở Việt Nam

Chánh phủ Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng không quân và mọi hoạt động quân sự ở Việt Nam, rút nhanh và rút hết toàn bộ quân đội, cố vấn, nhân viên quân sự, võ khí, dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, hủy bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Chánh phủ Mỹ phải đưa ra một thời hạn dứt khoát cho việc rút hết toàn bộ quân đội, cố vấn, nhân viên quân sự, võ khí, dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà không kèm theo điều kiện gì. Thời hạn dứt khoát đó cũng là thời hạn thả hết quân nhân của các bên và dân thường bị bắt trong chiến tranh (bao gồm cả những người lái máy bay Mỹ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam).

2. Vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam

Chánh phủ Mỹ phải thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, chấm dứt mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Văn Thiệu và bộ máy áp bức, kềm kẹp của Thiệu, công cụ của chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, là trở ngại chính cho việc giải quyết vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam. Do đó, Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức ngay, chánh quyền Sài Gòn phải chấm dứt chánh sách hiếu chiến, phải thủ tiêu ngay bộ máy áp bức, kềm kẹp nhân dân, phải chấm dứt chánh sách bình định, giải tán các trại tập trung, trả lại tự do cho những người bị bắt vì lý do chính trị, bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân đã được Hiệp nghị Genève năm 1954 về Việt Nam quy định"[1].

Qua phát biểu của ông Nguyễn Văn Tiến, quan điểm giải quyết hai vấn đề căn bản của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam có sự nhượng bộ rõ rệt liên quan đến vấn đề tù binh và chính quyền Thiệu. Cụ thể, hai điểm khác so với lập trường 7 điểm nêu ra ngày 1-7-1971: 1. Nếu Hoa Kỳ xác định được thời hạn rút quân đội Hoa Kỳ và các đồng minh khỏi miền Nam Việt Nam thì thời điểm rút hết quân sẽ là thời điểm bắt đầu trao trả tù binh của các bên (nghĩa là không cần chờ đến khi Hiệp định được ký kết); 2. Không yêu cầu thay đổi chính thể hiện hữu ở miền Nam Việt Nam mà chỉ yêu cầu Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức ngay. Đồng thời, chính thể này phải thay đổi chính sách: chấm dứt bình định, giải tán các trại tập trung, chấm dứt khủng bố dân chúng, thả các tù chính trị, bảo đảm thực hiện các quyền tự do dân chủ của dân chúng như Hiệp định Genève đã quy định năm 1954.

---

1. Tài liệu về Hội đàm tại Ba Lê về Việt Nam số 143, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

Về phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bên cạnh việc tiếp tục khẳng định và ủng hộ lập trường của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, phái đoàn tập trung tiến công vào chính sách theo đuổi chiến tranh và chiến thuật đàm phán của Hoa Kỳ. Ngày 16-3-1972, tại phiên họp thứ 146, đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nguyễn Minh Vỹ lên án chính quyền Nixon:

"1. Rõ ràng chính quyền Nixon ngày càng điên cuồng đẩy mạnh những cuộc tiến công bằng không quân chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tiếp theo những đợt đánh phá lớn cuối năm 1971, từ đầu năm 1972 đến nay, không quân Mỹ, kể cả máy bay B-52, không ngừng tiến công, tăng cường những đợt đánh phá lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay các nguồn tin Mỹ (mặc dù còn xa sự thật) cũng nhận rằng mức độ đánh phá miền Bắc Việt Nam trong năm 1971 đã tăng gấp 5 lần so với năm 1970, thế mà chỉ từ đầu năm 1972 đến nay, số lần đánh phá miền Bắc Việt Nam đã vượt xa thời gian 10 tháng tính từ đầu năm 1971.

Thông báo đặc biệt ngày 11-3-1972 của Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam nêu rõ: từ 1 đến 10-3-1972, theo số liệu đầu tiên, hơn 300 lần máy bay phản lực chiến thuật Mỹ đã ném hơn 500 bom phá và hơn 100 bom mẹ, tung ra hàng nghìn bom bi, bom mảnh nhỏ và bom xuyên, rất nhiều loạt tên lửa, rốc két và đạn 20mm, xuống 48 điểm dân cư nằm trong 37 xã thuộc 9 huyện ở Vĩnh Linh, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, làm 50 người chết và hơn 110 người bị thương, thiêu hủy 70 nhà, phá hoại nhiều đồng ruộng, giết hại nhiều gia súc. Đặc biệt nghiêm trọng là máy bay Mỹ đã cố tình đánh phá mục tiêu dân cư như nông trường, hợp tác xã, trường học, cửa hàng, trạm y tế và nhà thờ Thiên Chúa giáo....

Lên án việc Mỹ tăng cường đánh phá miền Bắc Việt Nam trong những ngày đầu tháng 3 vừa rồi, tuyên bố ngày 6-3-1972 của Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu rõ: "Đây là những hành động chiến tranh cực kỳ nghiêm trọng, xâm phạm thô bạo chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vi phạm trắng trợn lời cam kết của Chính phủ Mỹ về chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là sự thách thức láo xược đối với dư luận tiến bộ ở Mỹ... Những hành động chiến tranh nghiêm trọng của Mỹ chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phơi bày bản chất xâm lược ngoan cố và hiếu chiến của chính quyền Nixon và bóc trần những luận điệu hòa bình bịp bợm của họ... Chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hậu quả do những hành động tội ác của họ gây ra"....

Trước sau, Mỹ vẫn ngang ngược chủ trương thương lượng trên thế mạnh. Một khi đối phương kiên quyết không chấp nhận lập trường thực dân xâm lược của Mỹ thì Mỹ tìm mọi cách để phá hoại hội nghị, đồng thời tăng cường và mở rộng chiến tranh. Điều đó rõ như ban ngày, qua thái độ của đại biểu Mỹ tại bàn Hội nghị Paris về Việt Nam:

- Tháng 9-1971, trước sự phản đối kiên quyết của đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với những cuộc ném bom của Mỹ, đại biểu Mỹ trắng trợn để lộ ra rằng, vì đối phương không chấp nhận những điều kiện phi lý về ngừng bắn của Mỹ nên Mỹ đã ném bom.

- Tháng 10 và 11-1971, đại biểu Mỹ đến Hội nghị không làm gì khác ngoài việc leo thang trong việc dùng lời lẽ khiêu khích, gọi những đề nghị đúng đắn, hợp tình hợp lý của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được dư luận thế giới kể cả dư luận Mỹ đồng tình và ủng hộ là con số không.

– Tháng 12-1971, Mỹ đã vịn vào những lý do vu vơ để bỏ họp ba tuần liên tiếp, đúng vào lúc không quân Mỹ mở những đợt đánh phá lớn trong nhiều ngày vào nhiều vùng đông dân ở miền Bắc Việt Nam.

– Tháng 2-1972, sau khi chính quyền Nixon làm trái với lời cam kết của họ, đơn phương công bố các cuộc gặp riêng giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã đưa ra kế hoạch 8 điểm.

– Ngày 23-2-1972, đại biểu Mỹ tỏ ý tiếp tục phá hoại Hội nghị Pari. Tiếp đó, họ lại vịn vào những lý do cực kỳ vô lý để bỏ hai phiên họp ngày 2 và 9-3-1972, trong khi máy bay liên tục đánh phá miền Bắc Việt Nam"[1].

Tuy nhiên, trong sự lạc quan vào kết quả của chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh", ngày 23-3-1972, phiên họp thứ 147, phái đoàn Hoa Kỳ ngoan cố phá hoại Hội nghị Paris về Việt Nam bằng hành động đơn phương tuyên bố ngừng đàm phán vô thời hạn.

Đầu tháng 3-1972, sau thời gian chuẩn bị, Quân ủy Trung ương và Trung ương Cục miền Nam quyết định phát động chiến dịch tổng tiến công Xuân – Hè 1972. Ngày 8-3-1972, Quân ủy Trung ương Quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện cho Trung ương cục miền Nam nêu rõ: "*Năm 1972 là năm hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh... trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Nhiệm vụ cần kíp là đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị, binh vận và ngoại giao... tạo ra một chuyển biến căn bản làm thay đổi cục diện trên chiến trường miền Nam và cả trên bán đảo Đông Dương. Buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh... bằng một giải pháp chính trị... mà Mỹ có thể chấp nhận được*"[2]. Ngày 10-3-1972, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Việt Nam Lê

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 146 ngày 12-4-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

2. Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ: *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ – Kissinger tại Paris*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.

Duẩn gửi thư cho Trung ương cục miền Nam và Khu ủy các khu xác định: *"Mục tiêu của ta trong giai đoạn thứ nhất này là nhằm tạo ra tình hình có hai chính quyền song song tồn tại"*[1].

Ngày 30-3-1972, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam mở màn cuộc tấn công chiến lược Xuân – Hè bằng các cuộc tấn công lớn từ Quảng Trị đến Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Ngày 6-4-1972, Nixon ra lệnh ném bom miền Bắc Việt Nam, nhưng không thể làm giảm khí thế tiến công của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Vì vậy, ngày 26-4-1972, tại Washington, trên hệ thống truyền hình, Nixon tuyên bố trở lại bàn đàm phán ở Paris:

"Căn cứ vào nhận xét thực tế của Đại tướng Abrams và sau khi tham khảo ý kiến với Tổng thống Thiệu, Đại sứ Bunker, Đại sứ Porter và những cố vấn cao cấp tại Hoa Thịnh Đốn, tôi có ba quyết định để loan báo tối nay.

1. Trước hết, tôi đã quyết định rằng chánh sách Việt hóa đã chứng tỏ đầy đủ là thành công và chúng ta có thể tiếp tục chương trình triệt thoái lực lượng Hoa Kỳ mà không làm hại cho mục tiêu tổng quát của chúng ta là đảm bảo sự tồn tại của Nam Việt Nam như là một quốc gia độc lập.

Vì vậy, tối nay tôi loan báo rằng trong 2 tháng tới 20 ngàn binh sĩ Hoa Kỳ sẽ được hồi hương đưa từ Việt Nam về. Quyết định này đã được sự chấp thuận hoàn toàn của Tổng thống Thiệu và Đại tướng Abrams. Quyết định này sẽ đưa mức quân số cao nhất còn có 49.000 người vào ngày 1-7 một sự giảm quân số được nửa triệu người kể từ khi chánh phủ này nhậm chức.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.33, tr.189.

2. Tôi đã cho chỉ thị Đại sứ Porter trở lại bàn Hội đàm Ba Lê ngày mai với mục tiêu duy nhất đặc biệt.

Chúng ta không trở lại Hội đàm Ba Lê... để tiến hành công việc xây dựng mưu tìm hòa bình. Chúng ta trở lại Hội đàm Ba Lê với một niềm hy vọng rằng những cuộc hội đàm xây dựng và có kết quả sẽ đưa đến một sự tiến bộ mau chóng qua mọi hệ thống có thể có được...

3. Sau hết, tôi đã ra lệnh cho lực lượng không quân và hải quân tấn công vào những căn cứ quân sự ở Bắc Việt Nam, tiếp tục tấn công cho tới khi nào người Bắc Việt Nam chấm dứt cuộc tấn công của họ vào miền Nam Việt Nam"[1].

Cùng ngày, tại Sài Gòn, Phạm Đăng Sum – phát ngôn viên Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn phân phát cho báo chí bản tuyên bố nguyên văn như sau:

"Bộ Ngoại giao VNCH, đồng ý với Chính phủ Hoa Kỳ, đã chấp nhận đề nghị của phe cộng sản tái nhóm các cuộc Hòa đàm tại Ba Lê vào ngày 27-4-1972. Chính phủ VNCH ghi nhận phe bên kia đã nhiều lần kêu gọi mở lại các cuộc thương thuyết tại Ba Lê, nên đã chấp nhận tái nhóm vì nghĩ rằng phe bên kia sẵn sàng thảo luận nghiêm chỉnh và đúng đắn hầu có thể tiến đến một giải pháp hòa bình cho cuộc tranh chấp hiện tại"[2].

Ngày 27-4-1972, Hội nghị Paris về Việt Nam được mở lại với phiên họp thứ 148, nhưng cũng không có nội dung gì mới. Các bên tiếp tục tranh luận bằng các lập luận mang tính đấu tranh chính trị nhiều hơn là đàm phán các vấn đề căn bản để đi đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 4-5-1972, phiên họp thứ 149

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu châu Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, số 146 ngày 12-4-1972, Hồ sơ 1469, QKVH, TTLTII.

2. Việt Nam Thông tấn xã – số 7707 thứ 4 ngày 26-4-1972, Hồ sơ 1182, ĐIICH, TTLTII.

vẫn không có sự tiến triển. Ngược lại, Hội nghị Paris một lần nữa bị ngưng vô thời hạn.

Ngày 8-5-1972, tại Washington, Nixon công bố giải pháp chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Nội dung gồm các điểm:

"- Khi tất cả tù binh Hoa Kỳ được phóng thích;

- Khi một cuộc ngưng bắn trên toàn cõi Đông Dương có quốc tế giám sát bắt đầu có hiệu lực.

Lúc đó:

- Hoa Kỳ sẽ ngưng tất cả hành động chiến sự trên toàn cõi Đông Dương (gồm cả ngưng oanh tạc và gài mìn Bắc Việt)

- Hoa Kỳ sẽ bắt đầu xúc tiến việc triệt thoái hoàn toàn quân lực của mình ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng bốn tháng"[1].

Ngày 9-5-1972, Nixon gửi thư cho Nguyễn Văn Thiệu để thông báo về tuyên bố phong tỏa các hải cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào 9 giờ tối cùng ngày (giờ Washington). Nội dung bức thư có đoạn:

"Tôi sẽ tuyên bố rằng tôi đã chỉ thị gài mìn tất cả các ngả vào hải cảng Bắc Việt và tôi đã ra lịnh cho lực lượng Hoa Kỳ ngăn chặn mọi sự tiếp tế cho Bắc Việt bằng đường thủy trong hải phận mà họ nói là của họ. Mọi sự tiếp tế bằng đường bộ và bằng cách khác cũng sẽ được ngăn chặn.

Tất cả tàu ngoại quốc tại hải cảng Bắc Việt sẽ được rời bến một cách an toàn trong vòng ba ngày trong những giờ còn ánh sáng mặt trời. Những chiếc neo bến lâu hơn hoặc lại gần các hải cảng sẽ phải gánh chịu hậu quả.

---

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

Những hành động kể trên sẽ tiếp tục cho đến khi nào đạt được những điều kiện sau đây:

– Thực thi một cuộc ngưng bắn trên toàn lãnh thổ Đông Dương, có quốc tế giám sát, và

– Phóng thích tất cả tù binh.

Trong diễn văn của tôi, tôi sẽ nói rằng khi nào những điều kiện nói trên được thỏa mãn, chúng ta sẽ chấm dứt những hành động võ lực trên toàn lãnh thổ Đông Dương và lực lượng Hoa Kỳ sẽ được triệt thoái khỏi Nam Việt Nam trong vòng bốn tháng"[1].

Qua tuyên bố của Nixon có thể thấy rõ chính sách đàm phán trên thế mạnh của Hoa Kỳ. Nixon đòi hỏi chỉ khi đối phương thực hiện các yêu sách của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ mới chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược. Một yêu sách mà ngay từ những ngày đầu khai diễn Hội nghị Paris về Việt Nam, các lãnh đạo cách mạng Việt Nam không chấp nhận. Ngược lại, họ đòi hỏi điều kiện tiên quyết là Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam vô điều kiện. Vì vậy, tuyên bố của Nixon vẫn bị các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam bác bỏ và tiến trình đàm phán rơi vào bế tắc.

Trong khi đó, quyết định leo thang chiến tranh của Nixon ngay lập tức bị dư luận chỉ trích mạnh mẽ. Tổng hợp của hãng thông tấn UPI ngày 10-5-1972, cho thấy ngay cả báo chí Hoa Kỳ và các nước đồng minh của Hoa Kỳ cũng không mấy ủng hộ quyết định phong tỏa miền Bắc Việt Nam của ông ta.

Báo chí Hoa Kỳ đánh giá:

Tờ St. Louis-dispatch: "*bằng cách lựa chọn mở rộng chiến tranh để thực hiện hoà bình, Tổng thống Nixon đã đọc một bài diễn văn cho ta*

---

1. Bản dịch thư của Tổng thống Nixon ngày 9-5-1972, Hồ sơ 1289, ĐIICH, TTLTII.

nhớ lại những điên rồ của quá khứ... Biện pháp phong toả là một hành vi chiến tranh và dù ông Nixon nói gì đi nữa, ông không thể biện minh hành vi đó".

Tờ Philadelphia Evening Bulletin: *"Ông Nixon đã chơi một ván cờ lớn và chỉ có thành công mới biện minh được cho hành vi đó".*

Tờ Chicago Daily News: *"Hành động của Tổng thống Nixon nêu lên viễn tưởng của một cuộc can dự toàn cầu. Dù ông đã đưa ra lý do biện minh, người ta vẫn tự hỏi liệu trò chơi có đáng không?".*

Tại Anh tờ Daily Mirror gọi *"sự phong tỏa là hành động kết cuộc trong tấn thảm kịch lớn của Hoa Kỳ. Ông Nixon lựa chọn sự thách thức tính toán này hơn là việc đầu hàng tức khắc. Tuy nhiên, khi sự chiến bại là một điều chắc chắn, đầu hàng đâu nhất thiết là một sự nhục nhã? Chắc chắn nó sẽ vinh dự hơn là việc gây thêm nhiều đau thương một cách vô ích cho những người dân chưa hề biết là chiến tranh nhằm mục tiêu gì".*

Tại Úc, tờ Sydney Morning Heral cho rằng quyết định của ông Nixon là *"một hành động tuyệt vọng trong cơn khủng hoảng"*[1].

Ngày 15-5-1972, trong bài viết "Phá vỡ một số huyền thoại trong cuộc chiến tranh Đông Dương" trên nhật báo Le Monde, tác giả Georges Hourdin vạch trần toàn bộ quá trình can thiệp và các chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông cho rằng:

"Huyền thoại đầu tiên về cuộc chiến Đông Dương cần phải đả phá là việc quy lỗi cho Bắc Việt đã gây ra cuộc chiến này. Nhiều người Pháp vẫn còn nghĩ rằng cuộc tuyển cử năm 1956 do Hiệp định Genève 1954 trù liệu đã không diễn ra vì du kích quân cộng sản đã xâm nhập Nam Việt Nam hồi năm 1955. Sự thật không phải như thế. Các tác phẩm

1. Những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý (ghi nhận từ ngày 6-5-1972 đến 12-5-1972), Ký hiệu tư liệu vv.5341, TTLTII.

nghiên cứu của ông Devillers và Lacouture đã viết lại một cách xác thực những gì xảy ra trong khoảng thời gian rối ren này tại Viễn Đông. Qua những tài liệu trên, người ta có thể kết luận rằng:

– Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm đã không chịu tổ chức các cuộc tuyển cử như Hiệp định Genève 1954 quy định.

– Hoa Kỳ nhất quyết không muốn chế độ cộng sản được thành lập tại Nam Việt Nam.

– Với những phương pháp tàn bạo và độc tài, Tổng thống Diệm đã thúc đẩy những người không cùng quan điểm với ông chạy ra bưng biền hoặc phải lưu vong. Dưới áp lực ngày càng gia tăng, "Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam" đã ra đời hồi tháng 12-1960.

– Cùng lúc đó, hay trong những tháng đầu năm 1961, dường như các cơ quan mật vụ Hoa Kỳ cũng tìm cách gây rối loạn tại Bắc Việt.

Có một huyền thoại, theo đó, cộng sản Việt Nam được coi như những người sát hại đạo Thiên Chúa, còn Hoa Kỳ như những thập tự quân. Quan điểm trên đây hoàn toàn sai lạc... Các cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ đã tàn phá nhà thờ, trong Nam cũng như ngoài Bắc. Chính sự tàn phá này đã khiến cho người nghèo, người giàu, người lương giáo kết hợp lại với nhau khăng khít hơn. Rất có thể "chính phủ liên hiệp" sau này tại miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng sự tự do tín ngưỡng của dân chúng.

Ngoài ra, còn một huyền thoại nữa có lẽ quan trọng hơn huyền thoại trên. Nhiều người cho rằng một quốc gia dân chủ và hùng mạnh như Hoa Kỳ bắt buộc phải chiến thắng bằng quân sự trong các cuộc tranh chấp. Sự vinh quang lịch sử không xuất phát từ quân sự và trách nhiệm của Hoa Kỳ, với tư cách người lãnh đạo thế giới Tây phương, không gắn liền với sự biểu dương lực lượng. Tổng thống Nixon lập luận rằng nếu ông bỏ rơi Việt Nam, sẽ có máu đổ khắp nơi. Người ta có thể nhắc để ông thấy rằng hành động của ông hiện nay đã không ngăn được máu đổ tại Viễn Đông.

Nếu ngày nào đó Tổng thống Nixon tìm được con đường chân chính đưa tới hoà bình, hoà giải Đông và Tây phương, ảnh hưởng của ông sẽ gia tăng. Lúc đó, điều quan yếu là phải áp dụng lại các thỏa ước Genève.

Ngoài ra còn một huyền thoại cuối cùng cần phải phá vỡ: huyền thoại này cho rằng cuộc tranh chấp chỉ nằm trong giới hạn nước Việt Nam thôi. Điều đó không đúng vì còn có trường hợp của Campuchia, Lào và Thái Lan"[1].

Riêng A. Harriman – Trưởng phái đoàn đàm phán Hoa Kỳ thời kỳ Johnson, trong bài viết "Vì sao cuộc hòa đàm về Việt Nam thất bại" đăng trên Nhật báo The Guardian ngày 10-5-1972, cố gắng biện hộ cho Nixon bằng cách đổ hết trách nhiệm cho Nguyễn Văn Thiệu. Ông ta cho rằng:

"Viễn ảnh một nền hòa bình thương thuyết chưa bao giờ sáng sủa hơn khi Tổng thống Nixon nhậm chức. Chưa đầy ba tháng qua đi, kể từ khi Hoa Kỳ đạt đến thỏa hiệp ngầm với Bắc Việt để chấm dứt oanh tạc và mở những cuộc thảo luận nghiêm chỉnh giữa bốn bên. Vào lúc đó, Bắc Việt đã tỏ thiện chí giảm cường độ vũ lực bằng cách triệt thoái gần 90% quân số – 22 trong số 25 trung đoàn khỏi hai tỉnh phía Bắc VNCH, địa bàn của những cuộc giao tranh dữ dội. Hoa Kỳ ở trong một vị thế thương thuyết thuận lợi với hơn nửa triệu quân tại Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phá hoại hòa đàm ngay từ sơ khởi. Mặc dù tháng 10-1968, ông đã đồng ý tham gia thương thuyết sau khi chấm dứt oanh tạc, ông đã phản lại cam kết và rồi gây vụ tranh luận về hình thể bàn hội nghị, nhằm phá vỡ hay ít nhất trì hoãn thương nghị cho đến lúc tân chính phủ Hoa Kỳ đáo nhậm.

---

1. Những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý (ghi nhận từ ngày 20-5-1972 đến 26-5-1972), Ký hiệu tư liệu vv 5343, TTLTII.

Sau cùng, ngay trước ngày Tổng thống Nixon tuyên thệ, con đường thương thuyết đã được khai quang, gồm cả việc mở những cuộc tiếp xúc riêng. Dẫu thế, công việc đầu tiên của tân chính phủ là thắt chặt hơn các liên hệ với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Về phần mình, Tổng thống VNCH coi mục tiêu trước hết là củng cố vị thế cá nhân. Điều này có nghĩa là chống lại một giải pháp thương thuyết, bởi vì bất cứ thỏa hiệp nào cũng sẽ đưa đến việc gạt bỏ ông.

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phá hoại thương nghị bằng cách từ chối gởi đại diện dự mật nghị với "Mặt trận Giải phóng miền Nam". Hai tháng sau, ông bằng lòng tiếp xúc riêng, nhưng tuyên bố không bao giờ chấp nhận một "chính phủ liên hiệp", hoặc một Đảng Cộng sản tại miền Nam Việt Nam. Hoa Kỳ đã gặp rất nhiều khó khăn để Bắc Việt đồng ý thương thuyết với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng nay Bắc Việt lại từ chối nói chuyện với ông.

Trong khi đó, Chính phủ Nixon tiếp tục để cho Sài Gòn có quyền phủ quyết đối với tư thế thương thảo của Hoa Kỳ. Mặc dù tuyên bố mục tiêu của Hoa Kỳ là để cho nhân dân Nam Việt Nam quyền tự quyết, Chính phủ Nixon đã giúp tạo ra "cuộc độc cử" của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Sự "tái cử giả tạo" của một tổng thống không được sự hậu thuẫn của nhân dân, đã một lần nữa, đánh mất một cơ hội lớn để vãn hồi hòa bình.

Tháng 7 năm qua, khi tình hình chính trị và quân sự tại Nam Việt Nam xem ra thuận lợi cho đồng minh, đối phương đã đưa ra đề nghị 7 điểm. Một số điều khoản như đảm bảo an toàn cho sự triệt thoái của lực lượng Hoa Kỳ, việc phóng thích tù binh, việc cam kết không trả thù và để cho quốc tế giám sát xem ra đã thỏa mãn các đòi hỏi căn bản của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự kiện Chính phủ Nixon tiếp tục đòi hỏi những yêu sách không thực tế đã khiến Bắc Việt kết luận rằng Hoa Kỳ không nghiêm chỉnh tìm đến một giải pháp. Tổng thống Nixon đã tìm cách chấm dứt sự can dự của Hoa Kỳ qua kế hoạch "Việt hóa". Dẫu thế, cùng lắm, Chính phủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng chỉ tồn

tại nổi với việc yểm trợ của không và hải lực Hoa Kỳ. Điều này có nghĩa là chiến tranh sẽ kéo dài vô tận, với việc tham dự tiếp tục của Hoa Kỳ, khiến cho việc phóng thích tù binh không có cơ hội được thực hiện.

Hiện nay, hiển nhiên hơn bao giờ hết là không có gì thay thế được bằng việc thương thuyết một thỏa hiệp, dù phải công nhận Hoa Kỳ đang ở thế yếu nhất. Nếu Hoa Kỳ chấp nhận nguyên tắc một "chính quyền trung lập phi liên kết" tại Sài Gòn và triệt thoái nhanh chóng toàn bộ lực lượng của mình. Tôi tin rằng vẫn còn cơ hội để đạt tới một giải pháp đúng đắn cho VNCH, một cơ hội tốt đẹp hơn cho tương lai của họ"[1].

Tháng 7-1972, sự lên án mạnh mẽ của dư luận, cùng những thiệt hại nặng nề sau cuộc tổng tiến công Xuân – Hè của Quân Giải phóng, Hoa Kỳ buộc phải trở lại bàn đàm phán tại Paris. Ngày 13-7-1972, sau 10 tuần ngưng đàm phán (tính từ ngày 4-5-1972), phiên họp thứ 150 Hội nghị Paris về Việt Nam khai mạc vào 10 giờ 35. Về nội dung, sau 3 giờ 40 phút (bao gồm cả 50 phút giải lao), phiên họp không có gì mới. Phái đoàn Sài Gòn nhắc lại đề nghị ngày 8-5-1972 của Tổng thống Nixon về một cuộc ngưng bắn tại miền Nam Việt Nam. William J. Porter lại nhấn mạnh đến khuynh hướng giảm bớt sự căng thẳng giữa Nam – Bắc Hàn và Đông – Tây Đức, ngụ ý "khuyên" cách mạng Việt Nam nên đi theo chiều hướng đó. Ngược lại, các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam mạnh mẽ tố cáo và yêu cầu Hoa Kỳ phải chấm dứt hành động chiến tranh hủy diệt ở miền Nam Việt Nam và chấm dứt ném bom, thả mìn, phong tỏa miền Bắc Việt Nam[2].

Những phiên họp sau đó, thể thức đàm phán của các bên đã cho thấy Hội nghị Paris về Việt Nam có sự tiến triển nhất định. Tại Hội

---

1. Những bài báo ngoại quốc đáng lưu ý (ghi nhận từ ngày 13-5-1972 đến 19-5-1972), Ký hiệu tư liệu vv 5342, TTLTII

2. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 150, Hồ sơ 1470, QKVH, TTLTII.

nghị, các bên đã hạn chế sử dụng bàn đàm phán làm diễn đàn đấu tranh chính trị mà đi vào thảo luận các giải pháp. Đặc biệt, trong tháng 8, khi cuộc vận động bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ bước vào giai đoạn sôi động, các bên lần lượt đưa ra các tuyên bố, sáng kiến và các sửa đổi để cùng thảo luận. Ngày 14-8-1972, nhằm khai thông bế tắc, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao cho Hoa Kỳ văn kiện khẳng định lại một số nguyên tắc: Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, mọi sự dính líu về quân sự ở Việt Nam, mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam, tôn trọng quyền tự quyết và quyền độc lập thực sự của Việt Nam; phải thừa nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có *2 chính quyền, 2 lực lượng vũ trang và 3 lực lượng chính trị, cần lập một chính phủ hòa hợp dân tộc ba thành phần.* Nhưng về lập trường, các bên tiếp tục cứng rắn trong các đề nghị. Vì vậy, Hội nghị Paris chưa có sự thay đổi nào đáng kể.

Ngược lại, tại các cuộc đàm phán mật với Cố vấn Lê Đức Thọ, Kissinger ngày càng tỏ ra "năng nổ" với lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 19-7-1972, tại cuộc tiếp xúc mật với Cố vấn Lê Đức Thọ, Hoa Kỳ đề nghị sửa đổi một nội dung trong giải pháp 27-1-1972. Theo đó, thời gian ấn định cho ngừng bắn, triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và quân đội các nước ngoài thuộc phe Hoa Kỳ và trao trả tù binh được sửa đổi từ "bắt đầu khi thỏa ước chi tiết về giải pháp chính trị nội bộ miền Nam Việt Nam được thỏa thuận" thành "bắt đầu khi thỏa hiệp toàn bộ được ký kết". Nhưng cũng như đề nghị ngày 27-1-1972, Hoa Kỳ vẫn muốn tách riêng vấn đề quân sự và chính trị, do đó đã không nhận được sự chấp thuận của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tiếp đó, trong cuộc tiếp xúc mật ngày 1-8-1972, Kissinger trao cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "đề nghị 12 điểm", thể hiện rõ sự xuống thang của Hoa Kỳ với việc chấp nhận giải quyết cùng

lúc cả vấn đề quân sự và chính trị. Về giải pháp chính trị, Kissinger đề nghị hai nội dung cơ bản sau:

"1. Các chi tiết về giải pháp chính trị nội bộ miền Nam Việt Nam phải được thỏa thuận trong vòng 3 tháng sau khi nguyên tắc của giải pháp này được thỏa thuận.

2. Đương kim Tổng thống và Phó Tổng thống VNCH có thể từ chức sớm hơn trước ngày bầu cử"[1].

Đồng thời, tỏ ra "sốt sắng", Kissinger nói rằng: *"Nếu chúng ta* (Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – BT) *thỏa thuận được với nhau trước ngày 1 tháng 9 thì binh sĩ Hoa Kỳ cuối cùng sẽ rời khỏi Việt Nam trước cuối năm nay"*[2].

Trả lời đề nghị của Hoa Kỳ, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố "đề nghị 10 điểm" nêu cụ thể, chi tiết các giải pháp giải quyết vấn đề quân sự và chính trị cho miền Nam Việt Nam.

"– Tất cả quân lực Hoa Kỳ và đồng minh gồm cả cố vấn, nhân viên quân sự và kỹ thuật (không có phân biệt dưới bất cứ hình thức nào), vũ khí, đạn dược, rút ra khỏi miền Nam trong vòng một tháng. Các căn cứ quân sự cũng được hủy bỏ luôn.

– Song song với việc rút lui nêu trên, tất cả quân nhân và thường dân của các bên bị bắt sẽ được thả trong vòng một tháng.

– Một cuộc ngừng bắn tại chỗ sẽ được thực hiện tại miền Nam Việt Nam, có quốc tế kiểm soát và giám sát. Ngay sau khi có ngừng bắn thì viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho VNCH phải chấm dứt.

---

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

– Thực hiện hòa hợp dân tộc bằng cách Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức ngay, và thành lập chánh phủ hòa hợp dân tộc lâm thời ba thành phần.

Ba thành phần này là:

– Những người thuộc "Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam".

– Những người thuộc "Chính quyền Sài Gòn (trừ Nguyễn Văn Thiệu)".

– Những người thuộc các xu hướng chính trị và tôn giáo ở miền Nam, kể cả những người vì lý do chính trị phải cư ngụ ở ngoài.

Ba thành phần trên đây đều bình đẳng và chiếm tỷ lệ ngang nhau. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam và chính quyền Sài Gòn sẽ chỉ định người của mình, và sẽ cùng nhau thỏa thuận để nghị thành phần thứ ba. Chánh phủ hòa hợp dân tộc lâm thời này còn có đủ quyền lực về đối nội và đối ngoại, và sẽ hoạt động với những luật lệ mới.

Tổ chức tổng tuyển của tự do để tiến đến một chính phủ chính thức của miền Nam Việt Nam.

Sau đó:

a. Một diễn đàn riêng tay đôi giữa Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn để thảo luận và thực hiện những gì Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thỏa thuận, và đồng thời thảo luận và giải quyết những gì Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa đề cập đến.

b. Một diễn đàn riêng tay ba giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn để giải quyết tiếp những vấn đề cụ thể liên quan đến hai miền Nam và Bắc Việt Nam.

c. Một diễn đàn công khai tay tư giữa Hoa Kỳ, VNCH, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời để giải quyết tiếp một số vấn đề cụ thể có liên quan đến bốn bên.

Trong quá trình đàm phán, Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có trách nhiệm cùng nhau giải quyết những khó khăn. Và sau khi đạt được thỏa thuận tại các diễn đàn thì sẽ ký một hiệp nghị toàn bộ, và có thể có những hiệp nghị tay đôi, tay ba".[1]

Ngày 14-8-1972, tiếp tục diễn ra cuộc tiếp xúc bí mật giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Kissinger. Hai bên cùng thảo luận về các quan điểm của nhau. Đến ngày 17-8-1972, tại Sài Gòn, Kissinger trình bày dự thảo đề nghị 10 điểm của Hoa Kỳ cho chính quyền Thiệu. Trong đó, các giải pháp mấu chốt cho vấn đề miền Nam Việt Nam cơ bản thống nhất với đề nghị 10 điểm ngày 1-8-1972 của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng có sửa đổi một số điểm về vấn đề rút quân, ngừng bắn và hình thức bầu cử. Cụ thể:

"- Thay vì rút hết quân đội Hoa Kỳ và đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, phóng thích tất cả tù binh và thường dân vô tội bị bắt trong vòng 1 tháng,... thì đổi lại là trong vòng 3 tháng.

- Thay vì có cuộc ngừng bắn tại chỗ ở miền Nam Việt Nam thì có một cuộc ngừng bắn tại chỗ trên toàn cõi Đông Dương có quốc tế kiểm soát và giám sát.

Và sau đó thì Hoa Kỳ sẽ ngưng oanh tạc và gài mìn ở miền Bắc, cũng như là sẽ không có xâm nhập nào thêm của các lực lượng ngoại quốc vào bất cứ quốc gia nào tại Đông Dương.

- Thay vì chấm dứt viện trợ quân sự cho miền Nam ngay sau khi có hiệp nghị thì đổi lại là sau khi ký kết hiệp nghị, Hoa Kỳ sẽ định lại mức

---

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

viện trợ quân sự cho bất cứ chánh phủ nào thành tựu tại miền Nam theo tỷ lệ những viện trợ khác cho các quốc gia khác tại Đông Dương.

– Thay vì đòi hỏi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra đi ngay và thành lập "chánh phủ hòa hợp dân tộc lâm thời với 3 thành phần ngang nhau" để tổ chức tổng tuyển cử, thì thành lập một Ủy ban hòa giải quốc gia với 3 thành phần ngang nhau để tổ chức một cuộc bầu cử trong vòng 5 tháng sau khi ký kết Hiệp nghị toàn bộ. Trước ngày bầu cử, Tổng thống và Phó Tổng thống chính quyền Sài Gòn từ chức và giao quyền xử lý chánh phủ cho Chủ tịch Thượng nghị viện.

– Sau cuộc bầu cử, vị tổng thống đắc cử sẽ thành lập một chánh phủ mới gồm tất cả đại diện các lực lượng chính trị theo tỷ lệ số phiếu họ đạt được trong cuộc bầu cử tổng thống. Và Ủy ban hòa giải quốc gia sẽ lưu lại nhằm mục đích cứu xét hiến pháp để phù hợp với tình trạng hòa bình.

2. Về đề nghị cách đàm phán

Khác biệt duy nhất là thay vì diễn đàn riêng tay đôi giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt thảo luận và giải quyết các vấn đề quân sự cũng như những nguyên tắc và nội dung chủ yếu của các vấn đề chính trị thì chỉ thảo luận về giải quyết các vấn đề quân sự và những nguyên tắc và nội dung tổng quát của các vấn đề chính trị".[1]

Ngày 15-9-1972, trong cuộc gặp riêng, Kissinger trao cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị trên, nhưng không được chấp nhận. Đồng thời, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra bản đề nghị mới, mà ngoài việc sửa đổi thời gian ấn định rút quân, trao trả tù binh và tổng tuyển cử, nội dung cơ bản của đề nghị nhằm chi tiết hóa thành phần và nguyên tắc của "*chính phủ hòa hợp dân tộc miền Nam Việt Nam*":

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

"- Tại trung ương thì có chánh phủ hòa hợp trung ương.

- Thành lập các Ủy ban hòa hợp dân tộc với ba thành phần ngang nhau tại các đơn vị hành chánh như tỉnh, quận và xã.

- Trong lúc đó thì Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn tồn tại và quản lý hành chánh những vùng mình kiểm soát.

- Chính phủ này sẽ hoạt động theo nguyên tắc là không phe nào được lấn át hay áp lực phe khác trong chính phủ"[1].

Trong cuộc đàm phán riêng ngày 16-9-1972, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục chi tiết hóa hơn nữa thành phần của chính phủ hòa hợp dân tộc ở miền Nam Việt Nam với các nội dung:

"- Chính phủ này gồm mười hai ủy viên, có một chủ tịch đoàn gồm ba người đại diện của ba thành phần; ba người này thay phiên nhau làm chủ tịch của chủ tịch đoàn trong từng thời gian nhất định.

- Chính phủ này làm việc theo nguyên tắc nhất trí.

- Trực thuộc chính phủ này có năm ủy ban: Ủy ban quân sự liên hợp, Ủy ban chính trị, Ủy ban tổng tuyển cử, Ủy ban dự thảo hiến pháp và Ủy ban đối ngoại"[2].

Trước diễn tiến mau lẹ của cuộc đàm phán bí mật Kissinger – Lê Đức Thọ, mà chiều hướng dẫn tới sự loại bỏ chế độ Thiệu, chính quyền Sài Gòn ra sức phản đối. Mặc dù đồng ý với những nội dung cơ bản của dự thảo của Hoa Kỳ ngày 1-8-1972, ngày 27-7-1972, chính quyền Sài Gòn gửi giác thư (Memorandum) cho Nhà Trắng, cố gắng đòi hỏi một sự bảo đảm cho sự tồn tại của chế độ Thiệu:

---

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

Thứ nhất, chính quyền Sài Gòn ra điều kiện với Hoa Kỳ: *"muốn có một giải pháp chính trị nội bộ"* thì Quân đội nhân dân Việt Nam phải triệt thoái ra khỏi miền Nam Việt Nam – điều mà Kissinger tránh né để cập đến trong bản dự thảo, nhằm tạo sự mập mờ nếu để nghị được chấp thuận.

Thứ hai, đối với vấn đề ngừng bắn, chính quyền Sài Gòn đòi hỏi phi lý *"rằng cuộc ngưng bắn phải bao gồm toàn cõi Đông Dương"*.

Cuối cùng về ấn định thời gian từ chức của Tổng thống và Phó Tổng thống chính quyền Sài Gòn trong cuộc bầu cử thành lập chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam, Nguyễn Văn Thiệu vẫn khăng khăng đòi hỏi được quyền quyết định và phải tùy thuộc vào mức độ giảm tương ứng các hoạt động quân sự của cách mạng[1].

Ngày 17 và 18-8-1972, trong cuộc gặp với chính quyền Sài Gòn, cùng với việc thông báo dự thảo để nghị đáp lại để nghị ngày 1-8-1972 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Kissinger cố gắng vỗ về Nguyễn Văn Thiệu đối với sự xuống thang của Hoa Kỳ. Ông ta nói rằng: *"sở dĩ phải đáp ứng thiện chí của cộng sản là để cho qua hai tháng trước ngày bầu cử, và sau đó nếu cộng sản vẫn còn ngoan cố thì lại giải pháp 8-5-1972"*[2].

Ngày 31-8-1972, đích thân Tổng thống Nixon gửi thư cho Nguyễn Văn Thiệu để khẳng định quan điểm của Hoa Kỳ:

"Tôi rất vui mừng được Đại sứ Bunker trình bày đầy đủ về những quan điểm của Tổng thống đối với các cuộc thương nghị hiện đang diễn tiến mà chánh phủ ta trong thời gian gần đây đã trao đổi một số ý kiến chi tiết. Dựa trên báo cáo của Đại sứ Bunker, chúng tôi đã có một số sửa đổi trong để nghị chính và để nghị về cách đàm phán của chúng

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

tôi, mà Đại sứ Bunker sẽ thảo luận với Tổng thống. Tôi tin rằng những dự thảo mới của chúng tôi sẽ là một đề nghị hòa bình xây dựng, phản ánh chủ tâm của chúng ta có một giải pháp hòa bình danh dự bảo đảm được cho nhân dân miền Nam Việt Nam quyền quyết định tương lai của mình mà không bị ép buộc chấp nhận một giải pháp nào hoặc bị một sự can thiệp nào từ bên ngoài.

Đại sứ Bunker sẽ trình Tổng thống chi tiết của quan niệm của chúng tôi về vấn đề này. Xin Tổng thống tin chắc rằng Đại sứ Bunker nói nhân danh tôi.

Vào thời gian tế nhị này trong cuộc thương thuyết, tôi xin xác nhận với Tổng thống, một cách thẳng thắn và mạnh dạn về lập trường căn bản của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ đã không từ chối đến nay với bao nhiêu hy sinh về sanh mạng, để rồi thay đổi hướng trong những tháng cuối cùng năm nay. Giờ đây, chúng tôi sẽ không làm những gì chúng tôi đã từ chối không làm trong 3 năm rưỡi qua. Nhân dân Hoa Kỳ hiểu rằng Hoa Kỳ không thể mua hòa bình hoặc danh dự hoặc chuộc lại những sự hi sinh của mình bằng cách từ bỏ một đồng minh anh dũng. Tôi sẽ không thể làm điều này và sẽ không bao giờ làm.

Công việc chánh yếu của chúng ta giờ đây là hợp tác chặt chẽ trong tinh thần hoàn toàn chân thật và tin tưởng lẫn nhau, như chúng ta đã thành công trong những năm qua. Mục đích của chúng ta là một mục đích chung và hỗ tương. Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Bunker liên lạc chặt chẽ với Tổng thống, để có những cuộc thảo luận và tham khảo chi tiết và đầy đủ bất cứ trong giai đoạn nào"[1].

Song sự vỗ về của Hoa Kỳ không làm Nguyễn Văn Thiệu nguôi ngoai. Những ngày cuối tháng 8-1972, Thiệu ngày càng tỏ ra kháng cự mạnh mẽ trước sự xuống thang của Hoa Kỳ trong đàm phán. Ông

1. Bản dịch thư Nixon gởi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, ngày 31-8-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

ta đã soạn và ký vào thư phản đối đề ngày 30-8-1972 để gửi Tổng thống Nixon nhưng sau đó đã không gửi đi. Bức thư có đoạn:

"I would like to extend to you warmest congratulation on your brilliant nomination by the Republican party to run again in order to continue to lead the people of the United States and to fulfill your aspirations to restore peace and stability for the world and at the same time to promote an era of development through cooperation.

I sincerely wish you a brilliant reelection.

I take this opportunity to inform you that during the two-day visit of Dr. Kissingger we have discussed in detail all the points of the Communist new peace proposal as well as the counter proposal Dr. Kissinger had submitted.

We had discussed extensively all the points in the proposals except point 4. We had not discussed point 4 because we consider it a very delicate problem which affects the life and death of more than 17 million and a half South Vietnamese. We had taken two weeks of thorough discussions to analyze point 4 and come up with a proposal which incorporates both liberal and constructive aspects an initiative to restore peace while at the same time preserving the life of our nation.

However, on August 29, just one day after we gave Ambassador Bunker our proposal, Ambassador Bunker transmitted us a Memorandum the content of which seems to flatly reject our ideas.

We deeply regret it, and we think that the ideas which we have thoroughly deliberated on for two deserve more detailed analyses.

The close relationship between our two peoples in the common cause and the special understanding between us have made me always try to fulfill what I have often said, and that is to help you to help us in order to bring back a solid peace for Vietnam in which the people of the United States have contributed a great part.

I wish that you would always remember that I consider the honor of my personal position as meaningless compared with countless great sacrifices of the combatants and peoples of the United States and Vietnam and the possibility to exchange for a just peace, important not only for 17 million and a half South Vietnamese people but also for this region of the world, provided that the great sacrifices in lives and properties of our peoples would not be in vain"[1].

---

1. Lược dịch: *"Tôi chúc mừng ngài vì đã được Đảng Cộng hòa đề cử ra tranh cử Tổng thống, để một lần nữa có cơ hội tiếp tục lãnh đạo nhân dân Hoa Kỳ và thực hiện nguyện vọng khôi phục lại hòa bình và ổn định cho thế giới và thúc đẩy một kỷ nguyên phát triển thông qua hợp tác.*

Tôi chân thành mong ngài tái tranh cử thành công.

Nhân cơ hội này, tôi thông báo cho ngài rằng trong chuyến thăm hai ngày của Tiến sĩ Kissingger, chúng tôi đã thảo luận chi tiết tất cả các điểm trong bản đề nghị hòa bình mới của cộng sản, cũng như bản phản đề nghị của Tiến sĩ Kissinger.

Chúng tôi đã thảo luận và thông nhất tất cả các điểm trong đề nghị trừ điểm 4. Bởi vì chúng tôi coi nó là một vấn đề rất tế nhị ảnh hưởng sự tồn tại của miền Nam Việt Nam. Trong hai tuần, chúng tôi đã phân tích kỹ lưỡng điểm 4 và đi đến một đề nghị để khôi phục lại hòa bình trong khi vẫn duy trì sự tồn tại của chúng tôi.

Tuy nhiên, ngày 29 tháng 8, chỉ một ngày sau khi chúng tôi đưa cho Đại sứ Bunker bản đề nghị, Đại sứ Bunker trao cho tôi một Biên bản ghi nhớ nội dung (cuộc tiếp xúc mật Kissinger – Lê Đức Thọ) trong đó có vẻ thẳng thừng từ chối sáng kiến của chúng tôi.

Chúng tôi rất lấy làm tiếc, và chúng tôi nghĩ rằng chúng ta cùng phải triệt để thảo luận các đề nghị.

Mối quan hệ chặt chẽ giữa hai đất nước trong sự nghiệp chung và sự hiểu biết đặc biệt giữa chúng ta đã làm cho tôi luôn luôn cố gắng để hoàn thành những gì tôi đã thường nói, đó là để giúp các ngài, để giúp chúng tôi mang lại một nền hòa bình vững chắc cho Việt Nam, nơi mà người dân Hoa Kỳ đã đóng góp một phần lớn.

Tôi mong rằng ngài sẽ luôn luôn nhớ rằng, tôi xem xét danh dự của cá nhân là vô nghĩa so với sự hy sinh rất lớn của binh lính và nhân dân của Hoa Kỳ để cho một nền hòa bình, quan trọng không chỉ cho 17 triệu và một nửa Việt Nam mà còn cho các cả khu vực. Những hy sinh lớn lao về người và của cho chúng tôi sẽ không là vô ích" (Dự thảo thư của Nguyễn Văn Thiệu gửi Tổng thống Nixon ngày 30-8-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII).

Nhưng bỏ qua thái độ của chính quyền Thiệu, ngày 8-10-1972, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao cho Hoa Kỳ bản đề nghị được trình bày dưới hình thức một hiệp định sẵn sàng để ký kết, có tên là *"Hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam"*[1]. Nội dung cơ bản của dự thảo Hiệp định gồm các điểm chính:

"1. Một cuộc ngừng bắn tại chỗ tại miền Nam Việt Nam kể từ giờ H ngày N.

2. Việc Hoa Kỳ ngừng hết mọi hành động chiến sự đối đầu với Bắc Việt, nghĩa là ngưng oanh tạc và gài mìn.

Sau khi có đình chỉ chiến sự thì:

– Tất cả lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh ở nguyên vị trí trong khi chờ đợi Ban Liên hợp quân sự bốn phe ấn định cách thức rút quân. Các quân lực này phải rút hoàn toàn (quân đội, cố vấn quân sự, nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên liên hệ đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh...) và phá hủy các căn cứ quân sự. Công việc này phải hoàn tất trong vòng 2 tháng.

– Tất cả tù binh và thường dân bị bắt phải được trao trả trong vòng 2 tháng.

– Lực lượng võ trang hai bên miền Nam Việt Nam ở nguyên vị trí trong khi chờ đợi Ban Liên hợp quân sự hai phe ấn định vùng kiểm soát và thể thức đóng quân. Sau đó lực lượng võ trang hai bên miền Nam bắt đầu giảm quân số và giải ngũ số quân này.

– Hai bên miền Nam phải thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, bảo đảm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, tự do hoạt động, tự do báo chí,...

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

– Hai bên miền Nam hiệp thương và thành lập một cơ cấu chính quyền lấy tên là Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc với ba thành phần ngang nhau. Hội đồng này phải được thành lập trong vòng 15 ngày sau khi ký kết hiệp định, và sau đó hai bên miền Nam sẽ thành lập những hội đồng ở cấp dưới. Hội đồng này sẽ hoạt động theo nguyên tắc nhất trí. Hai bên miền Nam Việt Nam phải thảo luận và ký kết một hiệp định về các vấn đề nội bộ trong vòng ba tháng sau khi ký kết hiệp định.

Nhiệm vụ của hội đồng là để tổ chức tổng tuyển cử trong vòng 5 tháng sau khi ký kết hiệp định và hai tháng trước ngày bầu cử, đương kim Tổng thống và Phó Tổng thống VNCH từ chức.

Hội đồng này hoạt động như một siêu chính phủ cạnh Chính phủ VNCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, và có nhiệm vụ khuyến khích hai bên miền Nam Việt Nam thi hành những hiệp định được ký kết, thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc bảo đảm các quyền tự do dân chủ và ấn định thể thức và thủ tục tổng tuyển cử.

– Thành lập các Ban liên hợp quân sự bốn phe để kiểm soát các cuộc ngừng bắn, việc rút quân và hủy bỏ các căn cứ quân sự, và việc trao trả tù binh và thường dân bị bắt.

– Thành lập các Ban liên hợp quân sự hai phe để kiểm soát cuộc ngừng bắn tại chỗ tại miền Nam, việc giảm thiểu quân số và giải ngũ.

– Thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát gồm bốn quốc gia: Ba Lan, Hung Gia Lợi (Hungary), Gia Nã Đại (Canada) và Nam Dương (Indonesia). Ủy ban này sẽ kiểm soát và giám sát các khía cạnh quân sự và chính trị của hiệp định và sẽ giải quyết các vụ bất đồng giữa các phe trong những ban liên hợp quân sự.

– Triệu tập một hội nghị quốc tế trong vòng 30 ngày sau khi ký kết hiệp định. Thành phần tham dự hội nghị này gồm có: Nga Sô, Trung Cộng, Pháp, Anh, bốn phe tham dự Hội nghị Ba Lê về Việt Nam, bốn

quốc gia trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát và ông Tổng thư ký Liên hợp quốc"[1].

Từ ngày 8 đến ngày 11-10-1972, hai phái đoàn Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thảo luận kỹ lưỡng về các điều khoản của Hiệp định. Đến ngày 17-10, tại Paris, hai bên duyệt lại lần cuối và đi đến thống nhất lịch trình ký kết Hiệp định.

Sau đó, từ ngày 19 đến 23-10-1972, Kissinger được chỉ thị thuyết phục Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận dự thảo hiệp định. Trong khi, tại Washington, Tổng thống Nixon ồ ạt gửi quân trang, quân dụng, vũ khí đạn dược cho chính quyền Sài Gòn[2]. Ngày 23-10-1972, trái với cam kết, Hoa Kỳ lấy lý do Nguyễn Văn Thiệu chưa chấp nhận dự thảo nên phải tiếp tục thảo luận những vấn đề mới mà không đả động đến việc thực hiện các thỏa thuận theo thời gian đã ấn định.

Ngày 26-10-1972, phản đối việc phá bỏ cam kết của Hoa Kỳ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố dự thảo Hiệp định, cùng những cam kết của Hoa Kỳ trong các cuộc đàm phán mật và lên án *"Hoa Kỳ đã không giữ lời hứa ký Hiệp định như đã dự trù"*[3]. Cùng ngày, qua việc trích lại tuyên bố trên trong bài diễn văn tại phiên họp thứ 164, Bộ trưởng Xuân Thủy đã cho thấy quá trình đàm phán mật thống nhất về nội dung bản dự thảo Hiệp định và ấn định thời gian ký kết giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ. Nguyên văn đoạn trích tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong bài diễn văn của Bộ trưởng Xuân Thủy như sau:

---

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, *Tlđd.*

3. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, *Tlđd.*

"Qua nhiều ngày đàm phán, ngày 17-10-1972, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ đã thỏa thuận về hầu hết các vấn đề trên cơ sở bản dự thảo Hiệp định của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chỉ còn hai vấn đề chưa thỏa thuận được. Với thiện chí của mình, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm hết sức mình để gạt bỏ những trở ngại cuối cùng, đã thỏa thuận những đề nghị của phía Mỹ về hai vấn đề cuối cùng còn lại trong Hiệp định. Trong thông điệp ngày 20-10-1972, gửi Thủ tướng Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tổng thống Mỹ hoan nghênh thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và xác nhận rằng văn bản Hiệp định có thể xem là đã hoàn thành. Nhưng cũng trong thông điệp đó, Tổng thống Mỹ lại nêu lên một số điểm phức tạp. Với lòng mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã giải thích rõ quan điểm của mình về những điểm đó. Trong thông điệp ngày 22-10-1972, Tổng thống Mỹ đã tỏ ý thỏa mãn về những lời giải thích của Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy là đến ngày 22-10-1972, văn bản Hiệp định đã được hoàn thành.

Những vấn đề chủ yếu của Hiệp định đã được thỏa thuận tóm tắt như sau:

1. Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định năm 1954 đã công nhận.

2. Hai mươi bốn giờ sau khi ký kết Hiệp định, ngưng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, Mỹ chấm dứt mọi hoạt động quân sự, chấm dứt ném bom và thả mìn ở miền Bắc Việt Nam. Mỹ rút hết khỏi miền Nam Việt Nam trong sáu mươi ngày quân đội và nhân viên quân sự của Mỹ và các nước ngoài đồng minh của Mỹ và của VNCH. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh bị hao mòn hoặc hư hỏng từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm

và tính năng. Mỹ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam.

3. Trao trả tất cả những người của các bên bị bắt và giam giữ song song với việc rút quân Mỹ.

4. Những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là: nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định trong tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế, Mỹ không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào ở miền Nam Việt Nam và không tìm cách áp đặt một chánh phủ thân Mỹ ở Sài Gòn; thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc; bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân; thành lập một cơ cấu chính quyền lấy tên là Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau, để đôn đốc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chánh phủ VNCH thi hành các Hiệp định đã ký kết và tổ chức tổng tuyển cử. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các Hội đồng cấp dưới; vấn đề các lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh; trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận, có vấn đề các biện pháp giảm số quân của các lực lượng vũ trang hai bên và phục viên số quân đã giảm; hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một Hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt, và làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng ba tháng sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

5. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình.

6. Thành lập Ban Liên hợp Quân sự bốn bên, Ban Liên hợp Quân sự hai bên ở miền Nam Việt Nam.

Thành lập Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Triệu tập một hội nghị quốc tế về Việt Nam trong vòng ba mươi ngày kể từ khi ký kết hiệp định này.

7. Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chánh phủ Mỹ và Chánh phủ VNCH triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào đã được các Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Genève năm 1962 về Lào công nhận: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia đó. Các chánh phủ nói trên tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào. Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chánh phủ Mỹ và Chánh phủ VNCH cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác.

Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Lào và Campuchia, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Công việc nội bộ của Campuchia và của Lào do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Những vấn đề liên quan giữa ba nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

8. Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam sẽ tạo điều kiện thiết lập những quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi, giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Mỹ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ở toàn Đông Dương.

9. Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định này.

Hai bên cũng đã thỏa thuận về thời gian biểu cho việc ký kết Hiệp định. Ngày 9-10-1972, theo đề nghị của phía Mỹ, hai bên đã thỏa thuận: ngày 18-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 19-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp định tại Hà Nội; ngày 26-10-1972, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký chính thức Hiệp định tại Paris.

Ngày 11-10-1972, phía Mỹ lại đề nghị thay đổi thời gian biểu như sau: ngày 21-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 22-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp định tại Hà Nội; ngày 30-10-1972, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký chính thức Hiệp định tại Paris. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thỏa thuận thời gian biểu mới của Mỹ.

Ngày 20-10-1972, phía Mỹ mượn cớ còn một số điểm chưa thỏa thuận, lại đưa ra một thời gian biểu khác: ngày 23-10-1972, Mỹ chấm dứt ném bom, thả mìn ở miền Bắc; ngày 24-10-1972, hai bên ký tắt văn bản Hiệp định tại Hà Nội; ngày 31-10-1972, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hai nước ký chánh thức Hiệp định tại Paris. Với thiện chí của mình, mặc dầu phía Mỹ đã nhiều lần sửa đổi những điều đã thỏa thuận, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đồng ý với đề nghị của phía Mỹ và nhấn mạnh phía Mỹ không được đưa bất cứ lý do gì để thay đổi thời gian biểu đã thỏa thuận"[1].

Tuyên bố ngày 26-10-1972 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay lập tức lôi cuốn sự chú ý của dư luận. Trong khi, được phát biểu trước trong phiên họp 164 nhưng William J. Porter – Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, đã không đọc bài diễn văn soạn sẵn mà chỉ nói vỏn vẹn ba câu: "*Tôi nghĩ rằng tốt hơn hết là tôi không có bài phát biểu chính thức hôm nay vào lúc này. Tôi có thể sẽ có những nhận xét sau. Chúng tôi không thấy gì trở ngại nếu quý vị muốn đọc ngay*

1. Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 164, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 17719, PTTg, TTLTII.

bài phát biểu của quý vị, hoặc nếu quý vị muốn thì chúng ta có thể tạm nghỉ như thường lệ"[1].

Tại Hoa Kỳ, Kissinger họp báo biện minh: "*vấn đề thời biểu chỉ có tính cách giả định và mọi việc đều phải có sự ưng thuận của Việt Nam Cộng hòa... chỉ còn vài vấn đề chi tiết trong dự thảo Hiệp định để giải quyết và chỉ cần một cuộc gặp gỡ chót thì ký ngay*"[2].

Đến đây, sau hơn 4 năm tính từ tháng 5-1968, quá trình đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đạt được kết quả to lớn với sự ra đời của bản dự thảo "*Hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam*" (Tên tiếng Anh: "*Agreement on ending the war and restoring peace in Viet Nam*"). Tuy nhiên, kết quả trên lại không ra đời trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris về Việt Nam mà hình thành sau cuộc tổng tiến công Xuân - Hè 1972 của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, trong thời gian rất ngắn - 3 tháng 10 ngày (từ ngày 1-8-1972 đến 11-8-1972) bằng thời gian các bên đàm phán đi đến thống nhất vấn đề thủ tục của Hội nghị bốn bên về Việt Nam tại Paris (từ ngày 1-11-1960 đến 18-1-1969), bởi cuộc đàm phán bí mật giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Kissinger. Đây cũng là đặc điểm nổi bật của tiến trình đàm phán đi đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam giữa một nước nhỏ (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) với một cường quốc (Hoa Kỳ). Mặc dù thất bại tại miền Nam Việt Nam, nhưng với danh dự của một cường quốc, Hoa Kỳ muốn rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự và không thể thừa nhận sự thua cuộc một cách công khai trên bàn hội nghị. Đồng thời, tự cho mình có vai trò sen đầm quốc tế, Hoa Kỳ chưa bao giờ thừa nhận xâm lược Việt Nam, mà chỉ thừa nhận tư cách "đồng

1. Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 164, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 17719, PTTg, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

minh" trong cuộc chiến tranh nội bộ giữa những người "quốc gia" và cộng sản ở Việt Nam. Vì vậy, trong đàm phán, cũng như trong các cam kết quốc tế về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Hoa Kỳ luôn cần sự đồng thuận một cách công khai của chính quyền Sài Gòn. Mà việc thúc ép chính quyền Thiệu chấp nhận dự thảo *"Hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam"* những tháng cuối năm 1972 là sự thể hiện cụ thể.

2. Sự "lo sợ" của Nguyễn Văn Thiệu

Việc chỉ được biết thông tin về bản dự thảo và thời gian biểu cho việc ký kết Hiệp định thông qua dư luận báo chí, khiến Nguyễn Văn Thiệu tỏ ra "bất phục" với Hoa Kỳ. Và "lo sợ" ký kết Hiệp định với điều khoản quy định về cuộc tổng tuyển cử trong thời điểm phần đông dân chúng miền Nam Việt Nam đang hướng lòng theo cách mạng, sẽ đồng nghĩa với việc bị mất "chiếc ghế" tổng thống. Do đó, trong thời gian từ ngày 26-10 đến ngày 7-11-1972, Nguyễn Văn Thiệu cấp tốc cử ba đại sứ đi đến 12 quốc gia ở châu Á nhằm rêu rao lập trường đối với bản dự thảo Hiệp định, gián tiếp công kích Hoa Kỳ trước dư luận. Đồng thời, Nguyễn Văn Thiệu liên tục gửi công hàm cho Hoa Kỳ, nói rõ rằng: *"những vấn đề cần phải giải quyết trong dự thảo Hiệp định là những vấn đề căn bản chứ không phải là những vấn đề chi tiết hay ngôn ngữ như ông Kissinger đã tuyên bố"*[1] và đòi hỏi *"Hoa Kỳ cho biết rõ về những gì Hoa Kỳ hứa hẹn với Bắc Việt theo như họ tiết lộ"*[2].

Trước phản ứng quá mạnh của Nguyễn Văn Thiệu, ngày 29-10-1972, Nixon gửi thư cho Nguyễn Văn Thiệu nhằm làm giảm bớt sự công kích nhưng không có hiệu quả, trong khi dư luận ngày càng

1. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

tỏ ra phản ứng mạnh trước sự trì hoãn của Nixon. Hãng UPI cho rằng Việt Nam đã đưa quả bóng sang sân của Hoa Kỳ. Hãng tin Pháp AFP nhận xét: Nixon đã bị dồn vào chân tường và buộc phải lựa chọn, hoặc ký sớm Hiệp định, bỏ rơi Thiệu, hoặc tiếp tục chiến tranh. Còn các nhân vật đối lập trong Quốc hội Hoa Kỳ đòi Nixon phải có trách nhiệm ký Hiệp định sớm, không thể để Thiệu muốn làm gì thì làm và họ cho rằng Nguyễn Văn Thiệu đang thách thức lòng tự trọng của nhân dân Hoa Kỳ[1]. Vì vậy, ngày 2-11-1972, để xoa dịu dư luận, Nixon tuyên bố trên truyền hình, bản dự thảo còn có những phần "mập mờ" "cần làm rõ trước khi ký kết bản hiệp định cuối cùng". Đồng thời, để tỏ chứng minh với Thiệu, Hoa Kỳ không "bỏ rơi" chính quyền Sài Gòn và việc ký kết Hiệp định hoàn toàn nằm trong kế hoạch, Nixon ra lệnh cho máy bay chiến lược B.52 ném bom phía Bắc khu phi quân sự.

Ngày 7-11-1972, vượt qua các chướng ngại, Richard Nixon tái đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ thứ 38. Ngay hôm sau, ngày 8-11-1972, Nixon gửi bức thư đầu tiên trong cương vị Tổng thống thứ 38 của Hoa Kỳ răn đe Nguyễn Văn Thiệu và cũng để nói rõ kế hoạch của ông ta đối với việc ký kết Hiệp định Paris. Nội dung bức thư như sau:

"Hôm nay, sau cuộc tái đắc cử của tôi, tôi xin mở lại cuộc đối thoại giữa chúng ta về dự thảo Hiệp định để chấm dứt chiến tranh.

Trước hết, tôi phải bày tỏ sự thất vọng sâu xa của tôi về cái mà tôi xem là một sự xa cách dần dần trong mối bang giao giữa hai quốc gia chúng ta, một khuynh hướng mà chỉ có hại cho những mục tiêu chung của chúng ta và có lợi cho kẻ thù. Việc Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu – BT) *liên tục bóp méo và công kích Hiệp định là không đúng (unfair) và biểu lộ tinh thần chủ bại (self defeating). Những sự công kích này*

1. George Aiken: *Nhật ký Thượng nghị viện*, Brattleboro, 1976, tr.59-60

vẫn tiếp tục, mặc dù chúng tôi đã lưu ý nhiều lần, kể cả bức thư của tôi cho Tổng thống vào ngày 29-10. Những sự công kích này đã làm cho tôi ngỡ ngàng và rất lúng túng.

Trong những thơ trước của tôi cho Tổng thống và trong những lần trình bày của Tiến sĩ Kissinger và Đại sứ Bunker, chúng tôi đã giải thích nhiều lần tại sao chúng tôi xem dự thảo Hiệp định này là một dự thảo hiệp định đúng đắn. Chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng, nó phản ảnh những sự nhượng bộ to lớn của phía bên kia, bảo vệ độc lập của miền Nam Việt Nam và dành tương lai chính trị cho chính nhân dân miền Nam Việt Nam giải quyết. Tổng thống cũng được thông báo đầy đủ về sự tăng viện ồ ạt hiện đang diễn tiến để củng cố lực lượng VNCH trước một cuộc ngừng bắn. Tôi đã nhiều lần đưa ra những bảo đảm vững chắc đối với trường hợp Hiệp định có thể bị vi phạm. Tôi đã đề nghị gặp Tổng thống sớm ngay sau khi Hiệp định được ký kết để tiêu biểu cho sự hỗ trợ không ngừng của chúng tôi. Nơi đây, tôi sẽ không kể lại tất cả những lý lẽ giải thích và công việc đã được làm. Những công việc ấy vẫn còn có giá trị. Trong tinh thần của lá thơ này, những tố cáo một vài cộng sự viên của Tổng thống đang trở thành càng ngày càng khó hiểu.

Tuy nhiên, dù trong trường hợp nào, chúng tôi cũng quyết định đi tới trên căn bản của dự thảo Hiệp định và những sự sửa đổi mà Tướng Haig sẽ thảo luận với Tổng thống và chúng tôi quyết định đạt được từ phía Bắc Việt. Đối với những sự sửa đổi trong Hiệp định, tôi xin nói rõ nơi đây những gì chúng tôi làm được và không làm được:

– Đối với những điều khoản chính trị, chúng tôi sẽ làm yếu bớt việc dịch ra Việt văn danh từ "administrative structure"(cấu trúc hành chính) để cho thấy rõ hơn rằng Hội đồng quốc gia này (Hội đồng hòa giải quốc gia và hòa hợp dân tộc – BT) *không phải là một cơ cấu chính quyền. Như Tổng thống biết, chúng tôi đã không bao giờ đồng ý việc Bắc Việt dùng danh từ "chính quyền" và chúng tôi sẽ làm hết sức để thay vào đó danh từ "hành chánh". Trong điều 9F chúng tôi sẽ cố để có được một câu để nói rõ rằng thành phần của Hội đồng này sẽ do đôi*

bên cử đồng nhau. Trong điều 9G, chúng tôi sẽ cố gắng giảm bớt những nhiệm vụ của Hội đồng mà hiện nay đã yếu rồi. Dù trong trường hợp nào, như chúng tôi đã giải thích cho Tổng thống nhiều lần thật rõ là Hội đồng này không có quyền hành chánh phủ.

– Đối với vấn đề lực lượng Bắc Việt tại miền Nam, chúng tôi sẽ giải quyết nó bằng hai cách. Thứ nhất, chúng tôi sẽ cố đạt được một sự triệt thoái đơn phương trên thực tế (de facto) của vài sư đoàn Bắc Việt ở vùng cực Bắc của miền Nam. Thứ hai, chúng tôi sẽ thêm vào đoạn cuối của điều 9H một lối hành văn để quy định rằng những lực lượng phải được giải ngũ trên căn bản một đổi một và họ phải trở về nơi cư ngụ của họ.

– Đối với vùng phi quân sự, chúng tôi sẽ cố đạt được trong chương 5 một lối hành văn để nói lên rằng vùng phi quân sự phải được các bên tôn trọng.

– Ở điều 15D chúng tôi sẽ nhấn mạnh vào việc hủy bỏ việc đề cập không cố ý đến "ba quốc gia Đông Dương" và thế vào đó "những quốc gia Đông Dương".

– Ngoài ra, chúng tôi sẽ cố hết sức để đạt được càng nhiều càng tốt những sự sửa đổi trong lối hành văn mà Chính phủ VNCH đã đề nghị mà thực ra có tính chất kỹ thuật.

Chúng tôi sẽ nỗ lực tối đa để ghi những sự sửa đổi này trong Hiệp định. Tuy nhiên, tôi không muốn để Tổng thống có ảo tưởng nào là chúng tôi có thể hoặc sẽ đi xa hơn những sự sửa đổi đó với mục đích cải thiện một hiệp định mà chúng tôi đã xem là rất tốt.

Đối với tôi, hình như Tổng thống có hai sự lựa chọn cốt yếu: Tổng thống có thể sử dụng sự ủng hộ của quần chúng mà những hành động vừa qua của Tổng thống đã động viên được để cho rằng đã đạt được chiến thắng quân sự mà thỏa hiệp phản ánh và đoàn kết làm việc với đồng minh mạnh nhất của Tổng thống để đem lại một chiến thắng chính trị mà những điều kiện dẫn đến mục tiêu này thật sự hiện hữu.

Tổng thống có thể lấy sáng kiến chánh trị và tâm lý bằng cách đón nhận thỏa hiệp và thi hành những điều khoản của nó một cách tích cực. Trong trường hợp này, tôi xin nhắc lại đề nghị của tôi gặp Tổng thống ngay sau khi ký kết thỏa hiệp, để nhấn mạnh sự hợp tác chặt chẽ và liên tục của chúng ta.

Sự lựa chọn khác đối với Tổng thống là tiếp tục những gì Tổng thống đang làm. Theo tôi, điều này có lợi cho đối phương và có thể có hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với hai dân tộc chúng ta và là một sự tai hại đối với Tổng thống.

Tôi xin Tổng thống nói với Đại tướng Haig liệu chúng tôi có thể xúc tiến một cách vững chắc trên căn bản này hay không. Chúng tôi đã đến chỗ mà chúng tôi cần phải biết một cách minh bạch liệu Tổng thống có hợp tác với chúng tôi trong nỗ lực mà Tướng Haig sẽ vạch ra những đường hướng chánh cho Tổng thống hay là chúng tôi phải nghĩ tới những phương thức hành động khác mà tôi tin rằng có thể sẽ tai hại cho quyền lợi hai quốc gia chúng ta.

Tôi hy vọng rằng Tổng thống và Chánh phủ VNCH sẵn sàng cộng tác với chúng tôi. Còn rất nhiều công việc chuẩn bị cần phải làm và chúng tôi tin rằng những ủy ban đặc nhiệm (task force) hỗn hợp Việt – Mỹ phải bắt đầu làm việc chung với nhau hầu chúng ta đạt được thế tốt nhất để thi hành giải pháp.

Tôi tin chắc Tổng thống đã đạt được một thắng lợi to lớn mà Hiệp định này sẽ phê chuẩn. Tôi có ý định xây dựng trên những thành quả đó. Tôi muốn được làm việc với Tổng thống và với Chánh phủ VNCH trong nhiệm kỳ thứ hai của tôi để bảo vệ tự do tại miền Nam Việt Nam trong thời bình cũng như chúng ta đã làm việc chung với nhau trong nhiệm kỳ đầu của tôi để bảo vệ nó trong thời chiến.

Trong 4 năm qua, Tổng thống và tôi đã là những đồng minh mật thiết và đồng minh quân sự. Sự liên minh giữa chúng ta đã đưa chúng ta đến chỗ mà hiện nay đối phương đang phải chấp nhận những điều

kiện mà bất cứ quan sát viên khách quan nào cũng nói là không thể nào đạt được 4 năm về trước. Sự liên minh giữa chúng ta và những thành quả của nó đều dựa vào căn bản niềm tin lẫn nhau. Nếu Tổng thống tiếp tục tin tôi, chúng ta sẽ cùng nhau thành công"[1].

1. Bản dịch thư Nixon gởi Nguyễn Văn Thiệu ngày 8-11-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII

Thư của Nixon gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 8-11-1972[1]

THE WHITE HOUSE

WASHINGTON

November 8, 1972

Dear Mr. President:

On this day after my reelection I wish to reopen our dialogue about the draft agreement to end the war.

I must first of all express my deep disappointment over what I consider to be a dangerous drift in the relationship between our two countries, a tendency which can only undercut our mutual objectives and benefit the enemy. Your continuing distortions of the agreement and attacks upon it are unfair and self-defeating. These have persisted despite our numerous representations, including my October 29 letter to you. They have been disconcerting and highly embarrassing to me.

In my previous communications, and in the presentations of Dr. Kissinger and Ambassador Bunker, we have repeatedly explained why we consider the draft agreement to be sound; we continue to believe that it reflects major concessions by the other side, protects the independence of South Vietnam, and leaves the political future to the South Vietnamese people themselves. You are fully informed as well about the massive resupply movement that is underway to strengthen your forces before a ceasefire. I have repeatedly given firm guarantees against the possibility that the agreement is violated. I have offered to meet with you soon after the agreement is signed to symbolize our continuing support. I will not recount here the numerous arguments, explanations, and undertakings that have been made. They all remain valid. In the light of this record, the charges made by some of your associates are becoming more and more incomprehensible.

We are in any event resolved to proceed on the basis of the draft agreement and the modifications which we are determined to obtain from the North Vietnamese which General Haig will discuss with you. With regard to these changes in the agreement, I wish to make clear what we can and cannot do:

1. Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

13

2

-- With respect to the political provisions, we will weaken the Vietnamese translation of the phrase "administrative structure" to make even clearer the fact that the National Council is in no way a governmental body. As you know, we never agreed to the North Vietnamese use of the phrase "chinh quyen" and we will do our utmost to see that the phrase "hanh chanh" is substituted. In Article 9(f) we will also press for a sentence that makes clear that the membership of the Council is appointed equally by both sides. And in Article 9(g) we will attempt to dilute the already weak functions of the Council. In any event, as we have explained to you on numerous occasions, it is obvious that the Council has no governmental authority.

-- With respect to North Vietnamese forces in South Vietnam, we will treat this problem in two ways. First, we will press for the de facto unilateral withdrawal of some North Vietnamese divisions in the northern part of your country. Secondly, we will introduce wording at the end of Article 9(h) which stipulates that troops should be demobilized on a one-to-one basis and that they should return to their homes.

-- With respect to the demilitarized zone, we will press in Chapter V for language that says it will be respected by the parties.

-- In Article 15(d) we will insist on deleting the inadvertent reference to "three Indochinese countries" and substituting "the Indochinese states."

-- In addition, we will do our best to obtain as many as possible of the changes in wording your government suggests which are of a more technical nature.

We will use our maximum efforts to effect these changes in the agreement. I wish to leave you under no illusion, however, that we can or will go beyond these changes in seeking to improve an agreement that we already consider to be excellent.

It seems to me you have two essential choices. You could use the public support your recent actions have mobilized to claim the military victory the agreement reflects and to work in

unity with your strongest ally to bring about a political victory for which the conditions exist. You could take the political and psychological initiative by hailing the settlement and carrying out its provisions in a positive fashion. In this case I repeat my invitation to meet with you shortly after the signature of the agreement, in order to underline our continued close cooperation.

The other alternative would be for you to pursue what appears to be your present course. In my view this would play into the hands of the enemy and would have extremely grave consequences for both our peoples and it would be disaster for yours.

Mr. President, I would like you to tell General Haig if we can confidently proceed on this basis. We are at the point where I need to know unambiguously whether you will join us in the effort General Haig is going to outline or whether we must contemplate alternative courses of action which I believe would be detrimental to the interests of both of our countries.

I hope that you and your government are prepared to cooperate with us. There is a great deal of preparatory work that needs to be done, and we believe joint US-GVN task forces should begin working together so that we will be in the best possible position to implement the settlement.

It is my firm conviction that your people, your armed forces, and you have achieved a major victory which the draft agreement would ratify. It is my intention to build on these accomplishments. I would like to work with you and your government in my second term to defend freedom in South Vietnam in peacetime as we have worked during my first term to defend it in conflict.

In four years you and I have been close personal and military allies. Our alliance has brought us to a position where the

13

4

enemy is agreeing to conditions which any objective observer said were impossible four years ago. Our alliance and its achievements have been based on mutual trust. If you will give me continued trust, together we shall succeed.

Sincerely,

Richard Nixon

His Excellency
Nguyen Van Thieu
President of the Republic of Vietnam
Saigon

Ngày 10-11-1972, Tướng Haig sang Sài Gòn, tận tay chuyển thư của Nixon, cùng bản chương trình cam kết sự hỗ trợ quân sự của Hoa Kỳ đối với chính quyền Sài Gòn nhằm có thể đánh thắng được Quân Giải phóng sau khi ký kết hiệp định. Nhưng sự đảm bảo của Hoa Kỳ chưa xoa dịu được sự "lo sợ" của Nguyễn Văn Thiệu, đáp lại những lời lẽ vỗ về của Nixon trong bức thư là những đường gạch đỏ với các dấu chấm hỏi của Nguyễn Văn Thiệu. Đặc biệt là đối với câu: *"Tôi tin chắc tổng thống đã đạt được một thắng lợi to lớn mà Hiệp định này sẽ phê chuẩn"*, Nguyễn Văn Thiệu đã phê trực tiếp vào bức thư: *"cũng tùy có thắng thật hay là cứ nói là thắng"*[1]. Đồng thời, ông ta tiếp tục từ chối bản dự thảo Hiệp định, với lý do *"khi mà các vấn đề căn bản sống còn của VNCH chưa được giải quyết thì VNCH không thấy có hy vọng gì giải quyết các điểm khác trong hiệp định vì những điểm này chỉ là tùy thuộc những điểm căn bản"*[2].

Ngày 11-11-1972, Nguyễn Văn Thiệu gửi thư cho Tổng thống Nixon nói rõ:

"Tôi đã nhận được thơ của Tổng thống đề ngày 8-11 do Tướng Haig chuyển cho tôi.

Trước hết tôi xin nhân cơ hội ngày chuyển tới Tổng thống một lần nữa những lời ngợi khen nồng nhiệt và thành khẩn của tôi về sự thắng cử vẻ vang của Tổng thống vào ngày 7-11 vừa qua. Đối với tôi, sự thắng cử chưa từng thấy này tiêu biểu cho sự chấp thuận của dân chúng Hoa Kỳ đối với những lý tưởng cao cả mà Tổng thống theo đuổi, và nhất là đối với việc Tổng thống kiên trì mưu tìm một nền hòa bình danh dự và công chính tại Việt Nam.

---

1. Bút phê của Nguyễn Văn Thiệu trên thư của Nixon gửi ngày 8-11-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

Chúng tôi sẽ mãi mãi biết ơn sâu xa sự trợ giúp dồi dào mà Hoa Kỳ đã dành cho VNCH... và nhất là đối với sự đoàn kết anh dũng của Hoa Kỳ sát cánh với chúng tôi trong cuộc chiến đấu.

Tôi tin chắc rằng hai chính phủ chúng ta vẫn chia sẻ hoàn toàn những lý tưởng và mục đích căn bản, như trong những năm qua khi Hoa Kỳ hiệp sức với chúng tôi trong cuộc chiến đấu và khi chiến sĩ Hoa Kỳ chiến đấu sát cánh với chúng tôi để bảo vệ những lý tưởng này...

Tôi ý thức được rằng dân tộc Hoa Kỳ đã mệt mỏi vì cuộc chiến dai dẳng này...

Nhưng tôi chia sẻ hoàn toàn quan điểm của Tổng thống là chính vì chúng ta tha thiết muốn và cần hòa bình, nền hòa bình mà chúng ta đang tích cực tìm kiếm phải là một nền hòa bình danh dự và công chánh. Để cho nền hòa bình có thể đáp ứng được tiêu chuẩn này, tôi tin chắc rằng một giải pháp hòa bình phải cho thấy một cách minh bạch là Bắc Việt... phải triệt thoái lực lượng về Bắc Việt, trong khi chờ đợi những cuộc thảo luận giữa Nam Việt Nam và Bắc Việt, để giải quyết bằng phương thức hòa bình những vấn đề giữa Bắc và Nam Việt Nam.

Nếu có một giải pháp cho phép Bắc Việt duy trì lực lượng của họ tại Nam Việt Nam, cuộc chiến đấu và những hy sinh của chúng ta trong bao nhiêu năm sẽ mất hết lý do. Những đồng minh của chúng ta sẽ được coi như là kẻ gây hấn, quân đội Nam Việt Nam trong trường hợp này sẽ ở trong vị trí của những kẻ đánh mướn, chiến đấu cho một chính nghĩa sai lầm, một chính nghĩa mà chúng tôi không còn dám nói lên.

Trong bối cảnh này, tôi nghĩ thật là bất công khi tôi bị lên án đã bóp méo dự án thỏa hiệp khi tôi kêu gọi sự lưu ý đến khía cạnh quan trọng này của vấn đề....

Vì đây là một điểm căn bản (Quân đội nhân dân Việt Nam phải đồng triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam – BT) *có ý nghĩa sống còn đối với VNCH, tôi biết ơn nếu Tổng thống giữ vững về điểm này.... Đó*

cũng là một vấn đề có mục đích cụ thể nhằm duy trì sự quân bình tinh thần và tâm lý trong một cuộc đấu tranh chính trị.

Vì các điều khoản chính trị, chúng tôi đồng ý với Tổng thống là Hội đồng hòa giải quốc gia và hòa hợp dân tộc không có quyền hành của một chính phủ.

Để xác định rõ hơn, chúng tôi đề nghị từ ngữ "cơ cấu chính quyền" mà cộng sản dùng được thay thế bằng từ ngữ "cơ quan hành chánh đặc trách bầu cử". Từ ngữ này cho thấy rõ ràng hơn là vai trò của Hội đồng hòa giải quốc gia và hòa hợp dân tộc chỉ là tổ chức và giám sát bầu cử.

Về thành phần của Hội đồng hòa giải quốc gia và hòa hợp dân tộc, Tổng thống có cho biết trong thơ là các ủy viên của Hội đồng phải được bổ nhiệm đồng nhau bởi hai phía. Trong ý niệm này, chúng tôi cho rằng từ ngữ "với ba thành phần đồng đều" cần phải được bỏ đi.

Như đã quy định trong dự thảo thỏa hiệp, những định chế phát sinh từ các cuộc bầu cử phải được thỏa thuận qua sự thảo luận giữa hai bên miền Nam Việt Nam.

Những điểm khác mà Tổng thống đã đề cập trong thơ ngày 8-11 đối với tôi có thể chấp nhận được, với những sự hiểu biết như sau:

Một điều khoản về việc tôn trọng vùng phi quân sự và lãnh thổ của nhau bởi hai miền Nam Bắc Việt Nam theo đúng Hiệp định Genève 1954, phải được thêm vào chương V.

Việc đề cập một cách vô tình đến "ba quốc gia Đông Dương" dĩ nhiên phải được bỏ đi. Chúng tôi đồng ý với việc dùng từ ngữ "các quốc gia Đông Dương". Từ ngữ này phải được hiểu là bốn quốc gia Đông Dương.

Ngoài ra, còn nhiều điểm khác trong dự án thỏa hiệp mà chúng tôi đã nêu lên và đã đề nghị thay đổi cách hành văn. Những điểm này dĩ nhiên là những điểm quan trọng. Chúng ta phải thỏa thuận

về những thay đổi này và thống nhất lập trường trước khi quý vị gặp phía Bắc Việt.

Vì lý do này, tôi đề nghị rằng hai chính phủ chúng ta phải chỉ định lập tức những ủy ban đặc nhiệm hỗn hợp để tìm cách thực thi những thay đổi này trong dự án thỏa hiệp.

Hơn nữa, tôi muốn lưu ý Tổng thống về hai điểm vô cùng quan trọng sau:

Tôi nghĩ là tính cách ủy viên của hai quốc gia cộng sản trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát cần phải xét lại để cho Ủy ban được quân bình và vô tư hơn.

Mặt khác, về hội nghị quốc tế được triệu tập sau khi ký kết thỏa hiệp ngừng chiến, chúng tôi đề nghị rằng thời gian của hội nghị phải được ấn định sau sự ký kết ngừng bắn tại Lào, Cộng hòa Khmer, vì một trong những mục đích chính của hội nghị là bảo đảm hòa bình tại Đông Dương. Ngoài ra, vì hội nghị bàn về những vấn đề quan trọng liên quan đến tương lai Đông Nam Á, chúng tôi đề nghị mời một số quốc gia Á châu khác tham dự.

Thưa Tổng thống,

Tôi tin chắc rằng không có sự bất đồng giữa hai quốc gia chúng ta về những mục đích căn bản của giải pháp hòa bình. Tuy nhiên, chúng ta cảm thấy rằng, chúng tôi phải đưa ra một số đề nghị cụ thể để thực thi những nguyên tắc chung về một vấn đề quan trọng đối với Hoa Kỳ và thiết yếu đối với VNCH. Do đó, khi thỏa hiệp được ký kết với Bắc Việt, chúng ta có thể cho rằng nó phản ảnh không phải một sự chiến thắng quân sự mà chúng tôi thật sự không tìm kiếm mà là một giải pháp danh dự.

Tôi không thể trình bày dài dòng về tất cả các điểm trong khuôn khổ thơ này. Vì vậy, tôi đã nhờ Tướng Haig chuyển tới Tổng thống những quan điểm của chánh phủ chúng tôi có nhiều chi tiết hơn"[1].

Ngày 12-11-1972, Tướng Haig trở lại Washington báo cáo Nixon về chuyến công du Sài Gòn.

Ngày 15-11-1972, Tướng Haig yêu cầu một phái viên chính quyền Sài Gòn sắp rời khỏi Washington, tới Nhà Trắng để chuyển đạt "ý chỉ" của Tổng thống Nixon. Tường trình của phái viên này cho thấy, âm mưu và mục đích rõ ràng của Hoa Kỳ đối với việc "thúc ép" Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận bản dự thảo Hiệp định. Theo đó, Nixon âm mưu sẽ tăng cường vũ khí, trang bị cho quân đội Sài Gòn và làm giảm đến mức tối đa sức mạnh quân sự của đối phương. Để sau khi ký kết Hiệp định, chính quyền Sài Gòn hoàn toàn có khả năng thắng được Quân Giải phóng về mặt quân sự, tạo ra thế mạnh và giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử. Đi đến chấm dứt chiến tranh trong thế thắng và Hoa Kỳ rút ra khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự. Điều này giải thích rõ cho những hành động của Nixon trước khi ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Tường trình nêu rõ:

"Trước khi rời Washington, Tướng Haig có mời tôi đến tòa Bạch Ốc để nhờ tôi chuyển trình Tổng thống (Nguyễn Văn Thiệu – BT) *các điểm sau đây mà Tướng Haig cho là cực kỳ quan trọng liên quan đến tình hình và tương lai Việt Nam:*

1. Sau khi sang Sài Gòn chuyến chót để trình bày các điểm về thỏa ước hòa bình với Tổng thống, Tướng Haig đã cố gắng trình lại Tổng thống Nixon những điểm mà Tổng thống đã bảo Tướng Haig "explorer"

1. Bản dịch thư của Nguyễn Văn Thiệu gửi Tổng thống Nixon ngày 11-11-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

(thăm dò*) xem ra sao. Sau khi vừa trình bày xong, Tướng Haig cho biết rằng chưa bao giờ ông thấy Tổng thống Nixon giận dữ như thế và cho rằng Tổng thống là một "obstacle"* (trở ngại*) cho việc tiến đến hòa bình. Và Tổng thống Nixon bảo, theo lời Tướng Haig: "Tôi sẽ không nhượng thêm một điều khoản nào nữa và nếu Tổng thống Thiệu cương quyết giữ lập trường thì chúng tôi sẽ đi đôi (bilateral) với Bắc Việt và điều này chúng tôi sẽ tiến hành ngay trong "week-end"* (cuối tuần*) này bằng cách gởi ông Kissinger sang Paris gặp Bắc Việt. Chừng ấy Sài Gòn sẽ không còn mong một sự giúp đỡ cỏn con nào về phần Hoa Kỳ".*

Tướng Haig tiếp: "Hôm nay, theo tôi biết (ngày 15-11-1972) tại Sài Gòn, Đại sứ Bunker được chỉ thị của Tổng thống Nixon trao lại cho Tổng thống một thư riêng cũng nhấn mạnh về điểm yêu cầu của Hoa Kỳ. Xin Tổng thống hợp tác với Hoa Kỳ để giúp họ đi sớm đến thỏa hiệp mà Hoa Kỳ cho rằng sẽ không thiệt thòi cho VNCH. Đây là bức thư thứ ba hoặc thứ tư gì rồi, nhưng vẫn chưa thấy Tổng thống đáp ứng".

Tướng Haig yêu cầu tôi trình Tổng thống điểm này nhiều nhứt và cho ông ấy biết phản ứng của Tổng thống lần này ra sao. Tôi hứa sẽ trình sớm và điện thoại riêng cho Tướng Haig đêm hôm qua (17-11-1972).

2. Tôi biết Tổng thống Thiệu e ngại việc có thể bị cộng sản lấn áp, nhưng tôi còn có đủ lực để ngăn chặn cộng sản làm điều này, với đệ nhất hạm đội và không lực Mỹ tại Thái Lan.

3. Về điểm rút quân Bắc Việt, Tổng thống cứ quyết liệt đòi quân Bắc Việt phải rút khỏi miền Nam, điều này có bao giờ có thể họ chấp nhận, nhưng chúng tôi đã có giải pháp bởi quân hoặc giải ngũ quân hai bên trên căn bản 1-1 (một đổi một – BT). *Như vậy sẽ không còn quân Bắc Việt và quân lực VNCH vẫn còn quân nhiều hơn để giữ vững lãnh thổ. Giải pháp này cũng đã khó cho họ chấp nhận rồi, làm thế nào đòi họ rút hết được. Nhưng chúng tôi hy vọng họ sẽ chấp nhận. Phía Hoa*

Kỳ chúng tôi đã thăm dò và có sự đồng ý của Nga Sô và Trung Cộng giúp đỡ thuyết phục Bắc Việt nhận giải pháp này để chấm dứt chiến tranh. Tóm lại, giải ngũ hoặc giảm quân trên căn bản 1-1 thực hiện trong vòng 3 tháng có quốc tế kiểm soát, như vậy VNCH không phải lo ngại về sự có mặt của quân Bắc Việt tại miền Nam.

4. Vùng vĩ tuyến cũ (DMZ) sẽ được tái lập và tôn trọng là điều chúng tôi cũng sẽ thảo luận và hy vọng thành công với CSBV (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – BT).

5. Về "coalition" (liên hiệp – BT) *đâu có vấn đề "coalition" mà đó chỉ là một "Advisory Committee"* (Hội đồng cố vấn – BT) *không quyền hạn gì và chỉ đưa góp ý kiến về thể thức tuyển cử thôi. Chúng tôi luôn luôn chống đối "coalition" nên không bao giờ để thua CS* (Cộng sản – BT) *điều này.*

6. Hoa Kỳ đã cố gắng rất nhiều khi thương thuyết đi đến thỏa hiệp với Bắc Việt để giữ vững tư thế lãnh đạo của Tổng thống Thiệu và chúng tôi biết Tổng thống Thiệu sẽ "stay forever" (ở lại mãi mãi – BT).

7. Hoa Kỳ đã đưa trên 1 tỷ Mỹ kim "hardware" để tăng cường quân lực VNCH đủ mạnh trước khi có ngừng bắn và chúng tôi sẽ tiếp tục giúp thêm cả viện trợ quân sự lẫn kinh tế với mức dồi dào để giúp Tổng thống Thiệu giữ vững tư thế lãnh đạo của ông.

8. CSBV biết rõ Hoa Kỳ sẽ rút và quân Đại Hàn cũng sẽ rút hết đến tháng 6-1972.

9. Chúng tôi (Hoa Kỳ – BT) *không muốn cho CSBV biết sự rạn nứt giữa Mỹ và VNCH, nên chúng tôi vẫn tuyên bố: việc thăm dò giữa VNCH và Hoa Kỳ rất "satisfied"* (hài lòng – BT). *Trong lúc đó, sáng nay (15-11-1972) tôi mở báo ra xem thì thấy ở Sài Gòn, ông Nhã, ông Lắm tuyên bố trái ngược, gây "embarras"* (khó khăn – BT) *cho chúng tôi không ít.*

10. Việc VNCH muốn tham dự mật đàm, chúng tôi hoan nghinh (welcome) ý kiến này và sẽ thảo luận với Bắc Việt. Theo tôi biết thì Tổng thống Thiệu cử Đại sứ Lâm tham dự và Đại sứ Lâm sẽ được chúng tôi "briefer" rõ từng điểm mỗi khi xong một buổi mật đàm, để theo dõi và góp thêm ý kiến.

11. Tóm lại chúng tôi (Hoa Kỳ – BT) *khẩn khoản yêu cầu Tổng thống Thiệu "collaborer"* (hợp tác – BT) *với chúng tôi và cần "solidaire"* (đoàn kết – BT) *với chúng tôi mới mong có giải pháp tốt cho VNCH nếu không "It will be the end"* (nó sẽ được kết thúc – BT)"[1].

Tại Paris, đại diện phái đoàn Hoa Kỳ cũng cố gắng gây sức ép buộc Nguyễn Văn Thiệu phải chấp nhận bản dự thảo Hiệp định. Báo cáo của phái đoàn Sài Gòn gửi Thiệu cho thấy rõ:

"Vị đại diện của Tổng thống (Nixon – BT) *cũng đã thông báo cho các vị đại sứ của tôi* (Nguyễn Văn Thiệu – BT) *tại Ba Lê rằng chúng ta hiện đang đối phó với một tình cảnh khó khăn xét rằng Hà Nội không có ý định nhượng bộ thêm nữa, và do đó, chúng ta phải lấy một quyết định sớm.*

Vị đại diện của Tổng thống còn cho các vị đại sứ của tôi tại Ba Lê biết rằng đối với Chính phủ Hoa Kỳ thì chỉ còn hai con đường: Một là Chính phủ VNCH hợp tác với Chính phủ Hoa Kỳ để hầu như chấp nhận tất cả các điều kiện của Bắc Việt; hai là, Chính phủ Hoa Kỳ sẽ phải thương thuyết một giải pháp riêng rẽ với Bắc Việt...

Những sự lựa chọn mà vị đại diện của Tổng thống đã trao cho chúng tôi thật là một vấn đề khó xử trí cho VNCH.

Theo các báo cáo tôi nhận được của các vị đại sứ của tôi tại Ba Lê tôi có cảm tưởng rằng Chính phủ VNCH đã không hợp lý khi tranh đấu

---

1. Tờ trình tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 18-11-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

về những vấn đề then chốt trên và tôi cũng có cảm tưởng rằng muốn tự cứu mình VNCH sẽ phải tuân theo những điều kiện của Chính phủ Hoa Kỳ...

Nếu quả thật vậy thì ... đã có một sự thay đổi so với những gì mà từ trước đến giờ Tổng thống với tôi đã cùng quan niệm với nhau về chủ thuyết của Tổng thống và chiến lược Việt Nam hóa"[1].

Ngày 20-11-1972, trong khi chờ đợi hồi đáp của chính quyền Sài Gòn, tại cuộc đàm phán mật ở Paris, Hoa Kỳ đã trình bản dự thảo Hiệp định với những sửa đổi theo chiều hướng quan điểm của chính quyền Sài Gòn. Nhưng sau 5 ngày thảo luận, Hoa Kỳ không thể làm lay chuyển lập trường kiên định của những người cộng sản. Dư luận đánh giá, cuộc gặp này là một bước thụt lùi lớn so với trước đó một tháng vì Hoa Kỳ đòi sửa đổi hầu hết các vấn đề thực chất trong tất cả các chương theo yêu cầu của chính quyền Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, tiếp tục ngoan cố, ngày 29-11-1972, Nguyễn Văn Thiệu cử Nguyễn Phú Đức – phụ tá đặc biệt về ngoại vụ tới Washington hội kiến Nixon. Tại Washington, Nguyễn Phú Đức trao cho Nixon thư của Nguyễn Văn Thiệu, trong đó nói rõ yêu sách của ông ta:

"Phía cộng sản vẫn đòi hỏi chúng tôi phải đầu hàng vô điều kiện mặc dù trên bề mặt họ chỉ sửa đổi vài điểm chỉ có tính cách kỹ thuật... Và họ cũng vẫn buộc chúng tôi phải chấp nhận cái mà họ gọi là cơ cấu chính quyền lấy tên là Hội đồng quốc gia hòa giải hòa hợp dân tộc với ba thành phần ngang nhau với mục đích tổ chức tổng tuyển cử xóa bỏ chế độ tại miền Nam...

---

1. Dự thảo thư của Nguyễn Văn Thiệu gửi Nixon ngày 29-11-1972, Hồ sơ 1289, ĐIICH, TTLTII.

Như tôi đã vạch rõ trong giác thư ngày 18 tháng 11 vừa qua của Chính phủ VNCH và bức thư riêng của tôi gởi cho Tổng thống cùng ngày, tôi quan niệm rằng đây là hai nguyên tắc chính yếu cho giải pháp chiến cuộc Việt Nam. Hơn nữa, những nguyên tắc ấy còn là những nguyên tắc sinh tử của quốc gia chúng tôi.

Về nguyên tắc thứ nhất, là sự hiện diện đương nhiên của quân Bắc Việt tại miền Nam Việt Nam sau khi Hiệp định được ký kết, chúng tôi quan niệm đây là điểm then chốt, quyết định sự sống còn của miền Nam....

Về vấn đề mọi giải pháp chính trị cho nội bộ miền Nam,... thành lập một Hội đồng hòa giải quốc gia và dân tộc với hai thành phần đồng đều nhau để thương thuyết và giải quyết mọi vấn đề quân sự chính trị nội bộ miền Nam...

Chúng tôi không mong muốn gì hơn là chủ thuyết của Tổng thống được tiếp tục cho Việt Nam cũng như cho các quốc gia nhỏ khác ở Đông Nam Á như Tổng thống đã chủ trương và chương trình Việt Nam hóa quân sự lẫn kinh tế được tiếp tục để VNCH có đủ khả năng tự lực dần dần... "[1].

Với các yêu sách đó, Nguyễn Văn Thiệu cho sửa đổi điểm f và điểm h, điều 9, chương III dự thảo Hiệp định. Nguyên văn bản sửa đổi dự thảo Hiệp định của chính quyền Sài Gòn như sau:

"Các bên tham dự hội nghị Ba Lê về Việt Nam,

Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc căn bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng

1. Dự thảo thư của Nguyễn Văn Thiệu gửi Nixon ngày 29-11-1972, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

cố hoà bình ở Châu Á và thế giới, đã thoả thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

Chương I

ĐÌNH CHỈ CHIẾN SỰ – RÚT QUÂN

Điều 1: Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ ... giờ (giờ Sài Gòn),... giờ (giờ Hà Nội), ngày... tháng... năm 1972, nghĩa là ... giờ, ngày... tháng... năm 1972 (giờ GMT)

Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Mỹ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mỹ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá huỷ tất cả những mìn ở vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt chiến sự nói trong điều này là lâu dài và vững chắc.

Điều 2: Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hoà bình lâu dài và vững chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a) Những lực lượng của Hoa Kỳ và những lực lượng khác không phải của miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân. Ban Liên hợp Quân sự bốn bên nói trong điều 11 sẽ quy định những thể thức.

b) Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Ban Liên hợp Quân sự hai bên nói trong điều 12 sẽ quy định vùng và những thể thức trú quân của lực lượng mỗi bên để làm dễ dãi cho việc kiểm soát cuộc ngưng bắn.

c) Các lực lượng chính quy thuộc mỗi quân chủng và binh chủng và các lực lượng không chính quy của các bên ở miền Nam Việt Nam

phải ngưng mọi hành động tấn công nhau và nghiêm chỉnh tuân theo những điều quy định sau đây:

– Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển;

– Ngăn cấm mọi hành động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên.

Điều 3: Mỹ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Điều 4: Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày ký Hiệp định này, việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên kỹ thuật quân sự, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và công cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và các bên khác không phải của miền Nam Việt Nam, sẽ hoàn thành. Cố vấn của các nước nói trên cho các tổ chức bán quân sự, cảnh sát cũng sẽ phải rút trong thời hạn đó.

Điều 5: Việc hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ và các nước ngoài khác đồng minh của Mỹ và của Việt Nam Cộng hoà ở miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ khi ký Hiệp định này.

Điều 6: Từ khi bắt đầu thực hiện cuộc ngưng bắn cho đến việc thành lập chính phủ như điều 9(b) và 9(c) và 9(i) Hiệp định này quy định, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không nhận tăng viện đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai phe miền Nam sẽ được phép thay thế từng thời gian những vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh nào bị hư hay bị phá hủy sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một chiếc đổi lấy một chiếc với những đặc điểm giống nhau. Những việc thay thế này sẽ được quốc tế giám sát như chương V của Hiệp định này đã quy định.

Chương II

VIỆC TRAO TRẢ NHỮNG NGƯỜI CỦA CÁC BÊN BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

Điều 7: a) Việc trao thả những nhân viên quân sự và thường dân của các bên ngoại trừ những thường dân Nam Việt Nam do hai bên Nam Việt Nam giam giữ sẽ được xúc tiến cùng một ngày và hoàn tất cùng một ngày với việc triệt thoái quân đội như đã nói trong điều 4. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên nói trên vào ngày ký kết Hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp nhau lấy tin tức về những nhân viên quân sự và thường dân ngoại quốc của các bên bị mất tích, tìm chỗ các ngôi mộ và săn sóc các ngôi mộ những người chết nhằm mục đích làm dễ dãi việc hốt và chở về cốt của những người chết, và lấy những biện pháp nào cần thiết để có tin tức những người vẫn còn bị mất tích.

c) Việc những thường dân miền Nam Việt Nam do hai bên miền Nam Việt Nam giam giữ sẽ được hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và nhằm mục đích chấm dứt hận thù và để giảm bớt đau thương và để sum họp các gia đình.

Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thực hiện việc này càng sớm càng tốt và sẽ làm hết sức mình để giải quyết vấn đề này sau khi cuộc ngừng bắn có hiệu lực.

Chương III

CÁC QUYỀN DÂN TỘC CĂN BẢN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 8: Hoa Kỳ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam như Hiệp định Genève 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Điều 9: Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam dưới đây:

a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử trên toàn quốc thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c) Hai bên miền Nam Việt Nam cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vững hoà bình ở miền Nam Việt Nam; giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương thuyết và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

d) Hoa Kỳ tôn trọng quyền tự quyết của của nhân dân miền Nam Việt Nam; Hoa Kỳ không cam kết với bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào ở miền Nam Việt Nam và không tìm cách áp đặt một chính phủ thân Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam.

e) Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

– Thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, xoá bỏ thù hận, cấm mọi hành động khủng bố và bạo lực, mọi hành động trả thù và kỳ thị với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia.

– Bảo đảm việc thực hiện một cách hòa bình các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

f) Ngay sau khi ngưng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập một Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc mà thành phần gồm đại diện các lực lượng chính trị có ý nghĩa tại miền Nam Việt Nam.

Một cuộc trưng cầu dân ý có quốc tế giám sát sẽ được tổ chức để quyết định bách phân đại diện của các lực lượng này trong Hội đồng. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ giải quyết các vấn đề nội bộ miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt và sẽ cố gắng hết sức để thực hiện việc này sau khi cuộc ngưng bắn có hiệu lực, để phù hợp với ý muốn hòa bình, độc lập và dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam.

g) Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ có nhiệm vụ tổ chức tuyển cử tự do và dân chủ trên toàn quốc như định trong điều 9(b) và quyết định về những thủ tục và thể thức các cuộc tuyển cử đó. Các cơ quan quyền lực mà cuộc tuyển cử sẽ bầu ra sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam thông qua hiệp thương mà thoả thuận.

Hội đồng hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ khuyến khích hai bên miền Nam Việt Nam thi hành các Hiệp định được ký kết, duy trì ngưng bắn, bảo đảm việc thi hành một cách hòa bình các quyền tự do dân chủ và thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc.

h) Một cuộc bầu cử tổng thống sẽ được tổ chức trong vòng 5 tháng sau khi ký kết Hiệp định toàn bộ.

Trước cuộc bầu cử tổng thống, đương kim Tổng thống và Phó Tổng thống miền Nam Việt Nam sẽ từ chức. Chủ tịch và Thượng nghị viện sẽ đảm nhận trách nhiệm xử lý chánh phủ, ngoại trừ những trách nhiệm liên hệ đến cuộc bầu cử tổng thống là thuộc quyền của Hội đồng Hòa giải và hòa hợp dân tộc.

i) Sau khi nhậm chức, tân Tổng thống sẽ thành lập một chánh phủ mới trong đó tất cả lực lượng chánh trị sẽ được đại diện theo tỷ lệ số phiếu đạt được trong cuộc bầu cử tổng thống.

k) Vấn đề lực lượng vũ trang Nam Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong

số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có vấn đề biện pháp giảm số quân của các lực lượng vũ trang hai bên.

l) Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, độc lập. Miền Nam Việt Nam sẽ duy trì quan hệ với tất cả các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị và xã hội, nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ quốc gia nào không kèm theo điều kiện chính trị.

Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam sẽ thuộc thẩm quyền của chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử trên toàn quốc tại miền Nam Việt Nam như Điều 9(i) đã quy định.

Chương IV

VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NƯỚC VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA HAI MIỀN NAM, BẮC VIỆT NAM

Điều 10: Như Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam đã quy định, giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không phải là ranh giới chính trị hoặc về lãnh thổ.

Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước, bằng phương pháp hòa bình trên căn bản bàn bạc và thỏa thuận giữa miền Nam và miền Bắc Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Nam và miền Bắc Việt Nam thỏa thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất đất nước, miền Nam và miền Bắc Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về vài địa hạt.

Trong khi chờ đợi thống nhất đất nước, miền Nam và miền Bắc Việt Nam sẽ tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954, đặc biệt là điều 24 liên quan đến vấn đề tôn trọng lãnh thổ của nhau. Hai miền sẽ không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, cố vấn quân sự, nhân

viên quân sự trên đất mình, như Hiệp định Genève năm 1954 về Việt Nam quy định.

Chương VI

BAN LIÊN HỢP, ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT, HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Điều 11: Các bên tham gia Hội nghị Ba Lê về Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban Liên hợp Quân sự bốn bên có nhiệm vụ phối hợp các bên trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của Hiệp định này.

Đoạn đầu của điều 1 về việc thực hiện ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam;

Điều 2(a) về việc ngừng bắn của lực lượng Hoa Kỳ và tất cả các lực lượng nào không phải của miền Nam Việt Nam.

Điều 2(c) về việc ngưng bắn giữa các bên tại miền Nam Việt Nam;

Điều 4 về việc rút ra khỏi miền Nam của lực lượng Hoa Kỳ và lực lượng khác không phải của miền Nam Việt Nam.

Điều 5 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ và của các bên khác không phải là Nam Việt Nam tại miền Nam Việt Nam.

Điều 7 về việc trao trả người của các bên bị bắt và giam giữ.

b) Ban Liên hợp Quân sự bốn bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và đồng nhất thỏa thuận. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Ban Liên hợp Quân sự bốn bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết Hiệp định này và chấm dứt hoạt động sau khi việc thi hành đoạn đầu của điều 1, điều 2(a), điều 2(c), điều 4, điều 5 và điều 7 đã hoàn thành.

d) Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương tiện hoạt động và chi phí của Ban Liên hợp Quân sự bốn bên.

Điều 12: Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập một Ban Liên hợp Quân sự hai bên miền Nam Việt Nam có nhiệm vụ phối hợp hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều sau đây của Hiệp định này liên quan đến hai bên:

Đoạn đầu của điều 1, về việc thực hiện ngưng bắn trên toàn cõi miền Nam Việt Nam, khi Ban Liên hợp Quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động;

Điều 2(b) về việc ngừng bắn giữa các bên miền Nam Việt Nam;

Điều 2(c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, khi Ban Liên hợp Quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động;

Điều 6 về việc cấm đưa quân đội, vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh vào miền Nam Việt Nam và những điều khoản khác;

Điều 9(k) về vấn đề lực lượng vũ trang Nam Việt Nam ở miền Nam Việt Nam;

Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Sau khi Hiệp định này được ký kết, Ban Liên hợp quân sự hai bên sẽ thỏa thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hòa bình ở miền Nam Việt Nam.

Điều 13: a) Sau khi ký kết Hiệp định này, thành lập ngay Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Cho đến khi Hội nghị bảo đảm quốc tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với bốn bên về các vấn đề liên quan đến việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản dưới đây của Hiệp định này:

– Đoạn đầu của điều 1 về việc ngưng bắn ở miền Nam Việt Nam;

– Điều 2(a) về việc ngưng bắn của các lực lượng Hoa Kỳ và tất cả các lực lượng nào không phải của miền Nam Việt Nam.

– Điều 2(c) về việc ngưng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam;

– Điều 4 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân Hoa Kỳ và quân khác không phải của miền Nam Việt Nam.

– Điều 5 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ và của các bên khác không phải là Nam Việt Nam tại miền Nam Việt Nam.

– Điều 7 về việc trao trả người của các bên bị bắt và giam giữ.

Ủy ban Quốc tế về giám sát và kiểm soát sẽ lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Bốn bên thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó.

Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ kiểm soát đó.

c) Cho đến khi Hội nghị bảo đảm quốc tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam Việt Nam về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều sau đây của Hiệp định này:

– Đoạn đầu của điều 1 về việc ngừng bắn trên toàn cõi miền Nam Việt Nam;

– Điều 2(b) về việc ngưng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam;

– Điều 2(c) về việc ngưng bắn giữa các bên ở miền Nam Việt Nam;

– Điều 6 về việc cấm đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và về các điều khoản khác;

– Điều 9(b) về tổng tuyển cử trên toàn quốc, tự do, dân chủ ở miền Nam Việt Nam;

– Điều 9(k) về những thoả thuận đạt được giữa hai bên miền Nam Việt Nam về việc giảm số quân của các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam.

Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm nhiệm vụ.

d) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Gia Nã Đại, Nam Tư, Nam Dương và Thụy Điển. Đại diện các nước trong Ủy ban Quốc tế sẽ luân phiên làm chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban Quốc tế quy định.

e) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền.

f) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g) Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngưng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều khoản liên quan đến bốn bên nói trong điều 13(b), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của Ủy ban đối với các điều đó đã hoàn thành. Đối với các điều khoản liên quan đến hai bên miền Nam Việt Nam nói ở điều 13(d), Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của Chính phủ được thành lập sau Tổng tuyển cử trên toàn quốc nói ở điều 9(b), 9(f), 9(h).

h) Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí cho Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát. Mối quan hệ giữa Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát với Hội nghị quốc tế sẽ do Ủy ban Quốc tế và Hội nghị quốc tế thỏa thuận sau.

Điều 14: Các bên thỏa thuận về việc triệu tập một Hội nghị quốc tế trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi ký Hiệp định này và các Hiệp định ngưng chiến tại Ai Lao và Cộng hòa Khmer để ghi nhận các Hiệp định đã được ký kết, bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hòa bình

ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần vào hòa bình và bảo đảm hòa bình ở Đông Dương.

Các bên sau đây sẽ được mời tham dự Hội nghị quốc tế này: Liên Xô, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Pháp, Anh, bốn nước trong Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, Tổng thư ký Liên hợp quốc cùng với các bên ở Hội nghị Paris về Việt Nam, Cộng hòa Khmer và Vương quốc Ai Lao.

Chương VII

ĐỐI VỚI CỘNG HÒA KHMER VÀ AI LAO

Điều 15: Các bên tham dự Hội nghị Ba Lê về Việt Nam triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân đối với Cộng hòa Khmer và nhân dân Ai Lao đã được các Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Genève năm 1962 về Ai Lao công nhận: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ các quốc gia đó. Các bên nói trên tôn trọng nền trung lập của Cộng hòa Khmer và Ai Lao. Các bên nói trên cam kết không dùng lãnh thổ của Cộng hòa Khmer và Ai Lao để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác.

b) Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Ai Lao và Cộng hòa Khmer, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Cộng hòa Khmer và Ai Lao do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa bốn nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong những vấn đề sẽ được giải quyết là việc thi hành nguyên

tắc các lực lượng vũ trang của các nước Đông Dương phải ở trong phạm vi biên giới của mình.

Chương VIII

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16: Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định này.

Làm tại ... ngày.... tháng... năm 1972

Bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh là những văn bản chính thức và có giá trị như nhau"[1].

Nhưng *"Hoa Kỳ cũng vẫn cho rằng họ không thấy cách nào giải quyết các vấn đề căn bản của chúng ta* (Chính quyền Sài Gòn – BT)*"*[2].

Ngày 4-12-1972, tiếp tục các cuộc gặp bí mật giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhưng không có sự tiến triển nào.

Tại bàn Hội nghị Paris về Việt Nam, các phiên họp trở lại thành diễn đàn đấu tranh chính trị của các bên. Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn cố gắng bào chữa cho sự phá bỏ cam kết của mình, nhưng liên tục bị phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam chỉ trích. Ngày 30-11-1972, tại phiên họp thứ 168, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình lên tiếng tố cáo Hoa Kỳ bội tín, đẩy lùi khả năng lập lại hòa bình, oanh tạc cả hai miền Việt Nam ác liệt; đồng thời, ào ạt đưa thêm vũ khí và phương tiện chiến tranh mới vào miền Nam Việt Nam; tố cáo chính quyền Sài Gòn tăng cường

1. Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh tái lập hòa bình ở Việt Nam, bản sửa của Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1232, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu mật chung quanh các cuộc mật đàm về một hiệp định chấm dứt chiến tranh vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, Hồ sơ 1231, ĐIICH, TTLTII.

đàn áp, khủng bố nhân dân[1]. Ngày 7-12-1970, tại phiên họp thứ 170, Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình tiếp tục yêu cầu Hoa Kỳ phải ký kết ngay bản dự thảo Hiệp định, tố cáo Hoa Kỳ đã kéo dài cuộc thương thuyết nhằm mục đích nới rộng cuộc chiến và củng cố chính quyền Sài Gòn[2].

Ngày 14-12-1970, tại phiên họp thứ 170, trước những đòi hỏi vô lý của chính quyền Sài Gòn, đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ông Nguyễn Minh Vỹ phát biểu:

"Làm thế nào phía Mỹ có thể nói họ có thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh trước tình hình thực tế là: một tháng rưỡi qua, Mỹ vẫn chưa chịu ký Hiệp định hòa bình mà họ đã thỏa thuận, làm cho đàm phán kéo dài, chiến tranh kéo dài?

Không phải Mỹ đang chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện điều họ đã chấp nhận là tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn sự dính líu về quân sự của Mỹ ở Việt Nam, bảo đảm hòa bình lâu dài. Trái lại, Mỹ vẫn tăng cường những hành động chiến tranh tàn ác ở hai miền Việt Nam, đồng thời ráo riết đưa vào miền Nam Việt Nam hàng vạn tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, để lại và đưa thêm vào hàng vạn "cố vấn" quân sự khoác áo dân sự nhằm tiếp tục chỉ huy và huấn luyện quân đội Sài Gòn. Trong khi đó, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu không ngớt nhắc lại luận điệu phi lý "miền Bắc xâm lược miền Nam", hòng bao che cho sự xâm lược của Mỹ và viện cớ đưa ra yêu sách đòi "miền Bắc rút quân". Rõ ràng là chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh", vẫn là âm mưu thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài nước Việt Nam.

---

1. Tài liệu của Nha Chính trị Âu Phi Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam, số 168, Hồ sơ 17719, PTTg, TTLTII..

2. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 169, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1471, QKVH, TTLTII.

Cũng không phải Mỹ đang chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện điều họ đã chấp nhận là tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, để nhân dân miền Nam Việt Nam giải quyết những vấn đề nội bộ của mình, theo tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, phù hợp với thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chánh quyền, hai quân đội, có ba lực lượng chính trị. Trái lại, trong khi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ngang ngược chống lại giải pháp chính trị đã thỏa thuận, đòi phủ nhận Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và các lực lượng chính trị khác, thì Mỹ ra sức yểm trợ cho quân đội Sài Gòn tiến công quân đội giải phóng, chỉ huy Sài Gòn thực hiện chiến dịch đàn áp khủng bố, hòng thủ tiêu mọi lực lượng chính trị, tôn giáo, xã hội tán thành hòa bình và hòa hợp dân tộc.

Ngày càng rõ là tình trạng "trống đánh xuôi kèn thổi ngược" giữa Washington và Sài Gòn chỉ là giả tạo. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu do Mỹ nặn ra đang được tiếp tục dùng làm công cụ "Việt Nam hóa chiến tranh", che đậy cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Không thể chấp nhận một tình hình là, trong khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tỏ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí đến mức cao nhất, Mỹ vẫn vịn vào chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để đòi xét lại những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định.

Một lần nữa, cần vạch rõ rằng, Hiệp định đã được thỏa thuận ngày 20-10-1972 là đúng đắn, công bằng cho tất cả các bên. Nếu Mỹ ký kết Hiệp định đúng ngày 31-10-1972 thì sau đó 24 giờ đã có ngừng bắn, và đến nay hầu hết quân nhân Mỹ tham chiến và bị bắt đã trở về với gia đình, những vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam đã hoặc đang được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn giải quyết.

Chúng tôi kiên quyết phản đối mọi yêu sách vô lý của Mỹ và chính quyền Sài Gòn hòng sửa đổi nội dung Hiệp định. Chúng tôi đòi nhanh chóng ký kết bản Hiệp định đã thỏa thuận hồi tháng 10-1972. Mỹ phải

chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình chiến tranh kéo dài nếu họ tiếp tục dùng chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để phá hoại Hiệp định[1].

Ngày 18-12-1972, thực hiện âm mưu định sẵn, Nixon ra lệnh cho máy bay B.52 hủy diệt miền Bắc Việt Nam, mở đầu chiến dịch mang mật danh *"Lineblacker II"*. Trong 12 ngày đêm, Hoa Kỳ đã huy động 193 máy bay B.52, 999 máy bay chiến thuật[2] ném bom Hà Nội, Hải Phòng, cùng một số thành phố, thị xã khác, âm mưu hủy diệt nguồn nhân vật lực chi viện cho chiến trường miền Nam từ miền Bắc Việt Nam.

Ngay lập tức, hành động hủy diệt của Nixon bị dư luận thế giới chỉ trích mạnh mẽ, đặc biệt ở các nước phương Tây. Tại Paris, báo Le Monde so sánh chiến dịch hủy diệt miền Bắc Việt Nam của Nixon với cuộc ném bom của phát xít Đức thực hiện ở Guernica, Tây Ban Nha. Tờ Daily Mirror Anh đánh giá: *"Việc Mỹ quay lại ném bom Bắc Việt Nam đã làm cho cả thế giới lùi lại vì ghê sợ"*. Trong khi Chính phủ Thủy Điển mạnh mẽ lên án "cuộc ném bom là một tội ác chống lại loài người trên quy mô đạo đức" ngang bằng với sự tàn bạo của phát xít tại trại tập trung Treblinka. Đồng thời, Thủ tướng Thụy Điển Palme đích thân thu thập chữ ký, phát động phong trào đòi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam trên toàn quốc. Tại Hoa Kỳ, Nixon bị chất vấn về sự cần thiết, cũng như tính tàn bạo của hành động hủy diệt miền Bắc Việt Nam[3].

Ngày 21-12-1972, phiên họp thứ 171, với quyền ưu tiên phát biểu trước, đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông Nguyễn Minh Vỹ lên án mạnh mẹ hành động ném bom của Hoa Kỳ. Ông cho rằng:

---

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 170 ngày 14-12-1972, Hồ sơ 1471, QKVH, TTLTII.

2. *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.243.

3. George Herring, America's Longest War, John Wikey & Sons, 1979

"... Giữa lúc cuộc đàm phán đang tiếp tục, thì ngày 16-12-1972, phía Mỹ đột nhiên giở giọng vu cáo trắng trợn hòng gạt trách nhiệm gây trở ngại cho đàm phán sang phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, rồi ngay sau đó, tiến hành bước leo thang chiến tranh mới cực kỳ nghiêm trọng với quy mô và cường độ chưa từng thấy ở miền Bắc Việt Nam.

Như nguồn tin quân sự Mỹ đã xác nhận, từ ngày 18 đến nay cùng với 500 máy bay chiến thuật, Mỹ đã huy động hơn 100 máy bay B52, tức là toàn bộ lực lượng không quân chiến lược sẵn sàng chiến đấu của Mỹ ở Đông Nam Á đánh phá không ngớt miền Bắc Việt Nam, kể cả Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng. Đặc biệt dã man là Mỹ đã cho máy bay B52 ném bom rải thảm đêm nhằm hủy diệt nhiều khu dân cư của Hà Nội và một số tỉnh ở miền Bắc Việt Nam, gây nhiều tội ác"[1].

Đồng thời, ông cũng khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam qua việc trích lại tuyên bố ngày 19-12-1972 của Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

"Chánh quyền Ních sơn mưu toan dùng bom đạn hòng buộc nhân dân Việt Nam phải khuất phục và chấp nhận một giải pháp cho vấn đề Việt Nam theo điều kiện của Mỹ, đó chỉ là ảo tưởng. Nhân dân Việt Nam kiên cường bất khuất, nhất định sẽ trừng trị đích đáng mọi hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, nhất định làm thất bại chính sách thương lượng trên thế mạnh và mọi thủ đoạn xảo quyệt của chúng trong đàm phán"[2].

Kết thúc bài phát biểu, ông tuyên bố: *"Để biểu thị sự phản đối hành động leo thang chiến tranh, những cuộc ném bom cực kỳ dã man*

---

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 171 ngày 21-12-1972, Hồ sơ 1471, QKVH, TTLTII.

2. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 171 ngày 21-12-1972, Hồ sơ 1471, QKVH, TTLTII.

và thái độ đàm phán lật lọng của phía Mỹ, đoàn đại biểu Chánh phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự đồng ý của đoàn đại biểu Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, quyết định ngưng phiên họp thứ 171 Hội nghị Paris về Việt Nam tại đây"[1]. Sau tuyên bố của ông Nguyễn Minh Vỹ, hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam rời khỏi phòng họp mà không đợi hoàn tất lời dịch phát biểu sang Pháp văn. Hội nghị Paris về Việt Nam đứng trước nguy cơ đổ vỡ.

Ngày 22-12-1972, Hoa Kỳ gửi công hàm yêu cầu họp lại. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn im lặng và tiếp tục trả lời bằng con số B.52 rơi lên đến 14 chiếc (phía Hoa Kỳ thừa nhận mất 9 chiếc). Ngày 26-12-1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa yêu cầu trở lại tình hình trước ngày 18-12 mới trở lại bàn đàm phán. Hoa Kỳ chấp nhận nhưng vẫn tiếp tục ném bom hủy diệt miền Bắc Việt Nam thêm 4 ngày. 7 giờ sáng, ngày 30-12-1972, Nixon tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ bắc vĩ tuyến 20 với thiệt hại nặng nề, hơn 30 chiếc B.52 bị bắn hạ[2].

3. Nối lại đàm phán, đi đến ký kết Hiệp định

Ngày 2-1-1973, tiến trình đàm phán về Việt Nam được nối lại bằng phiên họp bí mật mang tính kỹ thuật giữa Đại sứ Hoa Kỳ W. Sullivan và đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Cơ Thạch. Hai bên tập trung thảo luận về chi tiết của bản dự thảo Hiệp định chuẩn bị cho cuộc đàm phán mật giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Kissinger ngày 8-1-1973.

---

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê về Việt Nam phiên họp thứ 171 ngày 21-12-1972, Hồ sơ 1471, QKVH, TTLTII.

2. Trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng 12-1972, quân và dân ta đã bắn rơi 34 máy bay B.52, 47 máy bay không quân chiến thuật của Mỹ (BT).

Trong khi đó, ngày 4-1-1973, phiên họp thứ 172 Hội nghị Paris về Việt Nam được khai mạc tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, Đại lộ Kleber, Paris, với sự tham dự của: đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Minh Vỹ; đại diện phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi; Đại sứ William Porter - Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ và Phạm Đăng Lâm - Trưởng phái đoàn Sài Gòn. Được quyền phát biểu khai mạc phiên họp, Phạm Đăng Lâm tiếp tục phủ nhận vị thế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và đòi hỏi giải quyết vấn đề Việt Nam như trường hợp của Đại Hàn và nước Đức. Ông ta cho rằng ở Việt Nam *"có hai quốc gia Việt Nam biệt lập"*[1]. Về phía Hoa Kỳ, William J. Porter chỉ đưa ra những nhận định tổng quát và nói về viễn cảnh hòa bình với việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời ngụ ý về một nước Việt Nam bị chia cắt làm hai quốc gia riêng biệt. Như vậy, trong phiên họp này, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn tiếp tục luận điệu đòi lật lại các vấn đề căn bản của dự thảo Hiệp định đã được Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống nhất ngày 20-10-1972[2].

Bác bỏ các luận điệu trên, đại diện phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi kiên định khẳng định: *"miền Nam Việt Nam có hai chính quyền và hai quân đội"* và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam *"phải cùng phân chia quyền hành với Chính phủ Sài Gòn"*. Đồng quan điểm trên, đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Minh Vỹ yêu cầu Hoa Kỳ

---

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

2. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, *Tlđd*.

ký kết Hiệp định mà không được đòi hỏi thay đổi nội dung dự thảo ngày 20-10-1972[1].

Ngày 7-1-1972, Cố vấn Lê Đức Thọ đến Paris chuẩn bị cho cuộc gặp riêng với Kissinger. Tại đây ông tuyên bố: *"Từ ngày 13-12-1972, chỉ còn vài vấn đề chưa được giải quyết và có nhiều hy vọng sẽ có kết quả nhanh chóng"*. Đồng thời, ông lên án Hoa Kỳ ném bom miền Bắc Việt Nam, làm cản trở mật đàm bằng các yêu sách đòi thay đổi căn bản nội dung bản dự thảo Hiệp định. Trong khi, tại Washington, Tổng thống Nixon nhiều lần triệu tập Tiến sĩ Kissinger để ra chỉ thị cho cuộc mật đàm. Khi đến Paris, Kissinger tuyên bố *"sẽ cố gắng hết sức để mật đàm tiến triển và đem lại kết quả"*[2].

Ngày 8-1-1973, cuộc mật đàm thứ 23 diễn ra và kéo dài đến ngày 14-1-1973 với thái độ lạnh nhạt của cả hai phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ. Nhưng đến gần kết thúc cuộc mật đàm, thái độ của hai trưởng phái đoàn đột nhiên trở nên cởi mở. Ngày 12-1-1973, lần đầu tiên các chuyên viên (phụ trách các vấn đề kỹ thuật – BT) đã cùng họp chung với hai trưởng đoàn. Đến cuối ngày, hai phái đoàn đã cùng chụp ảnh lưu niệm. Sau đó, Kissinger trở về Washington báo cáo kết quả mật đàm với Tổng thống Nixon.

Mặc dù nội dung phiên họp mật không được tiết lộ, nhưng các sự kiện ngoại giao quốc tế trong thời gian cuộc đàm phán diễn ra, cho thấy tiến trình đàm phán hòa bình về Việt Nam đã có sự tiến triển rõ nét. Ngày 9-1-1973, Tổng thư ký Liên hợp quốc Kurt Waldheim, tuyên bố trong một cuộc họp báo: *"Liên hợp quốc đã được mời tham dự một cuộc hội nghị về Việt Nam có thể diễn ra trong tương lai và lúc đó Liên*

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, *Tlđd*.

2. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, *TLđd*.

hợp quốc sẽ dự liệu đóng góp vào việc tái thiết Đông Dương"[1]. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Leonide Brejnev tuyên bố "*vấn đề Việt Nam dần dần đi đến chỗ kết liễu*"[2]. Còn theo tin AFP từ Ottawa cho biết, Bộ Ngoại giao Canada đang nghiên cứu một hình thức mới của Ủy hội Quốc tế đình chiến tại Việt Nam. Đặc biệt, ngày 15-1-1973, tại Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu gửi Công điện (hỏa tốc) số 001-TT/CĐ tới Tư lệnh các quân đoàn, quân khu quân đội Sài Gòn ra chỉ thị yêu cầu phải có biện pháp đối phó, trong đó khẳng định "*Đến hôm nay,... phía Hoa Kỳ tại Ba Lê hầu như đã thỏa mãn với nội dung chính yếu của thỏa hiệp mà hai bên đã thảo luận trong tuần lễ vừa qua mà chỉ còn một số vấn đề kỹ thuật về kiểm soát ngừng bắn đang còn tiếp tục bởi các phái đoàn chuyên môn*"[3].

Diễn tiến trên cho thấy, kết thúc phiên mật đàm thứ 23, Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cơ bản thống nhất nội dung dự thảo và chỉ còn lại các vấn đề mang tính kỹ thuật.

Vì vậy, các phiên họp tiếp theo của Hội nghị Paris về Việt Nam chỉ còn mang tính hình thức. Ngày 11-1-1973, tham gia đàm phán tại phiên họp thứ 173 chỉ bao gồm bốn phó trưởng đoàn đại diện cho các bên. Nội dung cuộc họp cũng không có gì thay đổi so với phiên họp trước.

Ngày 15-1-1973, bắt đầu cuộc mật đàm kỹ thuật kéo dài một tuần giữa đại diện Hoa Kỳ Sullivan với đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Cơ Thạch, để hoàn thiện cho bản dự thảo Hiệp định. Trong khi đó, Cố vấn Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Xuân Thủy cùng họp

---

1. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, *Tlđd*.

2. Tài liệu về Hội đàm Ba Lê của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ngày 9-1-1973, phiên họp thứ 172, *Tlđd*.

3. Công điện (hỏa tốc) 001-TT/CĐ ngày 15-1-1973 của Nguyễn Văn Thiệu, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

với Phó trưởng đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam Đinh Bá Thi thông báo về tiến trình ký kết Hiệp định.

Ở Washington, ngày 16-1-1973, Tổng thống Nixon ra lệnh ngừng oanh tạc toàn bộ miền Bắc Việt Nam. Trong khi, Kissinger gặp Ngoại trưởng Hoa Kỳ Roger, chuẩn bị cho việc ký kết. Còn Đại tướng Haig được cử đi Đông Nam Á để trao đổi với chính quyền Sài Gòn và các chính quyền thân Hoa Kỳ tại khu vực này, thông báo sự tiến triển của tiến trình đàm phán. Tại Đông Nam Á, sau khi gặp Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 16-1-1973, Tướng Haig đã gặp lần lượt Lon Nol – Thủ tướng chính quyền tay sai Hoa Kỳ ở Campuchia; Phouma – Thủ tướng chính quyền tay sai Hoa Kỳ ở Lào, Tổng thống Park Chung Hy của Đại Hàn và Thủ tướng Kittikachorn của Thái Lan.

Trong sự biến chuyển mau lẹ sau phiên mật đàm thứ 23 giữa Kissinger và Cố vấn Lê Đức Thọ, ngày 18-1-1973, phiên họp thứ 174 – phiên họp cuối cùng của Hội nghị Paris về Việt Nam, được khai mạc với sự tham dự của các phó trưởng đoàn. Phiên họp đã diễn ra với lời lẽ hòa dịu và các bên cùng thống nhất đi đến ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngay cả Nguyễn Xuân Phong – Phó trưởng đoàn chính quyền Sài Gòn, đến lúc này, cũng không còn đòi hỏi bất cứ một yêu sách nào, mà tỏ ra hết sức ôn hòa:

"Cuộc hòa đàm đã tiến tới giai đoạn cho thấy ánh sáng lập lòe của hòa bình... Chúng ta phải sẵn sàng chấp nhận mọi cố gắng cần thiết khác để dồn hết nỗ lực khắc phục những khó khăn trở ngại cuối cùng và phải tỏ một thái độ, không phải hấp tấp vội vã mà bình tĩnh và nhẫn nại... Nhân dân miền Nam Việt Nam có quyền đòi hỏi một nền hòa bình đúng đắn và vững bền, một nền hòa bình đem lại cho họ đời sống an cư lạc nghiệp, một nền hòa bình bảo đảm cho họ được hành xử một cách trọn vẹn và tự do quyền tự quyết của họ. Một nền hòa bình như vậy tất nhiên chỉ có thể có được do một thỏa hiệp đúng đắn và thỏa đáng cho tất cả mọi người. Nền hòa bình ấy phải căn bản trên quyền tự

quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và trên sự hỗ tương tôn trọng độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ"[1].

Trong khi, Phó trưởng đoàn Hoa Kỳ Heyward Isham truyền đạt lại quan điểm chấp nhận đàm phán để đi đến ký kết Hiệp định của Tổng thống Nixon:

"Ladies and Gentlemen:

Rencent developments in the search for resolution of the Vietnam conflict give grounds for encouragement. Negotiations have made progress, in the judgment of both sides. In recognition of that progress, President Nixon made the decision to suspend bombing, shelling, and further mining throughout North Vietnam on January 15. negotiations seriously undertaken by both sides - continue.

It is clear that continued determination and seriousness are required for further progress in the negotiating tasks still before us.

It is also clear that we must concentrate our efforts in this forum on the processes of transition from war to a negotiated peace which is just and advantageous for all.

To evolve from adversary relationships will require much restraint and an unremitting effort toward mutual understanding. Outworn verbiage and outmoded conceptions should be modified in the light of realities, in order to undertake the constructive effort necessary for restoring peace.

Some of the benefits of serious negotiations have already becom apparent. Achieving the full promise of negotiations depends upon the effort, attitude, and will of both sides.

---

1. Phát biểu của Nguyễn Xuân Phong tại phiên họp thứ 174 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII..

We will not be sparing of ou negotiating effort. Our attitude will continue to be correct and serious. As for our will, let me reiterate that there can be no question whatever of President Nixon's determination to achieve a settlement of the conflict which establishes a peace of justice and conciliation.

I have concluded"[1].

Phó trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ông Đinh Bá Thi, sau khi nêu lên hiện tình chiến tranh tại miền Nam Việt Nam, đã cho rằng, vấn đề giải quyết

1. Phát biểu của Heyward Isham tại phiên họp thứ 174 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII. Lược dịch:

"Những diễn tiến gần đây trong công cuộc tìm kiếm một giải pháp cho chiến tranh Việt Nam đem lại nhiều khích lệ. Các cuộc thương thuyết đã tiến triển, theo nhận xét của cả hai phía. Để ghi nhận sự tiến triển ấy, ngày 15-1, Tổng thống Nixon đã quyết định ngưng oanh tạc, pháo kích và thả mìn trên toàn lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. Những cuộc thương thuyết được hai bên tiến hành nghiêm chỉnh đang tiếp diễn.

Thật rõ ràng là cần phải tiếp tục quyết tâm và nghiêm chỉnh để có tiến triển thêm trong công việc đàm phán hãy còn đặt trước chúng ta.

Cũng thật rõ ràng là chúng ta phải dồn mọi nỗ lực tại diễn đàn này vào tiến trình của giai đoạn chuyển tiếp từ tình trạng chiến tranh đến hòa bình, công bình và có lợi cho tất cả.

Việc hoán chuyển từ thái độ đối nghịch sẽ đòi hỏi sự dè dặt và cố gắng không ngừng để tiến tới hiểu biết lẫn nhau. Những lời lẽ dài dòng và các quan niệm lỗi lời cần phải được sửa đổi trước những thực tế để cố gắng làm những việc cần thiết nhằm lập lại hòa bình.

Một vài lợi ích của cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh và được trông thấy rõ rồi. Việc thực hiện đầy đủ triển vọng của cuộc đàm phán tùy thuộc ở sự cố gắng, thái độ và ý chí của cả các bên.

Chúng tôi sẽ không từ chối làm các cố gắng trong cuộc đàm phán. Thái độ của chúng tôi sẽ luôn luôn đúng đắn và nghiêm chỉnh. Còn về ý chí của chúng tôi, tôi xin nhắc lại là không thể có một nghi ngờ nào về quyết tâm của Tổng thống Nixon tiến tới một giải pháp cho cuộc chiến tranh khả dĩ tạo được một nền hòa bình trong công bằng và hòa giải".

hòa bình vấn đề Việt Nam hiện nay hoàn toàn tùy thuộc ở Hoa Kỳ. Phát biểu của ông nêu rõ:

"Thưa các vị,

Mặc dầu dư luận rộng rãi trên thế giới đòi hỏi phía Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài của họ ở Việt Nam, hiện nay ở miền Nam Việt Nam, cuộc chiến tranh đó vẫn đang tiếp diễn ác liệt. Không quân Mỹ và Sài Gòn tiếp tục đánh phá dữ dội ở nhiều vùng. Riêng máy bay B52 vẫn hàng ngày tiến hành các cuộc ném bom rải thảm xuống nhiều vùng đông dân ngay sát Sài Gòn. Chính Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn đã trắng trợn khoe rằng, những cuộc ném bom mới đây của máy bay Mỹ ở miền Nam Việt Nam là mạnh nhứt từ hơn một tháng nay. Quân đội Sài Gòn đang mở nhiều cuộc hành quân lớn nhằm lấn chiếm những vùng giải phóng thuộc quyền kiểm soát của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, gây thêm tàn phá và chết chóc cho nhân dân.

Tại những vùng do họ kiểm soát, chánh quyền Sài Gòn vẫn thi hành chánh sách thủ tiêu các quyền tự do dân chủ của nhân dân, đàn áp những người đối lập và bất cứ ai nói đến hòa bình, hòa hợp dân tộc.

Tánh mạng của hàng chục vạn người bị giam giữ trong các nhà tù vẫn bị đe dọa nghiêm trọng vì chế độ lao tù khắc nghiệt và âm mưu thủ tiêu họ của nhà cầm quyền Sài Gòn.

Trong khi đó, những người cầm đầu chánh quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục nêu lên những đòi hỏi vô lý mà chúng tôi đã nhiều lần phê phán và bác bỏ vì những đòi hỏi đó chỉ làm trở ngại cho một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam.

"Hòa bình ngay ở Việt Nam" là đòi hỏi bức thiết của nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới. Chánh phủ Mỹ không thể làm ngơ mãi trước đòi hỏi bức thiết đó. Không những Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà còn phải từ bỏ chánh sách "Việt Nam hóa chiến

tranh", chấm dứt mọi sự can thiệp của họ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ và chánh quyền Sài Gòn phải chấm dứt ngay những cuộc ném bom và hành quân càn quét lấn chiếm, chấm dứt chánh sách đàn áp khủng bố, đặc biệt là chấm dứt ngược đãi tù chánh trị và phải trả ngay tự do cho họ. Họ phải ký ngay Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Tình hình thực tế ở Việt Nam trong hơn mười năm qua đã chứng tỏ rằng, chánh sách dùng võ lực của Mỹ đã không thể khuất phục được nhân dân Việt Nam và ngày càng bị dư luận rộng rãi trên thế giới nghiêm khắc lên án. Đã đến lúc Mỹ rút ra bài học đó, thương lượng nghiêm chỉnh để chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, chấm dứt mọi sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam và thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Cần phải thừa nhận thực tế hiển nhiên là ở miền Nam Việt Nam hiện nay có hai chánh quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chánh trị. Nếu phủ nhận thực tế đó thì chỉ càng làm cho chiến tranh kéo dài, sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam càng sâu thêm, và càng ngăn cản các bên ở miền Nam Việt Nam cùng nhau giải quyết các vấn đề nội bộ của mình.

Về phần mình, mặc dầu đã hy sinh và chiến đấu trong hàng chục năm nay vì độc lập tự do của đất nước, Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam không đòi phần hơn về mình mà trước sau vẫn chủ trương giải quyết vấn đề nội bộ miền Nam Việt Nam trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Chủ trương đó của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam hết sức phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam, kể cả nhiều người trong chánh quyền và quân đội Sài Gòn. Khăng khăng đi ngược lại nguyện vọng bức thiết đó của nhân dân thì dầu có biện bạch gì đi nữa chánh quyền Sài Gòn cũng bị nhân dân chống lại.

Thưa các vị,

Do ý đồ giải quyết vấn đề Việt Nam bằng chánh sách võ lực của phía Mỹ mà hiện nay mọi người có lương tri trên thế giới đang theo dõi với băn khoăn và lo lắng sự thành thật của Mỹ trong việc giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Liệu phía Mỹ đã sẵn sàng đáp ứng thiện chí và sự nghiêm chỉnh của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã chịu đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân toàn thế giới hay chưa? Chiến tranh hay hòa bình, hiện nay hoàn toàn tùy thuộc ở Mỹ"[1].

Phát biểu kết thúc phiên họp, cũng là kết thúc Hội nghị Paris về Việt Nam, Phó trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông Nguyễn Minh Vỹ, sau khi tổng kết lại quá trình đàm phán tại Paris, tỏ rõ sự hoan nghênh và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ông phát biểu:

"*Thưa quý vị,*

Mục đích Hội nghị bốn bên về Việt Nam tại Paris là tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam.

Không ngừng cố gắng vì mục đích đó, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã luôn luôn tỏ thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh, có nhiều sáng kiến quan trọng nhằm đi tới một giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ngược lại, Chính phủ Mỹ một mặt chủ trương thương lượng trên thế mạnh, mặt khác đã chọn con đường "Việt Nam hóa chiến tranh" là con đường kéo dài, leo thang và mở rộng chiến tranh, làm cho nước Mỹ mất thêm hàng vạn sinh mạng, hàng chục tỉ đô la, mà rốt cuộc vẫn không giải quyết được

1. Phát biểu của ông Đinh Bá Thi tại phiên họp thứ 174 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

vấn đề. Kinh nghiệm lịch sử, nhất là kinh nghiệm trong những ngày cuối tháng 12-1972 vừa qua, một lần nữa, đã chứng minh rằng bất cứ chiến lược và thủ đoạn chiến tranh nào, bất cứ chính sách vũ lực tàn bạo nào đều không thể khuất phục được nhân dân Việt Nam.

Việc Mỹ vi phạm cam kết tháng 10-1968, xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thả mìn phong tỏa các cảng, ném bom trở lại toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam, nhất là ném bom hủy diệt nhiều khu đông dân ở Hà Nội và Hải Phòng, là hành động hoàn toàn trái với pháp lý và đạo lý. Nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới đòi hỏi Mỹ không những chỉ ngừng mà phải chấm dứt hoàn toàn vĩnh viễn những hành động đó.

Chúng tôi nhấn mạnh: để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam, Mỹ hãy chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt mọi hành động nhằm tăng cường lực lượng và yểm trợ cho quân đội Sài Gòn; chính quyền Sài Gòn hãy chấm dứt ngay mọi cuộc hành quân càn quét lấn chiếm, mọi hành động khủng bố nhân dân và tù chính trị. Các bên hãy nhanh chóng ký "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" trên cơ sở tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Hòa bình là có lợi cho nhân dân Việt Nam, có lợi cho nhân dân Mỹ, có lợi cho tiến bộ xã hội chung trên thế giới.

Nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới qua những sự kiện đã xảy ra, quyết nâng cao cảnh giác và sẵn sàng hành động để ngăn chặn mọi sự tráo trở, ngăn chặn những bàn tay hiếu chiến.

Hòa bình trong độc lập, tự do nhất định sẽ thắng chiến tranh xâm lược"[1].

---

1. Phát biểu của ông Nguyễn Minh Vỹ tại phiên họp thứ 174 Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

Diễn văn của ông Đinh Bá Thi – đại diện phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại phiên họp cuối cùng của Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973[1]

BÀI PHÁT BIỂU CỦA ÔNG ĐINH BÁ THI,
Phó trưởng đoàn đại biểu Chánh phủ cách mạng lâm thời
Cộng hoà . miền Nam Việt Nam
tại phiên họp toàn thể lần thứ 174 Hội nghị Paris
về Việt Nam
(ngày 18 tháng 1 năm 1973)

Thưa các vị,

Mặc dầu dư luận rộng rãi trên thế giới đòi hỏi phía Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài của họ ở Việt Nam, hiện nay ở miền Nam Việt Nam, cuộc chiến tranh đó vẫn đang tiếp diễn ác liệt. Không quân Mỹ và Sàigòn tiếp tục đánh phá dữ dội ở nhiều vùng. Riêng máy bay B.52 vẫn hàng ngày tiến hành các cuộc ném bom rải thảm xuống nhiều vùng đông dân ngay sát Sàigòn. Chính bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sàigòn đã trắng trợn khoe rằng những cuộc ném bom mới đây của máy bay Mỹ ở miền Nam Việt Nam là mạnh nhứt từ hơn một tháng nay. Quân đội Sàigòn đang mở nhiều cuộc hành quân lớn nhằm lấn chiếm những vùng giải phóng thuộc quyền kiểm soát của Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, gây thêm tàn phá và chết chóc cho nhân dân.

Tại những vùng do họ kiểm soát, chánh quyền Sàigòn vẫn thi hành chánh sách thủ tiêu các quyền tự do dân chủ của nhân dân, đàn áp những người đối lập và bất cứ ai nói đến hoà bình, hoà hợp dân tộc.

Tánh mạng của hàng chục vạn người bị giam giữ trong các nhà tù vẫn bị đe dọa nghiêm trọng vì chế độ lao tù khắc nghiệt và âm mưu thủ tiêu họ của nhà cầm quyền Sàigòn.

Trong khi đó những người cầm đầu chánh quyền Sàigòn vẫn tiếp tục nêu lên những đòi hỏi vô lý mà chúng tôi đã nhiều lần phê phán và bác bỏ vì những đòi hỏi đó chỉ làm trở ngại cho một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam.

"Hoà bình ngay ở Việt Nam" là đòi hỏi bức thiết của nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới. Chánh phủ Mỹ không thể làm ngơ mãi trước đòi hỏi bức thiết đó. Không những Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà còn phải từ bỏ chánh sách "Việt Nam hoá" chiến tranh, chấm dứt mọi sự can thiệp của họ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ và chánh quyền Sàigòn phải chấm dứt ngay những cuộc ném bom và hành

1. Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

quân càn quét lấn chiếm, chấm dứt chánh sách đàn áp khủng bố, đặc biệt là chấm dứt ngược đãi tù chánh trị và phải trả ngay tự do cho họ. Họ phải ký ngay Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Tình hình thực tế ở Việt Nam trong hơn mười năm qua đã chứng tỏ rõ ràng rằng chánh sách dùng võ lực của Mỹ đã không thể khuất phục được nhân dân Việt Nam và ngày càng bị dư luận rộng rãi trên thế giới nghiêm khắc lên án. Đã đến lúc Mỹ rút ra bài học đó, thương lượng nghiêm chỉnh để chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, chấm dứt mọi sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam và thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Cần phải thừa nhận thực tế hiển nhiên là ở miền Nam Việt Nam hiện nay có hai chánh quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chánh trị. Nếu phủ nhận thực tế đó thì chỉ càng làm cho chiến tranh kéo dài, sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam càng sâu thêm, và càng ngăn cản các bên ở miền Nam Việt Nam cùng nhau giải quyết các vấn đề nội bộ của mình.

Về phần mình, mặc dầu đã hy sinh và chiến đấu trong hàng chục năm nay vì độc lập tự do của đất nước, Mặt trận dân tộc giải phóng và Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam không đòi phần hơn về mình mà trước sau vẫn chủ trương giải quyết vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc. Chủ trương đó của Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam hết sức phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam kể cả nhiều người trong chánh quyền và quân đội Sàigòn. Khăng khăng đi ngược lại nguyện vọng bức thiết đó của nhân dân thì dầu có biện bạch gì đi nữa chánh quyền Sàigòn cũng bị nhân dân chống lại.

Thưa các vị,

Do ý đồ giải quyết vấn đề Việt Nam bằng chánh sách võ lực của phía Mỹ mà hiện nay mọi người có lương tri trên thế giới đang theo dõi với băn khoăn và lo lắng sự thành thật của Mỹ trong việc giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam. Liệu phía Mỹ đã sẵn sàng đáp ứng thiện chí và sự nghiêm chỉnh của Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Chánh phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đã chịu đáp ứng nguyện vọng hoà bình của nhân dân toàn thế giới hay chưa ? Chiến tranh hay hoà bình, hiện nay hoàn toàn tùy thuộc ở Mỹ /

Phát biểu của ông Nguyễn Minh Vỹ – đại diện phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại phiên họp cuối cùng của Hội nghị Paris về Việt Nam ngày 18-1-1973[1]

BÀI PHÁT BIỂU

của ông NGUYỄN MINH VỸ, thay mặt Đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại phiên họp toàn thể lần thứ 174 của Hội nghị Pa-ri về Việt Nam (ngày 18-1-1973)

Thưa các vị,

Mục đích Hội nghị bốn bên về Việt Nam tại Pa-ri là tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam.

Không ngừng cố gắng vì mục đích đó, Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã luôn luôn tỏ thiện chí và thái độ nghiêm chỉnh, có nhiều sáng kiến quan trọng nhằm đi tới một giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ngược lại, chính phủ Mỹ một mặt chủ trương thương lượng trên thế mạnh, mặt khác đã chọn con đường "Việt Nam hóa" chiến tranh là con đường kéo dài, leo thang và mở rộng chiến tranh, làm cho nước Mỹ mất thêm hàng vạn sinh mạng, hàng chục tỉ đô-la, mà rốt cuộc vẫn không giải quyết được vấn đề. Kinh nghiệm lịch sử, nhất là kinh nghiệm trong những ngày cuối tháng 12/1972 vừa qua, một lần nữa, đã chứng minh rằng bất cứ chiến lược và thủ đoạn chiến tranh nào, bất cứ chính sách vũ lực tàn bạo nào đều không thể khuất phục được nhân dân Việt Nam.

Việc Mỹ vi phạm cam kết tháng 10/1968, xâm phạm chủ quyền và an ninh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, thả mìn phong tỏa các cảng, ném bom trở lại toàn bộ lãnh thổ miền Bắc Việt Nam, nhất là ném bom hủy diệt nhiều khu đông dân ở Hà Nội và Hải Phòng, là hành động hoàn toàn trái với pháp lý và đạo lý. Nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới đòi hỏi Mỹ không những chỉ ngừng mà phải chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn những hành động đó.

1. Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

- 2 -

Chúng tôi nhấn mạnh : Để giải quyết hòa bình van đề Việt Nam, Mỹ hãy chấm dứt hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt mọi hành động nhằm tăng cường lực lượng và yểm trợ cho quân đội Sài Gòn; chính quyền Sài Gòn hãy chấm dứt ngay mọi cuộc hành quân càn quét lấn chiếm, mọi hành động khủng bố nhân dân và tù chính trị. Các bên hãy nhanh chóng ký "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" trên cơ sở tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Hòa bình là có lợi cho nhân dân Việt Nam, có lợi cho nhân dân Mỹ, có lợi cho tiến bộ xã hội chung trên thế giới.

Nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới qua những sự kiện đã xảy ra, quyết nâng cao cảnh giác và sẵn sàng hành động để ngăn chặn mọi sự tráo trở, ngăn chặn những bàn tay hiếu chiến.

Hòa bình trong độc lập, tự do nhất định sẽ thắng chiến tranh xâm lược.

Đến đây, Hội nghị Paris về Việt Nam, sau 4 năm và hơn 8 tháng, gồm 2 phiên họp về thủ tục (phiên họp ngày 10-5-1968 và phiên họp ngày 18-1-1969), 202 phiên họp chính thức (28 phiên họp hai bên giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 174 phiên họp bốn bên), đã kết thúc với kết quả các bên thống nhất đi đến ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 20-1-1973, Nguyễn Văn Thiệu cử Vĩnh Lộc - Trung tướng, cầm đầu phái đoàn quân sự Sài Gòn đi Paris. Ngày 21-1-1973, Trần Văn Lắm - Tổng trưởng Ngoại giao chính quyền Sài Gòn "hấp tấp" bay tới Paris[1], chuẩn bị ký kết Hiệp định.

Ngày 23-1-1973, tại cuộc mật đàm thứ 24 - cuộc mật đàm cuối cùng của tiến trình đàm phán về Việt Nam giữa Cố vấn Lê Đức Thọ và Tiến sĩ Henry Kissinger, kéo dài gần 3 năm từ tháng 2-1970, hai bên đã hoàn thành và cùng ký tắt vào bản văn Hiệp định.

11 giờ (giờ Paris), ngày 27-1-1973, tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, Đại lộ Kleber, Paris, đại diện bốn bên, gồm: Bộ trưởng Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Duy Trinh; Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình; Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ William P. Rogers và Trần Văn Lắm - Tổng trưởng Ngoại giao chính quyền Sài Gòn, cùng ký kết vào Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, trước sự đón chào của hàng vạn người yêu chuộng hòa bình trên thế giới.



1. Tài liệu của Việt Nam Cộng hòa về Hội đàm Ba Lê, Hồ sơ 1230, ĐIICH, TTLTII.

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết có ý nghĩa lịch sử to lớn, tạo ra bước ngoặt quan trọng trong tiến trình lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Đó là một tiến trình đấu tranh gay go và phức tạp trên lĩnh vực ngoại giao, mà phía Hoa Kỳ đã phải thay tới bốn trưởng phái đoàn đàm phán, từ Averell Harriman, Henry Cabot Lodge, David Bruce đến William J. Porter.

Qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn về diễn trình đàm phán đi đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và những diễn tiến trên chiến trường miền Nam Việt Nam, cũng như những diễn tiến chính trị ở Hoa Kỳ, Việt Nam và thế giới giai đoạn 1968-1973, có thể khẳng định, Hội nghị Paris về Việt Nam là một phương thức tiến hành và kết thúc chiến tranh, chịu sự chi phối của các hoạt động chiến tranh khác, trong đó yếu tố quân sự giữ một vai trò quan trọng, có tính quyết định đến thành bại của cuộc đàm phán.

Tính chất quyết định của yếu tố quân sự thể hiện vai trò xuyên suốt trong diễn trình cuộc đàm phán, từ khi khai diễn cho đến khi ký kết, thể hiện trên hai nội dung:

1. Các nhân tố của cuộc chiến tranh đưa đến giải pháp đàm phán

Năm 1965, để cứu vãn thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt, Chính phủ Hoa Kỳ đưa quân viễn chinh trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ tin tưởng rằng, với sức mạnh của đạo quân chưa từng thất bại đến thời điểm đó, Hoa Kỳ sẽ giành lại thế chủ động trên chiến trường và từ nửa cuối năm 1966 sẽ đi vào bình định kết thúc chiến tranh.

Tuy nhiên, qua hai mùa khô (1965-1966, 1966-1967), thực hiện phản công với cường độ lớn, tình hình miền Nam ngày càng căng thẳng với Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn. Tin thắng lợi liên tiếp của Quân Giải phóng ở Núi Thành, Ba Gia, Bình Giã,... đánh một

đòn nặng nề vào chiến thuật "tìm diệt và bình định". Tổn thất ngày càng lớn của đạo quân viễn chinh, khiến dư luận Hoa Kỳ trở nên sôi sục. Để trấn an dư luận, ở Washington, chính quyền Johnson quyết định triển khai mặt trận mới trên lĩnh vực ngoại giao. Tháng 1-1967, Tổng thống Johnson tuyên bố: "*Hoa Kỳ sẵn sàng đi bất cứ nơi nào vào bất cứ lúc nào để gặp gỡ miền Bắc bàn định hòa bình*"[1]. Nhưng quân viễn chinh Mỹ tiếp tục được đưa sang Việt Nam. Tại miền Nam Việt Nam, liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa huy động tối đa tiềm lực quân sự vào chiến lược "tìm diệt" và "bình định". Nhưng cũng như mùa khô trước, kết thúc năm 1967, các mục tiêu cơ bản của chiến lược "tìm diệt" và "bình định" của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn không đạt được, ngược lại, ngày càng sa lầy và gặp tổn thất nặng nề.

Trong khi đó, cuối năm 1967, từ thực tiễn chiến trường, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng tiến công và nổi dậy, đánh thẳng vào trung tâm đầu não của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở các đô thị trên toàn miền Nam. Đúng vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân năm 1968, Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đồng loạt tiến công các cơ sở của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở hầu khắp các thành thị của miền Nam Việt Nam.

Dư luận Mỹ, cũng như thế giới bừng tỉnh trước cuộc tổng tiến công bất ngờ của Quân Giải phóng. Làn sóng phản đối chiến tranh bùng nổ mạnh mẽ, được ví như một cuộc chiến tranh ngay trong lòng nước Mỹ. Vị thế của nước Mỹ trên chính trường thế giới cũng bị ảnh hưởng sâu sắc. Lần đầu tiên một tòa án quốc tế được triệu

1. Tài liệu của Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về lịch trình tiến triển Hội nghị sơ bộ Mỹ – Bắc Việt tại Ba Lê năm 1968, Hồ sơ 864, ĐIICH, TTLTII..

tập để xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Không còn giải pháp nào khác, chính quyền Johnson buộc phải đi đến giải pháp đàm phán với đối phương để xoa dịu dư luận. Ngày 31-3-1968, Chính phủ Hoa Kỳ đơn phương quyết định đình chỉ 30 ngày mọi cuộc ném bom hoặc bắn phá lãnh thổ miền Bắc kể từ vĩ tuyến 20 trở ra. Đồng thời, Tổng thống Hoa Kỳ Johnson chỉ định Averell Harriman và Liewellyn Thompson đại diện cho Hoa Kỳ để gặp gỡ phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuy nhiên, không muốn ngồi vào đàm phán trong tình thế bất lợi, trong suốt một tháng sau đó, Chính phủ Hoa Kỳ ra sức trì hoãn cuộc tiếp xúc chính thức giữa hai bên. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động quân sự trên chiến trường miền Nam Việt Nam để giải tỏa áp lực của Quân Giải phóng. Nhưng ngày 3-5-1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố chọn Paris làm địa điểm và chọn ngày 10-5-1968 là ngày họp chính thức đầu tiên cho cuộc Hội đàm về vấn đề hòa bình ở Việt Nam[1], đã đặt Chính phủ Hoa Kỳ vào thế bị động. Ngày 3-5-1968 (giờ Hoa Kỳ), Tổng thống Johnson buộc phải tuyên bố chấp nhận những đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Như vậy, những tổn thất nặng nề về nhân vật lực của Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh mà thắng lợi ngày càng xa vời khiến dư luận Hoa Kỳ công phẫn, đòi chính quyền Johnson tìm kiếm giải pháp rút ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam. Trước đòi hỏi đó, Chính phủ Hoa Kỳ buộc phải tìm đến giải pháp đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

---

1. Tài liệu của Phủ Đặc ủy trung ương tình báo Việt Nam Cộng hòa, Bản kiểm thính tin đài Hà Nội ngày 3-5-1968 lúc 19 giờ 15 đến 20 giờ về tuyên bố của Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề hội đàm giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ, Hồ sơ 865, ĐIICH, TTLTII.

2. Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam – thế trận đánh và đàm

Ngày 10-5-1968, hai phái đoàn Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có cuộc tiếp xúc đầu tiên để ấn định thủ tục cho đàm phán. Ngày 13-5-1968, phiên họp thứ nhất của Hội nghị đàm phán về chấm dứt chiến tranh Việt Nam chính thức diễn ra, đã đón nhận sự hoan nghênh của dư luận yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Họ cũng tin tưởng rằng một hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam sẽ nhanh chóng được ký kết. Vì, vấn đề cơ bản để giải quyết cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã rất rõ ràng. Đó là, Hoa Kỳ phải rút quân về nước, tôn trọng và cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và thống nhất lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Song, Hội nghị Paris về Việt Nam đã trở thành hội nghị quốc tế dài nhất trong lịch sử đàm phán quốc tế về chiến tranh. Một cuộc đàm phán kéo dài 4 năm 8 tháng với 202 phiên họp chính thức và 52 phiên họp kín, bí mật, mà ở đó diễn ra sự giằng co trên cả bàn đàm phán và trên chiến trường, theo các giai đoạn khác nhau của chiến tranh:

1. Giai đoạn đàm phán giữa hai bên Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong giai đoạn này, lập trường của Mỹ là: cần có sự tham gia của phái đoàn Sài Gòn; Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không vi phạm khu phi quân sự, không dính líu quân sự ở miền Nam Việt Nam. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối những đòi hỏi đó và đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom; yêu cầu chấp nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia Hội đàm.

Tuy nhiên, phải mất 6 tháng với 28 phiên họp chính thức, hai bên mới đi đến thống nhất. Và nhân tố đưa đến sự thống nhất đó vẫn chủ yếu là sự chuyển biến về quân sự trên chiến trường miền Nam Việt Nam.

Sau hai đợt đầu của cuộc Tổng tiến công của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968, tại miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ tìm mọi cách tăng cường sức mạnh quân sự hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Nhưng đến nửa cuối năm 1968, Quân Giải phóng tiếp tục thực hiện đợt 3 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy, đã bồi thêm một đòn vào chính sách "cây gậy" của Hoa Kỳ. Cuộc tổng tiến công đã làm dư luận Hoa Kỳ thấy rằng việc đưa quân tham chiến với nỗ lực cao đã làm căng thẳng trong xã hội Hoa Kỳ, phúc lợi giảm sút, gây nhiều hệ luỵ xấu cho xã hội... mà vẫn không dứt điểm được quân đội đối phương, và trong tương lai chiến tranh không biết đến bao giờ kết thúc[1]. Điều này đưa đến kết luận là Hoa Kỳ không thể thắng được trong cuộc chiến này. Các chính trị gia trong Quốc hội Hoa Kỳ gây sức ép lên Chính phủ đòi xem xét lại cam kết chiến tranh, đòi huỷ bỏ ủy quyền cho Chính phủ tiến hành chiến tranh không cần phê chuẩn, thúc ép giải quyết chiến tranh bằng thương lượng[2].

Từ thúc ép đó, đòi hỏi Tổng thống Johnson phải tuyên bố: *"Chấm dứt mọi việc ném bom bằng không quân, hải quân và bắn phá bằng pháo binh chống miền Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 1-11-1968"*, bất chấp sự phản đối của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu.

2. Giai đoạn bế tắc: đây là giai đoạn dài nhất của cuộc đàm phán về Việt Nam, kéo dài từ tháng 1 năm 1969 đến đầu năm 1972. Trong giai đoạn này, bốn bên tham gia hội nghị tập trung đàm phán hai vấn đề mà tất cả hai phe đều gọi là "vấn đề then chốt". Đó là việc rút

---

1. Vũ Dương Ninh (chủ biên): *Sách giáo khoa Lịch Sử Việt Nam 12*, Chương "Tình hình cách mạng Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1968-1972", Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.

2. Oberdorfer, Don, Tet!: The Turning Point in the Vietnam War. Baltimore: The Johns Hopkins University Press, 1971.

quân ngoại nhập và việc tìm một giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam.

Về vấn đề rút quân: Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rút hết bộ đội, cán bộ và lực lượng ra khỏi miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia đồng thời với việc Hoa Kỳ và các nước đồng minh khác rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam kiên quyết giữ vững lập trường: người Việt có quyền chiến đấu tại bất cứ nơi nào trong lãnh thổ Việt Nam, yêu cầu Hoa Kỳ phải đơn phương triệt thoái vô điều kiện quân đội Hoa Kỳ và các nước ngoài khác thuộc phe Hoa Kỳ khỏi miền Nam Việt Nam.

Về vấn đề tìm một giải pháp chính trị cho miền Nam Việt Nam: Lập trường của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn là đòi duy trì chế độ Sài Gòn, không thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (Từ tháng 6-1969 là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) và tiến hành một cuộc bầu cử dưới sự kiểm soát và do chính quyền Thiệu tổ chức. Lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận là đòi thay thế chính phủ hiện hữu bằng một nội các hòa bình, tiến hành tổng tuyển cử tự do, thành lập một chính phủ liên hiệp, tán thành hòa bình, trung lập, hòa hợp và hòa giải dân tộc để đi đến thống nhất Việt Nam.

Cùng với thái độ cứng rắn của các bên trên bàn đàm phán, tại chiến trường miền Nam Việt Nam cũng diễn ra thế trận giằng co. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, mặc dù Quân Giải phóng bị tổn thất và bị đẩy lùi vào các khu vực rừng núi, sát biên giới với Campuchia, Lào; liên quân Hoa Kỳ – Việt Nam Cộng hòa tạm thời có thế chủ động trên chiến trường. Nhưng Quân Giải phóng mau chóng củng cố lại lực lượng và ngày càng lớn mạnh về tổ chức, cũng như vị thế trên chính trường thế giới. Tháng 6-1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt

Nam ra đời, là đại diện hợp pháp của nhân dân Việt Nam yêu nước chống xâm lược Mỹ. Trước tình hình đó, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn quyết tâm sử dụng sức mạnh quân sự, tiêu diệt bằng được quân chủ lực và cơ quan đầu não Quân Giải phóng, bằng việc mở rộng chiến tranh sang biên giới Campuchia và Lào. Đồng thời, tái diễn cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam bằng không quân và hải quân. Trên bàn đàm phán, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn lảng tránh thảo luận các vấn đề căn bản, nhằm trì hoãn thương lượng đi đến kết thúc chiến tranh.

Với thái độ trì hoãn của Hoa Kỳ, tính đến cuối năm 1971, Hội đàm Paris về Việt Nam đã họp tất cả 138 phiên họp bốn bên, nhưng chưa đạt được kết quả cụ thể nào.

3. Giai đoạn đàm phán thực chất. Kết thúc năm 1971, nhận thấy thái độ trì hoãn của Hoa Kỳ thông qua việc chỉ muốn giải quyết vấn đề quân sự, lấy lại tù binh, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quyết định ngưng Hội nghị Paris về Việt Nam và tiến hành cuộc phản công chiến lược Xuân – Hè 1972, tạo thế buộc Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn phải nghiêm chỉnh đàm phán.

Cuộc tấn công chiến lược Xuân – Hè năm 1972 nhanh chóng phát huy hiệu quả, từ tháng 7-1972, cuộc đàm phán bắt đầu đi vào thực chất. Tháng 8-1972, sự tiến triển của cuộc đàm phán về Việt Nam tại Paris còn được thúc đẩy bởi cuộc vận động bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ. Và đến tháng 10-1972, khi cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ đang cận kề, các vấn đề cơ bản để giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam đã được các bên thống nhất. Ngày 8-10-1972, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa cho phái đoàn Hoa Kỳ dự thảo *"Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam"* và hai bên thảo luận cụ thể từng điều khoản. Sau 5 ngày thảo luận, ngày 12-10-1972, bản dự thảo Hiệp định gồm 9 điểm được hình thành. Đến ngày ngày 20-10-

1972, các bên đã hoàn toàn thống nhất về lịch trình ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

4. Giai đoạn ký kết. Đầu tháng 11-1972, Nixon lấy lý do Nguyễn Văn Thiệu phản đối ký kết, đã gửi thông điệp cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thông báo việc ký kết vào ngày 31-10-1972 là không thể được.

Ngày 18-12-1972, Tổng thống Hoa Kỳ Nixon cho máy bay chiến lược B.52 ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã ở miền Bắc Việt Nam, âm mưu hủy diệt hậu phương lớn cho công cuộc cách mạng ở miền Nam Việt Nam sau khi có ngừng bắn. Nhưng đến ngày 30-12-1972, không "khuất phục" được quân dân Việt Nam và bị thiệt hại nặng nề, đồng thời bị dư luận quốc tế và trong nước phản đối mạnh mẽ, Chính phủ Hoa Kỳ buộc phải chấm dứt ném bom quay lại đàm phán và đồng ý ký kết Hiệp định Paris theo phương án đã được hai bên thống nhất vào tháng 10-1972. Ngày 27-1-1973, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của bốn bên chính thức ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và 4 Nghị định thư liên quan.

Nhìn chung, chỉ là một giai đoạn rất ngắn (chưa đầy 3 tháng) nhưng giai đoạn này đã thể hiện khá rõ tính chất *"đánh và đàm"* trong lịch sử cuộc đàm phán tại Paris về Việt Nam. Giai đoạn này, lần đầu tiên dư luận thế giới thấy được một sự phá bỏ trắng trợn những cam kết trong đàm phán quốc tế của Hoa Kỳ. Và đây cũng là giai đoạn thể hiện rõ ràng nhất vai trò của quân sự đối với đàm phán. Việc ký kết Hiệp định chấm dứt chiến tranh chỉ có thể được thực hiện sau chiến dịch tàn phá đối phương với quy mô và cường độ chưa từng có của Hoa Kỳ bị thất bại nặng nề.

Mặc dù Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, nhưng do cuộc đàm phán là một phương thức tiến hành cuộc chiến tranh, nên kết quả của nó cũng giống

như kết thúc một chiến dịch trên chiến trường, chỉ có thể có tác động làm thay đổi thế và lực của các bên tham chiến, mà chưa thể mang lại hòa bình bền vững cho Việt Nam. Và thực tế, giai đoạn sau khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết (1973-1975), dân tộc Việt Nam đã phải tiếp tục giương cao ngọn cờ cách mạng, tiến lên đánh đổ chế độ Sài Gòn, gạt bỏ những cản trở trên con đường thi hành Hiệp định hòa bình ấy để tiến tới một nền hòa bình thật sự – độc lập, tự do và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

Biên tập	:	Nguyễn Đức Bình ThS. Nguyễn Hữu Khoa
Sửa bản thảo	:	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Phạm Thị Đát ThS. Nguyễn Anh Thư
Trình bày bìa	:	Mai Quế Vũ
Kỹ thuật	:	Mỹ Ngọc
Sửa bản in	:	Nguyễn Hữu Khoa
Đọc sách mẫu	:	Nguyễn Hữu Khoa

In 1.100 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In Báo Nhân dân. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1073-2012/ CXB/45-24/CTQG. Quyết định xuất bản số: 2478-QĐ/ NXBCTQG ngày 11 tháng 12 năm 2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2012.

HIỆP ĐỊNH PARIS

VỀ VIỆT NAM NĂM 1973

QUA TÀI LIỆU CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN



Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở nghiên cứu, tuyển chọn và hệ thống hóa từ nguồn tài liệu của các bên tham gia hội đàm được lưu trữ bởi các cơ quan đầu não chính quyền Sài Gòn, bao gồm những tuyên bố, báo cáo, sắc lệnh, nghị định... Qua đó giúp độc giả tiếp cận nguồn sử liệu gốc, đồng thời hiểu một cách khách quan và toàn diện hơn diễn tiến của quá trình đàm phán tại Paris về Việt Nam (giai đoạn 1968-1973).



